

Soạn giả: ĐẶNG ĐOÀN BẰNG

Tu định giả: PHAN THỊ HÂN

VIỆT NAM NCHĨA LIỆT SỬ

TÔN QUANG PHIỆT

dịch và chú thích

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA
CỤC XUẤT BẢN — BỘ VĂN HÓA

LỜI NGƯỜI DỊCH

Căn cứ vào bài tựa cũ (nguyên tự) thứ nhất ký tên Đặng đoàn Bằng của quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» thì quyển này viết ra từ năm Bính-thìn sau tết đoàn ngọ (mồng năm tháng năm âm lịch) tức vào khoảng tháng sáu năm 1916. Đặng đoàn Bằng tác giả bài tựa ấy mà cũng là tác giả quyển sách là ai? Theo Bùi ngọc Thành, người đã xuất dương từ năm 1913 đến khi Cách mạng tháng Tám thành công mới về nước và hiện làm cán bộ trường Nguyễn ái Quốc, thì Đặng đoàn Bằng tức là Đặng tử Mẫn, người làng Hành-thiện, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam định. Bùi ngọc Thành nói là ông đã ở chung với Đặng tử Mẫn, tức Đặng đoàn Bằng trong một thời gian.

Đặng tử Mẫn, theo «*Phan bội Châu niên biểu*», là một người rất có tâm huyết trong đoàn học sinh Việt-nam xuất dương du học. Lúc ở Nhật, vì thiếu tiền ăn học, Đặng đã phải đi làm thuê mà theo học trong nửa năm. Khi bị Nhật trục xuất thì Đặng lại trở về Trung-hoa đi lại các nơi Hương-cảng, Vân-nam và Lưỡng-quảng, giao thiệp với các đảng viên cách mạng Trung-hoa và một số đầu sỏ trong đám lực lâm. Đến đâu ông cũng có thể dung hòa được với những người xung quanh mình. Đã nhiều lần, Đặng tử Mẫn mưu tính việc bạo động ở biên giới Việt-nam, tuy bị thất bại luôn luôn mà vẫn vững chí bền gan không bao giờ chán nản. Khi ở Hương-cảng chế thứ thuốc nổ không có khói và chế tạc đạn, đã bị thuốc bùng nổ suýt nguy đến tính mạng, nhưng may sau chỉ cụt mất ba ngón tay bên phải mà thôi. Có một lần Đặng đã vận chuyển quân khí ở Hương-cảng bị cảnh sát Anh bắt và bị sáu tháng tù. Đặng lại thường đi lại ở biên giới Xiêm — Lào định vào Trung-kỳ khởi sự. Nhưng lúc ấy bọn mật thám của Pháp khá nhiều mà kiều bào ta ở Xiêm thế lực còn non nớt nên không thành được việc gì cả. Đặng đã ăn ở chung nhiều với Phan bội Châu trên đất

Xiêm hoặc trên đất Trung-hoa, đã cùng nhau chịu đựng gian khổ mà không bao giờ có vẻ buồn rầu cả. Phan-bội-Châu nói về Đặng tử Mẫn đại để như thế.

Bùi-ngọc-Thành cho biết thêm: Đặng-tử-Mẫn hoạt động nhiều ở biên giới Hoa — Việt hay Xiêm — Lào, nên bọn Pháp rất đề ý. Chúng đã liên lạc với bọn quân phiệt Trung-hoa để bắt Đặng tử Mẫn. Nhiều lần Đặng bị bắt theo yêu cầu của Pháp, nhưng vì quen biết nhiều, nên nhờ sự can thiệp của một số bạn Trung-hoa mà lại được tha. Sau vụ Phạm hồng Thái (1924) Đặng định đi Nga nhưng không hiểu vì cớ gì còn chần chừ ở Nam-ninh (Quảng-tây). Một bọn thổ phỉ nhận tiền thuê của Pháp đã bắn chết Đặng-tử-Mẫn rồi chặt tay nộp cho Pháp, vì tay Đặng cụt ba ngón, Pháp có thể nhìn nhận được.

Qua các tài liệu trên thì Đặng tử Mẫn, đã hoạt động lâu, đã đi lại nhiều nơi, quen biết nhiều người, mà lại sống lại sau đề có thể viết quyển sách « *Việt-nam nghĩa liệt sử* ».

Tiếp sau bài tựa cũ thứ nhất, có bài tựa cũ thứ hai, tác giả là Trần quốc Duy, đề ngày tháng giêng năm Đinh ty, tức vào khoảng tháng hai năm 1917. Trần quốc Duy là ai? Tên này chúng tôi chưa thấy ở đâu cả. Có người nói đó tức là một tên Phan bội Châu đặt ra, chứ các đối liên hay thơ đề tên Trần quốc Duy đều là của Phan bội Châu; thế thì bài tựa cũng là của Phan bội Châu. Chúng tôi thấy cái kết luận này không ổn. Theo thời gian thì tháng hai năm Đinh ty (vào khoảng tháng ba năm 1917) Phan mới được ra khỏi nhà tù Quan-âm ở Quảng-đông, mà bài tựa lại đề tháng giêng năm Đinh ty; như thế thì Trần quốc Duy không thể là Phan-bội-Châu được. Cũng không có cớ gì cần thiết để Phan phải đổi cả tên họ, cả thời gian như thế. Tên Trần quốc Duy có thể là tên đặt, nhưng là người đặt đó không phải là Phan-bội-Châu, thì các bài văn mang tên Trần quốc Duy cũng không phải văn của Phan bội Châu.

Dẫu sao, phần đóng góp của Phan bội Châu vào quyển « *Việt nam nghĩa liệt sử* » nhất định là nhiều, vì thực tế, Phan bội Châu là người nắm được tình hình lúc bấy giờ và hiểu biết các sự việc của các người tham gia hoạt động hơn ai hết. Sau đây là một ít chứng cứ:

Trong quyển *Phan bội Châu niên biểu*, khi nhắc lại việc Tăng bạt Hồ chết, Phan nói: « Sau này, tôi viết quyển « *Việt-nam*

nghĩa liệt sử» đem tiêu sử ông nêu lên trên hết là một việc đúng chứ không phải có tư vị gì».

Và khi nhắc lại việc Đỗ cơ Quang, Phan lại viết: «Việc này trong quyển *Việt-nam nghĩa liệt sử*», tôi cũng đã nói rõ... Xem các chỗ này thì chính Phan bội Châu là tác giả quyển sách. Lại trong một đoạn khác của quyển *Phan bội Châu niên biểu*» nói về những hoạt động trước tác của mình trong các năm Canh-thân và Tân-dậu (1920 — 1921) Phan có kể ra mấy tác phẩm, trong đó có quyển *Việt-nam nghĩa liệt sử*. Phan viết như sau: «Quyển này toàn là kỷ niệm các đồng bào đã phải chết vì việc nước trước tôi, những sự thực chính tôi được tai nghe mắt thấy, hay là nghe các đồng chí thuật lại, đều chép cả ở quyển này. Còn những người chưa đầy nắp quan tài thì tôi chưa chép là có ý chờ đợi». Điều này cũng chứng minh quyển *Việt-nam nghĩa liệt sử* chính là của Phan bội Châu.

Thế sao trong quyển sách *Việt-nam nghĩa liệt sử*» thì đầu bìa lại đề: «*Nam định Đặng đoàn Bằng trước*» và cuối sách lại đề: «*Trước giả Đặng đoàn Bằng — Tu định giả Phan thị Hán...*»?

Theo ý chúng tôi, quyển này là do nhiều người góp lại, trong đó Phan bội Châu đã góp phần nhiều và Đặng đoàn Bằng là người sắp xếp lại và bổ sung vào.

Chúng ta đã thấy Phan là người viết nhiều sách mà rất đề ý đến các liệt sĩ chết vì nước. Mỗi lúc có một đồng chí nào chết thì không bao giờ Phan quên việc viết tiêu sử người ấy — ví dụ như các quyển: *Kỷ niệm lục*, *Ngư-hải ông liệt truyện*, *Tiểu-la liệt truyện*, *Tái sinh sinh truyện* (chuyện Bùi chính Lộ)... Chắc rằng lúc Phan bị tù ở Quảng-đông (1914 — 1917) Đặng đoàn Bằng đã sưu tầm lại các tài liệu ấy và tìm thêm các tài liệu khác để bổ sung vào. Rồi sau Phan bội Châu ra tù lại tu chỉnh lại lần nữa. Bản sách in năm 1918 (Mậu-ngọ) tức là bản này.

Trong mục «Phạm lệ» đầu quyển sách có một tiết nói: «Sách này nguyên tên là *Hương huyết lục*» đã được Đặng đoàn Bằng tự tay góp lại làm thành, lại được Đinh nam⁽¹⁾ bổ nhuận ít nhiều, đổi lại tên này tương đối chính đáng, tức làm

(1) Tức Nguyễn thượng Hiền

theo». Bài «Phàm lệ» này sau đề là của người tu đính, mà người tu đính tức là Phan thị Hán, theo như sau quyền sách đã ghi rõ.

Như thế chúng ta có thể có ý kiến khá chính xác về các tác giả quyền sách «*Việt-nam nghĩa liệt sử*».

Ngoài hai bài tựa cũ nói trên, còn có hai bài tựa nữa: một bài của Cường đề đề ngày tháng giêng năm Mậu-ngọ; một bài của Nguyễn thượng Hiền đề ngày sóc (tức ngày mồng một) tháng giêng năm Mậu-ngọ nam lịch. Năm này cũng là năm quyền sách được xuất bản và tái bản. Không hiểu năm 1916 quyền sách đã xuất bản như thế nào?

Đầu quyền sách có đề năm, tháng xuất bản là:

«*Thành thái Mậu-ngọ hạ*»

Sau quyền sách lại có đề hai dòng như sau:

«*Thành thái Mậu-ngọ niên chính nguyệt lục nhật sơ bản.*

«*Thành thái Mậu-ngọ niên lục nguyệt nhị thập tứ nhật tái bản*».

Thế thì năm Mậu-ngọ (1918) quyền sách đã được xuất bản rồi lại tái bản trong khoảng sáu tháng (mồng 6 tháng giêng và 24 tháng sáu).

Năm Mậu-ngọ là năm 1918. Triều Thành thái đã hết từ năm 1907. Nay đã qua cả đời Duy Tân đến đời Khải Định rồi. Vì sao quyền sách lại đề niên hiệu Thành thái? Đây nhất định không phải là một sự lầm lẫn đâu. Tác giả há lại không biết năm Mậu-ngọ (1918) là thuộc niên hiệu Khải Định. Nhưng vì duyên cớ khác mà niên hiệu Thành Thái được dùng. Thành Thái là một ông vua có tư tưởng chống Pháp, và chính vì cớ ấy mà Pháp đã tìm cách bắt Thành Thái thoái vị rồi đưa đi đày. Người ta lại tương truyền lúc Cường Đề đi Nhật, Thành Thái có biết và có khuyến khích giúp đỡ. Vì thế các nhà ái quốc lúc đó có cảm tình với Thành Thái, cho nên đầu Thành Thái đã mất ngôi mà người ta vẫn giữ lại niên hiệu, chứ không chịu thừa nhận các vua sau, nhất là Khải Định, con Đồng Khánh thì người ta liệt vào hạng vua nịnh Tây và mọi người khinh bỉ. Sở dĩ quyền «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» mang niên hiệu Thành Thái chắc là vì thế.



Quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» viết hoàn toàn bằng chữ Hán theo lối văn xưa, dùng nhiều điển tích xưa. Quyền

mà chúng tôi có trong tay để dịch lại là quyển sách viết tay, sao qua nhiều bản sao khác, cho nên có một ít chỗ sai lầm, một ít chỗ để sót.

Lúc chúng tôi dịch chỉ cố gắng dịch thế nào cho người đọc có thể hiểu được những ý chính, chứ không có tham vọng tuyệt đối trung thành với nguyên văn. Những chỗ để sót, chúng tôi phải phỏng đoán và thêm vào, vì không thể làm thế nào hơn được. Để khi nào tìm được bản in, nếu chúng tôi có sai thì sẽ sửa lại. Cũng mong các bạn đọc, nếu thấy được chỗ sai lầm thiếu sót thì cho chúng tôi biết.

Phần khó khăn nhất mà chúng tôi gặp phải là phần dịch văn vần chữ Hán ra văn vần chữ Việt, như thơ đối liễn, từ... Về phần này cũng có một đôi chỗ sai lầm để sót như phần văn xuôi, chúng tôi cũng áp dụng cách dịch văn xuôi để dịch văn vần. Ngoài ra, mà chỗ này là khó khăn nhất, phải theo vần, theo luật chữ bằng, chữ trắc nữa. Chúng tôi cố gắng cứ dịch thế văn nào theo thể văn ấy: thơ ra thơ, phú ra phú... Bất đắc dĩ lắm mới phải dịch thơ bảy chữ ra thể lục bát, hay cũng dịch ra thơ bảy chữ mà đảo câu đi, cho câu dưới lên trên, câu trên xuống dưới, để có thể giữ đúng vần và luật bằng, trắc.

Trong các bài thơ tám câu, bảy chữ có hai bài thơ lại họa vần với nhau; nguyên văn đã là một vần thì bài dịch cũng phải một vần với nhau; do đó các chữ dùng không khỏi có chỗ gượng ép.

Trong những điều kiện như thế, phần dịch văn vần tự nhiên có nhiều thiếu sót hơn phần dịch văn xuôi.

Thế thì trong phần dịch văn vần, ngoài một số bài, một số câu dịch được đúng về hình thức lẫn nội dung, còn có một số bài một số câu mà chúng tôi chưa được thỏa mãn, nhưng cũng không có cách gì làm hơn được. Để bổ cứu các sai lầm, thiếu sót có thể phạm phải, chúng tôi phiên âm ra để các bạn đọc đối chiếu được và để vào phần sau cùng tất cả nguyên văn chữ Hán.



Quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* » viết vào khoảng 1916-1918, hay trước nữa, nghĩa là lúc mà Hội Việt-nam quang phục đã bị tan rã, các nhà cách mạng Việt-nam đang bị thực dân Pháp và chính phủ Nam triều truy nã ráo riết. Lúc đó có một số người trước tham gia các cuộc vận động hoặc có trực tiếp

hay gián tiếp giúp đỡ các nhà ái quốc nhưng nay đã về nhà sinh sống bằng cách này hay cách khác. Do đó, các tác giả, để tránh sự liên lụy đến các người ấy, đã không nói tên tuổi và sự việc ra một cách rõ ràng. Vì nếu địch biết được ai đã tham gia phong trào thì sẽ thẳng tay trừng trị người ấy.

Mặt khác, quyền sách viết ra và xuất bản ở trên đất Trung-hoa. Các nhà đương cục Trung-hoa, có một số sợ Pháp, không dám dung nạp cách mạng Việt-nam, có một số hòa với Pháp để trị cách mạng Việt-nam. Do đó mỗi lúc nói đến các nhà đương cục Trung-hoa, tác giả cần phải dè dặt để tránh những hành động báo thù. Chúng ta đều nhớ rằng khi các nhà ái quốc ta hoạt động trên đất Trung-hoa thì thực dân Pháp tìm đủ mọi cách mua chuộc bọn quân phiệt Trung-hoa để truy nã các nhà cách mạng ta. Đặc biệt sau các vụ ném bom ở Thái-bình và khách sạn Hà-nội (1913) thì thực dân Pháp ra sức giao thiệp với quan lại Trung-hoa ở các tỉnh Lương-quảng, Vân-nam... để truy nã các lãnh tụ cách mạng Việt-nam mà chúng cho là đã phạm tội giết người chứ không phải là can án chính trị nữa. Vì thế những người viết quyền «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» không có thể nói hết cả sự thực.

Vì các lẽ trên, về mặt tài liệu, quyền «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» bị hạn chế khá nhiều.



Quyền «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» về mặt các nhân vật hoạt động chống Pháp đầu thế kỷ thứ 20 là quyền sách tiêu biểu nhất của thời kỳ Phan bội Châu vì nó đã nói đến nhiều cuộc vận động ái quốc trong lúc ấy, tuy nói một cách rất sơ sài.

Trong thời kỳ ấy, phần lớn những người thanh niên tuấn tú đã tham gia hoạt động giết giặc cứu nước. Ra hoạt động trong những điều kiện khó khăn nguy hiểm, phần lớn các vị đã hy sinh, hoặc bị giặc giết, hoặc chết trong tù hoặc chết vì bệnh hay vì lẽ này lẽ khác. Tất cả các người chết như thế, mà đã thủy chung với cách mạng, tác giả đều liệt vào hạng nghĩa liệt. Ví dụ như các ông Trần quý Cáp, Nguyễn Đức Công... thì bị giặc bắt hành hình, các ông Đặng thái Thân, Lương ngọc Quyển... thì hoặc bị giặc vây không thoát được mà tự sát hoặc đương trường đánh với giặc mà hy sinh, các ông Trần đông Phong, Vũ-Quán... thì vì phần uất mà tự tử, các ông Đặng hữu Quý, Phạm đương Nhân... thì bị bệnh mà chết, các ông Nguyễn Hàm, Chu thư Đồng... thì lại chết trong

nhà ngục. Dầu chết bằng cách nào, tác giả cũng ghi chép lại trong quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» vì cách chết tuy không giống nhau, nhưng cái lòng yêu nước, căm thù địch, sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp cách mạng thì đều giống nhau cả.

Các người được nêu tên ra cả thấy có 50 vị. Ngoài ra có những cuộc vận động tập thể thì tác giả chép tên các cuộc vận động như: cuộc chống thuế ở Trung-kỳ, cuộc đầu độc ở trại lính Hà-nội, cuộc khởi nghĩa ở Móng-cáy.

Đây chỉ mới là một số nhỏ đồng bào hy sinh mà thôi. Trong quãng hơn 10 năm từ cuộc Đông du cho đến cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên, đồng bào ta chết vì nước rất nhiều, mà nhiều nhất là đám người không tên tuổi, không thể ghi chép hết được. Đó là chưa kể những người hy sinh trước và sau thời gian ấy.

Lại có nhiều người ở thời Phan bội Châu mà tên tuổi chúng ta rất quen thuộc, như Nguyễn thượng Hiền, Mai lão Bạng, Đặng thúc Hứa, Đặng tử Kính... mà lại không có tiểu sử ở trong quyển sách, đó là vì các người đó đang còn sống trong lúc viết sách này. Quyển sách chỉ chép các liệt sĩ, nghĩa sĩ trong khoảng hơn 10 năm, từ 1906 đến 1917 mà thôi, nghĩa là từ Tăng bát Hồ đã chết vào mùa thu năm 1906 đến Lương lập Nham đã chết vào mùa thu năm 1917. Những người được nêu ra phần lớn có dính líu đến phong trào Phan bội Châu. Còn các người khác trong các cuộc khởi nghĩa của Đề Thám, Đội Cấn, Duy Tân, Phan xích Long... đều không nói đến. Tiểu sử các người được nêu lên cũng chỉ sơ lược vì điều kiện thời gian và không gian đã không cho phép tác giả biết được nhiều hơn.

Thế thì quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» này cần được bổ sung: bổ sung vào các người đã được đề ra trong quyển sách, bổ sung thêm các người đã hoạt động thời ấy đã thủy chung với cách mạng và đã chết sau năm 1917 hoặc trước 1917 mà chưa được chép vào.

Tôi tưởng đó là một nhiệm vụ của các cán bộ nghiên cứu lịch sử cận đại nước nhà của chúng ta.

Mùa xuân năm Kỷ-hợi (2-1959)

TÔN QUANG PHIỆT

PHẠM LỆ

1. Quyền sách này, tác giả căn cứ vào chỗ nghe thấy được mà chép ra, nhiều điều chưa rõ, hoặc còn phải đề thiếu, đôi khi nào tra cứu được sẽ thêm vào, không dám bỏ sót, mong độc giả lượng xét cho.

2. Việc sắp thứ tự các bậc nghĩa liệt là do nhận được tin các vị chết trước hoặc sau mà đề vào không phải có ý phân biệt hơn kém, vì tác giả không dám có sự so sánh đó.

3. Tác phẩm này nguyên tên là «HƯƠNG HUYẾT LỤC» do ông Đặng Đoàn Bằng tự tay góp lại mà thành rồi ông Đình Nam có sửa chữa lại, mới đặt tên này, xem ra đúng hơn, nên đề theo tên này.

4. Quyền sách này vâng mệnh chữa lại chỉ năm tháng đã xong thiết chưa phải quyền sách đầy đủ, mong các độc giả trong nước ngoài nước, có người nào việc nào thêm vào chúng tôi sẽ rất hoan nghênh, mong các bạn chỉ giáo cho.

Người sửa chữa kính ghi

BÀI TỰA THỨ NHẤT

Nước ta từ Đinh tiên Hoàng gồm các quận Nhật-nam, Cửu-chân, Tượng-quận, Giao-chỉ làm nước Đại-cồ-Việt, tách rời nhà Bắc-Tống mà lập quốc, sử sách còn ghi lại rõ ràng; nền độc lập của ta đã là xưa lắm. Sau đó, nhà Trần, tiền Lê cho đến hậu Lê nhiều phen đánh Chiêm-thành, chiếm cả Lâm-ấp. Đến liệt thánh triều ta, mở rộng đất đai; từ Nam, Ngãi, Bình, Phú về Nam, thu cả thủy lục Chân-lạp⁽¹⁾ và một dải đất Ai-lao, về bờ cõi của ta cho đến ngày nay thành một nước lớn. Diện tích đến 27 vạn cây số vuông Anh, đất đai như thế há chẳng phải là rộng lắm ru? Nhân khẩu toàn quốc có hơn bốn ngàn năm trăm vạn, người như thế cũng là đông lắm. Thế mà nay đem các cơ nghiệp do tiên vương, tiên công gây dựng ra trong hàng ngàn năm, giao cho tộc loại khác ngồi nhìn họ chiếm cứ đất nước mà mình chịu làm nô lệ? Than ôi, đó là tội ai? đó là tội ai?

Tôi ngày đêm đau đớn, ruột gan như cắt, chỉ than tài hèn trí kém, sức chẳng theo lòng. Từ xuất dương đến nay, chưa được chút thành công gì. Đồng bào trong nước chỉ vì tin yêu tôi mà phải chịu liên lụy những gian khổ tai vạ; hơn 10 năm nay, trong nước ngoài nước nhiều kẻ bị chết trước. Tuy rằng các sĩ phu yêu nước, không phân nan gì việc dầu rơi máu chảy nhưng con người lìa nhà bỏ nước như tôi, ngoảnh trông bốn bề biết nói thế nào với người đã chết! Nhờ ơn phúc của trời, thiêng liêng của tổ tiên, nếm mật nằm gai, non sông còn đó, những mong khôi phục tổ quốc trong một ngày gần đây; có ngày thành Thăng-long mây tía, bể Cần-thơ sóng hồng, ngàng đầu nhìn chân trời thiêng liêng, rót máu quán thủ mà tế, đó là điều mà đêm ngày tôi mong ước. Cái chí xưa nay không phút nào dám quên. Nhân lúc ông Đặng đoàn Bàng làm xong quyền sử Việt-nam nghĩa liệt, tôi gọt nước mắt viết bài này, vào một ngày tháng giêng năm Mậu-ngọ⁽²⁾.

Vong nhân Việt-nam CƯỜNG ĐỀ viết

(1) Thủy Chân-lạp là Nam-bộ ngày nay. Lục Chân-lạp là Khơ-me ngày nay.

(2) 1918.

THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY

ASTOR LENOX TILDEN FOUNDATION
155 E. 42ND STREET, NEW YORK 17, N.Y.
The New York Public Library, Astor Lenox Tilden Foundation, is a non-profit corporation organized under the laws of the State of New York. It was founded in 1808 by John Jay, James DuRoi, and John Jacob Astor, and was reorganized in 1897 by the City of New York. The Library is a public institution and is open to all. It is the largest library in the world, with over 5 million volumes. The Library is a treasure house of knowledge and is a source of inspiration for all. It is a place where the mind can be free and where the soul can find peace. The Library is a place where the past meets the present and where the future is born. It is a place where the world is made whole and where the human race is made one. The Library is a place where the light of knowledge is always burning and where the fire of passion is always kindled. The Library is a place where the dream of a better world is always alive and where the hope of a brighter future is always shining. The Library is a place where the heart is always open and where the mind is always free. The Library is a place where the soul is always at home and where the spirit is always at ease. The Library is a place where the world is made whole and where the human race is made one. The Library is a place where the light of knowledge is always burning and where the fire of passion is always kindled. The Library is a place where the dream of a better world is always alive and where the hope of a brighter future is always shining. The Library is a place where the heart is always open and where the mind is always free. The Library is a place where the soul is always at home and where the spirit is always at ease.

1. The New York Public Library, Astor Lenox Tilden Foundation, is a non-profit corporation organized under the laws of the State of New York. It was founded in 1808 by John Jay, James DuRoi, and John Jacob Astor, and was reorganized in 1897 by the City of New York. The Library is a public institution and is open to all. It is the largest library in the world, with over 5 million volumes. The Library is a treasure house of knowledge and is a source of inspiration for all. It is a place where the mind can be free and where the soul can find peace. The Library is a place where the past meets the present and where the future is born. It is a place where the world is made whole and where the human race is made one. The Library is a place where the light of knowledge is always burning and where the fire of passion is always kindled. The Library is a place where the dream of a better world is always alive and where the hope of a brighter future is always shining. The Library is a place where the heart is always open and where the mind is always free. The Library is a place where the soul is always at home and where the spirit is always at ease.
2. The New York Public Library, Astor Lenox Tilden Foundation, is a non-profit corporation organized under the laws of the State of New York. It was founded in 1808 by John Jay, James DuRoi, and John Jacob Astor, and was reorganized in 1897 by the City of New York. The Library is a public institution and is open to all. It is the largest library in the world, with over 5 million volumes. The Library is a treasure house of knowledge and is a source of inspiration for all. It is a place where the mind can be free and where the soul can find peace. The Library is a place where the past meets the present and where the future is born. It is a place where the world is made whole and where the human race is made one. The Library is a place where the light of knowledge is always burning and where the fire of passion is always kindled. The Library is a place where the dream of a better world is always alive and where the hope of a brighter future is always shining. The Library is a place where the heart is always open and where the mind is always free. The Library is a place where the soul is always at home and where the spirit is always at ease.

BÀI TỰA THỨ HAI

Trên ngọn sông lớn biên khơi ngoài bảy muôn dặm, một mai con kinh llo con ngạc lớn mang chạy qua phía Đông ⁽¹⁾. Lấy non sông gấm vóc bốn ngàn năm của chúng ta, tộc loại rồng hồ ⁽²⁾ của chúng ta mà hạ xuống làm trâu làm ngựa. Gặp cảnh ngộ này, nếu có huyết tính, ai mà chịu nhieu mày gục trán để đội trời chung với bọn tàn tặc? Vì thế mà năm mươi năm nay, nhân dân chí sĩ nước ta hết trung với tổ quốc, thà chịu bỏ cái thân bảy thước trước gương giáo súng đạn mà không chút phàn nàn.

Tôi thường cho rằng lịch sử của những người chết vì nước của Việt-nam ta, trước sau có thể chia làm hai thời kỳ:

Từ người Pháp bắt đầu chiếm Sài-gòn, rồi cướp Bắc-kỳ đến ngày xâm phạm kinh đô chiếm toàn quốc, là thời kỳ thứ nhất; từ có nước đi đến chỗ diệt vong, như mặt trời còn mờ mờ rồi tối hẳn. Hết sức chống giặc lúc đó có các ông Nguyễn, Hoàng, Phan, Tống, Võ, Trương, ⁽³⁾ cùng các bậc tiền bối ở triều đình hoặc ở thôn dã.

Từ phong trào Đông-Á nổi dậy, nhân tâm sôi sục, quyết chí phục thù rửa thẹn. Từ năm Ất-tý ⁽⁴⁾ đến nay đã hơn 10 năm, đó là thời kỳ thứ hai. Nước đã mất rồi mà muốn gây dựng lại, vì như đêm tối mà trở lại sớm. Bỏ mình vì nước lúc đó có như các ông Sư triều, Nam thịnh, Hy mã ⁽⁵⁾ và các đồng chí Nam, Bắc gần đây. Chi liế của các tiền bối, quốc sử đã chép đủ rồi.

(1) Ý nói vượt bể đi Nhật-bản, kinh ngạc là giống vật dữ tồn ở dưới nước.

(2) Cổ sử chép chúng ta là con rồng cháu tiên, đây nói rồng hồ.

(3) Tức các ông: Nguyễn tri Phương, Hoàng Diệu, Phan đình Phùng, Tống Duy Tân, Võ hữu Lữ, Trương Định, là những người đã chết từ phong trào gần vương Hàm-nghi trở lên.

(4) Tức năm 1905 sa Nga—Nhật chiến tranh.

(5) Sư triều: Tăngạt Hồ. Nam thịnh: Tiểu La Nguyễn Hàm chết ở Côn-đảo; Hy-m—Phạm chu Chính lúc đó ở Pháp, nhưng ở Trung-hoa không biết rõn tức.

Còn sự việc của các đồng chí thì vì lưới của quân thù chưa phá được, chim cá còn phải ngăn cách nhau, nên tin tức nghe thấy khó đầy đủ. Nếu không hết sức tìm kiếm, sao mà biết hết sự thực để nêu tên tuổi người dĩ vãng mà khuyến khích người tương lai?

Vì thế mà quyển Việt-nam nghĩa liệt sử của ông Đặng đoàn Bằng được làm ra. Lẽ nào tôi lại dám lấy cớ mình kém mà từ chối không sửa chữa thêm bớt quyển sách này được.

Tôi sinh không gặp thời, lúc trẻ gặp vận dương-cửu⁽¹⁾, mắt đã trông thấy các liên bối giành nhau bị nạn nước nhà. Từ lòng tôi từ trước đã tự nguyện nếm mật nằm gai; lại đã lâu ngày cùng các đồng chí gánh chung trách nhiệm còn mất của nước nhà, vượt bể trèo non, trải đủ trăm gian khổ. Vì cái thân này thủy chung vốn cùng non sông đất nước vui buồn, vinh nhục có nhau.

Than ôi! Nước cũng như người, tinh nước không chết, cũng như linh thần người không suy; dầu có nguy ngập đến đâu cũng có hy vọng sống lại được. Các liên bối ta chết vì nước đã lâu rồi, các đồng chí ta lại cầm giáo mà dậy; các đồng chí ta chết vì nước đã nhiều rồi, các nhân sĩ chúng ta trong nước ngoài nước lại nổi gót mà liên lên, càng bị quẻ càng nổi dậy, càng dập tắt càng dỏ bùng lên, dầu người Pháp có tàn bạo đến đâu cũng không thể không sợ nhân tâm nước ta không chết, và nước chúng ta không thể mất mãi. Ngũ Viên không bị bắt, cung điện nhà Sở tất phải tan hoang, Trương Lương còn sống, xã tắc nhà Tần rút cục bị san phẳng. Chúng ta cần phải cố gắng, vận dụng cả trí lẫn dũng, nổi dậy từ gần đến xa, khôi phục đất nước, tiêu diệt quân thù, để rửa giận cho người đã chết, há chỉ xót thương than khóc, nghĩ đến nỗi nước nhà rơi lệ; há chỉ mượn bút mực ghi chép để lưu lại một tia ánh sáng trong khoảng giới đất này mà thôi ầu! Sử Việt-nam nghĩa liệt viết ra trước tức là sử Việt nam độc lập viết theo sau. Như thế nguyện vọng chúng ta mới được thỏa mãn, trách nhiệm chúng ta mới làm tròn.

Lịch Nam ngày mồng một tháng giêng
năm Mậu ngọ⁽²⁾

Hà-nội, NGUYỄN THƯỢNG HIỂN, hiệu ĐÌNH-NAM
viết ở lầu Nghinh-huân tại nước ngoài

(1) Dương cửu: diễn tích kinh kịch, nổi gặp buổi vận nước loạn lạc.

(2) 1918.

BÀI TỰA CŨ THỨ NHẤT

Quyền sử Việt-nam nghĩa liệt vì sao mà làm ra? Tôi thực cũng không thể biết được. Tôi chỉ cảm thấy muôn cay ngàn đắng, muôn đau ngàn sướng kích thích trong não tôi, tôi chỉ cảm thấy thần ngấm quỷ khóc, gió thét mưa gào, vang rầm bên tai tôi, tôi chỉ cảm thấy điện chớp sấm gầm, núi đi bể chạy, nhấp nhóang ở trong mắt tôi, buộc tôi phải nói, vì thế mà tôi nói ra.

Than ôi! Nước ta từ vào tay người Pháp, đến nay đã hơn 50 năm: các đồng bào tiền bối chúng ta, rơi đầu bỏ xác để chống giặc, thời nào cũng có, không kể hết được. Tôi sinh ra muộn không biết rõ hết nên đành đề thiếu. Phương chi các tác giả trước còn đó, tôi không dám nói thêm thêm nhảm. Nay tôi chỉ nói ra theo chỗ tai nghe mắt thấy. Hơn 10 năm lại đây, đồng chí chúng ta yêu nước ghét thù, bỏ nhà xuất dương, ở trong nước bị đau đớn, ra nước ngoài được kích thích, biết rằng văn minh là cái giá trị của giọt máu, cái chết là làm thang bậc cho cái sống. Mỗi lúc gió mưa gà gáy, anh em ngồi kể nhau, trò chuyện khuyến khích nhau hẹn hò lấy cái chết mà báo đền ơn nước. Thế rồi chia đường tiến bước, có người đánh giặc mà chết, có người mao hiểm mà chết, có người lo giận mà chết, có người học tập kiệt sức mà chết, có người chết để thực hiện chí mình, cách chết tuy khác nhau, nhưng mục đích chết là một. Ôi! Người chết đã đành rồi, những người sống thì phải thế nào? Kế theo người chết mà cũng là chết, người đã chết đâu có muốn như thế, phụ lòng người chết mà chỉ sống thừa, người sống đâu nở làm như thế. Canh khuya đêm vắng, mưa thấm gió buồn, bỗng thấy như các đồng chí đồng sự của tôi bên kiềng dưới đèn, đang uất ức bồi hồi mà không nở bỏ đi, tìm chỗ nước

mắt tôi đầm đề chảy xuống. Cho nên tôi hòa nước mắt cầm bút ghi lại. Than ôi! đây là hồn nước của ta, đây là vật kỷ niệm của các đồng chí ta.

Tiết Đoan-ngọ năm Bính-thìn ⁽¹⁾

Người chết sau : **ĐẶNG ĐOÁN BẮNG**

(Hành-thiện, Nam-định) viết tại am

Dưỡng-hối ở Ung-thành. ⁽²⁾

(1) Tức năm 1916, Đoan-ngọ là ngày 5-5 âm lịch.

(2) Ung-thành : Nam-ninh tỉnh Quảng-tây.

BÀI TỰA CŨ THỨ HAI

Nước ta vào tay người Pháp gần 50 năm. Nhân dân đã luôn luôn dựng cao cờ nghĩa, kẻ này ngã kẻ khác nổi dậy, mà vẫn chưa thành công được.

Gần vài năm nay, Âu chiến bùng nổ, toàn Âu châu sóng đàn sôi sục, Người Pháp ở vào nơi xung yếu, bị lo toan cho mẫu quốc chúng, đâu kịp nghĩ đến thuộc địa. Thế mà ở nước ta trong năm bộ ba kỳ, không nghe một tiếng súng nổ nào. Thế giới cho rằng quốc dân ta không có tư cách người nước độc lập. Than ôi thương thay! than ôi thương thay! Sao không đem sức cũ của nước ta ra mà đọ? Sao không kêu gọi hồn mới của nước ta ra mà hỏi? Thường thường, nếu không ép cho gắt gao thì sức phản kháng không mạnh, không chứa chất cho nhiều thì cái thế nổi ra không to. Nếu có thể làm cho sự dè dặt của người Pháp tệ hơn, sức chứa của dân ta hậu hơn, thì người ngoài cuộc làm sao mà lường được.

Trước kia nước ta đã bị giặc Nguyên xâm lược, nhờ vua Trần hai phen huyết chiến mà nước không thể mất được. Kế lại bị giặc Minh xâm chiếm, nhờ có vua Lê mười năm đánh dẹp mà nước ta lại độc lập.

Nước Việt ta sở dĩ thành là một nước, cái nguyên nhân đã lâu lắm rồi. Đến năm Tự-dức thứ 15 của bản triều, người Pháp mới cướp Nam-kỳ. Các ông Nguyễn Huân, Trương Định⁽¹⁾ đưa anh em Nam-Trung quyết chiến với giặc, những chiến sĩ đánh giặc giữ nước mà bị chết, sử chép lại nhiều. Đến năm Tự-dức thứ 35, giặc chiếm Bắc-kỳ, các ông Nguyễn Bich, Vũ hữu Lợi, Nguyễn thiện Thuật dấy quân cần vương đánh giặc lan khắp cả 40 tỉnh. Oanh liệt nhất là tướng quân Hoàng hoa Thám đã chống cự với Pháp gần 12 năm.

(1) Theo thứ tự của lịch sử thì Trương Định trước Nguyễn Huân. Nguyên bản thì ghi Nguyễn Huân trên Trương Định.

Năm Hàm-nghi nguyên niên, Pháp xâm phạm vào kinh đô Thuận-hóa, chiếm Trung-kỳ. Các ông Phan đình Phùng, Nguyễn Huệ, hô hào các miền Nghệ, Tĩnh, Nam, Ngãi cũng hơn 10 năm. Kia bọn mất lơ rầu xồm, múa gươm sùng, tung bạc tiền đi, đánh người ta, nhưng có thể cấm người ta đừng đánh mình không?

Trên dưới 50 năm người Pháp vẫn thường kẻ gỏi ngủ ngon. Lỡ thường tình mà xét, sao thấy được người Việt chúng ta không có tư cách độc lập?

Ông Đặng đoàn Bằng gần đây chép quyển nghĩa liệt sĩ, những người được ghi đều là những chiến sĩ « hành nhân, thủ nghĩa »⁽¹⁾, những anh hùng không kẻ mình. Trong đó cũng có người không may mới bước chân ra đã chết, cái cảnh rất là đáng thương cái chi lại càng đáng xét. Tôi đọc chưa hết quyển sách, nước mắt đã ròng ròng chảy ra. Tôi đau đớn vì thấy những người có tư cách độc lập, không phải không nhiều, mà sự nghiệp độc lập thì chưa được mấy may, thế là vì sao? Hỡi ôi! Điều đó tôi biết cả rồi. Cái đầu các chí sĩ đã rơi vào chỗ trăm bại mà không một thành, những cử động của các chiến sĩ nghĩa hiệp lại giúp mưu cho bọn chó săn theo giặc. Như thế tức là để thêm cái áp lực của người Pháp, và cái chết của người mình. Nước Việt-nam ta nhất định sẽ độc lập, nhìn vào quyển sách này há lại không thấy? Tôi trước hết thương cho những người nghĩa liệt, sau lại mừng cho tiền đồ tổ quốc chúng ta. Cái thương của tôi không khi nào hết, cái mừng của tôi có lúc đến nơi. Từ Côn-đảo về Bắc, từ sông Khổng về Đông, từ cửa Lạng-sơn về Nam, cò năm sao⁽²⁾ sẽ tung bay trước gió. Đó tức là máu thấm các chí sĩ, các nghĩa sĩ, các liệt sĩ đã đọng lại mà làm nên. Vì thế tôi gạt nước mắt mà viết bài tựa này.

Ngày tháng giêng năm Đinh-ty.⁽³⁾

Hà-nội, TRẦN QUỐC DUY xin ghi

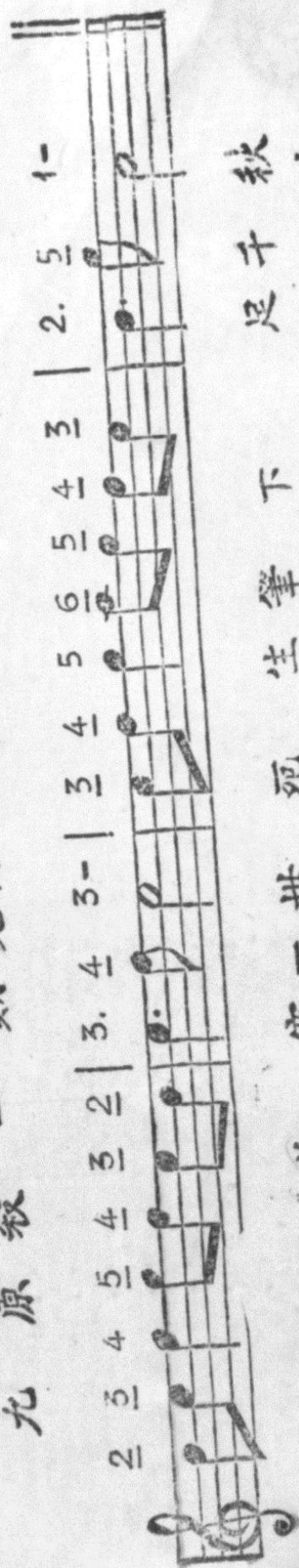
(1) Sách có các câu : sát thân thành nhân (giết mình thành điều nhân) và xả sinh thủ nghĩa (bỏ sống lấy nghĩa)

(2) Tức cờ của Hội Việt-nam quang phục.

(3) 1917.



舍身許一國誓殲仇肯把奴名易
九原殺一賊魂仍壯尺劍摩空氣
斷未頭收



成敗眼生前
慷慨燈前
空一世
淚誦
死怒
筆驚
下湧
足千秋
海潮流

BÀI DỊCH BẢN NHẠC

Bỏ thân cho nước nguyên trừ thù
Há chịu làm nô dôi chém đầu
Suối vàng giết giặc hồn đang mạnh
Chiếc kiếm rơi không khí chứa thu

Thua được mắt nhìn đời sá kẻ
Chết còn bút chép đề ngàn thu
Kháng khái trước đèn rơi lệ đọc
Âm ầm tiếng sóng bề gào kêu.

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

Handwritten musical notation on a single staff, featuring a treble clef and a key signature of one sharp (F#). The notation includes various note values and rests, with some notes beamed together. The handwriting is fluid and appears to be a personal or working draft.

Handwritten Chinese lyrics in vertical columns, corresponding to the musical notation. The characters are written in a cursive style. The lyrics appear to be a poem or a song lyric, with some characters being repeated or modified for musical purposes.

Handwritten musical notation on a single staff, continuing the piece from the first staff. It features a treble clef and a key signature of one sharp. The notation includes various note values and rests, with some notes beamed together. The handwriting is fluid and appears to be a personal or working draft.

Handwritten Chinese lyrics in vertical columns, corresponding to the musical notation. The characters are written in a cursive style. The lyrics appear to be a poem or a song lyric, with some characters being repeated or modified for musical purposes.

Handwritten text at the bottom of the page, possibly a signature, date, or other notes. The text is written in a cursive style and is somewhat difficult to read due to the handwriting and the age of the document.

**VIỆT NAM
NGHĨA LIỆT SỬ**

QUYỂN THỨ NHẤT

VIỆT NAM
NGHĨA LỰC SƯ

QUYỂN THỨ NHẤT

TĂNG BẠT HỒ

Nước lũ đã đầy trời, nhân một lỗ xoi nho nhỏ mà con dê có thể bị vỡ. Thuốc mồi đã đầy đất, nhân một ngòi lửa leo heo mà cánh đồng có thể bị thiêu. Các đồng chí trong hội đảng ta như ông Tăng bạt Hồ là ngọn sóng trước tiên của lớp thủy triều mới đang bành trướng, ngòi lửa đầu tiên của bộ máy mới đang bộc phát vậy. Ông tên chữ là Sư triệu, người tỉnh Bình-định, bồn tính hào mại, kiến thức thấu suốt, khí phách cương nghị, trong lúc nói năng thì thái độ hòa nhã, dễ dàng, gần gũi người ta, ai cũng thích làm thân với ông. Thuở bé trong làng có một phú ông vì yêu ông muốn đem con gái gả cho ông, ông nói ngay rằng: « Nước còn nhiều nạn, chính là ngày tráng sĩ quên mình, còn nói gia đình làm gì. » Vì thế ông đã từ chối không lấy, thế rồi suốt đời ông vẫn không vợ. Lúc 17 tuổi là năm người anh đến tuổi đi lính mà không muốn đi. Ông thay anh vào trại: chim ưng con ham săn, con ngựa non muốn chạy, đó là bản tính như thế. Vào lính rồi, ông ra sức ở chiến trường thường phần dũng giết giặc, có quân công được bổ chức cao trong đội ngũ. Năm Ất-dậu niên hiệu Hàm-Nghi⁽¹⁾, gặp quốc biến, giặc chiếm thành Thuận-hóa, ông cùng các tiền bối khởi nghĩa, lĩnh chức Đề đốc Quảng-nghĩa Bình-định. Vì

(1) 1885.

thiếu súng đạn, đội quân bị tan, người Pháp hết sức truy nã. Người làng lấy thấy linh nguy chôn vào rừng và báo cáo với Pháp là ông đã chết rồi. Ông thoát nạn liền chạy ra Bắc-kỳ, tìm đường sang nhà Thanh cầu viện. Nhưng nhà Thanh lúc bấy giờ cũng suy yếu, không có ai đảm đương việc nước cho giỏi. Được tin Lưu uyên Đình⁽¹⁾ mà ông đã quen biết trước lúc ông tòng quân ở Bắc-kỳ, hiện đang điều khiển quân đội ở Đài-loan, ông tìm tới Lưu để cầu cứu. Lưu không thể giúp đỡ gì được. Ông lại từ biệt Lưu đi Xiêm, thường đi lại các miền Băng-cốc, Xa-quân. Lúc đó ông gặp các nghĩa sĩ Nghệ-an như Nguyễn đức Hậu cùng bàn việc nước. Hai ông rất tương đắc với nhau, mưu liên lạc cùng Việt kiều tại Xiêm để mưu tính việc khôi phục đất nước. Nhưng cơ hội chưa đến, không thể làm gì được, ông phải trốn tránh qua thời mà thôi. Ông mới trốn về Hải-phòng, tạm lần lút ở nhà một người quen để chờ thời.

Khoảng năm Quý-mão giáp thìn, ⁽²⁾ Nga, Nhật đánh nhau mà Nhật đại thắng, gió mây Đông Á được thế bốc lên. Những tân thư, báo chí do các chí sĩ Trung-hoa làm ra tràn vào Hà-nội, Sài-gòn khá nhiều. Ông quen biết nhiều Hoa thương nên có được đọc. Ông phần khởi nói rằng: kế hoạch của tôi ôm ấp xưa nay có thể thí nghiệm được rồi. Người láng giềng phía Bắc đã tỉnh dậy, Nhật-bản đã mạnh vọt lên, trào lưu Âu châu quay về châu Á, ta thử đi qua xem sao. Hoặc có thể tìm đường cầu viện phát huy cái chí của ta, chính là lúc này. Ông lại nghĩ ngoài tuy liên lạc với các nước mạnh láng giềng nhưng trong không thể không tổ chức

(1) Tức Lưu vĩnh Phúc.

(2) Tức các năm 1903 - 1904.

Đặng mới. Ông lại từ già Hải-phòng đi Quảng-nam đến bàn với ông Nguyễn Hàm, hiệu Nam thịnh, Nguyễn Hàm là người của đảng cần vương cũ ở Nam-ngãi. Lúc Tăng đến thì tân đảng của Nguyễn tổ chức đã được vài năm và đã hơi có lực lượng. Được Tăng đến, Nguyễn rất vui mừng, nói hết mưu đồ của mình. Tăng cũng vui vẻ và nói với Nguyễn: «Ta nay làm việc lớn, nếu không có ngoại viện mà chỉ trông vào nội đảng, nếu tiếp tế không đủ thì sao» Nguyễn nói ngay: «Tôi cũng lo như thế, nhưng biết ai làm Thân bao từ bây giờ»⁽¹⁾. Ông liền đáp: «Tôi không có sở trường gì khác nhưng đã lâu năm tôi đã đi qua các nơi Việt, Quế, sang Đài-loan, đến Đông-tam-tĩnh, rồi từ Thên-tân, Thanh-đảo trở về Thượng-hải, lại đi Nam-dương; lấy sóng gió làm gối, sương tuyết làm cơm, diều đó là sở trường của tôi. Hiện nay Nhật-bản nổi dậy, châu Á thay bộ mặt, ta có thể đi xem thế nào. Nếu các ông dùng tôi, xin các ông cứ sai phái, tôi sẽ vui lòng». Lúc đó có các ông thượng thư nọ, tuần phủ nọ, cùng các thân sĩ như Phan, Đặng, Lê cả thấy 20 người đang hội nghị đã một tuần ở trại Nam-thịnh⁽²⁾. Các việc bí mật, thảo luận đã có manh mối; còn việc long du thì chưa quyết định ra sao. Khi nghe lời nói của Tăng, mọi người đều vỗ tay nói: «Phải lắm, phải lắm.» Thế là công việc được quyết định. Đặng thá Thân mới mang thư ra kinh thành Huế, trình với hội chủ «tức Kỳ ngoại hầu Cường đề, đích tôn của Đông cung Anh Duệ hoàng thái tử, đích tự của Gia long. Cường đề là người cương nghị công

(1) Thân bao từ, tôi Sở. Sở mất nước chạy sang Tần cầu viện khôi phục Sở.

(2) Phan bội hầu, Đặng thá Thân, Lê Võ. Còn thượng thư, tuần phủ không biết là ai.

mình, ham dùng mưu, yêu nhân tài, có khí tượng tấn tiến, giàu tư tưởng ái quốc. Lúc 13, 14 tuổi đã nuôi cái chí đánh giặc cứu dân. Lúc Pháp chiếm kinh đô Huế, biết Cường đề là con cháu Đông cung ⁽¹⁾ được dân chúng mến phục, nên có ý coi trọng. Mùa thu năm Quý mao niên hiệu Thành thái ⁽²⁾ Khâm sứ Pháp Ô-vê ⁽³⁾ bất bình với Thành thái có ý bỏ Thành thái lập Cường đề làm vua. Nhưng Cường đề bảo vệ vua không nhận lời nên mới thôi ».

Khi Đặng thái Thân đi gặp Cường đề về thì Tăng cùng Phan thị Hán, Lê Võ ra Huế gặp Cường đề bày tỏ ý kiến của mình và xin chuẩn bị việc đi. Cường đề nói: « Cần khai hội bí mật bàn kỹ mới được ». Lúc đó Cường đề xin được giấy thông hành của chính phủ Pháp đi Bình thuận một tháng, mời cùng đi Quảng-nam đến trại Nam thịnh mở cuộc đại hội vào ngày tháng 11 năm Giáp thìn ⁽⁴⁾. Trong hội nghị có cả Đỗ Tuyên trước làm Đốc vận Sứ của nghĩa quân và nhiều đồng chí Nam, Bắc nữa. Nam thịnh phát biểu: « Ông Tăng ở nước ngoài đã lâu, biết về đường sá, lại nói được tiếng Lữơng-quảng và hiểu tình hình ngoại quốc có thể nhận trách nhiệm đưa đường; Phan thị Hán giỏi về Hán học, đọc nhiều tân thư, có nghiên cứu tình thế nước ngoài, có thể đảm đương trách nhiệm cầm đầu giới ngoại giao; Đặng tử Kính chịu đựng gian khổ không ngại nguy hiểm, có thể đi cùng hai ông, nếu gặp hoạn nạn nguy hiểm có thể giúp đỡ được. Nếu mọi người đồng ý xin hội

(1) Tức Hoàng tử Cảnh, con trưởng Gia long đã mất nên em là Minh mạng lên làm vua.

(2) 1903—1904.

(3) Auvergne (?).

(4) 1906.

chủ định đoạt». Hội chủ cho là phải, ủy cho Tăng cùng đi với Phan, Đặng. Thượng tuần tháng 12, Tăng vâng mệnh xuất dương, từ Quảng-nam ra đi, đi bộ từ Quảng-nam đến Hải-phòng. Dọc đường đến nhà các đồng chí trong đảng, dặn dò công việc về sau. Hạ tuần tháng giêng năm Kỷ-tỵ, đi đến Hải-phòng giả làm khách buôn đi hỏa thuyền Pháp đến Quảng-yên. Nhân ban đêm bí mật thuê thuyền đi Trúc-sơn vào địa giới Quảng-đông, lại qua thuyền buôn người Quảng-đông đến Bắc-hải, từ Bắc-hải đáp hỏa thuyền tới Hương-cảng. Ở Hương-cảng ít ngày tìm tin tức của Chấn-trung tướng quân là Nguyễn thiện Thuật và Phụ chánh đại thần hoàng tộc là tôn thất Nguyễn phúc Thuyết. Rồi đi thuyền buôn tới Thượng-hải, vì lúc đó chiến sự chưa kết thúc, ở Hương-cảng chưa có tàu thủy Nhật. Ở Thượng-hải vài ngày đến lúc có tàu Nhật-bản đi qua các bể Chi-na Nhật-bản đến hạ tuần tháng tư thì đến Hoàn-hân. Vào tòa Tân dân từng báo hỏi chính khách Trung-hoa là Lương khải Siêu. Trong quyển Việt-nam vong quốc sử có nói: « Một người cùng đi hơi biết tiếng Quảng-đông » tức là chỉ ông vậy. Lúc đó còn giữ bí mật không nói tên ông ta. Tháng chín năm ấy, Đặng tử Kinh về nước, đem việc đi ngoài báo cáo với Hội chủ và đảng ta, và bày mưu đưa Hội chủ ra ngoài. Mùa xuân năm Bính-ngọ, Hội chủ sang Nhật. Đến mùa hạ, Tăng được lệnh về nước hoạt động. Khi đi đến Hà-nội Tăng vì đi nắng mệt nhọc nên mắc bệnh kiết lỵ, bệnh chữa chưa khỏi, Tăng lại phải đi Huế. Vì đi bộ dầm mưa dãi nắng, nên đến Huế chưa kịp nghỉ ngơi thì bệnh đã phát ra nặng. Lúc đó, bọn Pháp đã dò được tin tức Tăng về nước, nên hết sức truy nã ông. Cái thân mắc bệnh ở vào đất hiểm nghèo không xa cái chết bao nhiêu. Thế rồi ông thuê chiếc thuyền

con làm chỗ từ trần của người anh hùng. Than ôi thảm thay! Hỡi ôi thương thay! Trải bao nhiêu non sâu khí độc, lấy rừng núi làm nhà, lấy sóng nước làm bạn, thế mà nay vì mắc bệnh, bỏ tính mạng trong một chiếc thuyền nhỏ trên sông Hương, trời có lòng nào nỡ phụ cái chí của ông! Than ôi! Lúc tuổi trẻ bỏ nhà ra đi, đến trắng niên cũng không lấy vợ, hơn 20 năm liêu thân cho nạn nước, chạy vạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, tuy tóc đã hoa râm, mắt đã mờ mờ, cái chí khi cao cả còn như xưa! Vàng tốt đã trải trăm lần thử lửa, không phải ông thì còn ai! Ông mất lúc 49 tuổi.



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Tân dorm sinh nhai tam thập niên
Thương tâm cừu hải thạch nan điền
Thần Châu mãng mãng quật xà thi
Nại hà ngục đề mai long uyên
Ưc công bình sinh cương thả kiện
Ký tài tuần dật truy phong diện
Nhược linh tráng chí thi tang bằng
Đầu bút nguyện sư Ban định Viễn
Quốc vận ư kim khái thức vi
Giang sơn do cổ chủ nhân phi
Phấn tí cường hô trăm cừu lỗ
Kim qua nộ chỉ Tây sơn huy
Xuất bôn cảnh cảnh y tường chi
Đan mã vu hồi thiên vạn lý
Sự cánh vi tâm khả nại hà
'lần đình không sái Thân-Tư lệ
Phong trần khốn tụy kỷ kinh thu
Thương túc mê dương bão viễn du
Khuất quặc tập xà liêu hữu đãi
Xuân kinh nhất dạ ổn qui chu

Khử thời lộ dĩ phi hỏa tú
 Giải cấu tri âm thiên sở thụ
 Nhất triều can đảm tương dữ phi
 Đông hướng Phù-tang cộng huê thủ
 Bằng công đỉnh lực đạo tiên hà
 Nhất vĩ trùng dương lai nhật đa
 Học giới tân trào chú não hải
 Thệ văn thanh lưu đào trọc ba
 Thuyền đầu vô lại thu phong dạ
 Khốc quân mai chí tuyền đài hạ
 Thê lương nhật mộ điệu cô phần
 Liêu hạc ai đề Hương-Thủy tả.

DỊCH:

Năm gai nếm mất ba mươi thu,
 Đau lòng đá khôn lấp bề thù,
 Thần-chu⁽¹⁾ rậm rạp ồ rấn, lộn,
 Sao đem gươm quý chôn trong tù?
 Hỡi ông bình sinh tính cương kiện,
 Tài như ngựa kỷ theo gió điện.
 Tuổi trẻ chỉ mạnh hứa cung tên,
 Vứt bút lông quân theo Định Viễn⁽²⁾.
 Vận nước ngày nay gặp hiểm nguy,
 Non sông như cũ, chủ nhân thay.
 Giơ tay gọi lớn giết quân giặc,
 Gươm vàng giận chỉ về non Tây.
 Ra đi có chí dựa vào tường,⁽³⁾
 Chiếc ngựa vòng quanh muôn dặm trường,
 Việc không chiều lòng làm sao được!
 Giọt lệ Tần-Tư chảy thấm thương.
 Phong trần gian khổ trải mấy thu.
 Xót vì mỗi chân cuộc viễn du,
 Sáu co rần nấp còn chờ, đợi.
 Ngày về Xuân kinh thuyền êm ru.
 Lúc đi đường thấy lúa xanh tươi,
 Gặp gỡ tri âm nhờ lòng trời,

(1) Chỉ kinh đồ.

(2) Là tước hầu của Ban Siêu, đời Hán, bổ học tổng quân.

(3) Thận bao Tư dựa vào tường ở triều đình nhà Tần để cầu viện binh cho Sở.

Một ngày cùng phơi bày gan ruột,
 Cùng đi Phù-tang muôn dặm khơi.
 Nhờ ông giúp sức khơi dòng dầu,
 Thuyền vượt trùng dương ngày càng nhiều.
 Rót nền học mới vào bể óc,
 Thề rửa sông đục bằng thanh lưu
 Gió thu đêm vắng thuyền trôi nổi,
 Khóc ông chôn chí nơi chín suối,
 Hiu quạnh chiều hôm điều năm mỗ.
 Tiếng hạc sông Hương kêu buồn tủi.

Liễn viếng

PHIÊN ÂM:

Tráp niên sử hứa thân báo quốc, hà dĩ gia vi, hà gia phi gia, diệc hà gia thị gia, gia quốc mộng trung, khổ tối khổ, quốc phá gia vong cừu thượng tại.

Nhất phiến tâm tuận nghĩa quyên sinh, dục đắc tử sở, dục tử bất tử, vị dục tử cảnh tử, tử sinh độ ngoại, bi hề bi, sinh hùng tử liệt chí van mai.

DỊCH:

Hai mươi năm đem thân báo nước, nào kể chi nhà, nhà nào là nhà, nhà nào không phải nhà, trong mộng nước tha, khổ là khổ, nước mất nhà tan thù vẫn đó.

Một tấm lòng vì nghĩa quên mình, muốn tìm chỗ chết, muốn chết không chết, không muốn chết lại chết, ngoài vòng sống chết, thương vì thương, sống hùng chết liệt chí khôn vùi.

Phụ lục

Thơ điệu và liễn viếng của Trần quốc Duy.

PHIÊN ÂM:

Gian quan bách chiến kiếm quang hoành
 Vạn tử sinh trung tích tử sinh
 Âu Á kiên khôn song nhãn khoát
 Bắc, Nam bình thủy nhất thân khinh
 Hải phiên dục bả quần lưu dăng
 Thiên trụ ninh từ chích thủ xanh

Tha nhật Hương-giang phong vũ dạ
Nộ đào do tác bất bình minh

DỊCH: Trăm trận tung hoành kiếm sáng choang,
Sống trong trăm chết phải đầu xoang,
Á, Áu liếc mắt thêm bao quát;
Nam, Bắc xem thân chỉ nhẹ nhàng.
Nghe bề muốn đưa muôn giọt rửa;
Đồ trời vẫn dăm một tay đang.
Ngày nào mưa gió sông Hương nổi,
Sóng cuộn còn nghe tiếng bất bằng.

Câu đối:

PHIÊN ÂM:

Tráng tai ngã công, chiến lũy tàn hồn, tri khu chung bất
quyện, thượng lưu đông sở duyệt nguyệt, đạo du học tiên hà,
bất hư ưu hoạn bán sinh, cánh tùy quốc tuần.

Ta hồ ngô quốc, tân trào sơ dũng, tiến bộ vị hữu cùng,
hưởng đồng chí hứa đa nhân, đương phục cừ hậu kính, hữu
nhật trung nguyên nhất tiếp, nguyện cáo công tri.

DỊCH:

Chỉ ông đáng khen thay! Chiến lũy đã tàn, mà ruồi
rong không mới, còn lưu lại Đông-kinh vài tháng, khơi nguồn
du học, không uống nửa đời lo nghĩ, lại vì nước chết đi — Vắn
nước đáng buồn lắm! Tân trào mới nổi, nên tiến bộ chưa cùng,
đã có trong đồng chí bao người, gánh việc phục thù, có ngày
đất nước thu hồi, xin cùng ông nói lại (xem nguyên văn chữ
Hán sau quyển sách).

LỜI NHẮC LẠI CẢM KÍCH CỦA ĐỈNH NAM ⁽¹⁾

Năm Ất-dậu niên hiệu Hàm-nghi, tôi 18 tuổi trú ở kinh đô. Lúc đó quân Pháp tiến công trong rừng sùng mưa đạn, mắt thấy rắn lộn tung hoành, non sông đổ nát, lấy làm đau lòng, tự thề có dịp rửa thẹn cho nước. Tôi về ẩn ở núi. Ở không mấy năm bị mật đi lại với các nghĩa sĩ Bắc, Nam. Mùa xuân năm Mậu-tuất ⁽²⁾ Sư triều từ nước ngoài trốn về, gặp tôi ở Hà-thành, mới một lần mà đã như bạn cũ. Cùng nhau nói chuyện vài ngày tôi mới được biết tin tức các vị vong thần ⁽³⁾ ở ngoại quốc. Đồng thời tôi cũng hiểu lịch sử nửa đời người của Sư triều, như các việc đánh giặc, đi ra nước ngoài mà giúp tướng Thanh là Lưu-vĩnh Phúc đánh giặc ở Đài-loan; và cả việc ông cùng bạn là Nguyễn đức Hậu bỏn tàu ở Xiêm-la nữa. Tôi mới bàn với Sư triều là muốn cứu nước mà không lo kết nạp anh hào và thăm dò con cháu các nhà có thù với giặc thì không được. Chúng tôi mới kể với nhau từng người, từng họ, từng tỉnh, đều có thể giúp đỡ chúng ta, và con ông nọ ông kia thông minh dũng cảm, có thể đồng mưu được, nên đem họ xuất dương, tôi luyện tài họ để ngày sau làm rường cột cho nước. Đã đồng ý với nhau rồi, chúng tôi chia nhau

(1) Tức Nguyễn thượng Hiền.

(2) 1898.

(3) Các tôi trốn đi ngoại quốc.

•
tìm bạn, khắp người nọ đến người kia. Nhưng vì các người đó kẻ Bắc người Nam, tung tích không nhất định, nên không gặp được. Sư triệu lại từ biệt tôi đi ngoại quốc, qua chỗ này chỗ nọ nhiều nơi. Sau cuộc Nga-Nhật chiến tranh thế lực Á-đông nổi lên mạnh. Sư triệu về nước lại đến thăm tôi, bàn về kế hoạch tiến hành. Tôi nói: «trách nhiệm cứu nước kẻ đi người ở cũng như nhau. Hiện nay ông thân tôi tuổi đã 80, bệnh ngày một nặng, tôi phải làm trách nhiệm người ở nhà. Nhưng đã có chí cuỡi gió như chim bằng, không bao lâu sẽ gặp nhau ở hải ngoại. Thế rồi Sư triệu vào Nam. Sau một thời gian lâu, Sư triệu lại cùng người bạn cũ tôi là Sào nam đến thăm tôi ở Ninh-bình cho biết các ông sắp đi Nhật-bản. Tôi rất lấy làm vui sướng, cùng nhau bí mật nói chuyện trong mấy ngày rồi mới xa nhau. Lòng tôi nghĩ rằng ngày sau vượt qua sóng gió, đưa đường cho tôi mà giúp đỡ tôi trong những việc lỏi chưa quen thuộc, tức sẽ là Sư triệu. Hai bạn đi Nhật rồi chưa đầy một năm thì Hội chủ xuất dương. Phong trào trong nước rất tiến. Sư triệu lại trốn về đến thăm tôi ở Nam-định. Lúc đó dịch đề phòng rất ngặt. Tôi phải gửi Sư triệu ở một nhà dân phía nam thành. Mỗi đêm Sư triệu lén đến nhà tôi, bàn các việc quan trọng đến canh ba, canh tư mới đi ngủ. Lờ mờ sáng, Sư triệu lại ăn mặc thường phục lén về nhà trọ. Như thế đến 7, 8 ngày. Tôi lại cùng Sư triệu đến thăm người nọ yếu cầu họ giúp sức. Thế rồi Sư triệu lại từ biệt tôi đi tìm thêm bạn tâm phúc. Tôi cũng liên lạc với các giới có phần tiến bộ và còn muốn cùng các đồng chí khuếch trương hơn nữa. Ít lâu sau, Sư triệu đến nói với tôi là: «phong trào Bắc-hà nay đã lên mạnh, tôi sắp đi khắp Kinh và Quảng để xúc tiến phong trào trong Nam». Tôi rất tán thành ý kiến ấy. Sư triệu mới cùng Nguyễn hải Thần đều đi. Hơn một tháng thì một bức thư của Sư

triệu từ kinh gửi đến tôi nói ông đau nặng cần có quế Thanh tốt mới mong chữa khỏi. Tôi liền gửi thư và quế vào do đường bưu điện. Thế rồi không được tin tức gì cả, tôi rất lấy làm lo. Vài tháng sau, Hải Thần trở về Bắc nói với tôi là Sư triệu chết rồi: Sư triệu đến kinh thì bệnh nặng mà mật thám Pháp truy nã ráo riết. Không biết làm thế nào, ông mới thuê một chiếc thuyền nhỏ làm nơi từ trần. Những người chôn ông là một vài ông cử ông tú đều là đồng chí cả⁽¹⁾. Tôi vỗ bàn mà phàn nàn: «Trời ôi, nước Việt-nam ta đã mất một trường thành. Trải 20 năm dầm mưa dãi nắng, vượt bể qua đèo mới có ngày nay. Công việc chưa được một nửa mà đã chia tay! Than ôi, Sư triệu mà chết ru? Mà lại chết vào lúc này ru? Việc nước đang khó khăn, thành bại chưa thể biết được, trách nhiệm những người chết sau như chúng ta lại nặng nề thêm. Sư triệu là người đủ cả trí dũng, làm việc sáng suốt mà tiếp xúc với người dễ dãi, cho nên đến đâu cũng được người ta kính mến. Người làng nghe ông chết đã than khóc rất nhiều, vì đức nghĩa của ông cảm người rất là sâu. Tôi đọc quyển sách của Đặng không ngăn cản được nhớ người xưa mà rơi nước mắt. Tôi tưởng chừng như bên chỗ nằm gai nệm mật, có Sư triệu ở đó. Than ôi, tôi với Sư triệu giao thiệp rất sâu mà cũng rất lâu. Xét hành động cử chỉ của ông không kể lúc nào đều thấy trong đầu óc ông có in sâu bốn chữ «phục thù báo quốc». Mà nói đến hành động thì là kết thúc nghĩa hội cũ mà mở ra nghĩa hội mới. Lấy lời ấy mà khen ngợi ông thì thiệt là xứng đáng.

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
chép thêm

(1) Trong đó có cử nhân Võ bá Hạp, học trò và đồng chí của Sào nam.

Phụ lục: Câu đối Ngự Hải điều Tăng bát Hồ:

PHIÊN ÂM:

Quân khởi kỳ hư sinh tác hí ư thế đa, đề binh tam năm, khứ quốc trấp dư niên, nhất khắp ư Anh, nhất khắp ư Thanh, hốt hốt yên đại khắp ư Đông, thù linh tứ nhập thu phong, hương ngã thần kinh mai cổ kiếm.

- Ngã diệc bất tri tử chi vi hà vật dã, độc thư ngũ châu, tri giao sở thập bối, hoặc chiến dĩ thiết, hoặc chiến dĩ bút, đoan đoan đích lực chiến dĩ thiết, trực sử huyết đồ ôm đới, vị ngô hoàng tộc thụ hồng kỳ.

DỊCH:

Bác há phải sống mà chơi ở đời đâu! Cầm quân ba bận, bỏ nước hai mươi năm, đã kêu ở Anh, đã kêu ở Thanh, lại còn to tiếng kêu ở Đông, vì đâu ngọn gió mùa thu, dẽm chốn thần kinh chôn kiếm cổ?

Tôi không biết chết là vật gì nữa cả! Đọc sách năm châu, quen biết vài chục bạn, kẻ đánh bằng lưỡi, kẻ đánh bằng bút, có kẻ ra sức đánh bằng sắt, để khiến máu rơi ôa đới, vì nói hoàng tộc dựng cờ hồng.⁽¹⁾

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyền sách)

(1) Câu này do người dịch sao lục vào.

SƠ LƯỢC VIỆC NGHĨA DÂN CÁC TỈNH TRUNG-KỲ CHỐNG SƯU THUẾ BỊ HẠI

Người nước ta vài mươi năm nay bị chèn ép dưới ách khốc liệt, khí dân chìm xuống, đã lâu không nổi nói đến nữa.

Mới rồi nhờ có phong trào thể giới xúc động, khí sớm bốc lên, cơ hội bùng bột, mới có việc kháng thuế của các tỉnh năm Mậu-thân⁽¹⁾ vào ngày tháng tư. Việc ấy vì sức áp quá mạnh, vừa nổi dậy rồi lại thu lại ngay, nên vẫn chưa tổn hại gì đến sợi lông sợi tóc của cường quyền. Nhưng một giọt nhỏ nhỏ chứa đã lâu thì phát ra mạnh, biết đâu một ngày kia lại không tràn ngập đầy trời. Lúc đó nhân dân các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-nghiã, Quảng-nam, Bình-định, Quảng-trị, Hà-lĩnh, nhân chính phủ Pháp thu sưu, xem dân ta như trâu ngựa, mà lại hằng năm tăng thêm; nhân dân rất là căm tức mới rải nhiều truyền đơn kêu gọi đề kháng. Các tỉnh đều tổ chức thành đoàn thể đến vài ngàn người kéo nhau cùng ngày tay không đến thẳng tòa sứ đưa đơn xin giảm nhẹ thuế. Người Pháp không những không cho mà lại vu là loạn nghịch, đưa quân đội ra tàn sát. Lúc đó đạn như mưa xối mà dân tụ tập càng lâu càng đông, không chịu rút lui. Có người dơ ngực chờ đạn lấy chết

(1) 1908.

làm khoái. Đó đều là những người vô tội không chịu nổi chính sách ác nghiệt mà thôi. Mây oan mù thăm, đồng thời lan khắp trong vùng 10 tỉnh. Ba tỉnh Thừa-thiên, Quảng-nam, Quảng-ngãi bị hại nhiều hơn, bút mực không thể tả hết được. Lịch sử tên tuổi các người bị chết, chờ khi điều tra đích xác sẽ chép lại sau, ghi lại những người ưu tú cho rõ hơn. Nay chỉ ghi lại sử việc một cách sơ lược, để tương lai những người nghiên cứu sử học biết rằng dân quyền ta mở đầu thực là từ việc ấy trước⁽¹⁾.

Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Dục hác nan-tương cao huyết điền
Tồi hung vô kế trượng không quyền
Biền tương tính mạng tranh công lý
Thê dữ giang sơn văn lợi quyền
Thiệt khắp thạch đê như thử nhật
Vân hôn vụ ám nại hà thiên
Hồi đầu nam vọng vô cùng ý
Dân khí tân trào dĩ bài nhiên

DỊCH:

Lòng tham máu tửu lấp khôn đầy;
Chống với hung tàn một nắm tay.
Liều tính mạng giành công lý lại;
Thê non sông cướp lợi quyền đây.
Đá kêu đất khóc ngày hôm nay;
Mây tối mù che nước nổi này!
Ngoảnh mặt về Nam đầy tưởng vọng,
Phong trào dân khí đã cao thay!

(1) Việc chống sưu ở Trung-kỳ đã được nhiều quyền sử cận đại mới xuất bản chép kỹ, đây chỉ có mấy nét đại cương mà thôi.

Phụ lục: Một bài thơ Trần quốc Duy theo văn trước

PHIÊN ÂM:

Nghĩa cốt luy luy câu hác điền
Thương tâm nghinh đạn bạch song quyền
Cường nô dĩ liễu tam sinh kiếp
Lệ quĩ chung thân thốn thiết quyền
Cầm phần vị bình ninh hữu hải
Sở hồn dục vấn nại vô thiên
Bằng thù hội xuất di lê thảm
Hồng huyết giang sơn diễm diễm nhiên

DỊCH:

*Khe hồ đem xương nghĩa lấp đầy;
Xót lòng đỡ đạn phải dùng tay.
Ba sinh nô lệ đành xong vậy;
Tắc lưỡi cầm thù vẫn uốn đây.
Bề thảm chưa bằng, Tinh vệ đó;
Trời cao muốn hỏi, mộng hồn này.
Ấy ai đã về tranh sầu thảm?
Máu đỏ non sông ảm đạm thay.*

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

CHU THU ĐỒNG

Tiền thế ông người nhà Minh, vì nghĩa mà không chịu làm tôi nhà Thanh, mới vượt bể qua ở Quảng-nam, đến ba đời thì sinh ra ông thân của ông, rồi vào quốc tịch ta, tức vào làng Minh-hương, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam. Nhờ có cửa của ông thân để lại, nên gia tư ông khá giàu. Nhưng ông dùng của làm việc nghĩa nên vợ con oán trách ông cũng thần nhiên.

Khi Pháp đến chiếm Quảng-nam, ông thường đưa tiền giúp Nguyễn Hiệu, ông lại chơi thân với Nam thịnh, nên người Pháp để ý. Nhưng vì trong sổ sách nghĩa hội không có tên ông mà ông cũng chưa làm việc gì cho hội, nên không lấy cớ gì mà bắt tội ông được. Phan thị Hán đến Quảng-nam, Nam thịnh giới thiệu Phan với ông và hỏi ý kiến ông. Ông nói: «Tôi già rồi, không làm gì được nữa, và xưa nay tôi cũng không làm gì. Việc các ông làm là đúng. Khi nào cần tiền thì tôi tuy gia nghiệp đã nghèo cũng xin đem giúp các ông hết». Khi Tăng bát Hồ đi Nhật, ông cầm hết nhà vườn được 350 đồng giúp tiền đi đường. Lúc đó có tên mật thám đem việc này báo với tên công sứ. Tên công sứ rất lấy làm tức giận.

Khi việc chống sưu bùng nổ, Pháp buộc cho ông tội phiến loạn và bắt ông giam lại. Hỏi về việc giao thông với các người trong Đảng như thế nào, thì ông không trả lời. Lúc đó Nam thịnh cũng bị giam với ông, hai

người ăn ngồi cùng nhau suốt ngày. Nam thịnh thì ăn uống cười nói như thường, không giận mà cũng không sợ. Còn ông thì không thể. Lúc thường ông hay uống rượu, nay thì bỏ rượu và bỏ cả cơm. Chỉ khi nào người nhà đến thăm thì ông dặn đem cho ông ít chai nước lã mỗi ngày. Ông cứ ngồi uống nước lã, uống xong lại chửi mắng người Pháp, chửi đã khô cổ lại uống nước thêm và chửi tiếp cả bọn Pháp, cả bọn mật thám Pháp. Lúc ông chửi rủa như thế, thì Nam thịnh chỉ cười khảnh khách. Ông rất lấy làm giận và mắng Nam thịnh: «bình nhật anh bảo anh là có khí phách nhất đời, nay vào tù lại mềm như người con gái, sao mà không có khí cốt đến thế?». Nam thịnh cũng giả lời bằng cười thôi. Ông lại càng giận. Như thế hơn 10 ngày không ăn và cứ chửi mắng cho đến chết ở nhà ngục, lúc đó ông 52 tuổi. Lúc ở ngục ông có làm bài thơ như sau:

PHIÊN ÂM:

Lệ ngân bàng ngọc ngục trung thư.
Khảng khái lâm phong hận hữu dư
Thân bất anh hùng sinh bất lự⁽¹⁾
Sự phi vũ trụ tử đồ hư
Cường quyền vũ hạ vô thiên nhật
Dân tộc từng trung tấn nhục ngư.
Phủ kiểm nguyện thành thiên vạn lí
Dân gian ma chương nhất thời sừ

DỊCH:

Trong tù hòa lệ viết thư,
Thênh thang trước gió giận chưa nguôi lòng.
Lự thân vì kiếp anh hùng,
Việc không vũ trụ chết cùng ường thôi.
Cường quyền che cả mặt trời.
Trong lò cá thối là nòi giống ta
Muôn lay những ước mọc ra,
Múa gươm bừa sạch loài ma trên đời.

(1) Có chỗ chép sinh diệc lự

Ba bài thơ điều

PHIÊN ÂM :

Chung cổ phi ngô thần thị cừu
Tiên nhân bài Mãn ngã bài Âu
Chi kim Đà-Hải đào thanh nộ
Tưởng tượng đương niên mạ tặc tù

DỊCH :

*Không phải nói ta hưởng lại thù,
Tổ tiên bài Mãn tở bài Âu.
Bể Đà sóng vô nay còn giận;
Mảng giặc năm xưa vắng tiếng tù.*

PHIÊN ÂM :

Bình sinh hào khí hấp tam giang
Mạ tặc thanh tề phần vị hàng
Kim nhật tu công ngục trung sử.
Kính phong quái vũ tập hàn song.

DỊCH :

*Bình sinh khí mạnh hút tam giang,
Giận giặc còn nghe giọng chửi oang.
Trong ngục sử ông nay chép lại,
Gió mưa ngoài cửa thét gào vang.*

PHIÊN ÂM :

Tích công bất cập kiến tru cừu
Khí đảo truyền đài mạ vị hưu
Nam thịnh thông dong công khảng khái
Anh hùng tiểu mạ các thiên thu

DỊCH :

*Tiếc ông không thấy giết quân thù
Mảng giặc tuyến-dài đã hết đầu!
Nam thịnh thông dong, ông khảng khái,
Kẻ cưỡi, người mảng cũng ngàn thu.*

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

UNIT 1

Chapter 1: Introduction to the course
The course is designed to provide a comprehensive overview of the subject matter. It covers the fundamental concepts and principles that underpin the field. The course is structured to build upon the knowledge and skills acquired in previous studies.

UNIT 2

Chapter 2: Theoretical Framework
This chapter explores the theoretical foundations of the subject. It discusses the various models and theories that have been developed to explain the phenomena under study. The chapter also examines the relationship between theory and practice, highlighting the importance of a solid theoretical base for effective research and application.

UNIT 3

Chapter 3: Research Methods
This chapter focuses on the methodologies used in research. It covers both qualitative and quantitative approaches, discussing their strengths and limitations. The chapter also addresses the ethical considerations that must be taken into account when conducting research. Practical examples are provided to illustrate the application of these methods in real-world scenarios.

UNIT 4

Chapter 4: Data Analysis
This chapter deals with the techniques for analyzing research data. It covers statistical methods for both qualitative and quantitative data, as well as more advanced analytical tools. The chapter emphasizes the importance of interpreting the results of the analysis in the context of the research question and the theoretical framework.

UNIT 5

Chapter 5: Applications
This chapter explores the practical applications of the knowledge and skills gained from the previous units. It discusses how the theoretical concepts and research findings can be used to solve real-world problems and inform policy-making. The chapter also highlights the importance of ongoing research and innovation in the field.

UNIT 6

Chapter 6: Conclusion
This chapter provides a summary of the key findings and conclusions of the course. It reflects on the overall learning experience and the importance of the subject matter. The chapter also offers suggestions for further study and research, encouraging students to continue their exploration of the field beyond the classroom.

((2 m August 2011))

TRẦN QUÝ CÁP

Cái tai vạ mà người Việt ta chịu dưới hình chính dã man của người Pháp, khắp cổ kim đông tây chưa hề có. Người nước ta dầu giữ mồm giữ miệng cho lắm cũng vẫn sợ có ngày bị rơi đầu chặt cổ, huống chi những kẻ đêm ngày lo tính việc đề xướng dân quyền, khai thông dân trí. Lòng thiệt là khổ, khí thiệt là hùng mà hoàn cảnh thiệt là nguy!

Ông Trần quý Cáp là giáp khoa tiến sĩ, người Quảng-nam. Trong thế giới gà lợn mà sinh ra phượng lân, thiệt là một sự lạ! Ông thuở bé cha chết sớm, thờ mẹ rất hiếu. Sở dĩ đi thi đỗ tiến sĩ là để chiều lòng mẹ.

Nhà nghèo mà ham bố thí, thường tiếp khách không mỏi. Thường ông trầm mặc ít nói, nhưng khi có việc muốn nói thì nói ra mạnh mẽ, khiến người nghe không chán tai. Sau khi đã đậu rồi thì bỏ hẳn lối văn cử nghiệp, toàn đọc sách Âu châu đã dịch ra Hán văn. Được các quyền sách « Dân ước »⁽¹⁾ của Lư-thoa và « Pháp ý »⁽²⁾ của Mạnh-đức, thì ông ham mê quên ăn quên ngủ; cái đầu óc cử nghiệp rửa sạch không còn và trở lại công kích những người học lối cử nghiệp. Có người con thầy học họ Lê hỏi rằng: « Anh không phải là do cử nghiệp mà ra hay sao, sao lại mâu thuẫn với mình như

(1) *Contrat Social* của J.J. Rousseau

(2) *Esprit des lois* của Montesquieu.

thế?» Ông giả lời: «Tôi cũng lấy làm lạ. Đầu não tôi không hiểu từ bao giờ đã bị tân học chiếm lĩnh, nên không còn chỗ để cho nhà bát cổ sinh hoạt nữa, biết sao bây giờ?». Trước ông là bạn thân của hai ông Phan. Từ khi Phan chu Trinh đi Nhật về luôn mồm khen ngợi dân chí Nhật-bản và bài khuyến du học văn của Phan bội Châu lại truyền bá khắp nước; ông phần khởi nói: «Người ta chỉ sợ không có chí độc lập, nếu có hà tất phải đi Đông» Thế rồi đi khắp thôn quê thành thị, mưa nắng không ngại, để nói chuyện với dân chúng. Lúc nói thì kể chuyện từ Đông sang Tây, từ nhỏ đến lớn, vạch rõ các tập tục hủ lậu của nước ta, ngu hèn yếu đuối của dân ta và tỏ lòng đau xót. Ông nói như hát như khóc, như cười như mắng. Xét về kết luận là công kích cự học, khuyến khích dân tộc, khai thông dân trí đề xướng dân quyền, chỉ mấy việc ấy thôi, lúc đầu ông diễn giải, nhân dân ta ít vui lòng nghe, có lúc họ cho ông Bất-nhị đã phát điên (Bất-nhị là tên làng ông). Nhưng ông là một ngôi sao trong học giới có danh vọng lúc bấy giờ, một người quân tử thành thực thuần túy, nên càng được quần chúng tin ngưỡng. Ông đã chuyên làm việc diễn giảng nên nhân dân ta cũng hoan nghênh ông. Vì thế các cuộc nói chuyện càng lâu càng đông người nghe. Ông lại càng nỗ lực làm việc. Có lúc đang giữa mưa, chân không lút bùn, có lúc dưới trời nắng hớp người nói chuyện, miệng nói thao thao bất kiệt, mồ hôi đầm đìa mà vẫn không dùng quạt nữa. Nhờ ông diễn giảng nhiều nên các danh từ «dân quyền» «công lý» rộng khắp dân gian, người Pháp rất là căm ghét. Chúng cho mật thám lẫn lộn trong quần chúng để nghe ông nói những gì rồi tìm cơ buộc tội. Nhưng ông không nói gì phạm đến chính phủ cả, cho nên Pháp không thể buộc tội vào đâu cả. Vừa lúc đó có tên đại mật thám ghét ông mà nói với người Pháp: «Không giết người

này, vài năm nữa, nhân dân Nam-Ngãi không thể trị được nữa! » Người Pháp vẫn sẵn muốn giết ông, nhưng không có cơ hội. Nghe lời tên mật thám kia thì rất mừng mà nói rằng: « Nay hãy dời hẳn đi nơi xa để hẳn không làm gì được, rồi hãy tìm cơ mà giết đi. Tôi cho anh cùng ở với hẳn, khéo dò xét hẳn, thì tính mạng hẳn chỉ nay mai là xong đời ». Mùa xuân tháng hai năm Mậu-thân, Pháp điều động ông làm giáo thụ phủ Ninh-hòa tỉnh Khánh-hòa. Tiếng là bỏ đi làm quan, sự thực là để đuổi đi mà thôi. Còn tên mật thám nọ thì vì người Pháp cho đi mật thám ông nên được bổ làm Bố-chánh Khánh-hòa. Lúc đó ông có bà mẹ hơn 80 tuổi. Ông lấy cơ mẹ già từ chối không đi làm quan, nhưng người Pháp buộc ông phải đi, không được từ chối. Đến mùa hè ông phải đi đến chỗ nhận việc. Tên mật thám kia đã đến Diên-khánh trước ông bốn tháng. Tên mật thám kia lấy cơ bạn bè đồng hương hàng ngày ân cần đi lại thăm hỏi. Ông là người ngay thẳng không để ý, cũng lấy thiện ý đối xử lại mà thôi. Vừa lúc vụ chống sưu Quảng-nam bùng nổ. Sau mười ngày ông tiếp được thư nhà. Xưa nay ông vẫn đề tâm đến dân khí. Được tin ấy ông rất lấy làm mừng. Ông mới lấy bút phê vào sau thư 7 chữ như thế này: « Dân ta làm thế sừng, sừng, sừng »⁽¹⁾.

Lúc đó ông cũng quên là tên chó săn nọ đang ngồi một bên. Tên chó săn được thấy mấy chữ phê ở thư, liền mang bức thư về lúc thì đánh điện cho quan thầy Pháp của hẳn rằng: « Xui giục dân Quảng-nam làm loạn là Trần quý Cáp; còn có những lời loạn nghịch phê vào thư ở đây, xin chém đi ». Người Pháp phúc lại điện văn:

(1) 吾民此舉快快快: ngộ dân thử củ khoái, khoái, khoái.

« Xuí dân làm loạn, mưu đồ loạn nghịch, nên xử tử hình ». Thế là tháng năm ngày năm năm Mậu-thân ông bị chém ở chợ Diên-khánh. Lúc giết ông, tên quan lại làm việc này đã căn cứ vào 7 chữ phê ở thư mà tuyên bố tội trạng. Trước đó tên coi ngục rất kính trọng ông, nói với ông rằng: « Tôi vì phải thi hành mệnh lệnh, thấy ông bị nguy thế này, lòng tôi như dao cắt. Nếu ông cần bảo làm gì tôi xin ra sức. » Ông nói: « Được thế này là chỉ muốn của tôi, có phàn nàn gì đâu. Chỉ xin lấy áo lễ cho tôi, đặt hương án ở trước để tôi làm lễ từ biệt các đồng bào, các đồng chí. » Người giám ngục theo lời. Vài giờ sau thì lễ phục và hương án đã đem đến. Ông ăn mặc khăn áo chỉnh tề, đốt hương trên án. Bình thời mặt ông thường đỏ, mà nay sắc đỏ thêm tươi, vẻ sáng tỏa ra bốn phía, so với lúc thi đỗ, nhan sắc không giống nhau ai cũng lấy làm lạ. Ông hỏi giám ngục rằng: « Đã đến giờ chưa? » Giám ngục bảo: « Còn 5 phút nữa ». Ông đến trước án trông về phía Bắc, lạy 5 lạy và nói: « Quý Cáp bất tài, không giúp được một tay cho nước cho vua, đồng bào lâm than, chưa biết đến bao giờ, mà tôi đã thoát khổ, tôi rất có tội, xin lấy chết tạ tội ». Lại lạy 4 lạy mà nói: « Các đồng chí cố gắng, dân chí mở mang dần, dân khi có lúc dùng được. Mong các đồng chí kiên chí giữ mình, góp sức suy nghĩ, đừng vội vã, đừng yếu ớt, làm cho được việc, đừng bắt chước chết sớm như tôi. Tội tôi to lắm, xin lỗi các đồng chí ». Ngoảnh lại tên coi chém và nói: « Việc tôi hết rồi ». Tên coi chém chưa giả lời thì ông lại nói: « Chưa, chưa, tôi còn có mẹ già, lẽ nào lại không tạ tội ». Lại trở lại hương án lạy 4 lạy nữa mà nói: « Tôi lấy chết tạ mẹ già tôi. » Nói xong giờ cổ chịu chém. Lúc đó ông 47 tuổi.

Lúc ông hoạt động thường nói với người ta rằng: « Khai dân trí có ba cách: học hiệu là hơn cả. Thứ đến

báo chí, sau là diễn thuyết. Ngày nay gọi là dạy, chỉ là trường học trâu ngựa mà thôi. Báo chí thì do người Pháp quản lý, chúng còn ngu dân không hy vọng gì. Chỉ còn diễn thuyết mà thôi. Có cắt lưỡi tôi đi thì thôi. Nếu không thì lưỡi tôi là quyền của tôi, tôi quyết làm chí tôi, không thể lấy đầu tôi mà đổi lưỡi tôi được». Đến nay quả nhiên đã vì lưỡi mà mất đầu, than ôi!

Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Ma xa lệ nhãn khán Đông-cầu
Phong vũ niên lai dục quyền Âu
Quốc chủng hướng vinh hoàn tự bá
Thiệt phong đảo tử bất tăng nhu
Hùng hồn nghĩ bả cường quyền đảo
Bích huyết phiên nhân chính nghị lưu
Nam vọng giang sơn tà chiếu ngoại
Thương tâm thất tự cánh thiên thu

DỊCH:

Đưa tay gạt lệ ngó Đông-cầu,
Mưa gió năm chày cuốn đất Âu.
Giống nước muốn tươi gieo mới được,
Lưỡi gươm gấp lúc có mềm đầu.
Hồn thiêng đánh ngã cường quyền xuống,
Máu nóng vì chưng chính nghĩa trào.
Non nước trời Nam nhìn bóng xế;
Đau lòng bảy chữ hóa ngàn thu.

Phụ: Thơ viếng của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Kẻ đốn dĩ tạ cự sinh nhai
Mỹ vũ Âu phong chầm bạn lai
Độc lập đường đàn bằng khí trúc
Tự do thế giới tạ hồn khai
Hung khâm sấp khả toàn cầu tiểu
Ca khốc kinh tương vạn mộng hồi

Thứ khứ hóa vi trào trện trện
Nam-minh nhật dạ lãg như lồi

DỊCH :

*Lợn gà nghề cũ đã rời xa,
Gió Mỹ mưa Âu tới cõi nhà.
Độc lập nền kia nhờ khi đắp;
Tự do đời nọ ở hồn ra.
Toàn cầu cũng nhỏ trong tầm mắt
Muôn mộng theo về tiếng khóc ca.
Từ đó hóa làm cơn sóng nước;
Đêm ngày tiếng sóng bể Nam la.*

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

LÊ KHIẾT

Kể hạng Việt gian theo Pháp, thủ đoạn ác nhất, lập công nhiều nhất cho Pháp, được người Pháp tin cậy nhất mà tàn bạo đối với đồng bào ta nhất, thì không ai bằng Nguyễn Thân. Thế mà người em họ là Lê Khiết lại là một chuyện lạ trong sử đảng ta. Ông người Quảng-nghĩa, cùng làng với Nguyễn Thân. Mẹ Thân và mẹ ông là chị em. Ông sinh ra khỏi ngõ, được cha Thân là Nguyễn Tấn thương và đưa về nuôi, dạy cho ăn học thi đỗ cử nhân. Thân thì làm việc giỏi mà ông cũng lanh lợi. Hai người rất tương đắc với nhau. Từ nhỏ đến lớn, ông không hề xa Thân. Nước mất, Thân phục vụ đặc lực cho Pháp, cáo nhờ oai cộ đề lên mặt với thiên hạ. Ông nhìn thấy quen cũng không lấy làm lạ.

Vào những năm Ngọ, Vị niên hiệu Thành-thái, Phan đình Phùng đóng quân ở miền thượng du Nghệ-Tĩnh chống lại với Pháp đã gần 10 năm, làm thành như một nước độc lập nhỏ. Người Pháp rất lo ngại. Nguyễn Thân đã đánh dẹp đảng ở Nam-Ngãi nên người Pháp cho Thân là giỏi, mới bổ Thân làm Kinh lược tiết chế đại sứ Nghệ-Tĩnh. Thân đem Lê Khiết đi theo làm tán tương. Lê giúp Thân dẹp Đảng Nghệ-Tĩnh và được bổ chức Bố chánh quyền việc Tổng đốc. Lúc đó Phan thị Hán bị tình nghi và theo dõi, ông vì mến phục Phan nên hết sức che chở. Ông vẫn không phải là xấu, chỉ vì sinh trưởng trong nhà nô lệ, hầu như đã mất bản

tướng của mình mà làm tay sai cho Pháp. Than ôi, người ta không phải thần thánh, khó lòng mà không để tập quán lôi kéo mình.

Lúc hội chủ Kỳ-ngoại-hầu xuất dương, ông được tin rất là phấn khởi mới tìm liên lạc với tân đảng. Lúc đó vừa Lê Võ ở Bắc về, đem quyển vong quốc sử của Sào Nam cho ông xem. Ông đọc xong, nước mắt chảy ròng ròng. Đọc đến câu «Lê Khiết là chó dữ của Nguyễn Thân» thì ông vứt sách xuống đứng dậy nói to rằng: «Thương thay, thương thay! Trước đây tôi làm thiết là chó má vậy; nhưng từ nay trở đi tôi mới là người». Từ đó hàng ngày ông đi lại với tân đảng ở Nam-ngãi bí mật giúp đỡ. Ông rất nhiệt thành chịu khó, cái gì người khác không làm được là ông tự đảm nhiệm lấy. Một hôm Lê Võ bảo ông rằng: «Đảng ta muốn làm việc lớn cần có một tên tay sai Pháp có thể lực giúp đỡ cho. Một mai khởi sự, trong ngoài phối hợp với nhau thì hy sinh ít mà thành công nhiều. Hiện nay trong bọn tay sai Pháp chỉ có Nguyễn Thân thế lực to, ông có thể vận động được Nguyễn Thân không? Được Thân như là được một bức thành quan trọng vậy». Ông nói: «Tên này cái bệnh làm nô lệ đã ăn sâu vào cốt tủy không thể chữa được nữa. Nay dỗ nó, nó không theo thì nó sẽ phản lại mình. Tuy thế tôi cũng thử làm xem, dầu tôi chết cũng không hại gì cho việc đảng». Ông liền đến nhà Thân, đưa quyển vong quốc sử cho Thân xem và nói: «Bọn tân đảng kia, họ bảo anh với tôi làm chó săn của Pháp. Nay chó đã chết rồi, thì chúng ta còn lấy gì mà sinh tồn nữa». Thân biết ông làm thuyết khách cho đảng, chỉ cười nhạt mà không nói gì. Ông lại lo lắng việc đảng hơn trước, thường đi lại các huyện, lón tiếng hô hào, đề xướng việc độc lập. Người Pháp lấy làm lo, mới bàn với Thân tìm cách hại

ông. Vừa lúc ấy việc chống sưu ở Nam-Ngãi phát ra. Thân xúc sử người Pháp giết ông, Thân nói rằng: « Ông là người xương loạn ». Vì thế ông bị tử hình. Lúc ông sắp bị chém, ông nói với người ta: « Cái vết dơ của lịch sử nửa đời người tôi nay lấy máu cổ mà rửa. Vinh hạnh biết chừng nào! » Thế rồi bị chém. Lúc đầu rơi xuống đất, mặt vẫn có vẻ vui cười. Thơ xưa có câu: « sai một bước giận thành muôn thuở, ngoảnh đầu về thân đã trăm năm ». Như ông Lê Khiết dũng cảm sửa chữa lầm lỗi, nhiệt thành làm theo điều nghĩa, thiệt đáng là người hào kiệt. Cũng đồng ngày ấy, Nguyễn bá Loan con đại thần bản triều Nguyễn bá Nghi cũng bị chết. Nguyễn trước khởi nghĩa bị thua chạy vào lục tỉnh; đến ngày ấy về làng lại bị án vào đảng, nên bị giết.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Mê đồ quán quán ngộ thanh niên
Mộng lý cửu nhiên hốt cảnh nhiên
Dược thạch sở ngôn không túc bệnh
Đầu lô nhất trịch bổ tiền khiên
Ba đào thiệt đề chân thành hải
Vân vụ tình dư tiền kiến thiên
Tất cánh nhân sinh đồ hữu tử
Lưu phương di xú khán thủy hiền

DỊCH:

Làm đường đã trót buổi đầu xanh,
Tỉnh giấc chiêm bao bỗng giật mình
Mở miệng chữa lành căn bệnh cũ;
Rơi đầu rửa sạch lỗi bình sinh;
Lưỡi như sóng bể dương cuộn cuộn;
Nặng lại mây trời đã sạch sanh.
Ấu cũng là người đều phải chết;
Đề thơ đề thối hỏi ai vinh?

Phụ: Thơ viếng của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Mạnh lãng sinh nhai ngộ nhập nô
Hồi đầu kim thủy nhận chân ngô
Nam-Thiên sỉ cộng chư cừu đới
Đà-Hải kỳ tương vạn lãng khu
Nhật nguyệt chiêu công phiên cự sử
Giang sơn nghinh ngã tây tiền đồ
Khả liên nhất bối phù thuyền khách
Thụy mộng trường truy tỉnh dã vô

DỊCH:

*Nô lệ đời người đã xấu xa,
Ngoảnh đầu nay mới nhận ra ta.
Cùng thù then đội chung trời Việt;
Mượn sóng xưa đi khỏi bể Đà.
Nhật nguyệt soi ông thay sử cũ.
Non sông chờ lối quét đường xa.
Thương thay một lũ mỏng ve nhỏ,
Giấc mộng mơ màng đã tỉnh chưa?*

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyền sách)

NGUYỄN HÀM

Cách miền Nam hơn 200 dặm, có hòn đảo gọi là Côn-lôn diện tích chỉ hơn 100 dặm vuông, 60 năm trước đây là một hoang đảo. Rừng cây rậm rạp, chim cá sinh đẻ ra nhiều. Trong đời Tự-đức, người Pháp kinh lý đất này đề dầy các người bị án nặng ra đó làm các công việc nặng nhọc. Đó là nơi lao động ở, cũng là nơi trộm cướp tập hợp, nói đến đảo Côn-lôn ai cũng giật mình. Gần đây vài mươi năm, đảo mới biến thành nhà phúc vường thọ của các nhân nhân chí sĩ, anh hùng hào kiệt; những người có huyết khí, có kẻ lấy việc không được đến Côn-lôn làm thẹn. Ấy cũng là một việc rất lạ! Mùa đông năm Bính-ngọ⁽¹⁾, người đảng bắt đầu bị tù, cho đến ngày nay, các đồng chí chúng ta gặp phải tai nạn, nặng là tử hình, thử đến án chung thân đi dầy. Các nhà ngục Côn-lôn là thịnh nhất. Thương thay đồng chí ta gửi xương Côn-đảo không biết là bao!

Tôi trôi dạt nước ngoài, tiếc không biết được tin tức đích xác, vậy đợi lúc khác điều tra thêm cho đầy đủ sẽ chép lại sau. Nay tôi biết rõ một chuyện xin đăng lên đây đó là chuyện ông Nguyễn Hàm. Ông tên chữ là Nam thịnh, người tỉnh Quảng-nam, cha là tham tri Nguyễn Thành, người có đạo đức, là một ông quan tốt của bản/triều.

(1) 1906

→ Ng. Thành là chính Ng. Thành chứ?

Cha ông mất khi ông lên 8 tuổi. Ông được mẹ nuôi đến lớn; tư chất rất thông minh, đọc sách một lần là hiểu nhưng không ham làm văn cử nghiệp. Lúc 15, 16 tuổi đã có chí học về kinh tế. Nhà có nhiều sách, thứ gì ông cũng xem. Nhưng các quyển Tôn-tử binh pháp, Ngũ hầu tâm thư, thì ông đọc không bao giờ rời tay. Thường các sách nghiên cứu địa lý, lịch sử nước ta, bản triều thực lục, các sách cấm, ông hết sức tìm kiếm. Thiệt đúng là người hào kiệt có tư tưởng học thức khác đời. Năm Ất-dậu niên hiệu Hàm-nghi⁽¹⁾ kinh thành thất thủ, vua xuất bôn, quân cần vương các tỉnh nổi dậy. Nghĩa hội Quảng-nam cử ông Nguyễn Hiệu làm hội trưởng thống suất các đạo nghĩa binh, giữ tỉnh thành để chống Pháp. Lúc đầu đánh tỉnh thành, ông lấy tư cách ấm sinh mộ một đạo quân cùng đánh. Các tướng lĩnh nghĩa binh thấy ông còn trẻ mới 18 tuổi tỏ vẻ khinh ông. Lúc hạ được tỉnh thành, các tướng chạy đến các kho tiền, kho thóc và các dinh thự cướp lấy các cửa quý, rồi đóng quân trong thành, kéo cờ lên như buổi thái bình. Còn ông thì đến kho thuốc, đạn, đem quân vào lấy hết rồi bỏ thành ra đi. Không bao lâu, tướng Pháp đem đại binh đến cướp thành Quảng-nam. Thành vốn là hẹp, quân trong thành là quân ô hợp, thấy quân Pháp đến hoảng sợ. Pháp bắn vào thành đạn như mưa xuống, chỉ 50 phút là thành bị mất. Các tướng chạy cả, quân lính tan vỡ, không thành hàng ngũ gì nữa. Lúc đó chỉ có quân Nguyễn Hàm là không hề gì. Trước đó ông đem quân ra thành, kịp chiếm các phủ huyện thượng du, dựa vào núi hang nơi hiểm yếu, xây nhà đắp lũy, tập bắn, sẵn sàng chờ quân địch, vì biết người Pháp thế nào cũng đem đại quân đến. Quân ta

(1) 1885

mới mộ, tất không chống nổi, cho nên bỏ thành mà đóng thượng du, để mưu chống cự về sau. Giặc Pháp đã chiếm Quảng-nam nhưng trong thành không có người, chúng phải tìm kế dụ dỗ, chưa kịp đuổi theo ông. Vài tháng sau các quân lính ông luyện tập ra có thể đánh được. Vả lại súng đạn tạm đủ, cho nên hễ quân Pháp đến thì chặn chỗ hiểm yếu nấp quân để chống lại, thường đánh bại được giặc. Vì thế trong tướng lĩnh các đạo, những người không chịu hàng Pháp đều đến tập hợp với ông. Ông Nguyễn Hiệu thấy ông tài giỏi cho làm tán tương quân vụ, mọi việc đều giao cho ông. Từ năm Mậu-ty⁽¹⁾ từ Quảng-bình về Nam, quân cần vương không còn gì nữa. Chỉ có ông còn giữ một huyện Hà-đông (?) tỉnh Quảng-nam. Nhưng đã mỗi một lẫn rồi: lương thực đã hết, viện trợ không có. Tay sai của Pháp là Nguyễn Thân lại đêm ngày truy nã ráo riết. Nguyễn Hiệu và ông bị bắt trong một lúc. Nguyễn Hiệu bị giải về Huế, không chịu khuất phục nên bị giết. Còn ông thì vì Nguyễn Thân khâm phục tài giỏi nên nói với người Pháp tha chết cho về làng quản thúc. Bộ hạ ông có người khuyên ông tự tử. Ông không giả lời và không tự tử. Xưa Tư mã thiên đời Hán có nói: « người giỏi thận trọng cái chết, vì họ tự phụ có tài, muốn để dùng chỗ chưa dùng đến của mình ». Như Nguyễn nam Thịnh há không phải là người giỏi? Nhưng ông cũng không để cho Nguyễn Thân dùng. Thân thường nói với bộ hạ hắn rằng: « trong nghĩa hội Nam-Ngãi, chỉ có Nguyễn Hàm là biết dụng binh, ngoài ra có thể đánh được như trẻ con thôi ». Ông nhờ của cha ông để lại, ruộng vườn đầy đủ, cho nên khi đã về vườn, vì đã có hiểm nghị việc đảng, mới trà trộn trong đám canh mục, làm ăn

(1) 1888

cần cù. Nguyễn Thâm vẫn theo dõi xem ông làm gì, nhưng không thể bắt tội ông được. Nhưng người nào quen biết ông lắm và được ông tin cậy thì càng lâu càng phục ông, vì ông người trấn tĩnh mà có trí khôn. Ở yên được 10 năm, nuôi trâu bò, mượn người làm như một người chủ ruộng. Nhưng cái nhà nhỏ nơi thôn trang, không ngày nào không có vết chân đi lại của các người đi trốn, các khách kiếm hiệp. Nhà ở chỉ cách tỉnh thành năm, sáu mươi dặm mà bọn mật thám không biết gì, đó cũng là việc khó.

Năm Quý-mão ⁽¹⁾ Phan thị Hán mưu khởi sự ở Nghệ-an muốn được các bạn Nam-trung hưởng ứng. Trước đó vài năm do các dư đảng Phan đình Phùng mà Phan biết tiếng Nam thịnh. Đến nay mượn đường vào Quốc-tử-giám ở Huế Phan mới cùng Lê Võ lên vào Quảng-nam. Lê Võ là dòng dõi nhà tướng, bốn người anh đã chết vì nước, Võ trẻ hơn, tay vượn mày điều, mặt mũi sắc sảo, Nam thịnh chưa từng quen biết nhưng thấy một lần đã vui mừng như bạn thân. Cùng nhau ăn cơm uống rượu rồi bàn việc nước. Ông nói: «Tôi biết hai ông vì sao mà đến đây rồi; đầu tôi chưa rơi xuống đất, thì lòng tôi không phút nào quên, chẳng qua chỉ chóng hoặc chày thôi. Ở đây có một người có thể đồng mưu được là Tôn thất Toại. Lúc kinh thành bị mất 3 năm rồi, Toại mưu với các người tôn thất muốn nổi dậy. Việc bại lộ chạy vào Quảng-nam. Tôi đã giấu ở đây hơn 10 năm rồi, tiếng là thầy thuốc, thực là con cháu nhà vua. Nay vua Hàm-Nghi đã bị đày, vua Thành-thái ở trong vòng vây của giặc chúng ta không liên lạc được. Vả lại giặc đã lập lên thì không thể thu phục nhân tâm được. Ngày sau khởi sự cần phải có người như

(1) 1903.

*Lê Duy Bang (anh) huyện tôi Lê Tri (anh Lê Lợi), bị
7 người khác lập danh Lê Tri tôn.*

Lưu-bị, Lê-Bang (?) đề lấy tin cậy của quần chúng. Cho nên tôi giấu người này là có ý chờ thời; các ông có chí lớn, nên gặp ông ta một lần xem sao ».

Ngày ấy 3 người cùng đến nhà Tôn thất Toại nói chuyện một lúc lại trở về nhà Nam thịnh, đêm đã khuya. Phan, Lê bảo Nam thịnh rằng: « Người này nhân từ có thừa mà anh vũ không đủ, vả lại thể cách tướng mạo đều không phải là người có thể hưởng phúc, ngày nay chúng ta mưu toan việc lớn, khó khăn gấp ngày xưa hàng chục lần, nhất định phải tìm người hoàn bị, để làm ông chủ trung tâm, ta thử nghĩ xem, có ai hơn người này không? » Nam thịnh ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: « Theo kinh nghiệm và hiểu biết của tôi thì thông thường là nước mất thì ngôi vua, miếu xã cũng mất theo. Nay lại không thế: miếu xã còn, quân chủ còn, cái tâm lý người ta ái dái hoàng thất chưa hề biến đổi. Lấy nhân tâm mà bàn, thì ngày sau chủ tể ba quân mà khôi phục non sông nước ta, nếu không có một người trong hoàng thất làm trung kiên thì không thể hiệu triệu đồng bào, thu phục quần chúng. Bản triều chúng ta đức Cao-hoàng đã gian nan xây dựng ra cơ nghiệp, tôi dân mất nước đều chịu công ơn, Hoàng thái-tử Cảnh thiếu niên khổ cực chưa được hưởng nước, về sau bình như tuyết giòng, đọc chuyện Đông cung Anh-Dục hoàng Thái-tử rất là cảm khái. Nói về thiên đạo, con cháu Đông-cung thế nào cũng có người nổi lên. Ý kiến của tôi là muốn tìm dòng dõi Đông-cung. Nhưng tôi là người bị tình nghi, có tai tiếng nhiều, hễ có cử động gì là bọn Pháp đề mắt. Muốn đi kinh sư một lần, hỏi khắp Hoàng tộc xem có ai không, thế mà sợ lộ tiếng tăm không dám đi. Nay các ông có chí ấy mà hình tích chưa lộ ra, nên nhân lúc ở kinh thăm dò dòng dõi Đông cung, để có ai có thể đồng mưu được

thì tôn làm Minh-chủ, rồi sẽ tổ chức đảng lớn, liên lạc các nhân sĩ trong triều ngoài quận, chia đường Nam, Bắc, đồng mưu tiến hành, một mặt bí mật liên kết lính tập để làm vây cánh, một mặt bí mật cầu ngoại viện để chuẩn bị việc tiếp tế. Như thế danh chính ngôn thuận, thì việc dễ thành công rồi tùy thời làm việc cho thích đáng, có thể đi đến kết quả. Như thế việc khôi phục nghiệp lớn không hẳn là khó». Phan, Lê đều nói: « Phải làm như thế mới được ». Mùa hạ năm ấy, Phan được gặp Kỳ-ngoại-hầu Cường đề ở kinh tại nhà Trần công tử nọ (nhà này là một cơ quan để hội chủ giao thiệp với Hội bí mật). Hai năm sau, Hội chủ xuất dương. Từ năm Quý-mão đến năm Mậu-thân cả thảy sáu năm, trong lo việc đảng, ngoài lo cầu viện, các việc vận động tiếp tế, đều do tay ông. Lâu rồi người Pháp cũng biết, nhưng không nắm được bằng chứng gì, cho nên dẫu căm ghét ông cũng không làm gì được. Lúc đó việc chống thuế nổi ra, người Pháp buộc tội ông là chủ mưu, nên bắt ông bỏ tù cùng một lần với Chu thư Đồng. Vì rằng ông bình sinh được người ta mến phục, vây cánh nhiều, giết đi sợ sinh loạn, nên Pháp đem đày ông ra Côn-lôn. Ở đảo vài năm, ông vì phần uất sinh bệnh nên đã chết ở đó. Phan thị Hán thường nói với người ta rằng: « Trong các bạn tôi quen biết, những người làm việc giỏi tuy nhiều, nhưng nói về ứng biến mau chóng, chuyển hướng khôn khéo, gặp việc khẩn cấp, không hay bối rối thì chỉ có Nam thịnh thời, chỉ có Nam thịnh thời ». Ông chết đi thiệt là đáng tiếc. Lúc ấy ông đã 49 tuổi.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM :

Tị kiên nam bắc đảm kiên khôn
Công khứ na kham ngã độc tồn

Bách bại tàn sinh bi hậu tử.
Thiên thu đại kế thống tiền ngôn
Tiêm cừ uất kết trấp niên chí
Ái quốc thê lương vạn lý hồn
Anh khí dục tương Côn-đảo hám
Cuồng đào nô dũng vạn phong hồn

DỊCH:

*Chung vai Nam Bắc gánh cân khôn,
Ông chết riêng tôi vẫn phải còn.
Trăm trận sống thừa thương chết muộn.
Ngàn thu chước lớn nhớ lời son.
Bao năm diệt giặc chưa vừa ý;
Muôn dặm thương quê luống tủi hồn.
Giận muốn san bằng Côn-đảo quách.
Ầm ầm tiếng sóng nổi muôn cồn.*

**Lại một bài điệu chung các đồng chí
đã chết ở Côn-lôn**

PHIÊN ÂM:

Bích thiên vi trạch hải vi gia
Hồi thủ thương mang nại nhĩ hà.
Phong vũ tung hoành qui mộng kiếp
Vân yên âm âm khốc thanh đa
Tàn hồn chiếu trủng tam canh nguyệt
Tráng khí thôn sơn vạn khoảnh ba
Tòng thủ hợp xưng Trung liệt đảo
Thiên thu hương huyết nhiễm hồng hà

DỊCH:

*Trời xanh bề thăm cũng là nhà,
Ngoảnh lại mơ màng khó nói ra.
Ngang dọc chiêm bao mưa gió nặng;
Buồn rầu tiếng khóc khỏi mây qua.
Khí hùng muôn sông non cùng nước;
Mồ vãng ba canh nguyệt xế tà.
Từ đó gọi là Trung-liệt-đảo;
Máu thơm ngàn thuở rắng hồng pha.*

Phụ lục : Câu đối điều của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM :

Côn lân đảo diện tích nhược kỷ, thiên dong hứa đa nhân, kỷ tuyệt kỷ, tạo thiết đương sơ, ninh vấn hữu kỷ dư vô kỷ, ba trung dũng khởi cô phong, cao cao cao, lưu cá anh hùng vạn cổ trạch.

Đại Việt quốc huyết cấu đặc lai, sở trị chỉ nhất tử, oán hà oán, lưu ly thủ nhật, bất dĩ ca khứ dĩ khốc khứ, mộng lý kinh hồ đồng chí, chiến chiến chiến, hoàn ngã sơn hà độc lập thiên.

DỊCH :

Đảo Côn-lân diện tích bấy nhiêu, dung được biết bao người. lạ lạ sao ! Xây dựng từ xưa, nào hỏi gì có hẹn hay không, giữa dòng nổi ngọn non côi : cao, cao, cao, nhà cửa anh hùng lưu lại đó.

Nước Đại-Việt máu xương mua lại, giá đáng một cái chết oán oán mãi ! Lưu ly ngày ấy, bước ra lại không ca mà khóc, trong mộng hoảng kêu đồng chí : đánh, đánh, đánh, bầu trời độc lập trả về đây.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

SƠ LƯỢC VIỆC CÁC LIỆT SĨ HÀ THÀNH BẮC-KỲ BỊ HY SINH

Sau khi Pháp chiếm Việt-nam ta, chúng chọn những người tuổi trẻ sức mạnh làm lính tập, bắt vai mang súng, lưng mang đạn, để lừa ra các trường huyết chiến, để giết hại đồng bào ta và làm bia đỡ đạn cho chúng. Các liệt sĩ không muốn chịu nhục với giặc, ần ần chờ cơ hội để rửa cái giận lớn của mình. Vì thế mà có vụ ngày 29 tháng 5 năm Mậu-thân⁽¹⁾. Trong vụ này các ông Nguyễn trị Bình, Nguyễn văn Nghĩa, Đặng đình Nhân, Nguyễn văn Cốc... đã bí mật liên lạc với lính tập và các nhà bếp trong trại lính, tổ chức một đảng bí mật. Tôn chỉ của đảng là cốt đuổi Pháp, phục Việt. Trước hai ngày, các ông mở cuộc hội nghị lâm thời ở đền Bạch-mã, uống máu ăn thề, định đến ngày ấy khởi sự. Trước hết, nhà bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn để giết quan binh Pháp. Sau đó đi vào kho khí giới cướp lấy súng đạn tiến công phủ thống sứ. Một mặt các ông ám thông với Hoàng tướng quân. Kéo quân về phía Nam để trong ngoài tiếp ứng cho nhau. Đến ngày quan binh Pháp trong trại đã trúng phải thuốc độc, say nhưng chưa chết, thì việc tiết phát ra. Các ông Nguyễn, Đặng, đều bị bắt, người đảng chưa tập hợp kịp nên việc không thành.

(1) 1908.

Việc đã thất bại rồi, người Pháp xử án 5 người thủ mưu bị tử hình. Trừ Nguyễn, Đặng ra còn một người là đầu bếp Hai Hiên. Ngoài ra vụ án này mà liên lụy có 11 tử hình, còn đồ lưu, giam, cấm đến hơn 60 người. Than ôi! việc không may mà đáng thương thì không gì bằng việc này; máu quân thù chưa chảy giọt nào, mà 20 cái đầu liệt sĩ nghĩa dân đã cùng rơi một lúc, ai là kẻ không cảm động cho các ông! Nếu để chậm ra ít phút nữa thì có thể lấy xong kho súng đạn, chiếm được phủ thống sứ, phía Nam đông bám cầu, đã đột phát một trận gió mây lớn rồi; trời làm như thế biết làm sao bây giờ? Tuy nhiên hiện còn hơn 20 vạn anh em ta trong quân đội để thực hiện cái chí mà các ông Nguyễn, Đặng chưa thực hiện được. Cái hờn của các liệt sĩ ở dưới chín suối ắt có ngày được an ủi. Vậy xin chép việc này lại đây, để ngày sau in ra.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM :

Chữ đậu nhiên cơ thống nhược tào.
 Đảo qua kim nhật chững ngô bào
 Sách huân kế nãi trì tam khắc
 Sát tặc tâm hoàn khoái nhất đao
 Phong vũ thanh trung hồn tả dẫn
 Tiêu yên trận thượng khí tiền mao
 Đồng cừ trấp vạn anh hùng tại
 Thỉnh khán đương niên dorm độc hào.

DỊCH :

Nấu đậu nhen cây khô xiết bao ⁽¹⁾ /
 Ngày nay trở giáo cứu đồng bào.

(1) Tào Thực, Tào Phi con Tào Tháo không hòa hợp với nhau mà Phi muốn giết Thực. Thực làm bài thơ có câu «chữ đậu nhiên đậu cơ: lấy cây đậu nấu đậu»

Bây mưa đã chậm chừng ba khắc;
Giết giấc lòng còn sợng một dao.
Trong tiếng gió mưa hồn tả đản;⁽¹⁾
Trên cơn khói đạn khi tiền mao⁽²⁾
Đồng cừu còn đó hai mươi vạn,
Hãy nghe năm kia can đảm hào

Phụ: Thơ điệu của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Bất vị tru cừu khảng sự cừu
Chầm qua thời súc đảo qua mưu
Tự tiền huyết trích quỷ thần khốc
Thành bắc hồn qui thiên địa sầu
Hận đảo cừu tuyền nhưng mạ tặc
Khí dư nhất kiếm thượng hoành thu
Nhĩ Hà thủy xích Tây phong hắc
Độc lập tà dương lệ âm lưu.

DỊCH:

Chả giết cừu sao lại giúp cừu,
Goi đao còn đợi lúc quay đao.
Trước đến máu chảy quỷ thần khóc;
Ngoài thành hồn về trời đất sầu.
Giận đến suốt vàng còn mắng giặc,
Khí thừa gươm bạc vẫn ngang thu.
Nhĩ-hà nước đỏ gió Tây tối
Dưới bóng tà dương giọt lệ trào.

**Phụ lục: Trần quốc Duy đề sau khi đọc chuyện
Hà-thành liệt sĩ**

PHIÊN ÂM:

Thùy tương tiên huyết nhĩ hiêm thanh biên
Ngọ rạ hàn đăng nhất huyền nhiên

(1) Tả-đản là ống áo bên tả. Hãn Cao-tô chết, vợ là Lữ-Hậu chuyên quyền muốn giãnh ngôi vua cho họ Lữ. Vương-Bột đứng trước ba quân nói « ai theo họ Lưu (Hán) thì bận áo bên tả trước » Quân lính đều bận bên tả trước.

(2) Tiền-mao: Cây lau trước hết, có nghĩa là đi trước người ta; khí là khí khái.

Bạt kiếm thủ lừng hoành chuốc địa
Đảo qua tâm sự trực hồi thiên
Minh tâm Bạch mã quỷ thần khốc
Kiếp hoán hồng-dương kim cồ liên
Độc bãi tiêu tiêu phong vũ khởi
Kinh văn tả dẫn tảo thanh tuyền

DỊCH :

Sử xanh ai lấy máu tươi pha,
Đêm vắng đèn tàn giọt lệ sa.
Tay mạnh múa gươm nhè đất chém;
Lòng thành trở giáo kéo trời xa.
Thề đền Bạch-mã thần than khóc; ⁽¹⁾
Đôi kiếp Hồng-dương vận xót xa. ⁽²⁾
Độc chuyện rầu rầu mưa gió nổi,
Hoảng nghe tả dẫn tiếng kêu la.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

(1) Đền ở Hằng Bướm chỗ các liệt sĩ ăn thề với nhau.

(2) Lúc gặp tai ách gọi là Hồng-dương (dê đỏ).

NỮ LIỆT SĨ ĐÌNH PHU NHÂN

Nước ta từ xưa thường có những anh kiệt xuất thân trong nữ giới thiết là có thể làm hả giận cho non sông. Trưng nữ vương, Triệu-Âu vì chống Hán, chống Ngô mà đề tiếng. Ở triều Sơn-tây Nguyễn thị Xuân nổi tiếng là biết dụng binh, đó là những người tiêu biểu nhất. Từ khi nước mất đến nay, cũng thường có những nữ chí sĩ hoặc xuất của đề nuôi đồng chí, hoặc lấy nghĩa lý mà khuyên chồng, cái lòng nhiệt thành yêu nước yêu nòi và ghét thù, so với các tu mi nam tử chỉ có hơn, không có kém. Nay tôi xin nêu lên một người trước hết để làm gương cho đồng bào nữ giới toàn quốc. Gần hơn 10 năm nay, trong các nữ đồng chí mà hoạt động dũng cảm hơn, làm việc rõ ràng hơn và kết quả cũng rất mãnh liệt và đau đớn hơn, là Đình phu nhân.

Phu nhân là người Thừa-thiên, tính tình trầm nghị, đứng đắn trong sạch, là con nhà danh giá. Lúc bé có đi học hiền đại nghĩa và giỏi văn thơ. Phu nhân trước lấy một ông đốc học Quảng-trị. Chồng mất lúc phu nhân chưa đến 40 tuổi. Lúc kinh thành thất thủ, nước mất, nghĩa binh các tỉnh nổi dậy, phu nhân có tư tưởng giết giặc như Mộc Lan ngày xưa. Vì bị gia đình kiềm chế nên không thể làm theo ý muốn được. Phu nhân thường phẫn uất thấy bọn vô liêm sỉ làm tay sai cho Pháp muốn cầm dao giết đi. Khoảng năm Bính-ngọ

đời Thành-thái, hội chủ Kỳ-ngoại-hầu xuất dương, phong trào mới nổi dậy, người đảng bí mật làm việc khắp cả trong ngoài. Phu nhân chợt nghĩ mình cũng là một phần tử của quốc dân, yêu nước cứu nước chẳng phải là trách nhiệm riêng của nam giới. Được tin là người trọng yếu của đảng là Ngư Hải đi lại các nơi Kinh, Quảng để làm việc đảng, phu nhân mới tìm gặp Đặng nói chí của mình và xin sẵn sàng hy sinh cho đảng. Lúc đó công việc đảng, người Pháp đã đề ý dò xét; việc chuyển vận tiền bạc thư từ rất là khó khăn. Đặng mới đem việc này giao cho phu nhân. Phàm đồ vật gì từ Nam, Ngải đi qua Thừa-thiên để đem ra Nghệ-an và từ Nghệ-an đem ra Hải-phòng như tiền bạc, thư từ cho đến cả các đảng viên trốn tránh đều do phu nhân làm dây liên lạc. Phu nhân lại bí mật tìm các phụ nữ tin cậy được, tổ chức ra nữ đảng bộ mà phu nhân tự xem việc sắp đặt cho có nề nếp. Trong 4, 5 năm sự giao thông Nam Bắc có mạch lạc, nền kinh tế trong ngoài, nhờ thế mà khỏi khó khăn. Mùa đông năm Mậu-thân, việc lộ ra phu nhân bị Pháp bắt.

Người Pháp giải phu nhân sang bộ hình tra xét việc bí mật của đảng. Bị tra tấn cực hình mà vẫn cắn răng chịu chứ không nói gì. Tên tay sai đặc lực của Pháp Trương như Cương rất lấy làm giận, bảo phu nhân rằng : « Bà mà không nói thì sẽ bị chết, nhưng không chết được ngay đâu, chỉ khổ thôi. Nếu nói ra thì sẽ không bắt tội mà đại Pháp lại sẽ trọng thưởng cho bà nữa ». Phu nhân không hy vọng gì sống nữa, nhưng giả làm bộ tươi cười, nói với Cương rằng : « Các việc bí mật của đảng, tôi đều biết hết; các yếu nhân của đảng có đến vài trăm, tên tuổi sự trạng của họ tôi cũng biết cả. Đến nay tôi nghĩ nói ra cũng chết nên tôi không nói, nếu nói ra mà sống thì tôi đại gì mà không

nói. Nhưng nay mình mảy tôi đau lắm, nói năng cũng khó cho rõ ràng được. Vậy tôi xin được một phòng yên tĩnh, có đủ giấy, bút, mực, và nhờ cho mở gong xiềng ra cho một đêm, để tôi được tự do trong phòng, nghỉ ngơi một chút cho đầu óc được rảnh rang mà nhớ lại cho hết. Ruột gan có gì tôi sẽ viết ra hết, như thế có hơn không?» Trương như Cương tin là thực, mới làm theo lời yêu cầu của phu nhân. Hôm ấy phu nhân đóng cửa ngói một mình, thắp đèn lên viết. Phu nhân đặt giấy ra viết luôn luôn một mạch thành một bản cung từ thật dài toàn là mắng chửi người Pháp và bọn tay sai như bọn Trương như Cương, cốt làm cho chúng không thể đọc hết được. Viết xong lá thư, hết giấy thì đêm đã khuya. Ngoài cửa ngục tên lính canh ngủ khò khò. Phu nhân mới cắn ngón tay lấy máu đề thơ tuyệt mệnh vào tường rồi tự tử chết.

Sáng ngày sau, tên Cương sai lính đi lấy tờ cung. Đến thì thấy cửa phòng vẫn đóng, lính canh đang ngủ. Trong phòng ngọn đèn tàn đang còn, bên đèn là thấy nữ liệt sĩ. Lính chạy về báo với Cương, Cương sai một người đến lấy tờ cung. Nhưng người ấy không dám trình tờ cung cho Cương chỉ nói đại ý mà thôi. Cương cho lệnh đem tờ cung và cả thầy phu nhân đốt đi. Phu nhân chết độ một tuần rồi, ai cũng thương xót. Có người lên đến chỗ phu nhân tự tử xem có dấu tích gì không. Người ấy đọc bài thơ đề tường, máu như còn tươi, hồn thiêng như còn phảng phất. Cũng may lúc đó bọn tay sai Pháp không biết, nên nay chúng ta mới được đọc. Có ba bài như sau:

PHIÊN ÂM:

Huyết khô lệ kiệt hận nan tiêu
Trờng đoan Hương-giang nhật dạ trào

Ngô đảng tảo thanh cừ lỗ nhật
Phần tiền nhất chỉ vị nùng thiêu.

DỊCH:

Máu khô lệ cạn giận khôn tiêu;
Đút ruột sông Hương nước sớm chiều.
Cường-lộ ngày nào đã quét sạch;
Mồ ta mảnh giấy sẽ đem thiêu.

PHIÊN ÂM:

Trùng tuyền yếm lệ kiến Trung-vương
Đề huyết thư quyên chỉ tự thương
Bằng tạ Phật linh như tái thế.
Nguyện thân thiên tí tí thiên sang.

DỊCH:

Suối vàng Trung nữ thấy nhau đây,
Than khóc hồn quyên máu chảy đầy.
Nếu Phật thiêng liêng cho sống lại,
Tay thành ngàn cánh súng ngàn cây.

PHIÊN ÂM:

Thê lương ngực thất mạnh chung thi
Hải khoát sa không khốc tự tri
Tử quốc đảo nùng thiên hữu phận
Thương tâm quan lữ kỷ nam nhi

DỊCH:

Chết trong ngực thảm buổi sầu bi,
Bề cát bao la có biết gì!
Vì nước bỏ mình đành phận gái.
Đau lòng giẫy mủ mấy nam nhi!

Thơ diễm

PHIÊN ÂM:

Ngạo ngạn thu sương liễu nhất chi
Nhân trung kiều sở nữ trung kỳ
Giang sơn cừ thị chung thân sĩ
Phong vũ hồn dư tuyệt mạnh thi

Cương tỏa trường vô chân huyết tính
Quần thoa đội hữu hảo tu mi
Đồng bào nhất bán dĩ như thử
Kính sát cầu tu bích nhãn nhi

DỊCH:

*Sương thu cảnh liễu dừng tơ tơ,
Phận gái như người khác gái xa.
Thù của non sông riêng nổi nhục;
Hồn về mưa gió để bài thơ.
Xích xiềng huyết tính đâu còn nữa,
Khăn yếm mây râu sánh cũng vừa.
Một nửa đồng bào như thế ấy;
Kính phùng râu quặp mắt xanh lơ⁽¹⁾.*

Liễn viếng

PHIÊN ÂM:

Ta ta hứa đại sơn hà, Trưng-vương bất tác, Triệu-Âu an
qui, phiên giao lịch sử sở thiên niên, đa cừ nhất tử.

Đốt đốt thành hà thế giới, Đà-Hải trường tu, Bình-sơn ngưng
xú, nhãn khán tu mi kỷ bách bối, dữ tặc câu sinh.

DỊCH:

*Nước non rộng rãi đáng than thay! Trưng-vương không
đầy, Triệu-Âu về đâu? khiến cho lịch sử vài ngàn năm, thêm
người chết nữa!*

*Thế giới lung tung đáng lạ thật! Đà-hải thẹn đầy, Bình-sơn
thối ứ, nữ đề râu mày mấy trăm kẻ, cùng giặc sông sao?*

Phụ: Thơ viếng của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Thân hứa giang sơn thỉ mỹ tha
Tang thương kỷ hoán chí nan ma
Nhị Trưng can đảm ninh tri Hán
Đại-Việt cơ đồ biệt hữu gia
Đà hải đào thanh kiêm nộ dũng
Bình sơn nhật ảnh đối thu tà.

(1) Chỉ bọn Pháp có râu quặp, mắt xanh lơ.

Tự do hoa học La lan chủng
Di bút thiên thu đệ nhất hoa

DỊCH:

Non sông thân ấy kẻ chi mà,
Dâu bể bao lần vững chí ta.
Can đảm hai Trưng ai những kẻ,
Cơ đồ Đại-Việt ấy là nhà.
Bề Đà sóng dậy lòng thêm giận;
Núi Ngự thu đưa bóng xế tà⁽¹⁾.
Hỏi chị La-lan xin học lại⁽²⁾,
Ngàn thu bút để một cành hoa.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

(1) Một năm sau khi bà chết, Thành-thái cũng bị truất ngôi (dịch nguyên văn).

(2) La-lan phu nhân, nữ cách mạng Pháp chủ trương ôn hòa bị phái kịch liệt giết.

ĐẶNG THÁI THÂN

Ông tên chữ là Ngự Hải, người huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an, cháu Đặng tử Kinh.⁽¹⁾ Ông là một học trò giỏi bậc nhất của Phan sào Nam. Tính ông trầm nghị: khi làm việc gì nói câu gì không cầu thả, luôn luôn nghiêm túc. Thế mà cư xử với người lại dễ dãi chân thành, làm cho càng lâu người ta càng thân. Nhờ tư chất thông minh nên từ lúc tuổi trẻ đã nổi tiếng văn hay ở địa phương. Đọc học Đặng nguyên Cẩn, Tế tửu Khiếu nãi Tinh đều thích văn của ông. Nhưng chí của ông lại không phải mượn văn tự mà cầu phú quý. Sinh gặp thời nước bị luân vong, ông rất đau xót nên có hoài bão riêng. Khi biết Phan Sào Nam có chí bốn phương, ông hết sức tán thành. Mỗi lúc vào Nam ra Bắc, dầm dãi gió mưa thì ông luôn luôn ở bên cạnh Phan. Năm Quý-mão⁽²⁾ hai người đều đi kinh đô yết kiến Hội chủ. Hội chủ thấy ông người khôi ngô mà trầm hậu nên rất coi trọng. Trong vài năm ông góp sức vào việc tổ chức đảng rất nhiều. Mùa xuân năm Ất-tỵ, Phan sắp đi Nhật-bản muốn ông cùng đi. Ông từ chối và nói: «Lần này tiên sinh đi, tiền đồ chưa biết thế nào, nếu tôi mà đi nữa thì lấy ai làm hậu thuẫn». Vì thế ông khuyên Tử Kinh cùng đi với Phan, còn ông ở lại phụ trách việc trong nước.

(1) Gọi Đặng tử Kinh là chú ruột.

(2) 1903.

Từ đó hàng ngày ông phải đi vào con đường nguy hiểm. Tháng 11 mùa đông năm ấy Phan ở đông về Nghệ-an, đưa thư cho ông mang vào Huế trình Hội chủ và mưu việc Hội chủ đi Nhật-bản. Đến năm sau là năm Bình-ngọ vào ngày nguyên đán, ông đưa Hội chủ đi Quảng-nam. Lúc đó phong trào mới lên, bọn Pháp dò thám tợn, ông sợ lộ bí mật nên không dám mang theo người phục dịch, bao nhiêu đồ hành lý tự mình mang lấy cả, vượt núi trèo non, đường sá khó khăn, ngày đi hàng trăm dặm không biết mỏi. Đến Đà-nẵng rồi, thì muốn thuyền đi ngay ra Bắc. Rủi thuyền lại bị gió chưa đi được, sợ bọn mật thám theo dõi, ông lấy làm lo mới ngâm một bài thơ như sau :

*Thiên lý nhân tâm bước lộ trình,
Chết rồi sống lại các sinh linh.
Đông cung sáng suốt treo vầng nhật :
Kíp gửi thuyền Tây đề tới Kinh*

Một lúc sau hỏa thuyền đến. Ông đưa Hội chủ đi Hải-phòng. Trước đó Hội chủ đã hẹn với Đặng văn Bá gặp nhau ở Nam-dịnh tại nhà một ông họ, cho nên lại từ Hải-phòng đi Nam-dịnh. Trong sông đi hỏa thuyền nhỏ, thủy thủ toàn là mộ trong bọn giặc cướp ra. Ông suốt đêm ngồi canh để cho Hội chủ yên giấc. Lúc đầu định đi đường Việt, Quế rồi đi Hương-cảng. Vừa nhân có Nguyễn Diên người Cao Diên đã từng đi Nhật với Phan Sào Nam ở Hương-cảng về cho biết tình hình. Ông mới biết có người làm việc dưới tàu tự nguyện đảm nhiệm chu đáo việc đưa thư từ bí mật và người xuất dương. Ông mới cùng Nguyễn đưa Hội chủ ra Hải-phòng giao cho Đặng tử Kinh là người đã đi Nhật-bản về. Cuối tháng giêng năm ấy Hội chủ từ Hải-phòng ra đi. Cũng từ đó ông tận tụy làm việc trong nước, liên lạc các đồng chí, vận động việc tiếp tế, quên đêm quên

ngày, có khi bỏ cả ăn ngủ. Lúc đó trong đảng có hai phái: hòa bình và kích liệt, ông là trung kiên của cả hai phái, nhờ ông mà mọi việc được chu đáo. Ông nhiệt tâm việc nước, chí thành với nhiệm vụ chung nên được nhiều người tin ngưỡng. Vì thế đảng ta ngày càng kết nạp được nhiều, hoặc hữu tình, hoặc vô tình.

Nhưng cũng vì tiếng ông ngày càng rầm rộ mà bọn Pháp theo dõi ông ngày càng ráo riết. Ngày mồng hai tháng hai năm Canh-tuất⁽¹⁾, cách thành Nghệ-an khoảng một dặm có thôn gọi là Phan-thôn, trong thôn có một nhà nọ là nơi ra vào của người đảng, bọn Pháp cũng dò biết; chúng đem nhiều cửa thuê một đũa ở gái, hễ thấy ai đến thì báo với chúng. Hôm ấy ông làm việc về, đã chiều mới đến nhà kia. Ngồi chưa yên thì 500 lính Pháp đến vây xung quanh nhà, định bắt sống cho được ông. Ông nghe tin lập tức nhảy lên mái nhà để trốn. Người Pháp phá cửa vào bắt được ông. Từ lúc ông ra hoạt động đã cảm chắc sẽ chết vì nhiệm vụ, cho nên đi đâu cũng mang theo một khẩu súng lục. Khi Pháp lại gần, ông lấy súng bắn hai phát liền chết hai tên, trong đó một là lính ta. Ông phản nản: « Tao tưởng là Pháp, làm bắn phải mày, tao không nỡ thấy đồng chủng lại giết đồng chủng ».

Nói xong, ông cầm súng tự bắn vào cổ mà chết. Lúc đó ông mới 37 tuổi⁽²⁾. Đau đớn thay! lấy cái chết mà làm tròn trách nhiệm, đâu có phải sơ chí của ông Ngư

(1) 1910

(2) Sự thực như thế này: Ngư Hải trốn ở máng xối, bị một tên lính tập thấy. Ngư nói: « anh cho tôi thấy thằng Tây một chút. Tôi không muốn giết anh là đồng bào ». Tên lính không chịu. Ông liền bắn chết tên lính, rồi nhảy lên nóc nhà xé hết giấy tờ trong túi rồi dùng súng lục tự tử chết.

Hải! Người xưa có nói: «chết có khi nặng hơn non Thái, có khi nhẹ hơn lông hồng». Lời nói có ý nghĩa làm sao! Nếu vì cái chết của ta mà thế đảng được vững, việc nước được thành, ví như cái đầu của Phàn ư Kỳ⁽¹⁾ cắt ra mà giết được Tần thủy Hoàng, báo thù được cho Lục quốc, thì bảo rằng: «nặng như non Thái là đúng». Khổng Tử lại không nói sao: «Hễ lại như thất phu thất phụ tự bào chữa cho mình ru; chỉ bỏ mình ở khe hác mà không ai biết!» Bỏ mình ở khe hác mà không ai biết, tức là chết mà nhẹ như lông hồng vậy.

Than ôi! Ông Ngư Hải, nói về đạo đức, về khí phách, về tài năng, thì không phải vì chết mà nổi lên đầu; ấy thế mà rút cục cũng chỉ lấy một cái chết mà nổi tiếng. Ấy vì thời hay vì thế, hay vì vận mệnh? Chứ cái chết của ông đâu có phải như thất phu thất phụ tự bào chữa cho mình. Nhưng ông chết đến nay đã gần 10 năm, thế đảng ngày càng suy, việc nước ngày càng hỏng. Hỡi ôi! cái chết của ông phải đâu là nhẹ như lông hồng! Thương thay, thương thay! Ấy là tội người chết sau, ấy là tội người chết sau. (Người chết sau là tác giả tự nói mình — Dịch nguyên văn)

Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Nam vọng du du lệ ám thù
Văn quân tử hảo trọng kham bi.

(1) Phàn ư Kỳ phạm tội với Tần thủy Hoàng sang trốn ở nước Triệu. Thái-tử Đan nhà Triệu nhờ Kinh Kha đi ám sát Tần thủy-Hoàng. Muốn được Tần thủy Hoàng tin, Kinh Kha đến nhà Phàn ư Kỳ xin cái đầu, Phàn ư Kỳ ưng thuận cho Kinh Kha cái đầu để Kinh Kha báo thù cho mình luôn thể.

Ninh tiên âm đạn vô ninh nhục
Cảm tự khinh sinh thị cảm vi
Nhất tử khởi duy bằng bối tích
Thốn tâm ưng hữu để thiên tri
Thiền đầu tiên huyết thiên thu tại
Dạ dạ thanh lân trực điện phi

DỊCH :

*Ngó lại miền Nam lệ nhỏ thầm,
Nghe tin ông chết những thương tâm.
Thà rằng chịu đạn không thà nhục;
Đã dám khinh sinh ấy dám làm.
Một chết riêng gì bầu bạn tiếc;
Tắc lòng chung cả Chúa, Trời xem.
Mái nhà giọt máu còn muôn thuở;
Nhấp nhoáng trời xanh⁽¹⁾ giới buổi đêm.*

Liên

PHIÊN ÂM :

Ta ngã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tàn khu,
Phong vũ nhất thiên không sái lệ
Y quân tử dĩ đắc kỳ sở, thiền đầu lưu bích huyết, giang
sơn thiên cổ hữu dư hương.

DỊCH:

— Sống như ta không ích cho đời, đất khách gửi xương
lắm, mưa gió một trời riêng nhỏ lệ.
— Chết mà bạn đã tìm được chốn, mái nhà rơi máu đỏ, non
sông muôn thuở có thừa hương.

Phụ: Liên viếng của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM :

Bang kiệt một hể, bách thân chung mạc thực, hảo thị văn
minh sơ độ, tinh hỏa liệu nguyên, thế đương bách luyện thiên
ma, chủ thời chủ thể chủ giang sơn, quang tiền thước hậu.

((1)) Ma trời.

Quốc hồn tại phủ, nhất động cánh vô thanh, ai tai tàn khổ
mục trường, ngưỡng thiên thôn đạn, sở vọng nhất tâm đồng
đức, hữu thúc, hữu đệ, hữu bằng hữu, tuy tử do sinh.

DỊCH:

— Hào kiệt mất rồi, trăm mình khôn chuộc lại, tiếc nỗi vẫn
mình buổi mới, chút lửa cháy đồng, thể rằng trăm luyện ngàn
tôi, đức thời, đức thế, đức non sông, trước sau rạng rỡ.

— Quốc hồn đâu tá, một thét tiếng không ra, thương thay
trường mục⁽¹⁾ đắng cay, nhìn trời nuốt đạn, ước những đồng
tâm đồng đức, còn chủ, còn em, còn bạn hữu, sống chết như
nhau.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

(1) Trường chăn nuôi, ý nói chỗ nô lệ.

Ô DA ĐỒ TUYỀN

Lúc Ngũ Hải hy sinh, người Pháp xét chỗ ở, bắt được thư từ đi lại, các người bị vạ lây, ở Quảng-nam rất nhiều. Trong đó Đồ Tuyền là một. Ông tên chữ là Sơn Tầu ở thôn Ô-da, nên cũng gọi là ông Ô da.

Cuối năm Tự-Đức, ông đã làm chủ sự ở một Bộ. Kinh thành thất thủ, ông về Quảng-nam. Lúc nghĩa hội nổi lên, ông sung chức đội biện quân lương. Không bao lâu, cả Trung-kỳ bị chiếm, ông đem cả bộ thuộc về thôn trại, phân tán con em làm nghề nông, có tiền thừa ít nhiều, thì bí mật giúp ông Nam thịnh, lúc đó Nam thịnh chưa giải binh. Vài năm sau, Nam thịnh giải tán quân, bị Nguyễn Thân bắt, nghĩa hội tan vỡ. Vì ông về cày đã lâu mà cũng không tham dự chiến sự, nên cũng không ai hỏi gì tới. Đầu năm Thành-thái, bọn cùng làm quan với ông trước nhiều người làm tay sai đặc lực cho Pháp, nói với chính phủ Pháp mời ông ra dùng. Ông không chịu, chỉ muốn làm người dân cày theo ý muốn của mình. Ông giỏi thơ chữ Hán và cả thơ tiếng Việt, lại hay uống rượu. Nước mất, giặc hoành hành, chưa có cơ hội khôi phục được, không biết giải bày nỗi phần uất vào đâu, nên mượn thơ rượu cho qua ngày tháng. Nhưng hàng ngày ông giao du với Nam thịnh, Nam thịnh có nhờ cậy việc gì thì vui vẻ giúp đỡ không từ chối bao giờ, ngựa ký tuy già vẫn có chí ngàn dặm, người thường không ai biết được. Mùa xuân năm Quý-

mão⁽¹⁾ Sào Nam vào Quảng-nam do Nam thịnh mà được gặp ông, cùng ông ăn gà uống rượu nhiều lần ở nhà ông, cùng nhau trò chuyện vui vẻ. Tháng tư năm ấy ông ra Kinh gặp Hội chủ đề quyết định đại kế. Năm Bình-ngọ, Hội chủ xuất dương, các việc vận động tiếp tế trong nước, ông giúp sức rất nhiều.

Nhưng ông là người nổi tiếng hay làm thơ uống rượu lúc bấy giờ, nên bọn Pháp không nghi ngờ gì cả. Bọn tay sai của địch cũng gọi ông là «lão túy ông» cho mê đã lâu ông không bị gì cả. Tháng giêng năm Mậu-thần, ông có 3.000 đồng bạc viết thư sai người đưa cho ông Ngự Hải, nhờ Ngự Hải bí mật đưa ra cho Hội chủ chi tiêu lúc ở Nhật-bản.

Người nhà ông gặp Ngự Hải rồi. Bỗng ngày ấy Ngự Hải bị nạn, tiền và thơ đều để ở chỗ nhà Ngự Hải trú mà chủ nhà cũng không biết. Người Pháp lục soát, việc bị bại lộ. Người Pháp buộc ông ám thông với đảng phản loạn, làm án chung thân đưa đi đày ở nhà ngục Lao-bảo. Lúc đó ông đã hơn 60 tuổi. Đến Lao-bảo ông nhịn ăn 7 ngày rồi chết.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Phong vũ liên niên ác
Thảo cừu lâm phỉ thạch
Thi tửu sầu dư thánh
Cửu tuyền khoa cổ hữu

Kiên khôn nhất lão đi
Ưu quốc mấn thành ti
Sơn xuyên mộng lý si
Vi quyết bạc Di, Tề

DỊCH:

Mưa gió liền năm dài,
Đánh thù lòng như đá,

Cần khôn sót một già.
Lo nước tóc thành tơ.

(1) 1903

*Thơ rượu sâu thần thánh,
Suối vàng khoe với bạn,*

*Non sông mộng ngày thơ.
Hơn Di, Tề ngày xưa⁽¹⁾*

Phụ: Thơ điệu của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Tạ tích trâm anh tự trảng niên
Ưu thời tạm thác túy hương miên
Hiềm di nhất nhậm nhân tiền địa
Thành bại hư đề sự hậu thiên
Thi lão sở biên Đào giáp tí
Mộng tàn vạn cổ Trịnh sơn xuyên
Ai công nguyện tác nam phi nhạn
Nguyệt dạ tùy phong đảo chương biên

DỊCH:

Bỏ dẫu trâm anh tự tuổi thơ,
Lo đời mượn rượu ngủ say sưa.
Loạn, bình trước mắt âu là thế;⁽²⁾
Thành bại sau đây nói cũng thừa.
Giáp-tý họ Đào thơ mấy vận⁽³⁾
Núi sông đặt Trịnh mộng ngàn xưa⁽⁴⁾
Thương ông muốn hóa làm chim nhạn,
Theo gió về Nam đến tận bờ.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

(1) Bá Di, Thúc Tề bị nhà Chu cướp nước nhà Ân, nên vào rừng ăn rau vì rau quyết để không ăn lúa nhà Chu; còn ông thì nhịn ăn mà chết.

((2)) Thời loạn, thời bình.

((3)) Đào Tiềm đời Tấn. Tấn mất nước rồi ông vẫn giữ niên hiệu Giáp tý của đời Tấn cũ.

((4)) (?)

7. 303

(10) (2)

NGUYỄN BÁ TUYỀN

Tôi đọc lời nói chết trung, chết hiếu của Tổng văn Sơn⁽¹⁾, thì liền vứt sách xuống mà suy nghĩ, cho rằng người chân nam nhi phải như thế. Nay trong số đồng chí, Nguyễn bá Tuyền đã làm được hai điều trước tôi; than ôi oanh liệt làm sao! Ông tên là Thận-sinh, người Xuân-dục, Hải-dương, con đầu của Binh tây hiệp thống quân vụ đại thần, Trấn uy tướng quân là Nguyễn thiện Thuật. Thuở bé, tính chất ông khác người, trong cái lạnh lợi có vẻ trầm nghị, rất giống tính nết của cha. Lúc lião Tướng quân xuất hôn, ông còn nhỏ tuổi mới đổi tên họ trốn đi học với ông thầy ở Đông thành. Mãi sau người Pháp dò biết. Ông bị bắt đày ra Côn-đảo. Mười năm hết hạn tù ông được tha về làng. Lúc đó người Pháp cho rằng chắc ông đã hết chí khí rồi nên không để ý đến ông nữa. Nhưng ra tù rồi chỉ ông vẫn cương quyết, thường nói: «Người đại trượng phu không may gặp lúc nước mất, nhà tan, cha và vua mắc nạn, nếu trên không rửa được thẹn nước, dưới không báo được thù nhà, thì sống cũng thừa thôi!»

Ông mới cùng các đồng chí mưu toan khôi phục nước nhà, để Hồ chí của lão Tướng quân. Năm Mậu-thân,

(1) Văn thiện Tường, tôi mà Tổng bị Nguyễn bắt không chịu khuất phục làm ra bài Chính khí ca.

ông đưa các đồng chí đảng vào miền núi thượng du tụ họp với quân Tướng quân Hoàng hoa Thám, đề khởi sự ở Bắc-giang. Cùng đánh với quân Pháp trong hơn một năm đã được nhiều trận, người Pháp lo sợ. Mùa hạ năm Kỷ-dậu⁽¹⁾ trong trận đánh ở núi Trư-khẩu,, vì có người thổ dân làm phản báo tin cho Pháp,, nên Pháp theo đường tắt lên vào đánh úp quân ta. Quân ta ít, quân địch nhiều, ông liệu không chống nổi định rút khỏi trận địa, để thừa cơ chống lại. Rủi mắc vào chỗ hiểm, bị đá cản đường, địch tập trung súng bắn vào,, ông bị bắt. Bọn Pháp buộc ông đầu hàng, ông không chịu rồi bị giết. Lúc đó tôi ở Hương-cảng, nghe tin ông đánh giặc chết, mới đến nhà lão Tướng quân dò hỏi thêm tin tức và an ủi lão Tướng quân.

Lão Tướng quân cười mà nói rằng : «cháu Tuyêm chết trận rồi, thiệt đáng là con tôi!» Than ôi, có com như thế mới có cha như thế, có cha như thế mới có con như thế, thiệt người ta nói không sai.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Bằng quân gia phạm chú cương trường
Bảo kiếm tung hoành kỷ tuyết sương
Trung hiếu song kiên huyền nhật nguyệt
Hiềm di nhất mộng nhậm tang thương
Tráp niên phong vũ gia hà tại
Bách chiến quan hà quốc vị vương
Bí kịch cư nhiên xưng tráng kịch
Chân nhi tâm sự ủy cao đường.

(1) 1909.

DỊCH:

Khuôn nhà đem đúc lấy cương trường.
Gương báu tưng hoành mấy tuyết sương.
Trung hiếu hai vai treo nhật nguyệt,
Loạn, bình một mộng kê tang thương.
Mấy năm mưa gió nhà đâu tá?
Trăm trận gian lao nước vẫn thường.
Bi kịch lại thành ra tráng kịch,
Lòng con thế ấy thỏa cao đường ⁽¹⁾

Phụ: Thơ viếng của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Từ đảo qui lai phách bội hùng
Độc tương nhất tí đản Hoàng Công
Khí lãng trọc hải tinh sơn ngoại
Thân ủy thương lâm đạn vũ trung
Năng tử bất đào sinh bất luyến
Ư gia vi hiếu quốc vi trung
Anh hồn vị khảng từ Long-Đỗ
Dạ dạ thành tây hống nô phong.

DỊCH:

Đảo ngục ra về chỉ vẫn ngang,
Ra tay quyết giúp tướng quân Hoàng ⁽²⁾.
Khi bay ngoài núi tanh bẽ đục,
Thân liều trong mưa đạn rừng thương.
Đã không tránh chết tham gì sống;
Biết hiếu cùng nhà nước phải trung.
Hồn chưa chịu rời Long-dậu được ⁽³⁾
Thành Tây gió giận mỗi đêm rung.

(1) Tức là cha.

(2) Hoàng hoa Thám.

(3) Tức Hà-nội.

Thêm: Liễn viếng của Hoàng ngọc Long

PHIÊN ÂM:

Niên thiếu ức đồng du, gian thường bạt kiếm phách thiên,,
thệ tiêm cừu lỗ, chân cá lược thao tố uẩn, đại hữu nãi phụng
phong, ngô phu tử tịch tiền ngôn chí thời, khoái nhiên tâm
hứa.

Thời nguy thù vị chứng, phương dục huy qua văn nhật,,
cự thất anh hùng, độc liên trung hiếu lưỡng toàn, lưu tác ngỗ
sài kính, lão tướng quân hải ngoại văn ai nhật, hoãn nhĩ nhậm
khai.

DỊCH:

Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, đã từng mang giáo chỉ trời cao,,
thề trừ giặc cướp, thiết là có gươm mài thao lược, theo lối của
người cha, thầy học ta khi nói chỉ học trò, lòng đã khâm phục.

Gặp lúc nguy nan ai cứu, những muốn múa gươm xoay cuộc
thế, đã mất anh hùng, chỉ tiếc rằng trọn đạo hiếu trung, làm
gương cho hạn hữu, lão Tướng quân lúc được nghe ai tĩn,,
mặt vẫn tươi cười.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

Trích lục một thiên trong quyển “Viêm bang nghĩa giám” của Đinh nam.

Tháng tư năm Kỷ-dậu, Thận sinh, con của Nguyễn
thiện Thuật là Bắc-kỳ hiệp thống quân vụ đại thần, trước
cùng đánh nhau với giặc ở Giang-bắc, quân thua bị
bắt rồi chết. Than ôi! Qua sông chí mạnh, đã trước
ta mà cầm roi, ngoài nổi xương tàn, ai vì ông mà cầm
phất⁽¹⁾, lệ rơi trước gió, thương cho ông mà cũng
thương cho tổ quốc ta vậy.

Lịch sử của ông, tôi có biết sơ lược, xin thuật lại để
đồng bào được biết:

(1) Cái dây buộc ở nhà ma, lúc đưa đi có người cầm,

Khoảng năm Giáp-thân, Ất-dậu, nạn nước gât gao thêm, Nguyễn thiện Thuật dấy quân ở Hải-dương đánh giặc mấy năm, nổi tiếng mọi nơi. Về sau thiếu súng đạn, nên chạy qua Thanh⁽¹⁾. Còn Thận sinh lúc nhỏ đã có tính khảng khái kết nạp hào kiệt như chí của cha. Giặc nghe tin đến bắt ông đem đày ra hoang đảo, sau vài năm mới tha về, nhưng vẫn theo dõi ráo riết. Thường thường giặc hay gọi ông đến, có lúc dọa nạt, ông vẫn không chịu khuất phục. Có lúc giặc đem súng ra dọa, thì ông phanh bụng ra mà nói: « muốn giết thì giết, tức giận như thế làm gì! » Giặc không nói gì lại thả về. Mùa hạ năm ngoái, nhân khi giặc không để ý, ông đưa mẹ vào núi, yết kiến Hoàng tướng quân ở cửa nhà binh, cùng nhau trò chuyện. Hoàng tướng quân rất vui mừng; cho ông tham gia việc quân. Mùa xuân năm nay, đánh thắng giặc, ông có công lao. Ông xin với Hoàng đem một đạo quân chia đường đánh giặc. Đóng đồn ở một núi nọ, có một tên thổ hào xưa nay, vốn theo nghĩa đảng, bỗng nhiên làm phản đưa giặc tới vây mấy lớp. Ông ra sức đánh vài ngày, thuốc đạn đều hết rồi bị nạn. Lúc đó các đạo quân của Hoàng, đánh đâu được đó, tiếng đồn khắp gần xa. Thế mà một mình ông lại bị thua mà chết, ầu cũng là mệnh chẳng!

Nước ta từ triều Đinh đến nay, đã hơn ngàn năm, nước bị giặc đánh nhiều lần mà chịu tai vạ khốc liệt chỉ cuối Trần và ngày nay mà thôi. Sau khi Nguyễn, Đặng⁽²⁾ bị mất, bọn sai lang hoành hành, dân chịu khổ sở, vua Thuận-thiên⁽³⁾ khởi binh ở Thanh-hóa để cứu

(1) Năn-Thanh.

(2) Nguyễn cảnh Chân và con là Nguyễn cảnh Dị; Đặng Tất và con là Đặng Dung đều bị chết hồi cuối Trần.

(3) Tức Lê Lợi.

nạn nước. Lúc đó kẻ tham gia mưu kế có công lớn trong việc bình Ngô có một người là Tể văn Hầu (Nguyễn Trãi). Bản triều gặp gian nguy, hơn hai mươi năm nay mà một đạo nghĩa kỳ nổi ở Giang-bắc. Lúc đó theo đuổi việc quân, lấy thân đương đại nạn, có một người là ông Thận sinh. Ông là cháu 12 đời của Tể văn Hầu. Tổ có công lao khai quốc, cháu lại oanh liệt hy sinh vì nước, sử sách đề đời, máu đỏ rửa trời, một họ Nhụy-Khe có thể nói là cùng nước đồng cam cộng khổ vậy.

NGUYỄN CƯƠNG

Xứ Bắc-kỳ nước ta thành lãnh địa Pháp đến nay đã hơn ba mươi năm. Các đồng bào Bắc-kỳ giận giặc nổi dậy, tuy việc đáng chép khá nhiều nhưng cả nhà vì nước hy sinh thì là nhà Nguyễn Cương. Ông người phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình. Khoảng giữa đời Tự-đức, Pháp hạ thành Nam-định. Cha ông là Nguyễn Kiến lúc đó làm án sát tỉnh, đem quân đánh giặc rồi chết. Cuối năm Tự-đức thành Nam-định bị mất lần thứ hai, con thứ ông Nguyễn Kiến là Nguyễn Bằng ra sức đánh giặc giữ thành, thành mất ông chết theo, tiếng một nhà trung liệt đến nay vẫn truyền mãi. Trong các con của án sát, ông là con đầu. Tính ông hào mại, tầm mắt thông suốt, có tài hùng biện. Lúc cụ án sát tuấn nạn, ông còn trẻ tuổi mà vẫn có chí phục thù cho cha. Lớn lên càng hăng, nhiều lúc mưu đánh giặc mà không được. Nhưng chí vẫn không thay đổi.

Khoảng năm Bính-ngọ, Đinh-vị⁽¹⁾ tân trào nổi lên, ông lên đi các tỉnh cổ động đồng chí, lại sai con đầu là Nguyễn công Văn vào lính tập Pháp. Có người quen lấy việc phê bình ông, nhưng cái thâm ý của ông, người ngoại cuộc không ai biết được. Năm Mậu-thân ông mưu với thổ binh đánh úp tỉnh Thái-bình. Việc lộ ra

(1) 1906-1907,

ông và con là Công Vân đều bị dày vào thành Gia-
định. Chưa bao lâu, Công-Vân mắc bệnh chết ở đó.
Đến năm Tân-hợi ông cũng vì phần uất mắc bệnh mà
chết. Cháu ông là Công Úc Công Tích cả thảy 3 người,
đều mưu cử sự mà bị giặc giết. Than ôi! Trong một
nhà mà ông cháu, cha con, chú cháu, đều chết vì nạn
nước há lại không oanh liệt lắm ru!



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Hải thiên tứ vọng ý hà như
Sát tặc hùng tâm nhật nguyệt cư
Nhất động giang sơn hồn dục đoạn
Bách ưu thân thế lệ không dư
Phụ huyênh cừu phụ chung tâm ngã
Tử diệt tài thô uổng tích cừ
Hà nhật nhất thanh tuyền hạ tiểu
Ngô gia tồn Sở hữu Thân-Tư.

DỊCH:

Bề trời man mác biết làm sao?
Giết giặc hùng tâm nhật nguyệt cao
Một khóc non sông hồn muốn đứt;
Trăm lo thân thế lệ tuôn trào.
Thù cha anh giận không dằn được;
Con cháu tài hèn uổng biết bao!
Chín mươi ngày nào cười một tiếng:
Nhà ta giúp Sở có Thân bao.

Phụ: Liễn viếng của Trần quốc Duyệt

PHIÊN ÂM:

Khiên khôn phiên phúc dĩ lai, gian khởi vô oanh oanh liệt
liệt hảo trường, thù tự quân gia, tam anh lỗ nhận, tái tuần
cố thành, kỷ hồi khan bảo kiếm chường trung, hồn đảo cửu
nguyên do sát tặc.

Thân thể phù trầm chí thử, nhật thường bảo uất uất bột bột kỳ khí, dục huy ngô thủ, bạt Côn-lôn sơn, bình Cần-Trừ⁽¹⁾ hải, bất thanh ngữ diệt nhi hải ngoại, thân tiên đồng chí lệ tru cừu.

DỊCH:

— Trời nghiêng đất ngã đến nay, há không trường liệt liệt, oanh oanh. ai như nhà ông, ba người đánh giặc chết, hai bận giữ thành cô, bao lần xem báu kiếm trong tay, hồn đến suốt vàng còn giết giặc.

— Bấy nổi ba chìm là thế, ôm cái chí uất uất, bột bột, muốn giờ tay tớ, san phẳng núi Côn-lôn, lấp bằng bể Cần-hải, một tiếng gọi cháu trai ngoài cõi, hàng đầu đồng chí gắng tru cừu.

Một câu liên điệu Nguyễn công Vân

PHIÊN ÂM:

Trung hiếu hữu chân truyền, niệm tổ quốc, niệm đồng bào, khởi nhần thiên nhai di lão phụ..

Anh hùng vô ấn bản, diệt ngoan dân, diệt nghĩa sĩ, quản giao sử bút thuộc danh gia.

DỊCH:

— Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ tổ quốc, nghĩ đồng bào, nở đờ bên trời quên lão phụ;

— Anh hùng không bản in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa sĩ, rồi đây bút sử chép danh gia.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyền sách)

(1) Hoặc tác Cần-thơ.

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...
...the ... of ...
...the ... of ...

...the ... of ...

...the ... of ...

HIỆP SĨ NGUYỄN THẾ TRUNG

Muôn con ếch lập-mà⁽¹⁾ sinh động là vì tiếng sấm sét, muôn cái máy hoạt động là vì chạm khí điện.

Người ta ở đời này, thế đạo còn mờ, quần chúng còn mê, ma quỷ hoành hành giữa ban ngày hàng trăm hàng ngàn quần tụ với nhau, hút máu người ngủ mê, nếu không có sấm điện trong lúc này đuổi ma quỷ đi, thức quần chúng dậy thì ôi thôi! chúng ta cũng là quỷ mà thôi. May thay, may thay, gần đây mới có một tiếng sấm chớp bắt đầu thử nổi lên, đó là cái triệu chứng muốn làm cho nhân loại sống lại không nghi ngờ gì nữa. Mạnh mẽ làm sao! Mạnh mẽ làm sao!

Thử cái tiếng ấy là ai? Tức là hiệp sĩ Nguyễn thế Trung người xã Bát-tràng, tỉnh Bắc-ninh. Thiên tính của ông giận bọn gian tà, ghét thế tục xấu, không muốn nói chuyện với bọn chó săn, thường nói với người ta rằng: «Người Pháp vẫn là kẻ thù của ta, những đứa nịnh Pháp làm hại người ta lại là kẻ thù đáng ghét hơn». Lúc mới lớn lên đã ngứa tay có chí chém giết bọn gian nịnh. Mùa đông năm Nhâm-tý⁽²⁾ ông lên đi cửa Lạng-sơn, đến Long-châu mưu tìm đồ hành thích. Kiếm được một quả tạc đạn ông rất mừng. Mùa xuân năm

(1) Có tiết, ếch nằm yên trong lỗ gọi là lập mà, đến khi có sấm mới nhảy ra.

(2) 1912.

Quý-sử⁽¹⁾, ông mang tạc đạn về nước. Về nước ông giấu tạc đạn ở nhà một người nọ trong đảng ở tỉnh Thái-bình. Lúc đó người Pháp đang lùng bắt người đảng ráo riết. Trong bọn mật thám theo chỉ thị của Pháp để bao vây người đảng, Nguyễn duy Hàn là độc ác hơn cả. Ngày mồng tám tháng ba, lúc 10 giờ sáng, trước cửa thành tỉnh Thái-bình, một tiếng nổ bùng, đó là tiếng tạc đạn của ông ném ra. Lúc đó chính Nguyễn duy Hàn đi xe qua đó. Đạn trúng, Hàn tan xác, mặt mũi nhận không ra nữa. Người đi xa gần nghe tiếng nổ mất hồn chạy tán loạn, đụng vào mặt nhau cũng không kịp hỏi. Còn ông thì cứ thung dung như thường, vẻ mặt hớn hở, đi vào một tiệm nước gần đó, ngồi uống nước trà ước hơn một tiếng đồng hồ, không ai biết chính ông là người đã ném tạc đạn. Thế rồi ông ra đi như thường. Ông đã giết tên Hàn rồi, người Pháp thuê mật thám dò xét người hành thích rất gắt, mà ông chẳng sợ chút nào. Ông còn dự định ném tạc đạn vào các tên chó săn khác nọ ở Bắc-kỳ nữa. Nhân có mang nhiều tiền, ông muốn trở sang Long-châu, để mua thêm tạc đạn về. Đi đến Lạng-sơn ông nghỉ ở nhà Hoàng mỹ Chương, bị mật thám dò biết rồi bị bắt đưa về Hà-nội. Không đợi tra tấn, ông nói ngay với Pháp: «Ném tạc đạn giết Nguyễn duy Hàn chính là Nguyễn thế Trung.» Người Pháp ngờ là không phải; ông nói: «Có chủ tiệm nước nọ có thể làm chứng được». Người Pháp bắt chủ tiệm nước. Người chủ tiệm nước bối rối không hiểu ra sao, ông mới kể lại cảnh tượng lúc đó, người Pháp mới làm án. Làm án xong, ông cùng Nguyễn khắc Cần bị giết tại phía Nam thành Hà-nội trong một ngày, lúc đó ông 28 tuổi.

(1) 1913.

Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Âu Mỹ trào lưu hải đảo bồn
Hiệp phong chấn dững Á kiền khôn
Xung tiêu kiếm khi hàn cừu đởm
Động địa lôi thanh tỉnh quốc hồn
An thị danh lưu Hàn vị diệt
Ôn sinh thân tuần Hán phương tồn
Anh hùng huyết mạch tràng vô tận
Thả chủng thiên thu nghĩa hiệp còn.

DỊCH:

*Trào lưu Âu Mỹ bể trời dồn,
Cối Á cần khôn nổi tiếng ồn.
Gươm tuốt xông trời thù khiếp đảm;
Sấn vang động đất nước kêu hồn.
Chàng Yên nổi tiếng Hàn chưa mất ⁽¹⁾,
Ôn-thị liễu thân Hán vẫn còn.
Huyết mạch anh hùng còn mãi mãi;
Ngàn thu nghĩa hiệp gốc không mòn.*

Liên viếng

PHIÊN ÂM:

Tích lịch nhất thanh, quần gian đởm tán.
Giang sơn thiên cổ, đại hiệp hồn hương.

DỊCH:

*Sấm sét một kêu, bọn gian gan nát;
Non sông ngàn thuở, hiệp sĩ hồn thơm.*

Phụ: Thơ và liên viếng của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Thần tức giang sơn cứu lục trâm
Na kham quỷ khí nhật âm sâm

(1) Yên Trọng Căn người Triều-tiên (Hàn) ám sát Y đảng Bác-Văn, toàn quyền Nhật ở Triều.

Tam xuân dục khởi long xà trập
Nhất chấn quang hàm vọng lượng tâm
Bất dạ quang tùy dư chương phóng
Tự do thần dĩ nhữ đầu lâm
Tứ thiên niên sử trình tân thái
Tiên huyết hoàng hoàng chiếu cồ cầm

DỊCH:

Than thở non sông mãi nổi chìm,
Hơi ma há chịu để im lìm.
Ba xuân thức tỉnh loài rồng rắn,
Một tiếng làm kinh bọn quỷ chim.
Lửa sáng tay ta đem ném xả,
Tự do đầu nó đến nơi tìm.
Bốn ngàn năm sử tô màu mới,
Giọt máu tươi này chiếu cồ kim.

PHIÊN ÂM:

Độc tứ thiên niên lịch sử, thích khách truyện, hiệp khách truyện, nãi quân vi khai quyền đệ nhất nhân, cố ưng nhật nguyệt tinh thần, cao huyền tinh tự,

Ngũ ngũ thiên vạn đồng bào, ngô dân cừ, ngô quốc cừ, thần nhữ diệc Á hoàng châu quý chủng, hảo dữ giang sơn thành quách, tầy tĩn tĩn chiên.

DỊCH:

— Độc bốn ngàn năm lịch sử, truyện thích khách, truyện hiệp khách, mới ông là một người đầu tiên, vậy nên với mặt trời, trăng sao, nêu cao tên tuổi;

— Nói năm ngàn vạn đồng bào, thù dân ta, thù nước ta, huống mày cũng da vàng châu Á, thế phải vì non sông thành quách, rửa sạch hối tanh.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyền sách)

HIỆP SĨ NGUYỄN KHẮC CẦN

Ông tên chữ là Tiểu-lâm người xã Xuân-dục, tỉnh Bắc-ninh, người trầm nghị ít nói, chí khí không lộ ra ngoài, sự thực là nuôi cái chí cương cường khinh đời. Mỗi lúc xem sử đến chuyện Kinh Kha, Dư Nhữong⁽¹⁾ thì rất hâm mộ, và nói: «đó mới thiệt là nam nhi!» Nhà nghèo vì cảnh ngộ mà phải dạy học kiếm ăn. Ông tức giận bỏ nghề nghiên bút. Khi đảng cách mạng nổi lên, ông nghe được liền tận tụy làm việc đảng. Mùa đông năm Nhâm-tý, ra ngoại quốc hội họp với người đảng, tự nguyện ám sát tên chó săn đầu sỏ nọ. Lúc mang tạc đạn về Hà-nội chưa kịp ném thì nhân lúc đó Hán Minh (?) đã ném nhằm vào quan binh Pháp ở khách sạn Pháp; người Pháp truy nã người đảng, bọn chó săn cũng đề phòng rất nghiêm ngặt, nên ông không thực hiện được mưu kế của mình. Ông mới lại cùng Thế Trung định ra ngoại quốc. Đi đến Lạng-sơn gặp phải người Pháp. Nhưng người Pháp chưa biết ông mưu việc hành thích, chỉ vì cùng đi với Thế Trung nên ông bị bắt mà thôi. Trước đó về kế hoạch ám sát, ông với Hán Minh cùng đảm nhiệm. Hán Minh đã ném nhằm may chưa bị bắt, ông muốn nhận lấy việc ném tạc đạn ở khách sạn để cho Hán Minh chạy thoát, cho nên mới nhận với người Pháp chính ông là người ném

(1) Các thích khách đời chiến quốc.

tạc đạn ở khách sạn. Vì thế mà cái án tạc đạn khách sạn quy tội cho ông, ông phải bị giết cùng Thế Trung một ngày. Than ôi! tôi thấy một bọn người ham danh ham lợi, lúc vô sự thì ăn uống chơi bời, chỉ giành lấy phần hơn cho sướng thân, chợt có biến cố hoặc bị bại lộ thì đổi mặt đổi lời, chọn lợi tránh hại, có kẻ lại đổ tai vạ cho bạn hữu để mình được thoát thân. Những bọn này so với Nguyễn khắc Cần nhận thay cái án tử hình cho đồng chí, sao lại khác nhau một trời một vực!

Tôi chép rõ chuyện này đã là sùng bái Nguyễn mà cũng để chê trách những kẻ phụ bạc vậy.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Anh hiền khâm bảo hiệp can trường
Thành sự qui nhân bại độc đương
Khởi vị báo bị danh khả ái
Cánh cam hồ khẩu độc tiên thường
Tín trinh kim thạch tâm nan tử
Bích nhiễm sơn hà huyết hữu hương
Kỳ khi dĩ khan hàn tặc dorm
Chi kim bạch nhật quán hồng quang

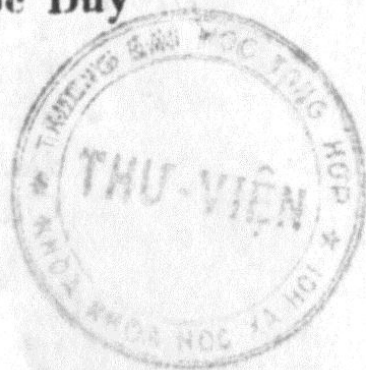
DỊCH:

Anh hiền cầm sẵn lăm gan rồi,
Thành việc là người bại ấy tôi.
Há phải da heo mà lấy tiếng;
Chỉ cam miệng cọp để làm mồi.
Tin như vàng đá lòng khôn chết:
Thơm nhuộm non sông máu đã sôi.
Khi mạnh làm cho thù mất vía,
Cầu vồng muôn thuở mặt trời soi.

Phụ: Ba bài thơ viếng của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Thoát khước nho y tạ cổ sơn
Khinh sam đoản trụ xuất nam quan
Phiến tâm dĩ dữ tràng hồng bạch
Bất sát cừu nô thệ bất hoàn



DỊCH:

*Cởi áo nhà nho tạ núi ngàn,
Quần đơn áo ngắn vượt Nam-quan.
Lòng này cùng với cầu vồng lỏ,
Chẳng giết cừu nô thệ chẳng hoàn.*

PHIÊN ÂM:

Kỳ công khởi tất tự thân thành
Đồng chí do tồn tử diệt sinh
Nhất phiến tru cừu tâm sự lại
Tướng quân đầu tá dữ Kinh-khanh

DỊCH:

*Công lớn cần chi phải tự mình,
Miễn còn đồng chí, tử như sinh.
Giết cừu một mảnh còn tâm sự,
Đầu tướng quân này gửi họ Kinh⁽¹⁾*

PHIÊN ÂM:

Thán tức kỳ công cánh bất thành
Bi ca thanh yết đoản tràng đình
Đạn hoàn vị trịch đầu tiên trịch
Hà nhật trùng tuyền tiểu nhất thanh

(1) Kinh Kha đi ám sát Tần thủy Hoàng, Phán tướng quân U Kỳ cho cái đầu làm lễ ra mắt vua Tần, vì lúc đó Tần đang truy nã Kỳ ráo riết. Ý nói mình chịu chết để bạn thành công.

DỊCH:

*Than thở kỳ công đã chẳng thành,
Tiếng ca đau xót đoản trường đình.
Đạn kia chưa ném, đầu đà ném.
Chín tuổi ta cười một liếng rinh.*

**Sau khi đọc truyện hai liệt sĩ
(Nguyễn thế Trung, Nguyễn khắc Cần)**

PHIÊN ÂM:

*Túy mê trường lý chốn lôi kinh
Lưỡng phó đầu lô nhất trịch oanh
Đồng chí nhần khan quân độc tử
Thử thân tu dữ tặc câu sinh
Huyết tiên hảo tẩy sơn hà trọc
Tâm xích tràng huyền nhật nguyệt minh
Nhị truyện độc hoàn hoành kiếm khởi
Quốc hồn dĩ cộng hiệp hồn tinh*

DỊCH:

*Trong trường mê mộng sấm vang rền,
Hai chiếc đầu rơi một lúc liền.
Đồng chí nữ xem ông phải chết,
Thân này sống với giặc sao yên!
Máu tươi rửa sạch non sông bẩn,
Lòng đỏ treo cùng nhật nguyệt trên.
Hai truyện đọc xong vung kiếm dậy:
Hồn người hồn nước tỉnh ngay lên.*

Phụ: Thơ Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

*Na kham nhất tử nhất sinh tồn
Lưỡng hiệp tương kỳ chủng hiệp côn
Khởi vị huân danh thủy trúc bạch
Yếu tương tâm huyết tẩy kiên khôn*

Cảnh chung dĩ lạc hàn nhân đờm
Bảo kiếm tròng minh vũ sĩ hồn
Nhị truyện độc thời thanh đới lệ
Kinh phong nộ vũ nhật hoàng hôn

DỊCH:

*Lẽ nào một chết một đang còn,
Hai gã cùng nhau giống hiệp vun.
Tên tuổi đầu cần ghi sử sách,
Máu lòng đem để rửa càn khôn.
Hồi chuông đánh rúng người không đảm,
Tiếng kiếm kêu luôn kẻ cò hồn.
Hai truyện đọc xong dòng lệ nhỏ,
Gió gào mưa thét buổi hoàng hôn.*

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

100

(From Nguyen Van Chi, 1970)

LIỆT SĨ HOÀNG VĂN XA

Từ khi nước mất đến nay, theo chỗ tai nghe mắt thấy của tôi, thì những người yêu nước ghét thù, phần lớn là hạng người tráng niên hăng hái, còn như hạng nhiều tuổi mà mưu đồ việc quang phục hàng năm không mỗi mết, xem chết như chơi, thì Hoàng văn Xa là hơn cả. Ông tên chữ là Khắc Trung, người châu Thất-kê, tỉnh Lạng-sơn trước đã làm chức chánh-quản cơ trại lính khố xanh ở đồn Thất-kê. Không phải là đồng chí thì không ai biết lòng ông. Ông người trung nghĩa cương trực do tính trời sinh như thế. Lúc ở trại lính thường có chí cứu nạn. Nhưng những việc quan yếu ở lục quân đều ở trong tay người Pháp, ông chỉ là một người cô đơn chưa có thể làm gì được. Khi tân trào nổi dậy, nhiều người đảng đi lại với ông, ông cũng giao kết sâu với người đảng, phụ trách việc liên lạc với quân lính bốn xứ. Ngày tháng năm, năm Quý-sử⁽¹⁾ có người đem việc ông định làm báo với người Pháp, ông bị bắt giải về tỉnh thành Lạng-sơn. Bọn quan lại Pháp, muốn tra hỏi cho biết hết người đồng đảng, ông không nói một lời gì. Chúng lại giải ông đến tỉnh Thái-bình, tra tấn ráo riết, ông vẫn không cung nhận gì cả. Người Pháp thấy lời vu khống ông không có chứng cứ gì, không làm gì được ông, đành phải giam lại ở nhà ngục, đợi có cơ hội làm án. Lúc đó ông đã

(1) 1913,

63 tuổi. Ông mới lên viết một bức thư gửi đến Long-châu, từ biệt các đồng chí và tự thề lấy chết đền nợ nước và khuyên các đồng chí phải kiên nhẫn đến chết làm sao cho đạt mục đích. Lúc thơ đến Long-châu thì ông đã tuyệt thực chết ở nhà ngục Thái-bình. Than ôi ! già mà càng mạnh, chết để tỏ lòng mình, như ông Hoàng thiết là một đại vĩ nhân trong quân giới vậy !



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Thương kiếm sinh nhai thập kỷ niên
Tru cừ tâm tự lão di kiên
Anh hùng dụng vũ khở vô địa
Quốc tặc khiêu lương tu cộng thiên
Nhị đức đài nam chung nộ chương
Tam Thanh động lý yết trung tuyên
Nhất hồ thắng toại bình sinh chí
Thiên cổ ninh tri ngã tử hiền.

DỊCH:

Súng gươm mười mấy năm trời,
Tấm lòng giết giặc già rồi càng căm.
Anh hùng không đất ăn làm,
Thẹn cùng lũ giặc, gian tham chung trời.
Bên đài Nhị-đức giận sôi ⁽¹⁾,
Tam-thanh trong động nghe lời trung kiên ⁽¹⁾
Thỏa lòng một tiếng kêu lên,
Ngàn thu chết đói người hiền ai hay?

Phụ: Thơ điếu của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Cửu phong hoàn bảo thất tuyên lưu
Kỳ cốt lừng lừng đảo bạch đầu
Chưởng thượng đao quang tri siểm diện
Yêu gian bảo kiếm uất hoành thu

(1) Đài Nhị đức, động Tam-thanh là các nơi di tích lịch sử của tỉnh Lạng-sơn.

Khốc ca thân thể liêu Yên thị
Phủ ngưõng kiền khôn thặng Sở tù
Thân tại ngã hương tâm tại quốc
Di hàm tê huyết đảo kim lưu

DỊCH :

*Chín núi quanh vòng bảy suối xuôi,
Bạc đầu khi cốt vẫn kỳ khôi.
Trên lay dao sáng chưa nhanh nhẹn,
Bên nách gươm thiêng vẫn đợi thời
Ca khóc chợ Yên thân thể quạnh⁽¹⁾.
Bùi ngùi tù Sở thặng ngày trôi⁽²⁾
Thân nơi làng đói lòng nơi nước,
Để lại phong thơ luống ngậm ngùi.*

Lại thơ điệu của Hoàng ngọc Long

PHUÊN ÂM :

Thập tải tương tri lão nhãn thanh
Đồ phân Nam Bắc các linh tinh
Kiếm cung nhưng bão bình sinh nguyện
Kiềm tỏa đồ vong khổ nhục hình
Trọc tửu tam bôi tăng huyết thể
Di thư nhất cảo thượng tâm minh
Quốc cừu do tại không tâm ngã
Hồi thủ giang sơn lệ thể linh

DỊCH :

*Mười năm quen biết mắt già xanh,
Nam, Bắc chia nhau bước lộ trình.
Cung kiếm những ôm bao ỷ nguyện.
Xích xiềng quên cả mọi nghiêm hình.
Rượu ba chén đục hòa theo máu,
Thơ một phong trao để mối tình.
Thù nước vẫn còn ta luống thẹn,
Ngoảnh nhìn sông núi lệ buồn tanh.*

(1) (2) Chợ Yên là chỗ nhiều thích khách; tù Sở là tù nhà
Sở rất cực khổ.

100

There is a great deal of
work to be done in the
field of research and
development in the
area of the human
mind and its
capabilities. The
study of the human
mind is a complex
task and it is
one that requires
a great deal of
time and effort.

Let the mind be the master of the body.

101

There is a great deal of
work to be done in the
field of research and
development in the
area of the human
mind and its
capabilities. The
study of the human
mind is a complex
task and it is
one that requires
a great deal of
time and effort.

102

There is a great deal of
work to be done in the
field of research and
development in the
area of the human
mind and its
capabilities. The
study of the human
mind is a complex
task and it is
one that requires
a great deal of
time and effort.

103

NGUYỄN THÀNH HIẾN

Ông người hạt Cần-thơ Nam-kỳ, tổ tiên người Minh, Minh mất theo tôi cũ Minh là Mạc thiên Từ vượt bể qua Nam. Bản triều ta thu dụng cấp cho lương tiền và trâu cày nông cụ ở tỉnh Thừa-thiên. Tổ tiên nhân ở Hà-tiên làm dân nước ta đến nay chưa đổi tục nước, đời đời theo Hán học: ông giỏi chữ Hán hơn cả người Nam-kỳ. Nam-kỳ bị Pháp chiếm đến nay đã hơn 60 năm. Người Pháp xem dân như trâu ngựa, cái học trung, hiếu, lễ nghĩa, cái thói cần, kiệm, thương võ đã biến làm cái tập tục kiêu xa dám dăng không biết liêm xỉ. Chỉ có nhà ông thì không theo tác phong ấy, ông thiết là người hào kiệt ở Nam-kỳ. Ông tinh trầm nghị, trí thức hơn người, đã có giáo dục gia đình, lại thêm học vấn, nên về việc phân biệt chủng tộc, tư tưởng chính trị, đều có chứa chất sẵn. Sinh trưởng ở Nam-kỳ, mới lọt lòng mẹ đã là người dân Pháp, nhưng lòng thương nhớ nước cũ chưa giờ phút nào quên, đã 40 năm như thế. Vừa các năm Đinh-vị, Mậu-thân⁽¹⁾ tân trào nổi lên lan khắp Nam Bắc. Bài «Khuyến cáo lục tỉnh văn» của Kỳ-ngọai-hầu đã vượt bể Nhật-bản mà vào Nam-kỳ. Ông nhận được rất phấn khởi, lấy việc quang phục làm trách nhiệm của mình. Lúc đó các thiếu niên Trung, Bắc-kỳ du học Nhật-bản ngày càng nhiều. Ông tổ chức

(1) 1907 — 1908.

đoàn du học Nam-kỳ. Từ mùa đông năm Đinh-v⁽¹⁾ về sau, con em Nam-kỳ xuất dương du học trên đường không ngớt, đó là nhờ ông. Năm Kỷ-dậu⁽²⁾ mưu của đảng bị lộ, các con em Nam-kỳ xuất dương, thì người Pháp bắt phụ huynh bỏ tù, lại nghiêm trị những người cổ động du học buộc tội là thông với loạn đảng.

Các du học sinh Nam-kỳ đều vì thiếu tiền ăn học bỏ trường về, còn ở lại chỉ có Hoàng Hưng và một vài người khác nữa thôi. Lúc đó, ở trong nước không làm được ý muốn của mình, ông bỏ nhà xuất dương, cùng các người đảng ở ngoài giúp sức công việc đảm nhiệm công việc đảng. Ông bôn tẩu các nơi Hương-cảng, Bang-cốc, mưa gió đói rét nếm đủ mùi tân khổ, vẫn vui vẻ như thường. Ông vốn nhà có của cải nhiều, nay nhân nạn nước chịu cảnh khốn cùng mà không bao giờ phản nản. Đến mùa hạ năm Quý-sửu, ông ở Hương-cảng, nhân cùng các thiếu niên ở đó học chế tạc đạn thuốc nổ, bị thuốc cháy nổ, người Anh rõ được nhà trọ của đảng cách mạng Việt-nam nên đã bắt hết cả bọn giao cho người Pháp, trong đó có ông. Ông bị giải về nước, bị tòa án tra hỏi nhiều lần. Ông tuy già và ốm nhưng vẫn không chịu khuất, đối với các việc bí mật của đảng, không chịu nói gì. Người Pháp căm thù nên chém nát ông. Lúc đó ông 57 tuổi.



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Cần-Hải, Côn-sơn sự dĩ phi
Đan qua do dục văn tả huy

(1) 1907 — 1908.

(2) 1909.

Truyền gia tự tín thư năng dụng
Bảo quốc ninh tri nguyện cánh vi
Thời thế bị đồng long thủy thất
Mộng hồn kiếp trực nhận nam phi
Thương tâm bất nhẫn độc di cú
Phong vũ tôn tiền đẳng ảnh vi.

DỊCH:

Cần-hải Côn-sơn việc đã sai,
Một gươm còn muốn kéo lui trời.
Sách nhà những tưởng làm nên nổi,
Nợ nước ngờ đâu đã hỏng rồi.
Thời thế thương như rồng nước mất,
Mộng hồn theo đuổi nhận nam bay.
Độc thơ để lại lòng không nở,
Mưa gió đèn tàn rượu một chai.

Phụ: Thơ điệu của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM:

Thạch tâm bất cộng Phú-sơn đòi
Sấu cốt lẳng lẳng kiện cốt thôi
Túng tử định truyền lưu huyết sử
Thử sinh tu thượng đoạn đầu đài
Quốc hồn liên dạ chiêu thiên vấn
Tài tuần hà niệm quyền thổ lai
Cần-hải trào thanh vị thủy yết
Tà dương ý ngạn hữu dư ai

DỊCH:

Lòng đá không nghiêng với Phú-sơn.
Nếu cao khi cốt núi không mòn.
Chết đi để máu ghi vào sử;
Sống bị rơi đầu thế mới hơn.
Hồn nước kêu trời ta thử hỏi:
Anh tài bao thuở kéo về luôn?
Tiếng triều Cần hải vì ai ghen?
Dựa núi tà dương giọt lệ tuôn.

((Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách))

The first part of the report
describes the general situation
of the country and the
state of the economy.

1911

The second part of the report
describes the general situation
of the country and the
state of the economy.

The third part of the report
describes the general situation
of the country and the
state of the economy.

1912

The fourth part of the report
describes the general situation
of the country and the
state of the economy.

1913

The fifth part of the report
describes the general situation
of the country and the
state of the economy.

The sixth part of the report
describes the general situation
of the country and the
state of the economy.

TRẦN PHÚC ĐỊNH

Trời gây vạ cho nước ta, đòi chủ làm nô. Những bọn sợ vạ lây muốn cầu an phần lớn quý gối theo giặc, theo sóng đuổi gió. Tìm người có thể vững như cột đá giữa dòng, nào có mấy ai? Đồng chí ta Trần phúc Định ở dưới cường quyền áp chế mà vẫn nắm vững đại nghĩa, không theo thói đời, thật là người vững như sắt. Tên chữ ông là Tri Chỉ, người tổng Bình-phú, tỉnh Vĩnh long, tính vốn cương trực, rất có thời nghĩa hiệp. Thường ngày giận nói giống khác chà đạp, đau xót vì nước bị luân vong, tự lấy việc quang phục làm thiên chức thần thánh của mình. Ông bốn tẩu đông, tây hàng năm chịu khó.

Thế mà việc chẳng chiều lòng, mưu tính mãi mà bị thất bại; một mình khôn chèo chống nổi, trời làm như thế biết sao bây giờ! Khoảng các năm Bính-ngọ, Đinh-vị ⁽¹⁾ tin Hội chủ xuất dương chấn động khắp nước, bài văn «Phổ cáo lục tỉnh» đồng thời lan khắp Nam-kỳ. Ông được tin, nói với người ta rằng: «Chí nguyện của tôi thế là thực hiện được. Dòng vua dòng du, sự nghiệp quang phục đã có người rồi, tráng sĩ lập công chính là thời này». Thế rồi ông cùng Nguyễn thành Hiến và các phụ lão Nam-kỳ độ 20 người, tổ chức đoàn

(1) 1906 — 1907.

xuất dương. Hồi thứ nhất có các ông Bùi chi Nhuận, Hoàng hữu Chí, hồi thứ nhì có các ông Hoàng Hưng, Lưu do Hưng, Đặng bình Thành kế tiếp xuất dương. Ông ở trong nước cố sức mở mang để chọn thêm nhân tài và trừ liệu tổn phí, gây cơ sở cứu quốc cho tương lai. Ông lại đề ý chấn hưng tân học, thu thập kiến thức mới, nghĩ rằng mình không làm trước thì còn khuyến khích được ai. Đến tháng hai năm Mậu-thân ⁽¹⁾, ông tự đem con là Phúc An, Ngọc Thư và hơn 10 học sinh qua Nhật cầu học.

Lúc đến yết kiến Hội chủ, nói rõ cái chí của ông, Hội chủ rất là khen ngợi, rồi sai ông trở về mưu cuộc đại vận động. Lúc ra về ông dặn hai con rằng: «Thân của các con đã hứa với Tổ quốc, với Hội chủ rồi. Từ nay cần chịu đựng gian khổ, cố gắng học tập, đem khả năng hiến cho quốc gia, đừng lo nghĩ gì đến cha nữa. Tiên Triết có nói: «Vi nước quên nhà, vì vua quên mình, các con ghi nhớ lấy. Nếu trái lời ấy thì không phải là con cha, cha sẽ không cùng gặp mặt các con; chỉ có chết mà thôi». Lúc đó hơn 20 học sinh nghe ông nói đều khóc mà tiễn chân ông, Hỡi ôi! Tình thành đến thế, vàng đá cũng phải chuyển, cái nghĩa khí cảm người ta sâu đến như thế! Sau khi về nước, ông hết sức奔走 lại đem ra hơn 60 học sinh nữa. Ngày tháng 3 năm Canh-tuất ⁽²⁾ việc bị lộ, giặc Pháp bắt ông ra tòa, tra hỏi việc đảng và hỏi hai con ở đâu. Về người đảng việc đảng, ông nhất định không chịu nói chỉ nói hai con ở nhà người bạn họ tại Hương-cảng để học tiếng Anh. Giặc Pháp không biết làm sao mới bỏ ông vào ngục. Lúc đó đảng bị bắt bớ nhiều, các đồng

(1) 1908.

(2) 1910.

chí Nam, Trung, đều bị cầm tù, nhân tâm phần uất, toàn Nam-kỳ hầu như sôi sục muốn nổi dậy. Giặc Pháp sợ mới tha ông ra. Ông được tha rồi, thì lòng yêu nước lại hăng hơn trước; ông thường đi lại các hương thôn để tuyên truyền cổ động. Mồng 5 tháng 5 năm Tân hợi (1) đến hạt nọ để bàn việc đảng, đi bộ đến hơn 10 ngày, nhân trời nắng to như giúp sức cho giặc Pháp, ông cảm bệnh nhiệt, mất tại nhà một người đồng chí. Lúc đó ông 45 tuổi. Ôi! ông tuy chết mà tấm lòng son vẫn mạnh, muôn thuở vẫn còn, ngày nào nước Nam trùng hưng, thì tên tuổi dấu vết của ông sẽ truyền mãi trên bia kỷ niệm.

Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Cần-hải cuồng đào dạ dạ mình
Giang sơn lưu thế lệ tung hoành
Hưng vong vị liễu xất phu trái
Gian hiểm ninh từ vạn lý chinh
Nghĩ bả đan tâm hồi nhật chiếu
Cảm tương xích thủ hương thiên kinh
Thân nhi ưng giải trùng tuyên ý
Quân quốc thâm ư cốt nhục tình

DỊCH:

Bể Cần sóng mạnh mỗi đêm kêu,
Nghĩ đến non sông giọt lệ trào.
Món nợ xất phu chưa trả hết,
Con đường gian hiểm cứ đi liều.
Lòng son vừng nhật đã soi tỏ,
Tay đỏ ngang trời hướng thẳng nêu.
Con biết lòng cha cần nhận rõ!
Tình vua tình nước nặng hơn nhiều.

(1) 1911.

Phụ: Thơ điếu của Trần quốc Dụ⁽¹⁾

PHIÊN ÂM:

Châu ngọc liên quân ủy kiếp khôi
Bình sinh tráng chí hiệp phong lôi
Ưu thiên lệ hướng tam canh lạc
Tuần quốc thân tòng vạn lý lai
Đạo táng kỷ nhân bi chính sĩ
Thời nguy liên tuế thất anh tài
Giang sơn độc bão trùng thanh chí
Tọa ngã vân gian vọng cửu cai

DỊCH:

*Thương anh châu ngọc đã thành tro!
Tráng chí sinh bình sấm gió to.
Canh vắng lo trời rơi lệ khóc;
Đường dài vì nước hiến thân cho.
Ai thương chính sĩ đời đen bạc?
Bỏ mất anh tài việc đáng lo.
Quyết chí gạn trong non nước lại:
Phương trời chín cõi tỏ thăm dò*

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

(1) Theo « Nam chi tập » thì bài thơ phụ lục trên đây là của Nguyễn-thượng-Hiền điếu Đỗ-cơ-Quang.

CHUYỆN CHÉP CHUNG CÁC LIỆT SĨ LÊ VĂN TẬP, NGUYỄN VĂN KHUYẾN

Lê văn Tập tên chữ là Văn Phúc, người xã Đa-cốc, phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình, lúc nhỏ ông có chí khí khác người, khinh những kẻ xu thế; gặp khi nước mất lại thêm có tính khảng khái bi ca, giận đời và cố gắng lấy việc giết giặc báo nước làm nghề nghiệp, rồi bỏ việc nhà không xem đến nữa. Người nhà có lúc trách ông thì ông giận mà bảo: «nước cũng mất nữa là nhà». Thế rồi chuyên học nghề cưỡi ngựa cầm gươm, và có lúc lấy nghề tập võ nghề kiếm dạy cho thiếu niên, dự bị dùng khi giết giặc. Trước kia, khi Bắc-kỳ mới mất, người các phủ huyện khởi nghĩa khá nhiều. Ông và các ông Nguyễn Tất ở Trình-phố, Vũ hữu Lợi ở Giao-cù mong phục thù nước. Nghĩa kỳ nổi dậy nhưng cuối cùng vì thế giặc to lớn mà nghĩa quân thì súng đạn hết cả, nên hồi đầu thua đó. Các người đồng sự cùng ông nhiều kẻ hàng giặc. Chỉ có ông thì chí xưa giữ vững không thay đổi. Đã 6, 7 năm ông lên đi các địa phương, tổ chức đồng chí, nhưng chưa có kết quả. Khoảng năm Nhâm-tý, Quý-sử⁽¹⁾, Hội Việt-nam quang phục lập chi bộ ở Long-châu. Ông nghe tin rất mừng, nói rằng: «chí ta lần này thực hiện được». Thế rồi

(1) 1912 — 1913.

ông mạo hiểm bỏ nước xuất cảnh cùng người đảng hợp ở Long-châu. Lúc đó đảng ta mới lập tiệm buôn Hồng-xương ở Long-châu trên bờ sông để làm nơi giao thông bí mật, mới khuyên ông ở lại Long-châu đảm nhiệm việc đảng, ông nhận lời. Ở Long-châu hơn một năm, ông làm việc đảng rất cần khổ. Mật thám Pháp qua Long-châu dò biết mới giao thiệp với quan lại Trung-hoa, yêu cầu bắt giữ. Ngày mồng một tháng tư năm Giáp-dần⁽¹⁾ ông bị bắt giao cho Pháp giải về nước. Thuyền tới ghềnh Áp-tử, nhân lúc tên quan lại ngủ, ông uống thuốc độc tự tử, nhưng chưa chết, người Hoa đi theo lại đưa trở lại Long-châu, đến ngày mồng ba mới chết. Lúc đó ông 55 tuổi. Người cùng ngày tuấn nạn với ông là Nguyễn Khuyển. Văn Khuyển người xã Thái-hòa, huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-nội làm nghề thợ may. Trong bạn thợ may ông lại là người trộm hơn cả; ông thấy một túi xu phụ quyền thế làm nghề ăn xin mà lên mặt với hàng xóm, ông rất lấy làm khinh bỉ, không thèm nói chuyện.

Năm Nhâm-tý lên sang Long-châu, họp với các đồng chí, xin đảm nhiệm các việc trong tiệm buôn Hồng-xương. Mỗi lúc say rượu đổ tai thì nói với các đồng chí: «nước nhà mất còn, tất phu có trách nhiệm, chúng ta ngày nay đã đem thân hứa với nước với đảng, thì nên hy sinh cái khoái lạc một mình, để gắng sức làm việc nước việc đảng cho tiến bộ, hết lòng hết sức, sao cho làm tròn nhiệm vụ». Các đồng chí đều yêu mến ông. Tính ông siêng năng lại lo lắng việc công, lúc cung tận tụy, đêm ngày không nghỉ, cùng làm việc với Lê văn Tập trong hơn một năm, việc tiệm buôn thịnh lên. Cũng vì Pháp — Hoa giao thiệp, bọn quan

(1) 1914.

Hoa bắt ông giao cho Pháp. Ngày 24 tháng 3 năm Giáp-dần ông bị bắt, ngày mồng một tháng tư ông cùng Lê văn Tập bị giải về Nam. Có bao nhiêu của cải trong tiệm đều bị tịch thu giao cho Pháp. Tiệm buôn thế là tan. Ông đi đến ghềnh Áp-tử cùng Lê đều uống thuốc độc. Sức thuốc nhẹ không chết được, tên lính người Hoa đi theo đưa trở về Long-châu. Dọc đường ông nhảy xuống sông nhiều lần đều bị tên lính người Hoa cứu lên. Đến tối ông chết ở trong dinh Đốc biện người Hoa; lúc đó ông mới 28 tuổi.



Lời viếng Lê văn Tập
từ điệu cò

PHIÊN ÂM:

Long-thành triều triều thâm vân bố
Nhĩ-hà dạ dạ đào thanh nộ
Cực mục tinh táo vô nhân trừ
Huyết chiến sơn hà thống Lê-tổ
Ưc tích ngũ thập vạn Ngô binh
Lôi oanh điện tri xu Việt kinh
Trường khu tặc quyền sở thập tỉnh
Quảng-nam dĩ bắc vô ngoan thành
Lam-sơn động lý xuất thần thánh
Đại hô nhất thanh vạn hưởng ứng
Tảo dăng Ngô binh hoàn cố đô
Việt quốc Việt dân phổ thiên khánh
Công đức thù kim ngũ bách niên
Thần miếu thánh duệ miên miên truyền
Nhất triều đề đầu sự dị chủng
Nhục ngã sơn hà tu ngã tiên
Ngã sinh hạnh ký Việt nhân xưng
Hưởng phục Lê hoàng chi vân nhưng
Yêu gian bảo đao hàn như băng
Thệ châm cừ huyết điện cao tăng
Sinh bất đoãn cừ huyết
Tử tất đoạt cừ phách

Tinh linh thượng hạ tổ chi bằng
 Hóa vi tứ thiên lồi hách hách
 Ngã chi dĩ quyết phẩn qua tiền
 Khu khu vi sinh phục hà tích
 Ngưỡng thiên đại tiểu xuất quốc môn
 Tê phong hiệp vũ thiên lý bồn
 Đáo xứ sơn hà nhiệm ngã lệ
 Xích vân hồng nhật thê ngã hồn
 Ngã hồn dạ dạ trực minh nguyệt
 Lâm ngã thành lâu chiếu kinh quyết
 Tân trào bành bãi thù vi nghinh
 Cự tượng thê lương bất nhần thuyết.
 Thương thiên trụ cửu vô nhân kinh
 Lực bất như tâm không thê linh
 Anh hùng khổ vô dụng vũ địa
 Nhất phiến tĩnh thổ hoàn ngô sinh
 Hu ta hồ trung nguyên
 Cừu lỗ vị điền diệt.
 Độc hà diện mục
 Giang đông trùng lai kiến phụ huynh.

DỊCH:

Mỗi sớm Long-thành mây thăm phủ,
 Mỗi tối Nhị-hà tiếng sóng vỗ,
 Kia giếng hôi tanh không ai trừ,
 Non sông huyết chiến nhớ Lê-lỗ.
 Nhớ xưa Ngô đem mười vạn binh,
 Sấm vang chớp nhoáng đến Việt-kinh,
 Mau chóng đuổi dài vài mươi tỉnh,
 Quảng-nam về Bắc hết mọi thành.
 Trong động Lam-sơn ra thần thánh,
 Kêu to một lời muôn tiếng ứng.
 Quét sạch quân Ngô thu Cổ-đô.
 Trời Việt nhân dân mừng quốc khánh.
 Công đức nay năm trăm năm rồi,
 Con thần cháu thánh truyền đời đời.
 Một mai cúi đầu thờ giống khác,
 Non sông tiên tổ nhục lắm thôi!
 Tôi may sinh ra người Việt-bang,
 Huống lại dòng dõi của Lê-hoàng!
 Lưng mang con dao lạnh như đá,

Thẻ đem máu giặc tể Cao-tằng,
 Sống không uống máu giặc,
 Chết phải làm giặc hoảng,
 Hồn thiêng xung quanh ông lỗ ta,
 Tiếng sấm bốn phương kêu choảng choảng,
 Chỉ ta đã quyết trước gươm dao,
 Còn tiếc cái thân là không đáng.
 Đi ra cửa nước nhìn trời cười.
 Dày mưa dạn gió muôn dặm khơi,
 Đến đâu non sông nhuộm nước mắt,
 Trời hồng mây đỏ hồn ta ngời.
 Hồn ta đêm đêm theo mình nguyệt,
 Đi đến trên thành soi kinh nguyệt,
 Nước triều mới lên hầu đón ai?
 Cảnh cũ buồn rầu nói khôn xiết.
 Trời sập không ai chống nổi mà,
 Sức chẳng theo lòng giọt lệ sa,
 Anh hùng khổ không đất dụng võ,
 Một nơi đất tỉnh chôn thân ta:
 Hỡi ôi Trung-nguyên!
 Giặc cướp chưa diệt được,
 Còn đâu mặt mũi,
 Về Giang-đông gặp phụ huynh nhà! ⁽¹⁾

Lại một bài viếng Nguyễn văn Khuyên

PHIÊN ÂM :

Thân diệc giang sơn trọng
 Tâm ninh mộ thạch si
 Tấn thân tâm hủ lão
 Nô lệ bạc sẵn nhi
 Quốc trách xất phu hữu
 Hạ khuynh quần mộ chi
 Nghĩa quan thiên hạ cộng
 Lợi khởi nhất thân ti
 Khuyết hám lao quân bỏ

(1) Hạng Võ đi đánh thua, người lái thuyền khuyên về Giang-đông. Võ nói: « Ta còn mặt mũi nào dòm người cũ », rồi tự tử.

Tình can hứa chúng phi
Thệ cừu qua đương chăm
Âm hận huyết hòa chi
Khí dữ cường quyền chiến
Hồn chung ngã đảng tùy
Tha thời điều kỳ liệt
Áp thủy yết dư bi

DỊCH:

Non nước thân xem nặng,
Gỗ đá lòng há ngáy.
Thẹn tấm thân cồ hủ
Ghét nỏ lệ mặt dày,
Xất phu mang nợ nước,
Nhà đồ chống nhiều cây,
Là nghĩa chung thiên hạ,
Há lợi một mình này,
Thiếu, có ông bồi đắp
Gan cùng chúng phôi bày.
Giết giặc đao đầu gối,
Giận thù chén rượu say.
Khí cùng cường quyền đánh.
Hồn theo đảng ta bay.
Ngày nào tẽ liệt sĩ,
Nước Áp ghen ngào thay.

Phụ lục: Thơ Hoàng ngọc Long điệu Lê văn Tập

PHIÊN ÂM:

Vạn lý gian quan cộng sách tiên
Thệ giai bắc khứ hựu nam hoàn
Hồng ly ngư vãng sơ khai hạ
Phượng biệt kê thê cận táp niên
Vân thụ cảm thâm như thử nhật
Giang sơn tình trọng nại hà thiên
Long đao nguyện trăm cừu nhân quốc
Huyết tửu tam bôi diện mộ tiền

DỊCH:

Gian quan muốn dặm bước song song,
Đi Bắc cùng thể trở lại Nam.
Lưới cá hồng sa đầu tháng hạ,
Chuồng gà phụng vắng sắp đầy năm.
Ngàn mây ngày nợ tình riêng cảm,
Non nước trời này dạ cũng cam.
Đầu giặc nguyện đưa dao chém đứt:
Ba tuần rượu máu trước mồ thắm.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

(Xem nguyên văn chữ Hán sau đây)

Trong phần trước đây đã nói rằng
ở Bắc và ở Tây là Nam
Lực có thể ở Bắc hoặc ở
Chống lại nhau và ở Tây
Ngôn ngữ này là một câu
Nó cũng là một câu
Mà giờ người ta đã biết
là một câu mà trước và sau

ĐỖ CƠ QUANG

Tôi sắp viết tiểu sử ông Đỗ cơ Quang thì trước khi đặt bút có hai điều kích thích trong đầu óc tôi. Còn việc đau đớn cho Đỗ thì là việc chính của đầu đề không cần bàn nữa. Thứ nhất là muốn tìm người có nhiệt huyết không nệ câu nệ về hình thức; thứ hai là bàn anh hùng thế giới không nên do ở chỗ thành hay bại. Cho nên ai đọc hẳn tôi cũng nên xét ý tôi ở ngoài giấy trắng mực đen.

Đỗ cơ Quang ên chữ là Chân thiết, người xã Thịnh-hào, Hà-mội, ông là con quan Tri phủ Tĩnh-gia, (Thanh-hóa) thâm mình nhỏ bé, diện mạo không hơn một người bậc trung thế mà can đảm lại tày trời, mới là lạ!

Đời trước nhà ông lấy việc thi cử nghiệp mà nổi lên. Ông sinh ra dĩnh tuệ, ham học và thông chữ Hán. Tuy vậy ông không muốn học cho đến lúc thi đậu mà chỉ ham nói chuyện tu hiệp. Năm Nhâm-tý⁽¹⁾ bỏ nhà xuất dương. Lúc đó nước Trung-hoa dân-quốc mới thành lập, ông đi lại vì đảng cách mạng Trung-quốc để mưu cầu viện. Ông đi lại các nơi Hàng, Hộ, Tân, Phố⁽²⁾ đã một năm mà không được việc gì, nên lại trở về Việt

(1) 1912.

(2) Tức Hàng-chá, Thượng-hải. Thiên-tân, Phố-khầu.

(Quảng-đông)⁽¹⁾ đi qua Quế (Quảng-tây)⁽¹⁾ sang Điền (Vân-nam)⁽¹⁾. Ông mới bí mật giao thiệp với các viên chức của đường hỏa xa tổ chức một đảng bí mật tại biên giới Điền-Việt (Vân-nam, Việt-nam)⁽¹⁾. Mùa đông năm Giáp-dần⁽²⁾, ông cùng đảng viên lên về Bắc-kỳ vận động lính tập mưu đánh úp Hà-nội. Vì các tướng hiệu và sĩ quan đều là người Pháp, nên khó làm mau chóng được. Thế rồi bị bại lộ. Ông và các đồng chí đều bị bắt. Người Pháp không tra xét gì cả, chỉ bằng vào lời tố cáo của mật thám thôi. Đồng trong một ngày, ông và 58 người từ Kỳ-lan trở xuống đều bị tử hình, vứt thây ở ngoài thành Lao-kay. Tên tuổi 58 người đó hiện chưa biết rõ, đợi sau sẽ bổ sung, lúc Đỗ ở Việt (Quảng-đông)⁽³⁾ có làm thơ diếu các liệt sĩ Hoàng-hoa-Cương, di cảo vẫn còn, nay xin sao ra sau đây, để thấy rõ một bầu tâm huyết của ông.

Than ôi ! cuộc khởi nghĩa Vũ-xương nổi lên chưa đến 5 tháng thì Trung-hoa dân quốc thành lập, đó là kết quả của cuộc vận động quân đội. Nhưng thời thế và địa vị của cách mạng Trung-hoa so với ta bên nào khó hơn ? Họ Đỗ ôm cái chí nổi dậy không kể mình, vào cái hang cộp muôn chết không một sống, muốn mưu sự nghiệp ngăn sông chuyển bể ở đội quân không có tướng hiệu chỉ huy, như thế tất phải bại mà không thành, đó là thế mà cũng là lý mà thôi.

Thế mà có kẻ lại cho họ Đỗ đã thất sách, đó là một nhận thức thô tục. Việc tuy không thành, mà một giọt máu tươi chảy ra, cũng đủ khởi mang tội với quốc dân ta. Còn cái hùng phong mạo hiểm dám làm thì muôn

(1) Chú thích của người dịch.

(2) 1914.

(3) Chú thích của người dịch.

thuở cũng là bắt hủ. Sao lại lấy thành bại mà nhận xét người được? Còn 58 người đồng bị chết, thì cái chí rất đáng thương mà việc rất đáng ghi vầy.

Bây giờ xét về bề ngoài, thì những người đi làm việc cho sở đường sắt để người Pháp tùy ý sai khiến, như thế có phải nô lệ cho Pháp không? Không, không phải thế. Các người là làm thuê, chứ không phải là làm nô lệ. Làm thuê là lo cho có cơm ăn áo mặc, do vấn đề sinh hoạt mà phải làm, đó là cái lẽ thường của nhân loại. Nô lệ là vì quyền lợi, do vấn đề trí thức mà làm, đó là cái biến tướng của loài thú. Con cọp, con voi, con hươu con vượn há lại không biết tìm loài chim muông, trùng cá và hái lá, quả cây cỏ để mà ăn, chúng nó có bao giờ bị nguy khốn về sinh hoạt đâu. Nhưng vì chỉ không bằng người nên người có thể săn bắt để mà đánh đập được. Khi đã rơi vào lao lung rồi thì trọn đời phải cúi đầu làm nô lệ cho người mà không thoát ra được. Nay ở nước ta nào quan lớn này, thân hào nọ cũng là đồ cọp, voi, hươu, vượn làm nô lệ cho người Pháp mà thôi. Còn các người làm việc hỏa xa đâu phải như thế. Chỉ là làm công cho nhà tư bản rồi theo phạm vi công việc mà nhận tiền thuê, nếu tiền thuê không xứng với việc làm thì bỏ việc mà về, người thuê không có thể khinh rẻ ta, làm nhục ta được. Đó là khuôn khổ thường của tự do nhân loại.

Vì các người là người cho nên thấy đồng bào khổ nhục, thấy nỗi giống khác chạ đạp phụ huyh tử đệ ta, nên nuôi cái lòng không đội trời chung, cái lòng ấy càng lâu càng sâu, đợi cơ hội nhè chỗ hở mà phát ra; may mà thành công thì được gọi là đại anh hùng cứu quốc phục thù rất là xứng đáng, rủi mà không thành thì cái tâm sự đối với đồng chủng, đồng bào, cũng đủ bực bực với đương thời, không có thể vì việc làm thuê mà hạ

thấp giá trị các người được. Còn bọn quan to quan lớn thì tên là quan mà thực là thú, đó mới là nô lệ của Pháp. Nhìn lại 58 người đồng một ngày chết vì nghĩa ở ngoài thành Lao-kay, thì bọn này ăn thịt có ngon không? Cho nên tôi rất khâm phục cái chí các ông, mà mong người sau kế tục nối dây để làm tròn sự nghiệp. Vậy xin có thơ điệu như sau:

Điệu Đỗ cơ Quang

PHIÊN ÂM:

Quân khứ ư kim lục tải dư
Giang sơn động khốc vị thủy cử
Nam tri bắc sậu tâm chung khổ
Kiền chuyển khôn hoàn mộng tổng hư
Thảm nguyệt chiếu tàn Nhai thị trủng
Sầu vân tái mẫn Việt-Điền xa
Tur quân cánh ức Hoàng hoa cú
Khảng khái đương niên nhiễm huyết thư

DỊCH:

Hơn sáu năm nay vắng tiếng ông,
Núi sông than khóc lệ tuôn ròng.
Đi về Nam Bắc lòng riêng khổ,
 Xoay chuyển càn khôn mộng hóa không.
Năm mộ Lao-kay vừng nguyệt dọi;
Con đường Điền-Việt đám mây lồng
Nhớ ông lại nhớ Hoàng-hoa cú,⁽¹⁾
Khảng khái năm xưa viết máu hồng.

Điệu năm mươi tám người đồng ngày bị chết.

PHIÊN ÂM:

Thê thiết đề oan giáp lộ trùng
Nhất thành liệt huyết bích-ngân phong

(1) Thơ đề ở Hoàng hoa cương.

Hành nhân lệ lạc vô đầu quí
Cường lỗ tâm hàn hữu thích phong
Tuyền hạ hồn ưng di bảo kiếm
Mộ tiền khí dục thổ tràng hồng
Thiên thu quốc sử đăng quân bối
Thần trụ hà tăng quí Lạc-long

DỊCH:

*Thê thăm kêu oan vắng tiếng trùg.
Một thành máu nóng ngấn rêu phong.
Người qua rơi lệ ma không trở⁽¹⁾,
Lũ giặc kinh hồn nọc của ong.
Dưới suối hồn thiêng trao bảo kiếm,
Trước mồ khí mạnh nhả cầu vồng.
Ngàn thu sử chép bao tên tuổi.
Không then con nòi giống Lạc-long.*

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyền sách)

**Phụ lục: Bài văn Đỗ cơ Quang điều 72 liệt sĩ
ở Hoàng-hoa-cương.**

Kính gửi các quý vị Đồng minh Hội Trung-hoa dân-quốc xét,

Tôi là người Việt-nam cũng là một người cách mạng trong hội vong quốc chạy khắp Đông Tây đề cổ động phong trào, kêu gọi trong ngoài. Gần đây được nghe nghĩa-kỳ dân quốc dựng lên, tôi có ý đi đến giúp đỡ, lúc đến thì việc ổn định rồi, tôi ở lại Việt thành (tức Quảng-châu)⁽²⁾ thăm Hoàng-hoa-cương xưa, thấy mây đỏ bay lên, cỏ thơm mọc rậm; tôi khám phục cái anh phong của 72 liệt sĩ, ngâm nghĩ một lúc, mới đặt tay lên trán mà chúc; chúc rằng: «đường cách xán lạn,

(1) Đầu, tiếng miền trong.

(2) Chũ thích của người dịch.

thế giới đều khen, rực rỡ Trung-hoa, liệt sĩ làm nên, trời giúp quốc dân, ngày tiến văn minh, lúc sống là vinh, lúc chết đề tên, hồn xưa thiêng liêng, lộng lộng thiên đường, non sông sinh sắc, nhật nguyệt sáng ngời, tôi nhìn đại-lục, chỉ máu là hơn, mạnh thay thiết huyết, làm gương thiên hạ, vài lời thơ thiền, đề mừng các tiên linh của giống da vàng chúng ta, cũng là vì u hồn của các vị trong nước đã mất trước mà than khóc vậy. Nay đọc báo Hộ, (tức Thượng-hải)⁽¹⁾ lại vừa là ngày lễ kỷ niệm, đọc bài văn kỷ niệm, tôi vừa thương xót vừa mừng thầm trong lòng.

Than ôi! trên mặt địa cầu, Việt-nam chúng ta ở đâu? Trong 50 năm các vong nhân chí sĩ, bể máu núi xương, không kể xiết được, máu tươi anh hùng toan mai một, đau thương không nổi nhìn lân bang. Tôi chúc Trung-hoa, tôi chúc các liệt sĩ Trung-hoa, tôi thương cho Việt-nam tôi, tôi lại thương cho các liệt sĩ Việt-nam tôi. Nhân tiện tôi làm hai bài này để trình các vị xem. Có phải văn chương gì đâu, chẳng qua cũng là để làm lễ tế các người xưa và biểu đồng tình với các chú bác, anh em trong đồng châu mà thôi.

PHIÊN ÂM:

Bài thứ nhất

Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương
Vạn cổ hoàng hoa bất khả vương
Vô cạnh thần châu duy thiết huyết
Tối linh hiệp khí định kim thang
Vũ đài thanh sử khoái chân khoái
Tàn quốc nhân tâm cường mạc cường
Tự do chung chàng độc lập kỳ trường.

DỊCH:

*Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương,
Muôn thuở không quên vẻ hoa vàng.*

(1) Chú thích của người dịch.

*Ai sánh thần châu⁽¹⁾ vì thiết huyết;
Hiệp khi thiêng liêng định kim thang⁽²⁾.
Sử xanh để đời thiết là khoái?
Nhân tâm nước mới mạnh khôn đương!
Tự do chuồng đánh, độc lập cờ dăng.*

Bài thứ hai

PHIÊN ÂM:

Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương
Bàng nhân đối thủ trụng thê lương
Trung quốc hoàng hoa thất thập nhị,
Đồng bào tân tú tượng.
Ngã quốc Hoàng Hoa tam thập niên.
Hiệu kiếp nhập Hồng dương
Chủng tộc cạnh tranh thiên diễn kịch
Anh hùng thiết huyết trấn tang thương
Ngã Việt-nam vương bất vương
Hoàng Hoa hà quý thử hoa hương.

DỊCH:

Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương,
Người qua trông thấy những thê lương.
Hoàng hoa Trung-quốc bảy mươi hai;
Đồng bào mới vẽ lương.
Hoàng-hoa nước ta ba mươi năm,
Vẫn là kiếp Hồng-dương⁽³⁾.
Nòi giống cạnh tranh tuồng thiên diễn,
Thiết huyết anh hùng giữ tang thương.
Việt-nam ta mất hay còn,
Hoàng-hoa không thẹn với mùi hương.

(1) Chỉ đất linh thiêng — (2) Kim thành thang tri: thành vững như đồng, hào xung quanh thành hiểm trở như nước sôi — (3) Vận tại ách.

Lại trích một thiên trong tập "Nam-Mai" của Đinh năm.
Bài phú nói về cảm xúc khi đọc thơ
Hoàng-hoa-Cương của Chân thiết

PHIÊN ÂM:

Tràng hồng quán thiên yêu vụ khởi
Thất thập nhị nhân đồng nhật tử
Hoàng-hoa cương đầu bạch nhật huân
Thục phách đề sâu huyết ngân tử.
Vạn phương yếm Hồ như yếm Doanh
Tráng phu phó nghĩa vong tử sinh
Quần qua tòng thử ế bốn lộc
Thục phi nhất kích dương tiên thanh
Dân quốc công huân huy giản sách
Thiên ngã vô thành do tác khách
Hồi đầu nam cực vân minh minh
Khởi vô trung hồn dữ nghị phách
Đông-kinh nghĩa đảng sử hiên di
Sự tuy phát tự kể diệc kỳ
Đoạn đầu đài thượng tự tráng sĩ
Bích huyết sai thiên thiên diệc by
An-Thế tam niên ách cường lỗ
Bán phu chi dũng địch thiên hồ
Chiến thanh táp địa yên trần hồn
Bạch cốt như sơn ủy lâm mỗ
Vong nhân vạn lý bốn tri lao
Thương tâm cổ quốc trưởng bông cao
Tọa sử anh thanh cánh mai một
Hu ta thử tội qui ngô tào.
Cộng thử minh tâm tuyết thù sĩ
Tài phương tổn nhân kim thượng nhĩ
Chung đương bách chiến phục sơn hà.
Hải quốc phong vân tráng tân sử
Vạn nhân cử tử thù trung trinh
Hiệp cốt lưu hương văn bát hoành
Dương-Thành, Việt điện cách nhất thủy
Thiên thu nghị khí câu tranh vanh.

DỊCH: Vòng dài suốt trời mù đen ngịt,
Bảy mươi hai người đồng ngày chết.

Đầu cồn Hoàng-hoa mặt trời im:
 Hồn Thục kêu sầu máu thành vết⁽¹⁾,
 Muôn phương ghét Hồ như ghét Đinh⁽²⁾
 Tráng phu theo nghĩa quên tử sinh.
 Mọi dao từ đó giết hươu chạy⁽³⁾
 Đánh cho được trước mọi người giành.
 Công lao quốc dân ghi sử sách:
 Tôi chưa làm nên còn là khách.
 Ngoảnh đầu về Nam mây mờ mờ.
 Há không trung hồn và nghị phách.
 Nghĩa đảng Đông-kinh xưa cú diều,
 Việc tuy không thành kẻ cũng mầu,
 Trên đài đoan đầu hội tráng sĩ,
 Máu đỏ rưới trời trời cũng đau.
 Yìn-thế ba năm chống cường lộ⁽⁴⁾,
 Sức mạnh trăm người địch ngàn hồ,
 Tểng thét rầy đất khơi bụi mờ.
 Xương trắng như non gửi cây cỏ.
 Chúng tôi chạy vạy muôn dặm ngoài,
 Đau lòng cổ quốc loạn lạc hoài.
 Nếu để tiếng người bị mai một.
 Không tội chúng ta thì tội ai?
 Cùng nhau thề lòng rửa cừu sỉ,
 Tà còn kém người nay phải thế,
 Rồi sẽ trăm trận lấy non sông,
 Bể nước gió mây ghi tãn sử.
 Miên người nâng rượu chúc trung trinh,
 Xương đề mùi thơm khắp xung quanh,
 Thành Dương⁽⁵⁾ coi Việt cách một nước,
 Ngàn thu khí mạnh đều tranh vanh.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyền sách).

(1) Vua Thục mất nước hóa thành con cuốc, cuốc kêu nghe giọng sầu thảm.

(2) Hồ, dân tộc miền Bắc thường xâm lược Trung-hoa; Đinh, họ Tản thủy Hoàng có chính sách tàn bạo. Cả hai đều bị nhân dân oán ghét.

(3) Hươu, nhà Tản mất nước, mọi người giành nhau đuổi như đuổi hươu.

(4) Nói việc Hoàng hoa Thám.

(5) Thành Dương hay Dương thành tức là thành Quảng-châu, tỉnh Quảng-tông (Trung-quốc).

CHÉP CHUNG CHUYỆN NGUYỄN ĐỨC CÔNG, NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG

Huyện Chân-lộc ⁽¹⁾, tỉnh Nghệ-an, phía Tây núi Ngự, / Ngự
phía Đông Hồng-lĩnh có một kỳ nam tử họ Nguyễn
tên là Đức Công. Thuở bé học chữ Hán, phụ huynh
dùng sách chữ Hán dạy cho. Thiên tính lanh lẹ, hề
dạy cho một lần là đọc được ngay và nhớ được ngay.
Làm văn giỏi đi thi thử tức đậu đầu. Gặp nước mất,
năm đầu Hàm-nghi, người Pháp đem quân chiếm thành
Nghệ-an, thân phụ ông bỏ quan về làng. Ông thương
xót cho đời mà ghét thể tục, then vào quan trường nô
lệ, chán khoa cử nên không để ý đến, thường phần uất
không hài lòng thì hay uống rượu, gảy đàn ca hát, than
thở ngậm nga để tiêu khiển. Dầu anh em trong nhà
cũng không dò biết được ý ông. Mỗi lúc có xúc cảm
gì thì thở dài mà than rằng: « Đường đường một đấng
nam nhi, sinh gặp nạn nước mà cứ vui đầu với bút hư
mực hồng làm bạn với loài một sách để trọn đời làm
một hủ nho ư? » Lúc đó cái ý chí sắc nhọn tuy chưa lộ
ra, nhưng cái chí ngựa ký ra chuồng, điều hâu thoát
lồng được chứa chất từ lâu, cho nên ông vốn không thể
cúi đầu cụp tai dưới ách cường quyền được. Tháng
hai năm Mậu-thân ⁽²⁾ Hội chủ gửi thư về dặn Ngự Hải

(1) Tức Nghi-lộc, hiện nay.

(2) 1908.

chọn nhiều học sinh sang Nhật du học. Ngư Hải đem thư cho ông xem, ông rất mừng nói: « Đây là chí của tôi! » Đến tháng tư năm ấy ông qua Nhật, và tháng năm thì vào học tập ở ban đặc biệt của Đồng-văn thư viện Đông-kinh. Lúc đó học sinh nước ta lưu học ở Nhật có đến hơn 80 người. Ông là người lớn tuổi nhất nhưng khi ra tập thể thao thì ông chăm chú luyện tập hơn cả bọn trẻ. Bộ dạng ông khỏe mạnh, đôi mắt ông sáng ngời, mày cong mũi thẳng, lúc tập quân sự xem như một chiến tướng mạnh, tiếc rằng chưa được thử thách, đáng tiếc biết chừng nào. Lúc ông lưu học ở Nhật, định học xong về nước, mang gươm đánh giặc, sẽ đi trước bạn bầu, nếu được chết ở dưới chiến trường thì lấy làm mãn nguyện. Lưu học tại Nhật mới hơn một năm chưa tốt nghiệp ở Đồng-văn thư viện, thì người Pháp can thiệp với chính phủ Nhật, yêu cầu gấp rút phải giải tán đảng cách mạng Việt-nam; ở trong nước thì bỏ tù các đảng viên. Tại các ngã đường gần biên giới và giáp bờ biển, chúng canh phòng xét bắt rất ngặt, không cho người trốn ra ngoài. Thư tín tiền bạc của Đảng ta đều bị chúng tịch thu. Chúng lại thi hành nghiêm ngặt cái luật cấm người trong nước giao thông với người nước ngoài. Vì thế các lưu học sinh đảng ta một thời gian hết cả tiền ăn học. Ông bị thiếu tiền ăn học, bất đắc dĩ bỏ Nhật về Hoa, trú ở Dương-thành, mượn được nhiều sách mới nghiên cứu các khoa pháp chánh, kinh tế, sau vài năm ông thông thạo về các môn ấy. Mỗi lúc rảnh ông học thêm tiếng quan thoại để chuẩn bị vào trường lục quân Trung-hoa. Ông đã giỏi tiếng Trung-hoa rồi, vừa có người bạn Trung-hoa là Thái tùng Pha, đã quen biết khi ở Nhật, điều khiển quân đội ở Quế-lâm. Ông yêu cầu Thái giới thiệu ông đến dinh luyện quân của lục quân và được cùng tập

quân sự với người Hoa. Lại hơn một năm nữa thì các kinh nghiệm về sự vụ trọng yếu của quân nhân, cách thao luyện chiến thuật, cho đến nhẫn nại lao khổ, ông đều thực tế học tập. Lúc đó cái tính sốt ruột muốn múa dao giết giặc khó mà ngăn cản được. Khi ông ra khỏi dinh là khoảng mùa đông năm Tân-hợi⁽¹⁾. Mùa hạ năm Nhâm-tý⁽²⁾ Trung-hoa dân quốc thành lập. Trong nước ta phong trào lại lên, nên lại có người kể tục mạo hiểm xuất dương. Ông mới tổ chức cơ quan liên lạc các đồng chí, dự thảo bản luật quân cảnh lâm thời, cách thức trưng binh, trả lương thưởng, nơi tích trữ tài liệu và các công văn, công thức. Ông lại khởi thảo cuốn Quang-phục quân phương lược. Phàm việc chuần bị tiến hành tương lai ông đều bụng suy nghĩ tay viết ra, suốt đêm ngày không biết mỏi. Ông đã thề sẽ là người thực hành không phải chỉ là nhà nghị luận mà thôi. Trước kia ông đã phê bình quyền Việt-nam sử khảo của Sào Nam, văn viết rất hay mà lời lẽ rất đích đáng, tỏ vẻ rất lão luyện về văn mặc. Nhưng ông có phải chỉ giỏi như thế mà thôi đâu. Mùa thu năm Giáp-dần⁽³⁾, Âu-chiến bùng nổ, người Pháp luôn luôn bại trận. Lúc ấy ông lo khởi sự rất gấp, vào Điền⁽⁴⁾ rồi qua Yên⁽⁵⁾ từ Yên đi Quế⁽⁶⁾. Các đồng chí ở Quế cử ông làm Tổng tư lệnh Quang-phục quân. Ông trù hoạch việc quân rất có mối manh. Nhưng vì kinh tế quâm bức, các đồng chí lấy làm lo. Ông nói: «Thừa cơ hội này, tất phải có dịp đánh với người Pháp; cái

(1) và (2): 1911-1912.

(3) 1914.

(4) Vân-nam.

(5) Nam-linh.

(6) Quảng-tây.

cơ hội Quang phục vốn không xa nữa, nhưng dùng binh trước phải trừ lương thưởng. Trong nước giao thông bị đoạn tuyệt, không thể trừ được, không thể không cầu ở ngoại quốc. Tôi nghe nói ở Xiêm-la có các nhà tư bản nọ, có lưu tâm đến nước Việt-nam ta, ta thử đi cầu viện xem; nếu họ vui lòng giúp thì có thể được việc. Tôi thử đi Xiêm xem sao». Lúc đó Pháp — Xiêm giao thiệp ngày càng thân mật, đảng ta ở Xiêm đã có nhiều người bị bắt, nên nhiều người can ông không nên sang Xiêm.

Ông khẳng khái nói: «Tôi há lại không biết là đường này nguy hiểm sao? Chỉ vì bỏ cửa nhà cha mẹ thân thích ra đi là vì muốn đánh giặc, nay giặc gặp lúc khốn quẫn, nếu không kịp thời để mất cơ hội này thì không có lại được nữa đâu. Nếu mạo hiểm mà thành công đó là phúc của nước ta, nếu mà có hại thì tôi cũng hết lòng thôi». Thế rồi ông từ châu Ung ra đi, đến Hương-cảng, nhân tàu Xiêm chưa đến, ông lưu lại vài ngày đợi tàu. Mật thám Pháp dò biết, ông bị bắt ở đó rồi người Anh đem nộp ông cho Pháp. Ngày đó là vào tháng 4 năm Ất-mão⁽¹⁾. Than ôi! ông mắc phải tai vạ này thiệt là vì vấn đề tiền bạc, nhưng vấn đề tiền bạc làm sao mà để ông mắc lầm được? Chẳng qua là vì sốt ruột muốn đánh giặc mà thôi. Lấy học thức như ông, tài mạo như ông, nếu chỉ tầm thường cầu an, dựa người mà sống, thì trong các bạn quen thuộc ở Trung-hoa, ông ở nhờ đâu lại không được, sao mà lại phải mắc vào lưới giặc? Ông bị giải về Bắc-kỳ, tòa án tra hỏi; ông khai rất là mãnh liệt, cứ nhận thẳng mà không quanh co gì, chỉ việc bí mật trong đảng thì không một

(1) 1915.

lời đùng chạm đến. Người Pháp có người trọng ông không muốn giết ông, nhưng cũng không dám tha ông, mới kết án lưu chung thân.

Ông nói thẳng với người Pháp: «Chúng mày là bọn giặc văn minh, nếu có kinh nể tao thì cho tao một phát đạn là sướng hơn». Than ôi! đại trượng phu thà chết không thà nhục, tức là như ông! Mùa đông năm ấy, ông cùng một ngày với Nguyễn thức Đường bị bắn ở Bạch-mai thuộc Hà-nội. Lúc ông chết mới 42 tuổi. Tên chữ ông là Báu Thụ, sau khi xuất dương vào các trường Nhật-bản và Trung-hoa, đổi tên là Hoàng trọng Mậu. Lúc sắp bị bắn, ông có tự văn một câu liên rằng: «Yêu nước tội gì? chỉ có tinh thần còn sống mãi — Ra quân chưa thắng, hãy đưa tâm sự gửi đời sau»⁽¹⁾.

Cùng đồng huyện với Báu Thụ lại đồng ngày xuất dương, đồng học, đồng sự, chí khí, thân thế, tư cách đại thể đều giống nhau, mà cũng bị chết một ngày với nhau, là Nguyễn thức Đường, người Đông-chữ. Ông thân sinh là Nguyễn thức Tự hiệu Đông-khê trước làm chức Sơn phòng sứ. Lúc kinh thành thất thủ ông bỏ quan về vườn ở nhà dạy học. Thức Đường là con trai giữa của ông. Đường tên chữ là Càn Kiện sau khi xuất dương đổi tên là Trần hữu Lực. Ông tướng mạo đẹp, mặt tròn mà đầy, sinh ra có tính khác người, ham phóng túng không chịu bó buộc. Lúc còn trẻ con đã có khí hào hiệp.

Nước mất giặc hoành hành, những bọn vô liêm sỉ đang đua nhau làm nô lệ, ông rất lấy làm thẹn. Lúc

(1) 愛國何辜惟有精神畱不死
出師未捷且將心事托來生

Ái quốc hà cô, duy hữu tinh thần lưu bất tử;

Xuất sư vị tiệp, thả tương tâm sự thác lai sinh.

15, 16 tuổi ông đã nuôi cái chí đánh giặc phục quốc, nhưng chưa biết làm với ai. Một hôm ông đến nhà Sào Nam, Sào Nam đưa ông xem bản « Lưu cầu huyết lệ tân thư ». Ông rất phấn khởi mang sách về nhà suốt đêm đọc không ngủ. Từ đó bỏ nghề học cũ, chuyên giao kết với các khách gươm, rượu. Ông thân dò biết, nhưng cũng không ngăn cấm được. Lúc 17, 18 tuổi ông đã đi khắp các phủ, huyện tìm các hảo hán để cùng nói chuyện, nhưng cũng chưa ra manh mối gì cả. Sào Nam xuất dương chưa kịp nói với ông, ông nghe được bỏ nhà đi theo, đi bộ một tháng đến Bình-định không gặp lại trở về. Lúc đó tân đảng mới thành lập, bọn chó săn cũng mọc ra nhiều. Ông chuyên lo việc kiếm hiệp, phàm bọn mật thám Pháp tàn hại người ta, nếu giết được thì ông giết ngay, không còn kể gì họa phúc. Vài năm như thế, tên ông bị lộ người Pháp biết được ⁽¹⁾ truy nã ông gắt gao. Người đảng ta thấy ở trong nước nguy hiểm mới khuyên ông xuất dương. Tháng 4 năm Mậu-thân, cùng các đồng chí đông du đến kinh đô Nhật vào Đồng-văn thư-viện. Sau vì hết tiền ăn học, ông sang Trung-hoa ở Hộ-tân ⁽²⁾ học tiếng Trung-hoa, tiếng phương Bắc, phương Nam đều giỏi cả. Vừa lúc trường cán bộ lục quân Quảng-tây tuyển học sinh, ông mới đổi tên tuổi, mạo quốc tịch Trung-hoa đi thi rồi được vào học, hơn hai năm thì tốt nghiệp. Ông lấy quốc tịch tỉnh Quảng-tây được bổ chức Bài trưởng. Chưa đầy 3 tháng gặp cuộc cách mạng Trung-hoa. Ông từ chức. Về học văn quân sự ông đã thông thạo ; lại nhân lúc đó phong trào trong nước bắt đầu lên, người đảng ta ra sức hoạt động. Ông nghĩ rằng : Báu-Thụ đã đảm

(1) Ông đã ám sát Cử-Điền vì Điền báo với Công sứ Nghệ về việc Sào Nam mưu đánh úp Nghệ-an năm 1901.

(2) Thượng-hải.

nhệm miền Bắc, thì đã giúp việc được phía ấy rồi, nay về miền Tây cũng phải có người, để đồng thời về nước làm chỗ dựa cho nhau. Thế rồi ông xin đảm nhệm đường Tây.

Năm Nhâm tý⁽¹⁾ ông rời Hoa đi Xiêm. Đến Xiêm rồi, ông đi lại tổ chức ở vùng Xiêm — Lào, nếm đủ các cảnh gian hiểm, nắng mưa đói rét, thế mà luôn luôn vui vẻ. Than ôi! cái chí của ông là nếu được mang gươm súng để gặp gỡ người Pháp ở chốn Long-thành, Thuận-kinh thì dầu chết cũng sướng biết bao! Trời ơi, trời ơi, sao lại nỡ chặn con đường của ông! Mùa hạ năm Ất mao⁽²⁾ ông tổ chức đã có kết quả ít nhiều, sắp đem quân về liên hợp với trong nước mà nổi dậy thì bị mật thám biết, báo với Xiêm; người Xiêm bắt ông nộp cho Pháp, giải về Hà-nội. Lúc bị tra tấn, ông đã làm lời khai kịch liệt. Người Pháp định kết án lưu hình chung thân như đối với Báu Thụ, nhưng ông cứ đòi được bắn chết. Mùa đông năm ấy ông bị bắn ở Bạch-mai, tuổi mới 30. Ông người rất gan, diện mạo có vẻ nghiêm khắc, lúc ở trại lính, quân lính nhiều người thấy thì sợ. Tiếc rằng không được làm một chiến tướng nổi tiếng. Lúc ông sắp chết có làm một câu liên tự văn như sau:

« Non sông đã chết, ta há lại sống thừa, từ mười năm giữa kiếm mài đao, chí mạnh những mong phò tổ quốc.

Lông cánh chưa thành, việc bồng đầu hóa hồng, dưới chín tuổi điều binh khiến tướng, hồn thiêng cầu giúp đội thanh niên »⁽³⁾

(1) 1912.

(2) 1915.

(3) 江山已死 吾安得逾生 十餘年練
劍磨刀壯志本扶洪祖國
羽翼未成事已先中敗九源下調
矢遣將雄魂脂助少年軍

— Giang sơn dĩ tử, ngô an đắc du sinh, thập dư niên luyện kiếm ma đao, tráng chí bản phò Hồng tổ quốc;

— Vũ dực vị thành, sự dĩ tiên trung bại, cửu nguyên hạ điều binh khiến tướng, hùng hồn ám trợ thiếu niên quân.

Điều Nguyễn đức Công

PHIÊN ÂM:

Đồng trụ lăng Tiên hán	Ngư sơn chương hải đảo
Anh hoa chung độc hậu	Khí phách trác sừng hào
Phong tiêu xuất tục sáo	Từ phú nhập phong tao
Quốc gia đa nạn nhật	Danh lợi đẳng nhân phao
Minh hồng cô dưỡng cách	Thi tửu mạn tiêu dao
Á lục phong vân cấp	Xuất dương động lưu trào
Phiên nhiên phán quyết khởi	Mạo hiểm từ bang giao
Đông du hoàn bắc khứ	Ma chiết kinh kỷ tao
Triều triều thường học kiếm	Dạ dạ hựu phần cao
Tâm thượng tàng kinh vĩ	Hung trung bão lược thao
Trì khu hứa tổ quốc	Thê hàng vong khổ lao
Phi tinh độ khê cốc	Bát chương xuyên lâm sào
Thiết thạch tổ sở trình	Phong vũ nan vi dao
Bát tử hổ ngư thủy	Lưỡng tình câu tất giao
Mỗi đàm cừu sĩ sự	Thệ cộng huy hàn đao
Cảnh ngoại đề kinh lữ	Nam-thiên tri vũ mao
Thủ điền bỉ xú lỗ	Lực cứu ngô đồng bào
Thương thiên hà vô tri	Trọc nề khốn long giao
Ngẫu thử truy ngư vãng	Nhất tử biên hồng mao
Thung dung tựu quân nghĩa	Thảm thống di ngô tào
Bích huyết thảo mộc nhiễm	Liệt phân sơn hà cao
Ta ngã chư đồng chí	Khoái lai sách chiến bào
Tảo tảo thâm cừu báo	Vô phụ ngã tri giao

DỊCH:

Cột đồng trụ Tiên hán, núi Ngư ngăn sóng bể,
Anh hoa chung đúc dày, khí phách đáng xưng hào.
Phong tư khác thế tục, từ phú rất phong tao,
Nước nhà gặp nhiều nạn, danh lợi bỏ không thèm.
Chim hồng nuôi lông cánh, thơ rượu tạm tiêu giao,
Châu Á gió mây gắt, xuất dương nổi lân trào.
Tĩnh dấy khoác áo đi, mạo hiểm bỏ đất nước,
Sang Đông lại đi Bắc, gặp bao nhiêu khó khăn.
Ngày ngày học múa kiếm, đêm đêm đều đốt đèn.
Trong lòng sẵn kinh vĩ, trong óc đầy lược thao.

Rong ruồi vì tò quốc, ngược xuôi quên khổ lao.
Vén sao qua khe hang, vượt chướng chui núi rừng,
Vốn lóng như sắt đá, mưa gió chả lung lay.
Tám năm như cá nước, hai tình đều keo sơn.
Cùng nhau chuyện cừu, sỉ, thề cùng nhau mài dao.
Ngoài cảnh cầm quân mạnh, trời Nam chạy vũ mao.
Tay giết quân giặc cướp, sức cứu vớt đồng bào,
Trời xanh sao không biết? trong lầy khốn long giao.
Bị rơi vào lưới cá, chết nhẹ như lông hồng,
Ông thung dung chịu chết, lòng chúng tôi đau thương.
Máu đỏ nhuộm cây cỏ, mùi thơm khắp non sông,
Hỡi đồng chí chúng ta, mau lại đòi chiến bào.
Sớm lo báo thù sâu, đừng phụ người tri giao.

Liên viếng

PHIÊN ÂM:

— Tự thuê thủ lý đông, hốt thất tải gian, phong vũ trùng dương, quan san vạn lý, mỗi ư gian hiểm địa, đảm vi tửu tân vi sàng, thời đối tâm ngôn: sinh tử thế đương hùng chi phi, vô thư chi phục.

Kỵ phân khâm nhi tây, dĩ nhất tải bán, nhận âm cánh liễu, hồng trảo không lưu, hoảng ư mộng mị trung, thanh như lôi mục như cự, lai cáo dư viết: chân nam tử ninh ngọc nhi toái vô ngỗa nhi toàn.

DỊCH:

— Từ dắt tay dời Đông bồng trong bảy năm, mưa gió ngàn trùng, quan sơn muôn dặm, mỗi ở nơi gian hiểm, mật làm rượu, gai làm giường, bấm bụng nói thâu: « Sinh ở đời này, làm giống trống mà bay, không làm giống mái mà nấp ».

— Đến chia áo đi Tây, đã một năm rồi, tin nhà đã vắng, móng hồng không còn, bồng trong giấc chiêm bao, tiếng như lôi mất như lửa, gọi tôi mà bảo: « Đã người nam tử, thà hòn ngọc mà nát, không thà hòn ngói mà nguyên ».

Phụ: Thơ điếu của Trần quốc Dụ

PHIÊN ÂM:

Tư nhân cánh dữ quốc cầu vương
Lỗ hỉ phiên giao ngã bối thương
Đồ phụ hùng tâm khu vạn lý
Không dư kỳ khí bạc tam quang
Long thành tiên bích lưu kim cồ
Hồng lĩnh đề quyền yết hải tang
Khoái kiếm nguyện tương thù tử hữu
Tửu hòa cừ huyết diện mai trang

DỊCH:

*Người này với nước mất cùng nhau,
Giặc sừng nên ta phải ngậm sầu.
Muôn dặm hùng tâm âu đã phụ
Ba quang⁽¹⁾ kỳ khí vẫn đua mầu.
Long thành⁽²⁾ máu chảy trôi kim cồ,
Hồng lĩnh quên kêu tử bề dâu.
Gươm sắc xin trao người bạn chết,
Mai-trang⁽³⁾ lễ rượu máu quân thù.*

**Lại một bài thơ điếu của Đinh Nam sau khi nghe
Nguyễn đức Công vì nước mà chết⁽⁴⁾.**

PHIÊN ÂM:

Thiên vị thể phong nhất nhận qua
Kính văn bảo kiếm dĩ trầm ba
Lãng tằng khí cốt như kim thiêu
Thất bại anh hùng tự cồ đa
Nhất tử quang minh đồng nhật nguyệt
Bán sinh bi phần vị sơn hà
Tha niên tin sử tu di truyện
Kỷ sĩ danh cao Việt thạch qua

(1) Mặt trời, mặt trăng, sao.

(2) Hà-nội.

(3) Tức Bạch-mai.

(4) Theo « Nam chi tập » thì bài này là của Nguyễn thượng
Hiền điếu Đỗ cơ quang.

DỊCH:

Chim nhận đưa tin gió lạnh lòng,
Bỏ chim báo kiếm lưỡng đau lòng.
Nêu cao khi cốt đời nay hiếm.
Thất bại anh hùng tự cổ đông.
Một chết sáng ngời cùng nhật nguyệt.
Nửa đời căm giận bởi non sông.
Ngày sau chuyện cũ ghi vào sử:
Việt-thạch ngày xưa tiếng cũng đồng ⁽¹⁾

Phụ: Một bài thơ cổ phong điệu
Nguyễn thức Đường của Sào Nam

PHIÊN ÂM

Ngư đảo chỉ tây Hồng-lĩnh nam
Linh tú chung vi khôi kỳ nam
Đồng cân thiết cốt đặc lập khí
Khí phách ngang nhiên chân bất phạm
Hiệp yêu thường bội thiếu niên đao
Hồ tranh kinh khán nhận xuất thao
Du học phong trào đầu nhiên khởi
Minh tiên trực chỉ Phù-tang dao.
Tri khu hứa quốc khởi tri quyền
Bắc lục, nam châu tầu dục biển
Thao lược thư tăng dạ dạ công
Kiếm thương thuật hựu triêu triêu chiến
Thất xích cố miện thời tự hỉ
Đan đao xất mã khoái ngô chí
Sinh tu tảo tận quyền tu nhi
Bất nhiên tử hường sa trường tử
Toàn Âu chiến vân thiên địa hôn
Thừa thời cấp hường Tiêm thành bồn
Dục bã nghĩa kỳ hường nam chỉ
Diễn diệt cừu lỗ tô quốc hồn
Ngưỡng thiên phần tí huy kim qua
Thời bất ngã dữ thiên nại hà

(1) Việt-thạch là Lưu-côn, tôi nhà Tấn, có chí đánh giặc, thường gối mác nằm chờ sáng (trăm qua đại đàn).

Đoạn đầu đài thượng khán quân khừ
 Thập niên hoài bão không tư ta
 Tích quân tối thị yêu gian kiếm
 Vị thi cừ đầu phong cự liêm
 Tích quân tối thị kiên thương thương
 Đạn nhục vị hứa cừ nhân thường
 Bi quân trọng vị giang sơn bi
 Huyết chiến quan hà thất kiện nhi
 Thống quân trọng vị ngô sai thống
 Phong vũ kê minh dữ thù cộng
 Hu ta hồ quân hồn
 Quân tâm vị tử quân tràng tồn
 Sơn hữu thời đảo.
 Hải hữu thời phiên
 Ngã bối hữu thời Long thành đảo
 Cừ huyết vị quân châm mãn tôn

DỊCH:

Hồng-lĩnh về nam Ngự-đảo Tây,
 Khi thiêng chung đúc trai khôi kỳ:
 Gân đồng xương sắt loài đặc biệt,
 Khi phách ngang nhiên không ai bì.
 Thiếu niên thường đã lưng mang dao,
 Hồ sênh ⁽¹⁾ kinh thấy lưỡi ra bao,
 Phong trào du học bỗng nổi dậy,
 Thẳng nước Phù tang tể ngựa vào.
 Vì nước đi về không biết mỗi;
 Bắc, Nam chạy vạy khắp mấy cõi.
 Đêm đêm thao lược đọc không ngừng,
 Ngày ngày sủng gươm tập rành rọt.
 Nhìn thân bấy thước mừng khôn xiết,
 Chiếc ngựa thanh gươm chỉ đã quyết.
 Sống phải quét sạch bọn râu xồm.
 Không thì thà tới sa trường chết.
 Chiến tranh toàn Âu trời đất mờ,
 Thừa thời kịp về thành Xiêm-la:
 Muốn mang nghĩa kỳ về Nam dựng,

(1) Tức là làm chó săn cho giặc

Giết giặc cứu sống hồn nước ta.
Gươm vàng giờ lay chỉ trời cao,
Thời không giúp ta trời biết sao?
Trên đoạn đầu dài nhìn ông chết,
Mười năm hoài bão luống kêu gào!
Tiếc ông lưng mang thanh gươm sắt,
Đầu giặc chưa thử gươm đã cắt.
Tiếc ông súng đã mang trên vai.
Đạn thịt chưa cho lũ giặc xơi
Thương ông vì nước non mà thương,
Huyết chiến đã mất tay cang cường!
Đau ông đau vì chúng tôi nữa,
Gà gáy gió mưa ai bạn lửa?
Gọi ông hu ba hồn,
Lòng ông chưa chết ông vẫn còn.
Non có khi ngã,
Bề có khi lay,
Quân ta có khi về Hà-nội
Vì ông rót máu thù đầy chai.

Lại phụ: Thơ điệu của Trần quốc Duy

PHIÊN ÂM :

Cô phụ bình sinh cái thể hùng
Nam thiên hồi thủ khát thu phong.
Nhất kiên thư kiếm mai thành ngoại
Kỷ bối hồ trành lạc chưởng trung
Dĩ hĩ kiện nhi xưng hữu hiệp
Đồ nhiên ngô bối thán vô nhung
Quốc hồn diếu diếu bình hồn tịch
Xạ đầu quang dư vạn trượng hồng

DỊCH :

Luống phụ bình sinh kẻ có tài,
Trời Nam sùi sụt gió thu bay,
Một vai thư kiếm chôn ngoài phố
Mấy lũ hồ sênh chết ở tay.

*Hào hiệp kiện nhi thôi đến thế! ⁽¹⁾
Chúng ta nhưng sự biết là ai? ⁽²⁾
Hồn quân hồn nước đành im lặng,
Sáng rồi ngôi sao vạn trượng dài.*

Lại một bài thơ của Sào Nam

(Ở trong nhà ngục Việt (Quảng-đông) được tin ba ông: Đỗ cơ Quang, Nguyễn Đức Công, Nguyễn Thúc Đường chết vì nước mà làm ra).

PHIÊN ÂM:

*Bích thiên mǎng mǎng hải mang mang
Nhất chỉ thư lai vạn lệ hàng
Đầu hận bất tiên bằng bối đoạn
Tâm nan tính dữ quốc gia vương
Giang sơn thặng ngã chi tàn kiếp
Phong vũ tùy quân thiệp viễn dương
Ngộ dạ đẳng tiền chiêu ảnh vấn
Bách thân hà kể thực tam lương.*

DỊCH:

*Trời xanh bề cả mệnh mông,
Tiếp thư một bức muôn dòng sa châu.
Đầu không rơi trước bạn bầu,
Thân này há chịu mất theo nước nhà
Cuộc tàn non nước còn ta,
Gió mưa theo bạn biển xa đi cùng.
Đèn khuya trông bóng hỡi lòng,
Trăm mình khôn chuộc ba ông bạn hiền.*

(1) Là người có sức mạnh.

(2) Việc nhưng tức là quân sự.

VIỆT - NAM
NGHĨA LIỆT SỬ

QUYỂN THỨ HAI

VIỆT NAM

NGHĨA LỰC

TRẦN VĂN

TRẦN VĂN BÌNH

Trần văn Bình người phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, gia đình theo đạo thiên chúa, ông thân vừa sinh ông thì chết, nên ông bị mồ côi sớm mà lại nghèo. Ông thông minh, đi học được ít nhiều chữ Hán. Có tính khéo nên thấy đồ vật gì hay mò mẫm suy xét, khác người thường. Tuổi đã lớn thì Pháp chiếm Nghệ-an. Quân Pháp đến đâu nghĩa binh đều nổi dậy chống lại. Nhưng vì súng ống đạn dược kém cỏi nên đều bị tan vỡ không chống nổi. Ông biết rằng binh khí của người Pháp tinh xảo nên muốn học để theo kịp nghề giỏi của giặc. Nhưng thầy học không có, nơi học cũng không, chỉ lo nghĩ buồn rầu mà không đi đến đâu. Có lúc tham khảo những cuốn sách Tây đơn giản trong nhiều năm mà không phát hiện được gì. Không bao lâu người Pháp mộ người trong xứ làm lính. Ông có anh em vào trại lính mới giao du với họ. Có lúc họ đưa lên súng, hòm đạn, ống thuốc cho xem. Được các đồ ấy, ông xem đi xem lại, cách chuyển máy nạp đạn, mở đạn như thế nào, đều hiểu thấu. Cho đến cách chế tạo, cũng mười phần hiểu được bảy tám.

Thế rồi ông mua trộm ống thuốc đạn đem về, mở ra xem xét và đóng cửa nằm nhà suy nghĩ. Bỗng nhiên hiểu rõ, một lúc mà nghề hay tứ khéo đều nắm được. Trước hết ông lấy gỗ làm một cái súng Tây giả, cách

chuyên máy, nạp súng, phát súng được mau lẹ không khác gì súng thật. Ông đến một nhà nhỏ xây một cái lò, dựng một trường đúc nhỏ lấy những súng cũ nước ta nấu luyện cải tạo lại, chế ra một súng Tây nhỏ, đưa người ta xem, y như là súng Tây. Ông lại chế được thuốc lửa không khói và các thuốc lửa khác, đều không có thày, tự lấy tinh tứ mình nghiên cứu mà được. Ông có chế ra một cái đồng hồ chơi kỳ xảo. Đồng hồ có cửa, cửa có sáu vệ binh, mỗi lúc đến giờ, vệ binh tay cầm cái thăm bài ra, trên mặt thăm có ghi giờ nào khắc nào. Thăm ra thì cửa mở, vệ binh vào thì đánh chuông, cái số tiếng chuông đánh như chữ ghi trên thăm, thời gian không sai lạc, mà lại máy móc chuyển đều, không phải sức người điều khiển. Cái đồng hồ ấy chế ra, bọn quan to quyền quý đều muốn lấy. Nhưng ông vốn không sợ bọn quyền quý, ông đã không bằng lòng, thì không ai lấy quyền thế uy hiếp được. Rút cục ông không đưa đồng hồ tặng nhà quyền quý. Do đó bọn này ghét ông. Đồng thời với ông có Hà văn Hải người huyện Nghi-xuân, tuổi ít hơn ông cũng biết chế súng và thuốc đạn, được nhiều người khen. Nhưng lúc đưa ra thực nghiệm thì sự tinh xảo thua ông nhiều. Tính ông quả hợp, hay có khí muốn hơn người, cho nên tuy có kỳ tài mà ít người quen biết. Mùa thu năm Quý-mão, Phan Sào Nam muốn mưu khởi sự, nghe tiếng ông mới tìm đến nhà. Lúc đó Đặng văn Bá, Lê Võ đang ngồi ăn cơm ở nhà ông. Các người cùng uống rượu vui vẻ, ông mới tỏ ý là khi có quân sự xin chuyên trách cục chế tạo. Trước đó ông vốn nuôi chí lớn, nhưng ở trong làng chưa có ai có thể cùng bàn luận được. Ông lại mồ côi cha, nuôi mẹ già rất hiếu, không dám đi xa, đành phải ôm cái chí mà chờ đợi, lấy làm sốt ruột.

Từ lúc gặp gỡ Sào Nam thì đem thân hứa với nước. Năm Giáp thìn ⁽¹⁾ Sào-Nam sắp xuất dương, trước đến bàn với ông, ông xin cùng đi, nhưng ông Đặng văn Bá không đồng ý rồi thôi. Lúc Phan từ biệt, ông có viết thư tổng biệt, trong đó có câu « Chí sĩ không quên ở khe hác ». Quả nhiên về sau ông vì việc công mà chết. Hỡi ôi! Chí ông mạnh làm sao!

Ông với Đặng văn Bá rất tương đắc, đều có chí làm nhà thực hành. Khoảng năm Bính-ngọ, Đinh-vị ⁽²⁾ Đặng muốn khởi sự ở Trung-kỳ. Nhân chuẩn bị quân hỏa chưa xong, nghe các nơi thượng du Bắc-kỳ, nhiều thổ dân có súng cũ, vả lại chỗ núi rừng thâm hiểm có thể mở một xưởng chế tạo bí mật, ông mới đem từ đệ vài mươi người đi và ông làm Giám đốc xưởng ấy ở tỉnh mới Lâm-phương. Về tổn phí do Đặng tiếp tế. Ông nhận việc rồi đêm ngày cần cù, không chút mỗi mết. Các súng chế ra có thể dùng được, nhưng đạn dược chưa đủ, còn muốn tìm cách chế tạo. Chưa đầy nửa năm, ông mắc bệnh nặng, việc phải bỏ dở, vì chỗ ấy rừng sâu nước độc, ông tâm thần mỗi mết lại bị lam chướng, công việc chưa được một nửa mà mang bệnh rồi chết ở Lâm-phương. Người đồng sự đưa về chôn ở làng.

Than ôi! thiệt là đau đớn. Có tài giỏi thông minh như ông, nếu sinh ở các nước Âu, Mỹ văn minh, có thầy có bạn đề mà học hỏi, có sách vở đồ đạc đề mà nghiên cứu, thì rất dễ nổi tiếng là nhà đại phát minh. Phương chi cái tinh thần ái quốc, cái khí phách theo việc nghĩa lại ít ai theo kịp! Chí chưa thành mà chỉ làm đến chức ấy mà chết, ông xanh kia sao lại vô tri

(1) 1904.

(2) 1906 - 1907.

như thế? Lúc ông mất, tuổi 47, diện mạo đỏ xám, trông như còn ngâm nghĩ gì sâu sắc, con mắt dài mà người sâu biếc, trông thì biết không phải là con người thiên cận. Mang tráng chí mà mất, đáng tiếc biết bao! Ông mất rồi thì các khí giới tinh xảo mới chế ra cũng đều mất, đến nay chưa có ai biết làm như ông. Hỡi ôi! biết người có tài không dễ, mà được người có tài lại không dễ, nên tôi làm bài ca này để diếu ông; ca rằng:

PHIÊN ÂM:

Hồng-lĩnh chi tây, Phổ-giang chi đông
Hữu nhân đĩnh xuất trần ai trung
Tâm ti như thốn tâm
Xà châu tự song đồng
Phủ ngưỡng vạn vật tùy sở ngộ
Đào nhân chưởng đề trình thiên công
Âu nhân tự vị xảo
Ngã ngộ Âu nhân tiến áp đảo,
Âu nhân hà túc kỳ
Bế môn thần vận hữu dư sư
Quân tài như thử tuần
Quân số hà nãi kỳ
Đồ long kỹ thành tuyệt
Thập niên vô nhân tri
Tri quân tức hữu nhân
Lực bạc tài nan thi
Ai tai quân tài cánh phát dụng
Tứ cổ thương mang vị quân động
Lĩnh thụ niên niên mãn địa thanh
Giang đào nhật nhật kiêm thiên dũng
Tư nhân nhất khứ Lĩnh-giang không
Hải nguyệt quan vân hàn cự mộng

DỊCH:

Hồng-lĩnh về tây Phổ-Giang đông,
Có người sinh ra trong bụi hồng.
Ngọc rắn như hai mắt,
Tơ tằm như tấc lòng.

Cúi ngẩng muôn vật tùy gặp gỡ,
Đúc nặn trong tay sánh thiên công.
Người Âu tự xưng xảo,
Ta gặp người Âu ta áp đảo.
Người Âu có gì hay,
Đóng cửa suy nghĩ hơn cả thầy.
Tài ông giỏi như thế.
Số ông sao lại kỳ?
Nghề giết rồng bị đứt.
Mười năm không ai hay,
Nếu có người biết ông,
Sức mỏng tài khó thi,
Thương thay tài ông chưa dùng trót,
Bốn bề mệnh mỏng vì ông xót.
Cây núi hàng năm đầy đất xanh,
Sóng sông hàng ngày cùng trời vọt.
Người này đi rồi núi sông không,
Trắng bề mây ngàn mọng cũ xót

THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY
ASTOR LENOX TILDEN FOUNDATION
125 WEST 4TH STREET
NEW YORK 10014
This book is part of the
collection of the
New York Public Library
and is loaned to you
for use in your library
or for personal use only.
It is not to be sold,
rented, or otherwise
disposed of without the
written permission of
the Library.

TRẦN ĐÔNG PHONG

Trần đông Phong người huyện Nam-đường⁽¹⁾ tỉnh Nghệ-an. Ông thân được hàm Cửu phẩm, nhà giàu nhất trong huyện, có tài làm giàu, khắp tỉnh đều biết tiếng. Làm nghề cho vay nợ lãi, đêm ngày tính toán không bỏ sót một sợi lông. Ông sinh ra lại không giống cha, tính thẳng thích không chịu gò bó, ham chơi bởi kiếm hiệp, thấy đương thời ganh đua thế lợi, lấy đời nô lệ tự khoe khoang ông rất khinh bỉ. Gặp người đảng ta nói đến việc phục quốc, thì vui vẻ nhận lời, nói với các đồng chí rằng: « nếu cha tôi mà không làm tên tôi mọi giữ của, thì chỉ một nhà tôi cũng có thể giúp các ông hàng trăm vạn để khởi nghĩa. ». Ông biết Sào-Nam có kế hoạch xuất dương liền đưa của riêng vài trăm đồng đưa làm lộ phí. Ngày Sào-Nam ra đi có thiết tiệc, và dặn ông mọi việc về sau, ông vui vẻ nhận lời. Các đồng chí làm việc có cần tiền nhiều khi nhờ ông giúp, ông không hề chối từ. Của riêng hết, thì ông lấy trộm của ông thân để giúp. Năm Đinh vị⁽²⁾ bọn Pháp biết bắt ông hạ ngục. Các đồng chí lo lót với quan giữ ngục đưa ông ra. Ông ra Bắc-kỳ vào đồn Phồn-xương của Hoàng tướng quân, bỏ tiền túi ra lập một đồn khác để

(1) Ở quê tên gọi Đồ-Mường, người Đô-lương, Anh-sơn, cha là Cửu Xán có tiếng giàu lúc đó.

(2) 1907.

thu nạp các người Trung-kỳ trốn tránh. Về sau vì tiền không đủ nên hơn một năm thì đồn giải tán. Lúc đó ông đã nhiều lần viết thư yêu cầu ông thân giúp; ông thân không trả lời, ông rất buồn, nghĩ không rửa được thẹn cho nước, mà cái chí phá nhà giúp nạn nước không khi nào thực hiện được, ông buồn ngủi không vui. Năm Mậu-thân⁽¹⁾ người đảng ta sang Nhật ngày thêm nhiều, ông sang xem, ở lại vài tháng. Các đồng chí mưu tính trăm việc đều vì kinh tế khó khăn mà khó tiến hành. Ông rất giận tự nghĩ nhà mình có nhiều tiền bạc thế mà ngồi nhìn nước mất, đảng túng mà không chịu giúp, thì còn mặt mũi nào mà làm người con trai ở đời. Ta phải lấy cái chết làm cho cha ta động lòng mới được. Thế rồi ông viết một bức thư bỏ vào kẹp sách, chờ lúc anh em vào lớp học, ông lẻn đến trước chùa Đông-phong ở khu Tiểu-thạch-xuyên, thắt cổ chết dưới một cây lớn. Bức di thư sau khi ông chết mới tìm thấy. Lúc đó ông mới 21 tuổi: Đó là ngày mồng 2 tháng 5 năm Mậu thân ⁽¹⁾

Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Thử thân hà di bồ duyên ai
Cố niệm gia đình bách cảm thôi
Dong dị thiên kim huy trịch khứ
Tối nam nhất tử liệt oanh lai
Bình sinh hiệp khí thiên chung bạch
Độc lập hùng tâm địa nhãn mai
Bằng điếu đông phong sơn thụ ngoại
Đàm hoa vân ảnh cộng bồi hồi

(1) 1908.

Dịch:

Khó lấy thân ta trả nợ đời,
Gia đình nghĩ lại ruột bời bời,
Ngàn vàng đem vắt xem ra dễ;
Một chết liễu mình mới khó thối.
Hiệp khi bình sinh trời sẽ rõ;
Hùng tâm độc lập đất khôn vùi.
Núi Đông thăm hỏi ngoài cây cỏ:
Bóng rợp mây che luống ngậm ngùi.

PHAN LẠI LƯƠNG

Phan lại Lương là con một nhà danh gia ở phủ Hưng-nghuyên, tỉnh Nghệ-an. Tư chất sớm thông minh, lúc 8, 9 tuổi cha dạy cho sách Hán văn, đọc vài lần là đọc trăm được.

Khoảng năm Bình-ngọ, Đinh-vị⁽¹⁾ lúc Tân trào nổi dậy, ông chưa đầy 18 tuổi. Ông thân rất yêu ông nên năm Mậu-thân⁽²⁾ cưới vợ cho ông. Chưa được hai tháng ông cùng các ông Nguyễn đức Công, cả thầy 15, 16 người do đường núi Quảng-tây đi Nhật, đến Đông-kinh vào ban đặc biệt của Đồng-văn thư viện. Lúc đó khí trời rét, mà hàng ngày tập thể thao, quân sự, lại từ xứ nóng đến không quen chịu lạnh, ông vì thân thể yếu chịu lạnh không nổi bị bệnh phế. Nhưng vẫn cố gắng theo học không chịu bỏ trường. Sau vì thiếu tiền ăn học, ông trở về Hương-cảng, bệnh lại thêm nặng, chữa thuốc không khỏi. Lúc đó tôi và các đồng chí thường khuyên ông về nước điều dưỡng, để cho mau khỏi rồi sẽ trở sang. Nhưng ông quyết không về, nếu bệnh không lành thì chết ở nước ngoài. Chưa bao lâu, tôi bận việc đi Xiêm mới từ biệt ông. Sau hỏi ra mới

(1) 1906—1907.

(2) 1908.

biết ngày tháng 3 mùa xuân năm Canh-tuất, lúc đáp tàu thủy đi Quảng-dông ông đã nhảy xuống bể tự tử, nhưng người trên tàu đã cứu lên đưa vào y viện rồi chết ở đó. Than ôi! Nam nhi quý lập chí, còn chí thành hay không thành là do may hay không may, việc này có số mệnh nữa. Nhưng Phan lại Lương, nếu không bị ma bệnh dày vò, mà giữ cái chí kiên quyết, thì sao mà chẳng thành công được?

Hỡi ôi! cha mẹ già, vợ trẻ đều không ngăn cản được ông đi muôn dặm để cầu học. Chí ấy, khí ấy mà không thành được cái gì, trời ơi, trời ơi, sao nỡ làm cho người anh hùng bị mai một như thế?

Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Tang bồng thệ liễu thiếu niên tâm
Phong vũ ba đào nại chí cam
Cửu lỗ tung hoành thiên ám ám
Bệnh ma điên đảo dạ âm âm
Thanh sơn mai cốt hoàn càn thổ
Bích hải trầm tinh uổng bảo cam
Mộng lý thượng nghị quân vị tử
Hàn hồng đới nguyệt tống giai âm

DỊCH:

Tang bồng thê tự buổi ngây thơ,
Sóng gió dấy đưa mãi đến giờ.
Giặc cướp tung hoành trời ảm đạm;
Bệnh ma điên đảo tối lờ mờ.
Núi xanh xương lấp còn tro đó,
Bể biếc gươm chìm đã uổng chưa!
Trong mộng những ngờ ông chữa chết;
Chim hồng dưới nguyệt đến đưa thơ.

Phụ: Liễn viếng của Trần quốc Dụ

PHIÊN ÂM :

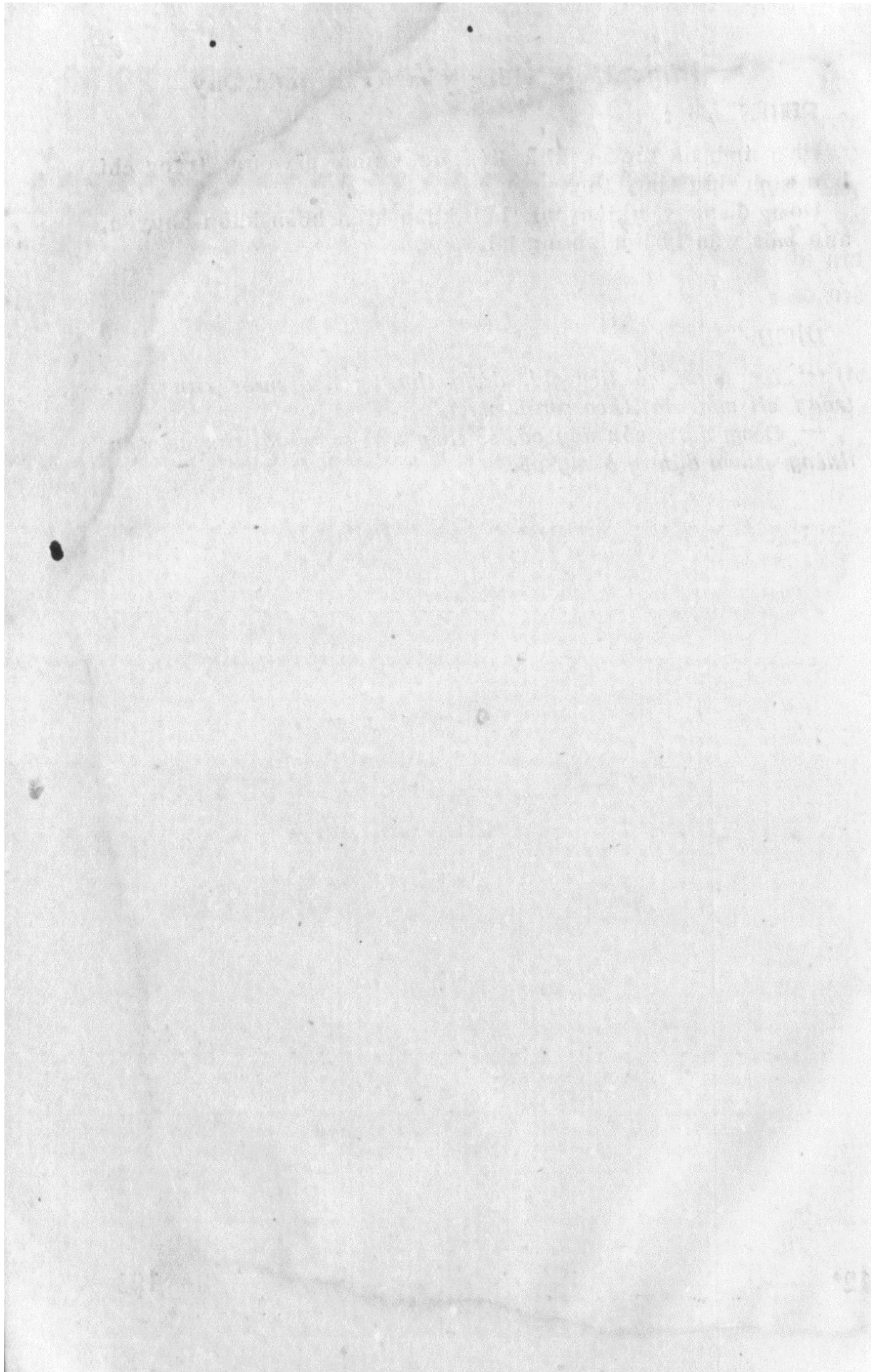
Phù sinh hà túc bị, khả liên quốc nạn gia cừ, trắng chỉ
bần sinh lưu thủy thệ.

Đồng đảng y nhiên tại, hội khán kiên hoàn khôn chuyển,
anh hồn vạn lý liệt phong lai.

DỊCH

— Phù sinh có tiếc gì! đáng thương nạn nước cừ nhà,
trắng chỉ nửa đời theo nước chảy.

— Đồng đảng còn đây cả, sẽ thấy trời xoay đất chuyển, hồn
thiêng muôn dặm gió bay về.



NGUYỄN QUỲNH LÂM

Người vẫn có khi đồng chí khi, đồng tài thực, nhân cách ngộ thời thế không đồng mà rồi thành bại khác nhau xa. Cho nên lấy thành bại mà bàn anh hùng thì rất là khó. Tôi thường đọc truyện « Ý đại-lợi kiến quốc tam kiệt » thì biết tướng quân Gia-li-ba-dích khi chưa thành công chạy sang nước Mỹ, giúp Mỹ đánh giặc, tôi rất lấy làm hâm mộ.

Nay tôi thấy ở trong đồng chí có một người là Nguyễn quỳnh Lâm. Lấy thành bại mà bàn thì so với Gia tướng quân một trời một vực, nhưng cái chí tức là cái chí của Gia tướng quân. Ông người huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, tuổi mới thành đồng⁽¹⁾ đã có khí lạ lùng. Thân ông không đầy 7 thước mà rất can đảm, thường có cái khí khái « tuy muôn người ta cũng qua »⁽²⁾. Ông sinh ra thì nước vừa mất, thấy chính trị người Pháp không tốt, đồng bào ta lầm than rất mực thì thường lấy làm tức giận không sao đuổi ngay được người Pháp. Nghe tân đảng nổi dậy, ông liền bỏ việc nhà không trông nom nữa mà lấy việc vì nước đánh giặc làm việc mình. Mùa đông năm Bính ngo⁽³⁾ lúc tôi về nước, gặp

(1) Đang độ trẻ, độ 15, 16 tuổi.

(2) Diễn tích ở sách Mạnh tử, tả người can đảm, tự tin, dầu có ngàn vạn người cũng không sợ.

(3) 1906,

ông ở Hà-thành, ông cùng tôi đi Nhật-bản vào ban đặc biệt của Đồng-văn thư viện đã gần 2 năm. Nhân hết tiền ăn học, ông mới bỏ đi Xiêm, lên về nước, mưu vận động quân đội khởi sự ở Hà-tĩnh. Việc này bị Pháp dò biết, sắp bị bắt nhưng chạy thoát, lại sang Hương-cảng. Lúc ở Cảng vì việc chở lên quân giới nên phải vào nhà tù của Cảng vài tháng mới được tha. Về sau ông chuyên học nghề chế thuốc súng và chế thuốc tạc đạn, chỉ ông muốn tiến hành việc kịch liệt. Ở Hương-cảng việc làm thuốc tạc đạn nổ ra, ông chạy về Quảng-đông vào trại quân Việt (Quảng-đông) luyện tập quân sự. Ở trại sáu tháng học được nhiều về quân sự, nên sốt ruột muốn được thử thách. Nhiều lần ông muốn về nước cử sự, chỉ vì vấn đề kinh tế và quân giới nên chưa làm được. Lúc đó ông không chịu nổi cái cảnh người anh hùng ngồi không để bắp thịt dưới chân nở ra. Lúc đó quân cách mạng Trung-hoa nổi dậy lần thứ hai. Ông nói với các đồng chí: « Đây không phải là trường thí nghiệm của ta sao? Trời sinh cho ta bộ gân đồng xương sắt, mà cứ ngồi ăn uống thông thả, để ngày tháng trôi qua mà làm gì? ». Thế rồi một mình đi Nam-kinh. Lúc ông đi ra, mọi người đều cản trở mà nói: « Đây có can gì việc ông ». Ông không nghe. Đã đến Nam-kinh, ông viết thư trình bày chí mình trước vị Thống-tướng quân cách mạng, xin ra tiền trận. Trước đó, lúc ông ở Nhật-bản đã quen với Hoàng khắc Cường. Đến đây Hoàng rất khen ngợi ông, rồi ông xung vào tiền phong. Ôi! ông làm việc này đâu có phải để mưu cầu danh lợi; chẳng qua ông xem nơi rừng súng mưa đạn là trường học quân sự chân chính. Ngày sau xông vào gươm đạn, làm quân tiền phong cho tổ quốc, cốt là nhờ chốn này mà tập tành trước. Còn việc nhân đây mà chết, đâu có phải việc trong ý của

ông. Ông đã vào trận thì luôn luôn chỉ huy quân lính tả hữu, kêu gọi mọi người giết giặc lập công. Thành Nam-kinh chống cự với giặc trong hai tháng không có ngày nào ông không ở chiến địa, kết quả ông chết trong chiến dịch này. Trước đó quân cách mạng vì thiếu súng đạn phải tan rã, thành Nam-kinh sắp bị hãm, Hoàng Hưng chạy, người ta khuyên ông nên chạy. Ông gạt nước mắt mà nói: « Tôi đã là một người vong quốc, sau này tôi sẽ đánh giặc cứu nước, nay lại làm ông tướng bại trận thì chạy đi đâu? vả lại đại trượng phu sao lại có thể chạy để mà sống? ». Thế rồi ông cố sức đánh đến lúc bị trọng thương mà chết. Lúc đó ông 22 tuổi. Ngày xưa, Thái sử Công có nói: « Kẻ hiền rất trọng cái chết, chết như Nguyễn quỳnh Lâm, há lại không phải là trọng sao, chỉ vì có sự không may đó thôi ». Quân Trung-hoa thua, cũng vì ai mà thua, còn ông thì không may mà làm một người trong cuộc bại trận ấy. Thiết là đau thương, Quỳnh Lâm có chí như thế mà lại chết như thế! tính ông thẳng thắn không chút quanh co, bạn hữu có gì không phải thì nói ngay vào mặt, không bao giờ nói xấu sau lưng người ta, gặp việc thì làm làm, gặp nguy nan lại xung phong trước; bình sinh thường lấy việc gặp nguy mà trốn tránh làm xấu hổ. Nay chết như thế, há chẳng oanh liệt lắm ru?

Liễn viếng

PHIÊN ÂM:

Y thiên cự táng dư da, lỗi lỗi nhất sinh tâm, phương tương thôn tứ hải hấp tam giang, quyền vạn thiên nộ lãng sâu đào, duy ngô lhu sách.

Sử nhai tấn như quân giả, mang mang toàn á lực, hề chí triều Âu văn mộ Mỹ vũ, bả tứ bách thần châu xích huyện, phạm nhũ tung hoành.

DỊCH:

— Trời làm hại ta chẳng? Lỗi lạc một tấm lòng, những đang hồng nuốt bốn bể, hút Tam-giang, cuốn muôn ngàn ngọn sóng kinh đời, để ta sai khiến.

— Người đều như ông cả, mệnh mông toàn châu Á, sao đến nổi sớm mây Âu, chiều gió Mỹ, đem bốn trăm huyện chu quý báo cho chúng tung hoành.

VÕ QUÁN

Ông tên chữ là Trọng Kính, sau khi xuất dương, đổi tên Lam quang Trung, người huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-ngãi. Tính ông trung trực, dám nói, gặp việc thì mạnh dạn đi trước, không có thói sợ sệt. Năm Đinh-vị⁽¹⁾ ông 22 tuổi, qua Nhật vào Đồng-văn thư viện, chưa tốt nghiệp nhưng hết tiền ăn học phải bỏ học về nước, góp được ít tiền trở sang Hương-cảng vào trường dạy tiếng Anh và chữ La-tinh. Ông thông minh học tiếng Anh hơn 1 năm tiến bộ rất nhanh. Nhưng chí của ông không phải muốn nhằm mục đích ngôn ngữ văn tự. Lúc đó cách mạng Trung-hoa thành công, ảnh hưởng đến nước ta. Ông muốn nhân lúc này vận động nhiều việc, mới bỏ trường lên trốn về nước, đưa một ít thiếu niên ra cho vào trại lính học tập quân sự. Ông thì tự đến trường...⁽²⁾ Đổi tên họ, giả lấy quốc tịch người Việt (Quảng-đông)⁽³⁾ vào thi trường...⁽²⁾ Ông thông Hán văn, nói được tiếng Trung-hoa. Thi đậu vào học hơn hai năm thì tốt nghiệp, lúc đó là tháng 7 năm Giáp-dần⁽⁴⁾. Ông học đã thành rồi thì Âu chiến đang kịch liệt, các đồng chí ta muốn nhân cơ hội khởi

(1) 1907.

(2) Tác giả giữ bí mật tên trường chẳng?

(3) Chủ thích của người dịch.

(4) 1914.

sự. Ông tự nguyện đi các nơi biên giới Điền-Quế (Vân-nam, Quảng-đông) ⁽¹⁾ thăm dò địa hình để làm nơi tương lai tiến binh về.

Mùa đông năm ấy, từ Quế sang Điền. Đến mùa hạ năm Ất-mão, lại từ Điền trở về Quế. Vì dầm sương dãi gió, gian khổ quá độ nên bị bệnh sưng mũi, chữa thuốc chưa khỏi, dần dần thành bệnh loạn óc, mới đến y viện Dương-thành (Quảng-châu) điều trị mấy tuần không khỏi. Ông tức giận nói rằng: «Người trượng phu ngang tàng 7 thước, nên ra sa trường để uống máu quân thù mà lại nằm thở hơi hóp trên giường bệnh, há không đáng thẹn lắm ru?» rồi ông nhảy xuống Châu-giang trầm mình chết, chết là do ý định của ông vậy. Than ôi, đáng thương làm sao? tổ quốc mất rồi, ai người đẩy lại; nhân dân chìm rồi, ai người vớt lên! Có tài có khí, có học thức như ông Võ mà đến nỗi phần uất lo phiền, theo Khuất linh-quân ⁽²⁾ mà tự tử! Than ôi! Chúng ta sao lại không may mà sinh làm người mất nước. Hỡi ôi! người mất nước mà không làm trâu ngựa thì cũng làm ma quỷ mà thôi! Tuy nhiên không làm người mất nước thì làm sao mà thấy được chân tướng của Võ. Cảnh ngộ của Võ rất đáng thương, mà chí khí của Võ rất mạnh mẽ. Ông có làm một bài «Trung cáo với Pháp-lan-Tây» lưu ở đời. Lúc ông mất mới 32 tuổi.



Liên viếng

PHIÊN ÂM:

Nhất xoang nhiệt huyết cách phó đông lưu, thành bại cục nhân nại thiên hà, thiên thu lệ sái Châu-giang-thủy.

(1) Chú thích của người dịch.

(2) tức Khuất Nguyên đời Sở, can vua Sở không nghe bị đày Trường-Sa, được tin Sở mất nước, trầm mình mà chết.

Thập tuế hùng đồ dục phiên tây hải, cảm khái trường kim
do tạc đã, vạn lý hồn tri cổ quốc sơn.

DỊCH :

— Một bầu nhiệt huyết, phỏ mặc đông lưu, cuộc thành bại
người biết trời sao, nước Châu-giang ngàn thu lệ rười.

— Mười năm hùng đồ, muốn lay Tây-hải, trường cảm khái
nay như xưa vậy, non cổ quốc muôn dặm hồn về.

*Phụ : Một bài ngũ ngôn của Sào Nam làm khi nghe
Võ nhảy xuống sông chết*

PHIÊN ÂM :

Tần đế Lỗ Liên tâm
Hương cốt đầu thanh lưu

Sở tặc Khuất Bình phần
Giăng hải vô thời tận

DỊCH :

Tần đế Trọng Liên then, Sở dục Khuất bình⁽¹⁾ giận,
Xương thơm gieo dòng trong ; Sông bể không sao cạn.

(Xem nguyên văn chữ Hán sau quyển sách)

(1) tức Khuất Nguyên đời Sở.

To the Honorable Secretary of the Navy
Washington, D.C.

Sir:
I have the honor to acknowledge the receipt of your letter of the 10th inst. in relation to the matter of the proposed purchase of the land for the proposed site of the new building for the Navy Department.

I am sorry to hear that the proposed purchase of the land is not being considered by the War Department.

I am, however, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

I am, therefore, glad to hear that the proposed purchase of the land is being considered by the Navy Department.

TRỊNH KHẮC CÔNG

Ông người huyện Thanh-trì, Hà-nội, ông thân ông lúc Bắc-kỳ thất thủ, theo các tiền bối khởi nghĩa, nhiều năm gian khổ, sau bị thất bại rồi mất tích.

Ông là người con đẻ sau khi cha đã chết. Lớn lên nghe lịch sử cha rất lấy làm đau đớn, muốn nối chí cha. Mùa thu năm Nhâm-tý⁽¹⁾ theo các đồng chí đến Long-châu, sau đến Ung-thành, lên vào chốn luyện tập lục quân. Năm Giáp-dần lại trở về Long-châu, rồi bị bệnh lâu không khỏi mới nhảy xuống Long-giang mà chết. Lúc đó ông 31 tuổi.



Liễn viếng

PHIÊN ÂM:

Hội khan chiến mã nam hoàn, diền cửu lỗ, ủy tráng tâm,
cố ngữ anh linh, hữu tác cửu nguyên ưng mặc hộ.

Sầu kiến chinh hồng bắc thượng, diếu trung nguyên, đàm
vũ sự, kỷ kinh gian khổ, vô tình nhị thụ nhân tương khi

DỊCH:

— Những mong chiến mã về nam, giết giặc cướp, thỏa tâm
ông, nhân gửi hồn thiêng, có biết suối vàng nên giúp đỡ.

— Buồn thấy chinh hồng lên bắc, thăm Trung-nguyên, bàn
liệt cũ, trải bao gian khổ, vô tình mà bệnh nở dày vô.

CAO TRÚC HẢI

Ông người tỉnh Hà-tĩnh, thông minh, siêng năng, thuở bé vào học trường chữ Pháp, sau 3 năm lại thi vào Viện y học, bảy năm mới tốt nghiệp. Trong đồng chí ta kể người tỉnh thông Pháp văn thì ông là bậc nhất. Các bài dịch Pháp văn trong tạp chí Văn-nam phần nhiều là của ông. Tiếc rằng chí chưa thành mà đã chết sớm. Mùa đông năm Bính ngọ⁽¹⁾ tôi về nước, họp với ông ở Hà-nội, rồi ông cùng tôi sang Nhật-bản, đang học tập tiếng Nhật, chưa vào trường. Hơn một năm, ông ở Hoành-tân, mắc bệnh đậu mùa rồi mất. Lúc đó ông mới 26 tuổi.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Mãn mục sang di thống quốc dân.
Bất từ vạn lý tụy chinh luân,
Tây y uyên thúy tăng khuy áo,
Đông hải trào lưu dục vấn tân,
Dã Á đào Âu phương trước thủ,
Kinh phong quái vũ hốt thương thần.
Đao khuê thùy vị tô dân mệnh,
Nam vọng thương mang lệ sái tần.

(1) 1906

DỊCH:

Liếc mắt nhìn dân mụn nhọt đau,
Không từ muôn dặm ruồi xe mao.
Tây-y nguồn gốc đã am hiểu,
Đông học triều lưu cũng bước đầu.
Á đúc Âu nung tay mới thử,
Gió kinh mưa quái dạ thêm sầu.
Chữa dân liễu thuốc nhờ ai nhỉ?
Ngoảnh mặt về nam lệ nhỏ trào ⁽¹⁾

(1) Vì Cao trúc Hải là thầy thuốc nên bài thơ dùng nhiều danh từ thuộc về y khoa.

PHẠM CHẤN YÊM

Ông người tỉnh Hà-nội, thuở bé vào học trường tiếng Pháp, tốt nghiệp rồi được bổ chức thông sự. Năm Mậu-thân xuất dương đến kinh đô Nhật, vào Đồng-văn thư viện. Sau vì hết tiền ăn học mới trở về Hương-cảng, chưa bao lâu bị bệnh chết. Lúc đó ông 25 tuổi, người anh cũng nhiệt thành yêu nước, nên lúc ông đi người anh rất tán thành. Tiếc ông chết yểu phụ lòng người anh, thật là đáng tiếc.



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Liên quân lệ sái hải giang thu,
Tâm sự như quân diệp quả trù,
Dĩ tạ khiêu quần chung học phượng,
Tu xưng kê khẩu thần tùy ngư.
Bệnh ma nhẫn dữ thanh niên chiến
Tráng chí không dư hoàng thổ lưu
Định hữu hùng hồn tiêu bất đắc
Đề quân tàn huyết mãn nam châu

DỊCH:

*Thương anh sông bể lệ mênh mang,
Tâm sự như anh ít kẻ bằng.*

Học phụng đã lìa đàn cú bần,
Theo trâu khinh cả mỏ gà ngang. ⁽¹⁾
Bệnh ma nữ giết người non trẻ,
Tráng chí vùi theo nắm đất vàng.
Chắc có hùng hồn không mất được,
Máu tàn tiếng quốc cõi Nam vang.

(1) Ngạn ngữ Trung-quốc có câu «Thà làm mỏ gà thông làm đuôi trâu» đây nói mỏ gà cũng khinh, huống là đuôi trâu.

LÊ CẦU TINH

Lê cầu Tinh người huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an, xuất dương đồng thời với các ông Báu Thụ, Càn Kiện. Năm Mậu-thân ⁽¹⁾ vào trường Đồng-văn thư viện, chỉ hơn một năm thi hết tiền ăn học, phải trở về Hương-cảng. Tính ông khoan hòa ôn hậu, có vẻ người lớn, mà tư khéo trí sáng thì nhiều người không bằng. Lúc đang nhỏ, thấy cái súng săn thì chế ra một khẩu súng nhỏ để đi săn rất là khéo, ai cũng khen là giỏi. Đến nay, được thấy súng quân dụng của Nhật-bản kiểu năm thứ 30 niên hiệu Minh-trị, thì chế ra một chiếc súng đồng nhỏ; súng tay nhỏ, nhưng nạp đạn vào thử, có thể bắn xa hơn 100 thước. Nếu xem kiểu mẫu thì không ai biết là không phải súng Nhật-bản kiểu năm thứ 30 Minh-trị. Ông ở Nhật-bản, vì rét quá mắc bệnh đau chân, chữa mãi chưa khỏi. Mùa hạ năm Kỷ-dậu, cùng đi Xiêm với tôi, mới hơn một tháng, bệnh cũ phát lại rất nặng. Vào bệnh viện điều trị hơn một tháng, rồi lại bị bệnh dịch nguy kịch, sắp chết vẫn còn lấy bút viết thư di chúc đề từ biệt các đồng chí. Những lúc đó tay chân đã rung, thư viết không hết, rồi quăng bút ra mà chết. Than ôi, thiệt là đáng thương. Lúc đó ông 28 tuổi.



(1) 1908.

Liên viếng

PHIÊN ÂM:

Kiến quân chi khứ bất kiến quân chi hoàn, tha niên tấu
khải thanh trung, Hồng-lĩnh Ngư-phong, thảo mộc vị quân tề
truy lệ.

Dữ ngã đồng lai ninh dữ ngã đồng tử. Kỷ độ âm sâu bôi lý,
Bàn-thành đảo quốc, phong trần thặng ngã tối thương tâm.

DỊCH:

— Thấy anh đi chẳng thấy anh về, ngày nào trong tiếng khải
hoàn, núi Hồng, cồn Ngư, cây cỏ vì anh đều nhỏ lệ.

— Cùng tôi ra không cùng tôi chết, mấy bận cùng nâng chén
rượu, thành Bang nước Đảo ⁽¹⁾ phong trần để tôi phải thương
tâm.

(1) Tức Bang cốc kinh đô Xiêm, và nước Nhật-bản, vì Nhật
là một số hòn đảo.

TRUYỆN NGUYỄN QUỐC THỤY, NGUYỄN DỤC TRÍ CHÉP CHUNG

Hai ông đều người Quảng-nam, anh em ruột. Khoảng năm Ty, Ngọ, Vị,⁽¹⁾ Dục Trí ra làm việc đặng, hay đi lại với Ngự Hải, làm một kiện tướng ở Trung-kỳ. Sau khi Ngự Hải bị nạn, thì ông bị truy nã rất gắt. Đến năm Kỷ-dậu⁽²⁾ ông chạy sang Xiêm. Đi mới đến Nông-hán thì bị nhiệt chứng rồi chết. Than ôi! lam chương nước độc lại không chọn người mà giết hại, đau đớn biết bao! không bao lâu người anh là Quốc Thụy theo đến, rồi cũng chết về bệnh ấy. Hai anh em đều chết vì nạn nước, mà lại không được chết theo chí của mình, phải đem xương nghĩa gửi khe ngòi đáng thương biết chừng nào!



Liên viếng

PHIÊN ÂM:

— Tâm bất năng vị chi ai, nhất mộng thái thê lương, lục thập niên lai, cổ quốc giang sơn cam ngã khí.

(1) Ty, Ngọ, Vị — tức Ất-tý, Bính-ngọ, Đinh-vị 1905, 1906, 1907.

(2) 1909.

— Thiên cánh hà tòng nhi vãn, đồng bào đồ nghĩa liệt, tam thiên lý ngoại, tha bang chương lệ nhĩn dư cừu.

DỊCH :

— Lòng thương biết làm sao ? một mộng quá buổi rầu, sáu chục năm nay, nước cũ non sông đành bỏ tở.

— Trời theo đâu mà hỏi ? đồng bào đều nghĩa liệt, ngoài ba ngàn dặm, quê hương lam chương nỡ thù ta.

ĐINH DOÃN TẾ

Đinh doãn Tế người huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, trầm nghị ít nói, thiết là một người quân tử đốc thực. Năm Mậu-thân⁽¹⁾ vào Đồng-văn thư viện Nhật, vì hết tiền ăn học nên phải bỏ đi Xiêm, ngụ ở thành Bang-cốc. Do Xiêm ông định về nước vận động cử sự, nhưng vì đau chân chưa đi. Lúc đó là mùa xuân năm Canh-tuất⁽²⁾ tôi và Phan bá Ngọc, có mưu sự ở biên giới Nghệ-Tĩnh, đi đường Xiêm trước qua thành Bang-cốc. Ông gặp xin cùng đi. Tôi thấy ông đau chân chưa khỏi hẳn, ngăn cản lại mà không được, thế rồi cùng đi, trèo núi lội khe, ngủ rừng uống suối, phấn đấu với lam chương như thế hơn một tháng. Đến phủ Xa-quân bệnh ông lại phát lên mạnh. Lúc đó nhân việc chúng tôi làm hơi lộ, nên mọi người chia nhau trốn tránh. Ông cũng nhân thể bệnh nặng thêm gần chết, nhưng còn nuôi tiếc chúng tôi nên mắt nhắm lại rồi mở, hình như bùi ngùi không nở ra đi. Lúc bệnh, nói mơ thì không có gì khác là gọi tên tôi và tên ông Phan, và nói: «giết giặc Pháp, giết giặc Pháp!». Cứ như thế đến 5, 6 ngày. Hôm ấy ông Phan đến, ông rất mừng, tinh thần trở lại như thường ngồi dậy nói chuyện với Phan đến độ sáu tiếng đồng hồ, rồi bỗng nhiên chết. Lúc đó ông 26 tuổi.

(1) 1908.

(2) 1910.

Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Sắt vũ khu phong tráng thử hành
Quan sơn thiên lý cưỡng nam chinh
Mã tài lập bí ta hà nhật
Kiếm hốt ly thao khái bán trình
Bệnh đao trầm kha tồn nhiệt huyết
Nhân ư sinh tử kiến giao tình
Cửu-long giang thượng trào thanh cấp
Nhất vọng mê ly tổng bất bình

DỊCH:

Đuổi gió gào mưa mạnh bước đường,
Quan sơn ngàn dặm hướng nam sang.
Yên vừa đóng ngựa đang chờ đợi,
Võ rút gươm rồi phải dở dang.
Bệnh đến mê trầm còn máu nóng,
Người khi sống chết thấy giao bằng.⁽¹⁾
Tiếng triều kêu mạnh trên sông Khổng,
Trông cảnh mê ly lại bất bằng.

Liễn viếng

PHIÊN ÂM:

Bất năng tử hựu bất năng sinh, triển chuyển bệnh trung
hồn, quốc nạn gia cừu, thống sử đao quân vô đề thống.

Dữ câu xuất thùy dữ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp,
thiên nhai hải giốc, bi trường nhậm ngã tự do by.

DỊCH:

— Chết không được sống cũng lại không xong, bệnh hồn
giản vật bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi khôn kể
xiết!

— Ra với nhau về biết cùng ai nhỉ? thân thể tiêu điều lắm
nỗi, chân trời góc bể, thương thăm tôi cũng biết sao đây?

(1) Tình giao thiệp giữa bằng hữu.

PHẠM TU TỀ

Ông người huyện Thư-trì, tỉnh Thái-bình, con đầu ông giải nguyên Phạm tư Trục. Người cần kiệm nhu hòa, chịu đựng gian khổ. Mùa đông năm Tân-hợi⁽¹⁾, ông sang Quảng-châu, xin vào quân giới học tập quân sự. Vì luyện tập siêng năng, mệt quá sức nên mắc bệnh phổi mà chết vào ngày mồng 7 tháng 2 năm Quý-sử⁽²⁾. Lúc đó ông mới 22 tuổi.



Liên viếng

PHIÊN ÂM :

Tạo thiếu niên quốc, tiên tạo thiếu niên nhân, điền hải bổ thiên, cái thể kỳ công hi nhữ dực.

Dữ đồng chí xuất, bất dữ đồng chí nhập, bi phong thám vũ, mãn thành phương thảo vị thùy thê.

DỊCH :

— Tạo nước thiếu niên, trước tạo người thiếu niên, lấp bề và trời, công việc hơn đời nhờ ở bác.

— Cùng đồng chí đi, không cùng đồng chí lại, mưa sầu gió thảm, cỏ hoa đầy phổ đề cho ai?

(1) 1911.

(2) 1913.

The agent, however, the first thing I noticed
was that the place was very old and the
house was very small. The house was very
old and the house was very small. The house
was very old and the house was very small.
The house was very old and the house was very small.

There was a very old house and the house
was very old and the house was very small.
The house was very old and the house was very small.
The house was very old and the house was very small.

The house was very old and the house was very small.
The house was very old and the house was very small.
The house was very old and the house was very small.

(1) 1911
(2) 1912

LÝ TỬ YÊN

Ông người tỉnh Sa-đéc, Nam-kỳ, bình sinh cần kiệm, tính rất nhẫn nại. Lúc đầu tân trào nổi dậy, các thiếu niên Nam-kỳ xuất dương chiếm hai phần ba số thiếu niên xuất dương toàn quốc. Nhưng không bao lâu, đều trở về nước vì có này có nọ. Cho nên người thủy chung chịu gian hiểm như Lý, không thể không gọi là tuấn kiệt ở Nam-kỳ. Ông qua từ năm Quý Sửu ở Quảng-đông, rồi vào chỗ luyện tập lục quân. Sau đi Xiêm bị bệnh mà chết lúc 28 tuổi.



Liên viếng

PHIÊN ÂM :

Lữ hướng hà túc bị, thỉnh khan Thủy-chân-lạp cựu dư địa-
đồ, phá toái sơn hà, kỷ bách niên lai vô tĩnh thổ ;

Quốc tính năng bất cải, hội tu Đại Việt-nam tân nhân vật
chỉ, tranh vanh tính tự, bát thiên lý ngoại ủy anh hồn.

DỊCH :

— Đất khách có gì thương ! thử xem địa đồ cũ của Thủy-chân-lạp xưa, phá nát non sông, mấy thế kỷ nay không đất tĩnh.

— Tính nước mãi không đổi, sẽ viết nhân vật chỉ nước Đại Việt-nam mới, nếu cao tên họ, ngoài non ngàn dặm thỏa hồn hiêng.

THE

One of the first things that I noticed when I stepped out of the plane was the fresh air. It was a relief after the stuffy cabin. I looked around and saw a group of people waiting for me. They were all smiling and seemed to know me. I felt a bit awkward at first, but they quickly made me feel at home. We went to a small restaurant and had a meal. The food was delicious and the service was excellent. After the meal, we went for a walk in the park. The children were playing happily and the old people were sitting on benches, enjoying the sun. It was a peaceful and pleasant surprise.

THE

When I stepped out of the plane, I was greeted by a warm smile. The first thing I noticed was the fresh air. It was a relief after the stuffy cabin. I looked around and saw a group of people waiting for me. They were all smiling and seemed to know me. I felt a bit awkward at first, but they quickly made me feel at home. We went to a small restaurant and had a meal. The food was delicious and the service was excellent. After the meal, we went for a walk in the park. The children were playing happily and the old people were sitting on benches, enjoying the sun. It was a peaceful and pleasant surprise.

ĐỖ HUY NAM

Ông người xã Thượng-lâu, tỉnh Hưng-yên, sinh ra là có tư tưởng yêu nước. Ông tức giận nhà nghèo, tuổi trẻ côi cút khổ sở, không giúp gì được cho nước nhà. Nghe tân đảng nổi dậy, ông xin vào đảng mà chưa có ai giới thiệu. Ông lại nghe có cơ quan đảng ở Việt (Quảng-châu) nên mùa đông năm Tân-hợi, ông tự sang Việt, tìm chỗ ở người đảng. Đến năm Quý sửu mới gặp được các đồng chí. Tính ông thông minh lanh lẹ, có tư khéo. Lúc ở Việt thường làm thợ may thuê cho người Hoa thương để có tiền ăn. Lúc đó người đảng ta định mở tiệm may đồ Tây Đại-thành ở Dương-thành (Quảng-châu) để làm cơ quan bí mật. Ông tự nguyện làm nghề may mà giúp việc đảng. Nửa năm sau tiệm may bị giải tán, ông vẫn lưu lại ở Việt. Mùa hạ năm Giáp-dần, tôi nhận có việc đến Việt, mới đưa ông về Ung (Quảng-tây). Mới được một tháng ông mắc chứng phong đàm mà mất. Lúc đó là hai giờ chiều ngày mồng chín tháng bảy. Ông mới 32 tuổi.



Liễn viếng

PHIÊN ÂM:

Vấn nhữ Hán-gian, tức kim nô lệ Vũ đài, bế mạc hậu cứu cánh hà như, mộng lý hôn hôn thiên quái nhữ.

Ai quân nghĩa chùng, lòng cổ anh hùng lịch sử, phát nhận
sơ đại đô tự thử, dong trung giáo giáo tối liên quân.

DỊCH:

— Hỡi mày bọn hán gian, hiện nay sân khấu tôi đòi, hạ màn
rồi sau sẽ ra sao? Trong mộng tối tăm mày thiệt quái.

— Thương bác giống nghĩa hiệp, tự cổ anh hùng lịch sử, đẩy
xe trước loạn như thế cả, làm thuê sáng tỏ bác nên thương.

DƯƠNG VĂN QUANH

Ông tên chữ là Quốc Quang, người thôn Văn-quán, xã Đông-cứu, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-nội, (nay là Hà-đông). Ông giận bọn tay sai của Pháp hoành hành không muốn ở dưới ách thống trị. Năm Nhâm-tý⁽¹⁾ lên sang Điền (Vân-nam) theo đảng ta. Năm Quý-sử, từ Điền đi Long-châu, hết lòng làm việc đảng, không ngại gian khổ. Ông lại tự phụ trách việc kiểm hiệp, tôi rất trọng tư cách của ông. Năm Ất-mão⁽²⁾ mùa hạ tôi nhân có việc đi xa, ông cũng vì việc công đi châu Giang-minh. Đến đó vài hôm, bị bệnh nặng không dậy được, đến giờ thìn, ngày 20 tháng 10 thì mất. Lúc đó ông 30 tuổi.



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Quan sơn tài biệt nhữ
Phong Vũ nhân phao dư
Thảm đạm sinh tiền sử
Thê lương bệnh hậu thư

(1) 1912

(2) 1915

Thập niên cô bảo kiếm
Vạn lý uông chinh xa
Bằng diều Minh-giang nguyệt
Kiền khôn hận hữu dư

DỊCH:

Quan sơn vira xa bác,
Mưa gió nở rời tôi.
Sử một đời thâm đạm;
Thơ sau bệnh ngậm ngùi.
Bỏ kiếm mười năm lại;
Uông đường muôn dặm dài.
Trăng Minh-giang ngó lại,
Càn khôn cứ giận hoài.

NGUYỄN DUY CƯU

Ông người xã Hoàng-vân, tổng Thường-xuyên huyện Phú-xuyên, tỉnh Hà-nội (nay là Hà-dông). Cháu họ ông Nguyễn Siêu. Lúc nhỏ ông có chí lớn. Mùa thu năm Nhâm-tí ông theo các đồng chí đến...⁽¹⁾ châu vào đội giáo luyện lục quân. Chưa bao lâu, chú ông là Nguyễn Siêu về nước bị bắt, ông lại đến...⁽¹⁾ vào trại lính luyện tập. Vì làm việc mệt nhọc nên bị bệnh phổi, uống thuốc hơn một năm không khỏi. Tôi và các bạn khuyên ông về nước điều dưỡng, nhưng ông không muốn về. Mùa thu năm Giáp-dần ông trở về Long-châu, bệnh phát nặng mà chết. Năm ấy ông 20 tuổi.



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Sái lệ thương như ngã
Thương tâm cánh đáo quân
Trùng lai phương lệ nhận
Nhất bệnh cánh ly quần
Thảm trực hồi dinh nguyệt
Sầu sinh độ lĩnh vân
Tây phong tà chiếu ngoại
Nhấn sử thúc ông văn

(1) Các chữ đề thiếu.

DỊCH :

Mắt tôi muốn nhỏ lệ.
Lòng bác lại riêng đau.
Mài gương vừa trở lại.
Bệnh mắt xa bạn bầu.
Trại linh lòng đeo thắm.
Mây núi bước thêm sâu.
Gió tây ngoài bóng xế,
Nỡ để chủ buồn rầu.

PHẠM ĐƯƠNG NHÂN

Phạm đương Nhân người xã Thái-hà, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, thuở bé học chữ Hán, tư chất thông minh, anh là tú tài Ngôn rất quý mến ông. Tú Ngôn bị án đầy đi Côn-đảo thì ông sang Nhật vào Đồng-văn thư viện ở Đông-kinh. Sau vì hết tiền ăn học ông bỏ đi Xiêm chịu đựng hết mọi gian khổ. Năm Nhâm-tí ông trở về Trung-hoa được các đồng chí giao cho trách nhiệm về nước đề ám sát tên yếu nhân nọ. Bình sinh ông vốn cương trực, có khí khái và có lòng nghĩa hiệp. Được ủy nhiệm thì nhận lời ngay rồi ông lên đường đi Xiêm. Trong lúc đi đường, người cùng đi đem tiền tiêu phí gần hết, nên lại bỏ lỡ công việc ⁽¹⁾.

Ông trở về Trung-hoa rất giận đã không làm nên gì. Ông vẫn muốn thực hiện lời hứa trước, nhưng vì vấn đề kinh tế, nên không thực hiện được ý muốn, ông lấy làm phẫn uất vô cùng. Về sau bị bệnh mà chết, đó cũng là một nguyên nhân. Mùa xuân năm Giáp-dần, ông cùng Hồng Phấn đổi họ đổi tên thi vào trường Bảo-định. Năm Bính-thìn ⁽²⁾ mùa thu đậu tốt nghiệp. Lúc ông vào học nỗ lực học tập cho mau, mỗi lúc thí nghiệm đều được ưu đẳng. Cũng vì thế mà mang bệnh khạc ra máu. Vả lại mùa đông ở Bắc-kinh rét quá, ông

(1) Người cùng đi là Đặng tử Vũ tức Đặng thái Chang

(2) 1916.

quen ở xứ nóng, không thích hợp nên mang bệnh nặng,
đến ngày rằm tháng chín năm Bính-thìn thì mất. Lúc
đó ông 30 tuổi.



Thơ điếu

PHIÊN ÂM:

Nguyễn phiên Nam hải tẩy tanh phong
Nhất khứ ninh tri bảo hám chung
Cánh hương cứu nguyên tàng vũ khổ
Không liên vạn địch phụ anh hùng.
Bán sinh tuần quốc tâm nan bạch
Thủy tử ưu thiên huyết thượng hồng.
Cực mục...⁽¹⁾ kinh dư vạn lý
Hồn lai hồn phản thụ vân trung

DỊCH:

Bể Nam mong rửa gió tanh hôi.
Một bước ngờ đâu giận trọn đời.
Đem đến cứu nguyên chôn vô khổ,
Nhưng thương muôn địch phụ anh tài.
Liều mình vì nước lòng khôn tỏ,
Đến chết lo trời máu vẫn tươi
Liếc mắt...⁽¹⁾ kinh muôn dặm cách.
Hồn đi hồn lại núi mây xuôi.

(1) Chữ này đề thiếu.

ĐẶNG HỮU QUÝ

Đặng hữu Quý, tên chữ là Hồng Phấn, người xã Hành-thiện, phủ Xuân-trường tỉnh Nam-định. Ông cần mẫn ôn hòa, lại lanh lợi mau hiểu, hễ học gì là lĩnh hội được ngay, chính là một người hiếm có của đảng ta. Năm Canh-tuất⁽¹⁾ ông mới xuất dương. Nhưng trước đó ông đã nghiên cứu sơ lược về lý, hóa học, vẫn nuôi cái chí làm người dân nước độc lập. Ở dưới ách cường quyền, hàng ngày vẫn giận nhân rồi không làm được gì. Mùa xuân năm Canh-tuất, ông xuất dương họp với các đồng chí. Lúc đó đảng ta đang khó khăn về kinh tế. Ông mới tự đi Xiêm làm kế dinh điền, cùng đồng chí vài người, khẩn ruộng núi, dầm mưa dãi gió, ăn rau uống nước, đều làm trước người ta, dầu những người quen nghề nông phổ, dậy sớm thức khuya cũng không làm được như ông. Người Xiêm và những Việt kiều ở Xiêm, không ai biết ông là người trí thức. Ôi! cái dụng tâm của ông khổ biết bao! Lúc nghề cày cấy nhân rồi, ông lại cùng các anh em luyện tập võ nghệ, đến khuya mới đi ngủ, vì ông muốn làm một người quốc dân cường kiện. Lúc ông xuất dương mục đích là đi học, nhất là học quân sự; sau vài năm việc cày cấy đã có ít thành tích, cơ sở kinh tế đã có triển vọng,

(1) 1910

thì ông muốn thực hiện chí mình. Nhân lúc đó, tôi có việc đi Ai-lao, đi qua Bang-cốc được gặp ông. Ông mới cùng tôi sang Trung-hoa, mưu cầu học quân sự. Mùa đông năm Nhâm-tý, đến...⁽¹⁾ vào sở giảng tập lục quân. Ở đó không bao lâu, ông thấy trình độ học tập thấp quá, mới tìm chỗ cao hơn, tôi khuyên ông lên Bắc-kinh⁽²⁾. Thế rồi ông từ biệt tôi đi Bắc, vào trường Bảo-định⁽³⁾. Rồi đậu tốt nghiệp vào mùa thu năm Bính-thìn⁽⁴⁾. Lúc ông ở trường, học tập rất siêng, cũng như Đương Nhân muốn thành công chóng, nên cũng bị bệnh thổ huyết. Lại vì Bắc-kinh rét quá, bệnh ngày càng tăng, đến mùa đông năm Bính-thìn thì chết. Than ôi! đau đớn biết bao! Lúc đó ông 28 tuổi.

Than ôi! ông với Đương Nhân, hai người đều nhiệt thành, đều khổ tâm, đều có nghị lực, đều trải không biết bao gian khổ, lại đều chưa kịp thử thách lòng hoài bão mà đều chết bệnh sau khi việc học đã thành công, hỡi xanh xanh kia, có hay là không?

Phan Sào Nam nghe tin buồn hai ông có bài thơ điều như sau:

PHIÊN ÂM:

Thử sinh thiên khổ vạn tân dư
Nhất bệnh... (4) thành cánh táng dư
Quân khởi nhận phao ngô bối khứ
Ngã chân dục bạn quỷ hùng cư
Chước thiên không trịch tôn tiền kiếm
Nhập địa chung mai phúc lí thư
Thử hận thương mang hà xứ tổ
Sở hồn nhật dạ điệu Tam-Lư.

(1) Chữ này đề thiếu

(2) Các chữ này nguyên văn đề thiếu

(3) 1916 (?)

(4) Chữ này đề thiếu

DỊCH:

Đời này cay đắng biết bao lắm!
Một mệnh lìa ta nghĩ lại căm.
Anh bỏ bạn bầu đi nữa dứt,
Tôi cùng hùng quỷ ở mà cam.
Gươm quăng trước rượu trời lơ lửng,
Thơ đề trong lòng đất vắng tăm.
Mỗi giận mệnh mong đầu ướm hỏi?
Tam-Lur hồn Sở khóc ngày đêm⁽¹⁾.



Thơ điệu

PHIÊN ÂM:

Từ gia tiên hậu xuất dương quan
Vãng sự hồi đầu lệ ám sam
Chính vị đồ long ma bạch nhận
Khởi kỳ bão hồ ngọa thanh sơn
Nhất thiên phong vũ các tân khồ
Lưỡng địa tâm trường câu xích đan
Dị nhật Long-thành bả bôi khốc
Đồng du kim ngã nhất nhân hoàn

DỊCH:

Xa nhà sau trước vượt dương quan,
Việc cũ quay đầu lệ chứa chan.
Những muốn chém rồng mài kiếm bạc,
Ngờ đâu ôm cạp ngủ thanh san.*
Một trời cay đắng cơn mưa gió,
Hai đất son vàng tấm ruột gan.
Ngày khác Long-thành nằng chẹn khóc,
Cùng đi nay chỉ một tôi còn!

(1) Khuất Nguyên là Tam-Lur đại phu đời Sở, Sở mất, ông tự tử chết.

Đến năm 1954, Việt Nam được chia thành hai miền. Miền Bắc do Đảng Cộng sản lãnh đạo, và Miền Nam do chính quyền Quốc gia Việt Nam lãnh đạo. Sự chia cắt này đã dẫn đến sự hình thành của hai chế độ chính trị khác nhau.

Thị trường

PHẦN 1

Thị trường là nơi mua bán hàng hóa và dịch vụ. Nó bao gồm tất cả các cá nhân và tổ chức tham gia vào quá trình trao đổi. Thị trường có thể được chia thành nhiều loại khác nhau dựa trên phạm vi hoạt động và đối tượng tham gia.

CHƯƠNG 1

Trong nền kinh tế thị trường, các cá nhân và tổ chức tự do lựa chọn mua bán hàng hóa và dịch vụ. Điều này đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật và cơ chế giám sát để đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong giao dịch.

HÀ TỬ KÍNH

Người tỉnh Hà-dông, mất ở Dương-thành (Quảng-châu).

NGUYỄN TÔN DUY

Cũng người Hà-dông mất ở Long-châu.

LÊ THANH HƯƠNG

Người tỉnh Nam-dịnh mất ở Bang-cốc.

LÂM ĐỨC MẬU

Ông xuất dương năm Nhâm-tý, chuyên học tiếng Đức, vào trường Đức văn Quảng-dông. Năm Giáp-dần đi kinh đô Xiêm để mưu tính công việc, bị người Xiêm bắt nộp cho Pháp, giải về Hà-nội. Người Pháp buộc ông tội cấu thông với kẻ địch xử tử hình. Tên thật của ông cùng quê quán và sự thực của ông nhiều chỗ chưa rõ, đợi tra cứu thêm sẽ chép sau, nay chỉ nói đại khái ra đây.

Một bài thơ điệu ba ông và đồng chí cũ

PHIÊN ÂM:

Thiên trùng vân thụ vạn trùng san
Tứ cổ thương mang lệ ám đàn
Nguyệt ám đăng vi nhân ảnh đạm
Phong thê vũ thiết kiểm quang hàn
Mộng trung xích tử đề thanh khổ
Cục lý thần châu chiến huyết ân
Bằng bối linh tinh cừ vị báo
Hải thiên phủ ngưỡng đoạn sầu nan

DỊCH:

Mây núi xa xa mấy vạn trùng,
Mênh mang bốn phía lệ tuôn ròng.
Trăng mờ đèn tối người phai bóng,
Gió thấm mưa thê kiểm lạnh lòng.
Mộng thấy trẻ con gào tiếng khóc,
Cuộc nhìn trận đánh, máu xông hồng.
Bàn bầu thừa thớt thù chưa báo,
Trời bề sâu này khó dứt xong.

LÊ KHÁNH

Ông người huyện Chân-lộc (nay là Nghi-lộc) tỉnh Nghệ-an, thuở bé cha mẹ ông gửi cho một người tuyên giáo nọ, ông chịu sự giáo dục, dự định tương lai làm người tuyên giáo. Lúc 15 tuổi ông thi vào Thuận-minh học đường (La-diện học trường: nguyên văn). Ông người thông minh, tính ôn hòa, học được sáu năm, đi thi các khoa khảo nghiệm đều chiếm ưu đẳng. Các thầy tây, thầy ta đều khen ngợi ông. Các bạn học đều thân ái với ông. Ở trong tôn giáo, ông có sự khế ngộ đặc biệt, do đó cái nhiệt huyết yêu nước với lòng yêu tôn giáo đồng thời phát triển. Ông thấy tổ quốc trầm luân, giặc Pháp hoành hành, thường có chí bỏ mình cứu nước. Lúc ông ở lớp 4 của trường thì tôi là học sinh lớp 3, ông cùng tôi rất tương đắc.

Ông thường thở dài nói với tôi rằng: «Chúa ta và các môn đồ đều lấy máu rửa cái dơ của người đời, nay tổ quốc đồng bào bị tai ách như thế, chúng ta không biết bỏ mình cứu vớt, ngồi nhìn nước mất chủ diệt, tương lai ta sẽ tuyên cái giáo gì?» Than ôi! đó là lời nói ruột gan phơi mặt của đời ông, đến nay tôi chưa bao giờ quên. Ông tuy nuôi cái chí cứu quốc đã lâu, nhưng các thầy tuyên giáo ở trường đều là người Pháp, chúng thường ngăn cấm học sinh không cho biết việc ngoại quốc, sợ sinh lòng khác. Chúng tôi ở trường tuyên giáo, trừ kinh thánh và giáo quy ra không có chỗ

nào để mở tai, mở mắt cho rộng hơn. Riêng chúng tôi mà có tư tưởng ái quốc ấy cũng là nhờ Thượng đế ban ơn cho rất hậu vậy. Khoảng các năm Quý-mão, Giáp-thìn, chiến dịch Nga-Nhật ảnh hưởng đến khắp châu Á, chúng tôi có nghe ít nhiều. Mỗi lúc báo ngoài về, thầy tuyên giáo Pháp cứ giấu kín, không cho người mình biết. Chúng tôi lúc đó rất thù ghét người Pháp, nhưng không biết làm sao được. Trong các thầy tuyên giáo có Bạch-nhị-Nghĩa (người Tỳ-lợi-Thì) dò biết ý chúng tôi, mới làm thân với hai chúng tôi, có lúc đem tình thế Nga - Nhật và ngoại quốc nói với chúng tôi, mà lại khuyến khích chúng tôi nữa. Ông thường nói với chúng tôi rằng: « Tôi ở Việt-nam tuyên giáo đủ 3 năm thì sẽ về nước, lúc đó tôi sẽ đưa các anh về nhà tôi để các anh được hưởng cái giáo dục hoàn toàn của Tây dương ».

Nhưng thầy tuyên giáo ấy vì cứ làm thân với hai người chúng tôi, làm cho người linh mục Pháp ghét, nên trong năm ấy bị bãi chức tuyên giáo. Than ôi! người Pháp muốn bùng bit người ta đến thế là cùng! các năm Bình-ngọ, Đinh-vị⁽¹⁾ Lê và tôi đều trước sau đậu tốt nghiệp. Lê làm thầy giảng thuộc bộ tòa giám mục, rồi đến thầy giảng ở Mai-tiên, tôi cũng được sung chức thầy giảng thuộc bộ tòa giám mục. Chúng tôi xa dần thầy tuyên giáo Pháp, mới được tự do cùng những người ngoài tôn giáo giao thiệp. Nhân được cậu tôi Trần văn Bình giới thiệu với các người tân đảng, Lê và tôi ra làm việc nước từ đó là đầu. Các nhà tôn giáo nước ta, có chỉ mưu độc lập cho nước thời bấy giờ thì Lê là một người, mà ba thầy tuyên giáo Mai-tiên là lãnh tụ toàn bộ. Năm Mậu-thân, ba thầy tuyên giáo đã cử Mai lão Bạng xuất dương giúp đỡ Hội chủ, tham gia việc ngoài, lại cử Lê và tôi chia trách nhiệm ở trong

(1) 1906 — 1907.

về việc liên lạc nhân dân các địa phương. Tôi trú ở địa phương huyện Quỳnh-lưu, còn Lê làm việc tại huyện Hương-sơn. Ông nhiệt thành cổ động những nhân dân tin đạo. Các người này lấy làm cảm động, góp của góp sức, giúp vào việc đảng ngày càng nhiều. Năm Kỷ-dậu ông lại mưu với ba thầy tuyên giáo là trong tin đồ nên có người xuất dương lưu học. Thế rồi tôi và ba đồng chí được đi Nhật du học, đó là muốn hấp thu văn minh ngoại quốc để làm cho sự nghiệp cứu quốc phát triển. Về việc tiếp tế học phí, thì ông và ba thầy tuyên giáo đảm nhiệm.⁽¹⁾

Tháng 3 năm ấy tôi đến Hương-cảng. Ở Cảng hơn một tháng, tiếp được thư ông nói rằng: « Ở trong phong trào khá thịnh, nguồn cung cấp lương ngày càng lên, cứ an tâm học tập cho đạt mục đích ». Tôi rất mừng liền sang Nhật-bản vào trường Thành thành Đông-kinh. Vài tháng sau, được thư bí mật của Lê nói: « Hiện nay mưu đảng bị lộ, người Pháp vây bắt ráo riết người ta, lưới chằng khắp nước, ba thầy tuyên giáo đã bị án tử hình. Nhưng các thầy đã đem công lý, chính đạo ra biện luận. Và việc đảng cũng chỉ là nghe nói, chứ không có chứng cớ gì đích xác, người Pháp chỉ làm án về việc đưa học sinh xuất dương, nên chỉ làm án chín năm đày Côn-lôn ». Tháng 11 năm ấy được thư ông nói rằng: « Sau việc ba thầy tuyên giáo phát ra, tôi bị truy nã rất gắt, hiện tôi và Ngự Hải đang định hành động cách khác, xin báo cáo với các lãnh tụ ở ngoài kịp chỗ quay giới về nước, để làm cách viện trợ cuối cùng cho chúng tôi ». Tháng giêng năm Canh-tuất, ở ngoài người đảng đã mua quân giới từ Nhật-bản chở về Hương-

(1) Ba tuyên giáo sư là Nguyễn-Tường, Nguyễn thần Đồng và Đ. Văn Lĩnh đều bị đày ở Côn-đảo.

cảng. Nhưng vừa lên bộ thì người Anh biết nên phải tịch thu. Nguyễn quỳnh Lâm vì việc chở súng bị tù ở Hương-cảng. Kế hoạch chở khí giới về thế là tan vỡ. Vì thế các đồng chí ở trong, ngày càng lâm vào cảnh nguy khốn. Ba tháng sau thì được thơ ông Kim thanh nói rằng: « Ông Ngư Hải vào ngày mừng một tháng hai bị người Pháp đưa mấy [trăm] lính bao vây nhà trọ, chống lại không được nên đã tự bắn mà chết. Nhân Ngư Hải bị nạn, Lê định đánh Pháp giải vây, nên cũng trúng đạn mà chết ». Hỡi ôi, tận tụy báo nước, là do thành tâm, gặp nguy chịu chết không muốn cầu miễn như Lê thiết là người trối của nước ta, mà cũng là kiểu mẫu của tôn giáo. Hằng ta gọi ông là Hiếu tôn, lúc ông chết mới 25 tuổi. Hoặc có người hỏi tôi rằng: « Tên Hiếu tôn nghĩa là gì? » tôi nói: « Con con yêu của thượng đế, là Hiếu tôn, cũng là hiếu với tổ quốc vậy ». (Sử của Hiếu tôn do Lưu song Tử thuật lại, tôi biết được đem đăng ngay).



Ba bài thơ thương Hiếu tôn của Lưu song Tử

PHIÊN ÂM:

Tứ hải vạn đào dũng

Tư quân độc bất kiến

Thiên sơn nhất nhận chinh

Nam vọng khốc thôn thanh

DỊCH:

Bốn bề muôn cồn sóng, ngàn non một! chim nhàn.

Nhớ anh chẳng được thấy, nhìn nam liễu khóc khan.

PHIÊN ÂM:

Ngô đẳng tiền phong thất

Đẳng tiền phong vũ dạ

Trung nguyên bích huyết dư

Bất nhãn độc di thư

DỊCH :

*Tiền phong đang ta mất, Trung nguyên giọt lệ thừa,
Trước đèn đêm mưa gió, chẳng nỡ đọc di thư.*

PHIÊN ÂM :

Thiên đường quân dĩ hĩ
Hải quốc ngã thê nhiên

Hồn mộng đồng ca khóc
Bồi hồi tinh nguyệt biên

DỊCH :

*Thiên đường anh đã vậy, bề nước tôi buồn rầu.
Hồn mộng ca lẫn khóc, bồi hồi bên trăng sao.*

ĐIỀU 1
Tất cả quyền hành và quyền tài phán của nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam thuộc về nhân dân và Hội đồng Bộ trưởng.

ĐIỀU 2
Thế vận hội được tổ chức tại Hà Nội vào năm 1960.

ĐIỀU 3
Thế vận hội được tổ chức dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Thế vận hội Quốc tế và Ủy ban Thế vận hội Việt Nam.

CÙ SĨ LƯƠNG

Con người mà một mình nếm đủ các mùi đời sắt, gươm máu, đóng đủ vai trò người học sinh mặt trắng và người hào khách rừng xanh, sinh ở nơi mất nước, chết làm hồn yêu nước, há lại không phải là người con trai lỗi lạc lắm ru? Đồng chí ta Cù sĩ Lương là như thế. Ông họ Cù, tên Lương, tên chữ Nghĩa Trai biệt hiệu đồ Quỳnh, vì ông là người thôn Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, nên người trong đảng lấy tên riêng ấy mà gọi ông. Ông đầu óc giàu tính giác ngộ, lại có tính tiến thủ hăng, đã không biết thì thôi, hễ biết thì nhất định làm, cần phải thực nghiệm mới chịu. Thuở bé đọc được nhiều sách xưa hay của nhà, nuôi sẵn chí làm việc thiện, làm thì phải có thành hiệu mới chịu. Đối với những tiếng dân sắc đẹp, thì tránh như là tránh rắn rết. Cho đến một con sâu, con kiến nhỏ cũng xét kỹ rồi mới giết. Khi đã hơi lớn lên, thông hiểu sơ sơ các sách và sử chữ Hán, lại hăm mộ việc làm của các nghĩa nhân, hiệp sĩ ngày xưa. Thấy người khác bất bình thì hết sức, hết lòng báo thù thay cho họ. Thấy ai cậy giàu khinh nghèo, cậy mạnh hiếp yếu, tuy là thân thích cũng cứ trách mắng mà không bênh vực. Xét bình sinh của ông là người dân ngay thẳng thuở xưa. Người Pháp cướp nước ta, xem dân ta như gà, lợn, phạm những kẻ ngoan ác không có tính người thì được chúng dùng làm tay sai để giúp

Kiệt làm ác ⁽¹⁾, dầu phá hủy lễ trời, chà đạp quyền người, mà bọn tay sai đã làm thì người Pháp trông thấy cũng làm ngơ. Ông vốn ôm sẵn nghĩa khí, chí uất hận, cái tính háng hái không để ai xâm phạm được, thì thường phát hiện ra những lúc nghe thấy được. Có một lần, nhân ngày mồng ba tết Nguyên-đán, ông có việc đến thành phố Nghệ-an. Ông là người Nghệ.

Lúc đến ga, xe lửa chưa đến. Có người đứng đón ông, sắc rất đẹp mà lại rất buồn, đó là một người con gái trạc tuổi hai chín ⁽²⁾; bỗng hỏi ông rằng: « Ông có phải người Quỳnh-đôi không ». Ông trả lời: « Phải ». Người con gái hỏi: « Ông nay đi đâu? » Ông nói: « Sắp đi tỉnh ». Người con gái nói: « Nay tôi gặp nạn, xin nhờ ông cứu, tôi trông đã lâu ». Ông ngạc nhiên hỏi: « Cần việc gì? » Người con gái nói: « Nhà tôi ở trong thành chỉ có mẹ già và tôi mà thôi. Hôm qua nhân năm mới đến mừng tuổi bà ngoại tôi, nay muốn đi xe về tỉnh nhưng tôi đến đây còn sớm quá, mấy người làm trong ga đều để mắt chăm chú nhìn tôi, giành nhau dõn cột tôi, tôi chắc đó là triệu xấu, tôi sợ quá không dám lại gần họ mua vé xe, muốn trở lại nhà bà ngoại nhưng trời tối rồi, con gái không dám đi bộ một mình, không biết làm sao. Tôi mong ông làm như Lộ trọng Liên ⁽³⁾ ». Ông nói: « Thế thì tôi sẽ mua vé xe cho cô và xin bảo hộ cô ».

Người con gái rất mừng, theo lời ông bảo, ông mới mua giùm vé cho người con gái. Xe đến, người con gái theo ông lên xe. Đến chỗ người xét vé ra cửa thì bị hải

(1) Vua Kiệt nhà Hạ là ác, ai giúp kẻ ác làm bậy thì thường nói là giúp Kiệt làm ác.

(2) Hai chín là 18.

(3) Lộ trọng Liên là người trọng nghĩa không chịu tôn Tà làm đế.

ta cản trở không đi được. Ông xông đánh tên giữ cửa, tên này la ầm lên, mọi người làm việc khác xúm lại đánh ông, đánh vào mặt ông đến hàng trăm đấm. Ông không chịu lùi, tìm cho được người con gái, người con gái đã bị nhốt trong nhà ga, kêu khóc gọi ông. Ông gõ cửa thì cửa đã đóng chặt, ông càng giận đánh vào cửa kính ngay chỗ tên xếp ga ở, ông tay đánh, chân đá, gặp ai đánh nấy, nhiều đồ đạc ở chỗ điện báo bị tan vỡ.

Ông kêu to nói : « Chúng mày phải thả người con gái ra, không thì tao không để chúng mày sống đâu ». Bọn kia thấy ông lẽ thẳng và lại nghĩa dũng không đương nổi, mới thả người con gái ra. Ông đưa người con gái lên xe, đến tỉnh thành đưa người con gái về nhà. Người nhà đều cảm ơn ông, hỏi tên họ, ông không trả lời rồi ra đi. Bình sinh ông thấy nghĩa thì mạnh bạo làm, đó cũng là một việc, than ôi! bọn cáo mượn uy thế con cọp Pháp để nuốt sống nhân dân ta, quan lại Pháp há lại không biết, nhưng chúng vẫn vui lòng dùng bọn ấy là cốt cầu có lợi cho Pháp, còn dân ta oan khổ có hại gì đến chúng. Cọp beo đặc chí, ma quỷ đầy trời, dân ta bị cái lây độc của Pháp, nói ra không xiết. Một ông Cù có làm gì được bọn chúng, hàng ngàn, vạn người.

Các năm Ất-tị, Bính-ngọ, phong trào mới nước ta nổi dậy, các quyền « Hải ngoại huyết thư, Việt-nam vong quốc sử » từ Đông dương⁽¹⁾ gửi về, ông được đọc mà say, đến câu : Ra mặt xưng nam tử, tên đẹp trên thế gian, quý gối thờ kẻ thù, vật uế trong vũ trụ », ông thôi đọc mà than thở mãi, đến tối bàng hoàng không ngủ, ngồi chờ sáng tự nghĩ đồng sách cũ nát chỉ làm hại đời ta, ống rộng áo dài, có ích gì cho thời nguy này, nếu được kẻ lão kiệt thiên hạ để cùng làm việc thì nên vì non sông mà hy sinh thân này. Thế mà nhìn lại

(1) Nguyên văn Đông-dương — Ở đây, ý nói từ Nhật-bản gửi về.

các bạn quen biết từ xưa đến nay toàn là bọn khoa trường thô tục. Ông lấy làm tức giận, từ đó ông bỏ nghề cũ không thèm ngó tới, mà có chí hiến thân cho nước. .Đồng ấp có ông Thiếu Tùng họ Hồ, là con Hồ án-sát, trước làm Án sát tỉnh Nam-định. Hồ đánh nhau với Pháp bị tử trận. Con là Thiếu Tùng, không theo học cử nghiệp, ham giao du với các hiệp khách. Trong nhà có lúc khách khứa ăn uống, đến vài mươi người mà cách hành động không giống người thường. Ông chắc với người này có thể tỏ bày tâm sự của mình được. Ông mới đến nói truyện với Hồ. Bình nhật Hồ vẫn coi trọng ông, nhưng cũng chỉ cho ông là một người quân tử có phẩm hạnh thuần chính mà thôi. Khi nghe ông nói rất lấy làm lạ. Ôi! cái tư tưởng dốc bẻ tuôn sông lại tự miệng một tiên sinh bát cồ⁽¹⁾ mà ra, há lại không đáng lạ lắm ru; Thiếu-Tùng nói với ông: « Tôi bất tài, làm sao giúp đạt được chí muốn. Tuy nhiên tôi xin giới thiệu ông với những người giỏi đương thời ».

Lúc đó những người trọng yếu trong đảng như Đặng thái Thân, Lê dật Trúc đang họp nhau bàn mưu kế ở Hà-nội. Thiếu Tùng và ông đi Hà-nội gặp hai ông Lê, Đặng. Lê thấy ông thì cười mà nói: « Phải chăng ông là thầy đồ dạy tư ở làng ». Ông nói: « phải ». Lê nói: « thế thì tôi rất sợ ». Ông hỏi: « tại sao vậy? ». Lê nói: « thầy đồ dạy tư chỉ biết ăn cơm người ta mà làm văn bát cồ, ngoài ra còn làm được gì, cho nên tôi sợ ». Ông trả lời: « ông nhầm rồi, tôi đã tuyệt giao với bát cồ lâu rồi. Trời nghiêng, đất ngã, giặc cướp tung hoành, nếu có tâm huyết, ai lại chịu trở lại chốn gà lợn tìm ăn nữa. Xưa nay tôi khổ không biết nói với ai mà thôi. Ông là con em nhà có thù với giặc, có

(1) Người học nho quen làm kinh nghĩa đề đi thi.

đanh vọng lúc này, tôi khó nhọc ra đây, đề cầu được gặp, rất muốn cùng các ông sống chết, sao lại cho tôi là bát cổ tiên sinh mà bỏ tôi». Lê khâm phục lời nói, mới nói ra những việc nguy hiểm để thử lòng ông. Lê nói: « thế thì ông có thể làm một người bạo động được không? » Ông nói: « tôi muốn là muốn làm việc của kẻ nhân nhân chí sĩ, nay gặp ông, ông lại đem việc làm người bạo động ra hỏi, làm cho tôi hoang mang » Lê nói: « ông nghi lời nói của tôi, tôi xin vạch ra ông rõ. Hoàng kim làm ra thế giới, có thể làm việc lớn mà không cần đến tiền không? Nước ta tiền bạc nhà giàu hàng ngày cung cấp cho người Pháp tiêu xài, cũng vì sợ súng đạn mà thôi. Chúng ta lấy tay không và lời nói suông đến xin họ một đồng tiền, cũng không thể dễ dàng mà được! Chúng ta tự xét không may mắn vì kẻ thân gia, thì nếu có dùng bạo lực mà lấy tiền để giúp vào việc, thì không phải là không hợp đạo lý. Thực ra hành vi của người bạo động, chỉ là hòa bình có vũ trang mà thôi ».

Ông nghe đến đó vỗ tay nói rằng: « Phải, phải, nay tôi xin làm một người bạo động ». Các ông Lê, Đặng đều khen ông và từ đó phái kịch liệt có làm điều gì Lê cũng đem ông đi theo. Ông thí nghiệm đều thành công, Lê khen ông giỏi. Thế rồi ông cùng Đại Đầu, Long Sơn cùng làm việc độ một năm, ngày thì ngồi bàn cầm bút, như một thầy đồ, đêm thì mang đèn giấu súng, làm người hảo hán. Nếu không biết lòng ông thì ít người không cho ông là cuồng vọng. Các lão khoa cử ở trong làng rất khinh bỉ ông, ông không thêm biện luận gì cả.

Một hôm ông đưa một số đồ đệ vào một nhà nọ; chủ nhân rất giàu mà lại rất keo bần. Bộ hạ ông trăm cách dọa nạt, mà chủ nhà vẫn không chịu đưa tiền ra

nộp. Có người đòi trối lại mà đánh. Ông không chịu gạt nước mắt nói với chủ nhà: « Chúng tôi làm như thế này cốt để làm việc giết giặc cứu nước, vì kinh tế thiếu nên mới phiền đến các ông. Các ông phải biết là tiền chúng tôi làm được, chuyên dùng cho việc công, nếu có một hào nửa đồng vào túi riêng chúng tôi để nuôi vợ con, thì trời đất tru diệt, không ra khỏi cửa các ông một bước ». Nói xong rồi khóc to lên. Chủ nhà thấy thế cảm động mới chỉ chỗ để tiền cho lấy. Cái nghĩa khí của ông cảm được người đại để như thế. Nhà ông vốn nghèo, trước thường đi dạy học nuôi mẹ già. Từ lúc làm đảng viên, ông không ngó gì việc nhà nữa. Người đảng muốn lấy tiền giúp nhà, ông không chịu, nói với các người đồng sự rằng: « tiền chúng ta làm được, một giọt một sợi đều là mồ hôi và máu của nhân dân, nay lấy mà cung cấp cho nhà riêng ta tức là trá với lương tâm đã đành, lại còn mặt mũi nào đối với đồng bào được nữa ? » Thế rồi từ chối không lấy số tiền được ấy. Vì thế đảng ta rất trọng ông. Ông hết sức làm việc, tiền công càng dồi dào, thế đảng ngày càng mạnh, nhờ công của ông rất nhiều. Không bao lâu, tiếng của ông đồn ra đến tai chính phủ Pháp. Chính phủ Pháp bỏ nhiều tiền thuê mật thám theo dõi rồi bắt được ông đem vào Hà-tiên. Ông phần uất mà bệnh rồi chết ở chỗ bị đày. Lúc đó ông 37 tuổi. Thưa ôi ! ghét điều ác như kẻ thù, quý điều nghĩa như tính mạng, đã nói là làm, sống chết cũng mặc, chỉ có một người như Cù mà thôi. Thế mà không làm trọn cho mình, đáng tiếc biết bao !

LUỘC TRUYỆN CÁC LIỆT SĨ KHỞI NGHĨA Ở MÓNG-CÁI

Dưới trời mưa gió ở biên thùi, trên đất súng đạn tối tăm, mà lại có người nổi dậy lấy gậy gỗ mà diệt nhà Tần ⁽¹⁾. Chỉ vì Chúa, Trời đang say, không giúp cho thành công, nên nhiều lần mưu toan mà bỗng chốc lại hỏng, nhưng cái chí lỗi lạc, việc làm oanh liệt cũng đủ treo với nhật nguyệt, thề với non sông, mà làm cho bọn cam tâm làm nô lệ thời nay phải xấu hổ, thế thì tuy thất bại mà vẫn vẻ vang.

Mùa thu năm Giáp-dần, Âu chiến bùng nổ đã năm, sáu tháng. Ở nước ta những người cô thân, ngiệt tử ⁽²⁾, cù sĩ nghĩa dân, dành nhau đánh giặc Pháp trong lúc này. Việc khởi nghĩa Móng-cái cũng phát hiện vào lúc này. Xét ra người thủ mưu khởi nghĩa lúc bấy giờ là các ông Quản Cơ họ Đặng, công tử họ Đào, và Nhị lang họ Hoàng ⁽³⁾ độ vài mươi người, ngoài ra còn có các

(1) Nhị Tần độc ác, bọn Thắng, Quảng chỉ lấy gậy gỗ nổi dậy mà diệt được.

(2) Ý nói con mà cha bị giặc giết đi rồi.

(3) Vì không rõ tên nên cứ chép chức vụ như Quản-Cơ, hoặc con họ nào như Công-tử, hoặc con thứ mấy như Nhị-lang (con thứ hai).

Hoa-kiều ở ta và nghĩa dân ở nơi đó đều có dự mưu. Kế hoạch vạch ra là trước lấy Hải-ninh, tiến đến Quảng-yên sau đến Hải-phòng, mưu đồ toàn cuộc Bắc kỳ, phương lược tiến hành là ngoài kết hợp với người Hoa, trong liên kết với thổ binh, trước đánh úp lấy Móng-cái, giết quân quan giặc, lấy khi giới làm kẻ điếm. Định kế rồi, ước hẹn người đảng đến ngày thì khởi sự, rủi thay trước một ngày thì việc bị tiết lộ, bọn Pháp biết được. Các người dự mưu bị bắt ở một ngày và bị chém ở thị xã Móng-cái: Việc đó xảy ra trong mùa xuân năm Ất-mão ⁽¹⁾.

Tính ra những người bị chết thì có Quản-Đài họ Đào (tên chưa rõ) là một bộ thuộc cũ của Chấn trung tướng quân Nguyễn thiện Thuật. Công tử họ Đào (tên chưa rõ) tức là con tri phủ họ Đào ở Móng-cái trước, Nhị lang họ Hoàng là em Bát phẩm Hoàng xuân Sơn. Ngoài ra còn nhiều người nữa đợi nghiên cứu xong sẽ chép thêm. Nhị lang họ Hoàng lúc sắp bị hành hình, thì từ sắc khảng khái, ngó xung quanh mà nói rằng: «Chúng tôi vì việc nước mà chết, chết còn phàn nàn gì, giận chưa thấy nước ta khôi phục mà thì. Thời kỳ nước ta khôi phục quyết không lâu nữa, để bào ta cần phải cố gắng để rửa giận cho người đã chết ở dưới suối vàng. Chúng tôi sẽ cười mà tạ ơn ông». Những người nghe lời đều rất cảm động. Hoàng tuổi hơn 20, thông minh dũng cảm, rất ham nghĩa khí. Khi trước Đĩnh-Nam xuất dương, đến Bắc-hải gặp ông rất khen ngợi ông. Đĩnh-Nam ⁽²⁾ sang Nhật, ông đi

(1) 1915.

(2) Túc Nguyễn-thượng-Hiền.

ệ từ Bắc-hải đến Hương-cảng mới trở lại. Lúc từ biệt
ng nói với Đĩnh-Nam là ngày sau nếu có cơ hội giúp
ức cho quốc gia thì xin hết trung với nước, sống chết
không kể gì cả. Sau 10 năm thì có việc tỵ nghĩa ở
hành Móng-cái, quả như lời nói. Ôi, thật là người
nghĩa liệt ⁽¹⁾ !

(1) Theo Phan-Bội-Châu niên biểu, thì sau khi nhận được
ền viện trợ của Đức thì Nguyễn mạnh-Hiếu được phân công
Đông-hung định đánh Móng-cái. Theo tài liệu Pháp thì
Nguyễn trọng Thường (con Nguyễn thiện Thuật) định đánh
Móng-cái với lính khố đỏ Bắc-kỳ và các thủ hạ cũ của cha là
án Thuật. Các việc này có dính liú với nhau chăng?

nhưng để lại đến những công việc này thì lại không biết
đúng hay sai. Vì vậy, chúng tôi xin đề nghị các đồng chí
liên lạc với các cơ quan chức năng để được hướng dẫn
chính xác. Xin cảm ơn các đồng chí đã quan tâm và
hỗ trợ chúng tôi.

(1) Các đồng chí cần nắm vững các quy định về
thời gian và địa điểm để tham gia các buổi họp
và báo cáo công việc. Các đồng chí cần phải
chuẩn bị đầy đủ tài liệu và báo cáo trước khi
tham gia họp. Xin cảm ơn các đồng chí đã
cooperates.

TRUY LỤC HOÀNG VĂN KỶ

Không gì đáng yêu bằng thanh niên, không gì đáng thương bằng chết uổng. Con người đáng yêu mà gặp cảnh đáng thương thì thiệt là đau xót. Huống chi lại ôm trống chí mà chết, thì đáng đau xót biết là dường nào! Người bạn tôi Hoàng văn Kỷ là như thế đó. Ông thân ông ngày xưa là Hoàng văn Cát, là một nghĩa dân Nam-kỳ. Ông sinh ra thì gặp nước mất nên cần răng giận bọn giặc cướp, nhưng sức mình nhỏ, thế mình mỏng không làm thế nào được. Vừa năm Bính-ngọ ⁽¹⁾ niên hiệu Thành Thái, hội chủ xuất dương, có bài « Phô cáo lục tỉnh » truyền đến tỉnh Vĩnh-long. Ông thân ông rất phấn khởi, mời đưa ông xuất dương yết kiến hội chủ, và bảo ông lưu học.

Ông lúc đó mới là một hào kiệt nhỏ, 12 tuổi mà thôi. Nhưng nghe được lưu học thì vui sướng không muốn về. Thế rồi ông thân ông gửi ông cho một nghị sĩ nọ ở Đông-kinh, còn ông thì tự nguyện về nước làm việc đảng.

Ông với người chú là Hoàng Hưng đều trú ở Đông-kinh vào học trường người Nhật. Ôi! một thiếu niên chưa thành đồng mà lưu học hải ngoại, ông với Trần văn An, Trần ngọc Thư, ba người thật là mở một lệ rất mới cho nước ta vậy. Ông tốt nghiệp ở tiểu học hiệu

(1) 1906,

rồi, thì ông thân Hoàng văn Cát vì việc đảng bị lộ nên bị Pháp bắt bỏ tù, còn ông chú Hoàng Hưng lại vì thiếu tiền ăn học nên về nước trù liệu, ông tuổi trẻ như thế, một mình ở Nhật không lấy làm buồn nản mà bỏ việc học hành. Lúc đã vào trường trung học, nhờ tư chất thông minh mà lại siêng năng, nên mỗi lúc thi là ông chiếm ưu đẳng. Lúc đó chú ông là Hoàng Hưng ở Hương-cảng, nghiên cứu việc chế thuốc đạn bị thuốc nổ, nên nhà đương chức Anh ở Cảng biết được ông là người đảng cách mạng nước ta nên bắt ông giao cho chính phủ địch (tức là Pháp). Chính phủ Pháp buộc tội ông mưu làm loạn mới làm án đày ra Côn-lôn. Ông được tin này cái lòng thù giận Pháp lại sôi sục không thể ngăn được, mới có cái chí vắt bút cầm gươm. Ông mưu vào trường học quân sự Nhật-bản, nhưng không có văn bằng của Pháp, người Nhật không cho. Ông nhân có bạn Trung-hoa mới học tiếng Trung-hoa, bỏ Nhật về Quảng-đông, đổi họ đổi tên, giả làm quốc tịch Quảng-đông rồi lên Yên-kinh vào trường lục quân quan học hiệu. Chỉ ông cốt là đánh giặc. Đã vào trường quân rồi, ông càng mẫn nguyện, nên mài nanh rửa vuốt, chỉ đợi lúc được thử thách. Các buổi học và buổi luyện tập, không những không khi nào thiếu mà lại siêng năng hơn người. Ở trường chỉ hơn một năm mà rất được thầy, bạn khen ngợi. Than ôi, dao còn đang dúc mà màu sáng đã thấy rõ, thuốc chưa ra lò mà hơi vàng đã nổi. Nếu được lâu năm để học cho xong thì cái thành tựu sau này chưa có thể lường được. Trời hạn chế tuổi thọ của ông, cái chí mạnh của ông chưa thực hiện được. Đến năm Đinh-tị⁽¹⁾ bỗng bị bệnh truyền nhiễm mà chết ở bệnh viện của quân quan học hiệu. Đau đớn biết bao! nạn nước chưa hết,

(1) 1917

tiền đồ đang dài, một người thanh niên có tài có trí, mà không được chết vì việc nước, đó không những chỉ một mình ông không may mà đảng ta, nước ta cũng không may vậy. Tuy nhiên, đồng bào đồng chí giận kẻ thù, rung với nước, chăm lo tu dưỡng, đang còn hàng trăm hàng ngàn người như ông. Cho nên ông ở dưới chín suối, ắt cũng có ngày sẽ vui cười. Vì thế tôi viết ra việc này để lại đời sau.



Thơ điếu

PHÊ ÂM:

Vũ hám vân bi vạn lý hôn
Thư lai nhất tự lệ thiên ngân
Hàn phong Dịch-Thủy Kinh-kha khứ
Cô trùng Yên-Kinh Đổ-Vũ tồn
Bắc đầu vọng thời huy oán lệ
Sóc phong xuy đảo tượng trung hồn
Việt-nam hà nhật trùng khôi phục
Ứng vị chiêu quân hoán cứu nguyên

DỊCH:

Mây mưa muôn dặm cảnh hoàng hôn,
Một lá thư sang lệ nhỏ tuôn
Sông Dịch Kinh-Kha cơn gió lạnh,⁽¹⁾
Thành Yên Đổ-Vũ năm mồ chôn.⁽²⁾
Trông sao Bắc đẩu sầu rơi lệ,
Hắt gió sóc phong tưởng đến hồn⁽³⁾
Nam-việt ngày nào khôi phục lại,
Gọi ông xin gửi xuống hoàng tuyền

(1) Kinh Kha qua sông Dịch-thủy để đi ám sát Tần thủy Hoàng. Sau có câu thơ: Phong phiêu phiêu hề Dịch thủy hàm, tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn — Gió thổi hiu hiu sông Dịch lạnh, tráng sĩ đi rồi không trở về.

(2) Đổ Vũ: Đổ Vũ tên vua Thục, Đổ Vũ chết hóa thành con chim gọi là Đổ Quyên cũng gọi là Tử-qui.

(3) Sóc phong là gió Bắc thổi lại.

HỒ BÁ KIỆN

Năm Đinh-vị niên hiệu Tự-đức, quân Pháp đánh thành Nam-định, tổng đốc Võ trọng Bình bỏ thành chạy, Niết-Đài⁽¹⁾ là Hồ bá Ôn cùng Đề đốc Diêm hết sức chống cự. Đạn bị hết, viện không có, thành mất ông chết theo. Ông để lại 3 người con, Bá Kiện là con đầu, Kiện tư chất thông minh, đọc sách nhiều, làm thơ văn giỏi. Khi Niết-Đài chết vì nước, thì ông bỏ cử nghiệp không nhìn đến nữa, chuyên giao du với khách kiếm hiệp. Căm giận kẻ thù của Hàn và ao ước tìm được người tráng sĩ Thương-hải⁽²⁾. Phàm những kẻ hào kiệt cùng đường thất cước đều tụ tập ở nhà ông. Nhà có bao cửa dự trữ đều bỏ tiếp khách hết.

Vì thế các người giỏi Nam Bắc đều có biết ông. Khoảng năm Đinh-tị, Bính-ngọ, tân trào nổi lên, ông chạy vay hô hào rất mạnh. Phàm học sinh xuất dương, các việc vận động, đưa đón, ông rất mệt nhọc, đảng càng mạnh thêm, tiếng tăm ông cũng thêm rõ. Bọn mật thám định bắt cho được ông. Khi việc đảng phát ra ở Hưng-yên, ông bị khép án đày đi Lao-bảo. Đến nhà lao thì có tù vài trăm người. Có người mưu đồ

(1) Tức là chức án sát.

(2) Trương Lương muốn báo thù cho Hàn, tìm được tráng sĩ ở Thương-hải.

chống Pháp, có người thông với đảng ngoài, bị tội cũng như ông. Đại để non sông đã mất thì lao tù là nơi an lạc của các chí sĩ, nghĩa nhân. Ông ở ngục được các tù khác coi trọng, mới cùng mưu phá ngục tước khí giới, họp sĩ binh đánh thành Lao-bảo. Việc phát ra, người Pháp đem trọng binh đàn áp, ông bị chết tại trận.

Ông người thôn Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu tỉnh Nghệ-an, lúc mất đã 54 tuổi.



Liễn viếng của Đinh-Nhạc⁽¹⁾

PHIÊN ÂM :

Phương tương liên nhất khí vi địa cầu, vô sở vị hợp tinh vô sở vị li, quân giao địa hạ nhân gian, tổng y nhiên đẳng tiền kiểm ảnh, chăm bện kê thanh, đặc ý đã đô vong nhĩ ngã,

Thả dục đạo chúng sinh ư thiên quốc, hữu vi chi nhân, tất hữu vi chi quả, bằng trượng thiên linh phật lực, hội tu khán trần lý Âu-vân, hào đoan mỹ vũ mục trường na phục kê đông tây.

DỊCH :

— Cũng toan liêu một mạch làm địa cầu, không gì là hợp, cũng không gì là ly, khiến cho dưới đất giữa người, đều y nhiên trước đèn bóng kiểm, bên gối tiếng gà, khi đặc ý lại quên mây lở.

— Lại muốn dẫn chúng sinh lên Thiên quốc, đã làm ra nhân, ắt sẽ làm ra quả, dựa ở oai trời sức phật, tất phải thấy trong bụi mây Âu, đầu tia mưa Mỹ, trường chấn⁽²⁾ chi sá kể đông tây.

(1) Tức Nguyễn-thượng-Hiền.

(2) Trường chấn nuôi (chữ này còn nghi).

HỒ BÁ PHẤN

Người Pháp chinh phục nước ta, cái thủ đoạn độc ác nhất là dùng người Việt đánh người Việt. Chúng lấy con em ta luyện tập thành binh sĩ, rồi đưa binh sĩ đó đánh ighĩa đảng của ta. Còn người Pháp thì ở trong cửa cao nhà rộng, ngồi hưởng cái quyền lợi của chủ ông, vì chúng đã ngu linh tập chúng ta mà sai khiến như trâu ngựa thì người ta chỉ có thể bị dày xéo dưới bàn chân của chúng.

Cái thủ đoạn nhà cường quyền đến thế là cùng. Nhưng về thực tế thì lại khác thế. Cái tinh thần yêu nước, yêu đồng bào thì trong lính tập ta thường thường vẫn xuất hiện những bậc nhân nhân chí sĩ như Hồ bá Phấn người tỉnh Hà-tĩnh trước là lính tập, cũng đã vai vác súng, lưng mang đạn ở dưới sự chỉ huy của quan binh Pháp, nhưng rồi vì khởi nghĩa mà chết, đó chẳng phải là đặc sắc của lính tập ta sao?

Ông xuất thân gia đình làm ruộng, ít được học hành, nhưng bản tính cương dũng, vui làm việc nghĩa, rất giàu tr tưởng chủng tộc. Khi giặc Pháp hạ thành Nghệ-an thì ông còn ít tuổi. Lúc đầu ông theo nghĩa quân, quân đang ô hợp hễ đánh nhau với Pháp là thua.

Nhưng lúc đó các phủ huyện nổi dậy như ong khắp đông khắp tây, người Pháp phòng ngự cũng rất chật vật. Chúng mới bỏ ra nhiều tiền để mộ thổ binh, làm cái kế « lấy Tần đánh Tần » bắt đầu từ đời Hàm-Nghi. Ông đã đánh trận nhiều và biết rằng bọn Pháp về kỹ thuật đánh rất tinh và có khi giỏi tốt, còn quân ta chỉ tay không rất là bất lợi. Thế rồi ông thay đổi kế hoạch, thay áo về làng tự đến trại lính Pháp, ứng mộ làm thổ binh, hàng ngày ra thao trường tập kỹ thuật đánh trận không biết mỏi. Đến đêm về trại thì cùng các đồng ngũ nói chuyện rất vui vẻ, như là ngoài trại lính ra không còn có sinh hoạt gì nữa. Hay là vì mỗi tháng 6, 7 đồng bạc lương mà xoay chuyển được ông như thế chẳng? Không đâu, không đâu. Con điều hầu lấy mây làm tổ tất phải sửa bộ lông, con giao-long lấy bễ làm hang thì tất phải sửa bộ vảy. Những người binh sinh có hoài bão như ông, há lại chịu cái kiếp trâu ngựa đến già đời! Ở trại lính vài năm, ông lập được nhiều công trạng, quan binh Pháp cho ông là giỏi, nên cho làm đội trưởng, được đốc suất một tiểu đội lính tập 50 người. Vài năm nữa, ông được lên chánh đội trưởng, được điều khiển một trung đội lính tập 100 người. Lúc bấy giờ ông tự nghĩ cho rằng hy vọng của mình đã sắp đến nơi. Ông đã nhận chức đội thì nghiên cứu chiến lược, tìm tòi kế hoạch. Lại cùng binh sĩ các đội lân cận phối gan vạch ruột đêm ngày gần gũi nhau. Người ta đều kính mến ông. Lính tập trong một thành hầu như có miệng đều nói Đội Phấn, có tai đều nghe Đội Phấn. Ông tuy đã thông thạo việc binh, thu phục được nhân tâm, nhưng cái ý muốn vẫn chưa tuyên bố ra, vì cưỡi ngựa mang cung vẫn có lòng khác, không phải cái mộng

tướng « con út nhiều tiền »⁽¹⁾. Nhưng người Pháp dùng
thồ binh ta, một mặt nuôi như lừa ngựa, lại một mặt
đề phòng như trộm cướp, tuy có tin cậy gia ân lắm,
cũng chỉ cho làm đến chức quan một mà thôi. Từ chức
bài trưởng trở lên, không có người Nam ta. Ông ở ngũ
đã lâu, nuôi sẵn mũi nhọn, thời cơ chưa muồi, do dự
khổ tâm, nhưng trận tuyến đã cùng, không có chỗ phát
triển nữa. Ông bùi ngùi lo nghĩ sợ người Pháp nghi
ngờ, người Pháp đã nghi thì tai vạ đến ngay, thế thì
lòng mình sẽ không tỏ được với đời, làm cho người thế
giới lại bảo người Việt-nam đều là trâu ngựa mà thôi.
Thế rồi ông bỗng nhiên quyết kế.

Tháng 5 năm Mậu-thân, nhân việc kháng sưu bùng ra,
ông mới tụ họp bộ hạ mình, quay giáo đánh thành Hà-
tĩnh. Lúc đó tân trào đang thịnh, người Pháp đề phòng
ngghiêm ngặt, các tỉnh thành đều có trọng binh đóng
giữ. Ông ra sức đánh nhau với giặc, sắp hạ được
thành thì thuốc đạn vừa hết, địch cho nhiều viện binh
tới. Bộ hạ của ông hoặc chết, hoặc chạy, ông may
thoát được chạy lên thượng du hội với các nghĩa đảng
ở rừng núi. Các nghĩa đảng cử ông cầm đầu. Ông
lại đi khắp các phủ huyện, liên lạc với các lính tập đã
giải ngũ, mưu đánh thành Nghệ-an. Nhưng súng đạn
chưa đủ, còn phải đợi hàng tuần nữa, để tìm cách cướp
xưởng binh khí của địch. Việc ấy bị bọn mật thám Pháp
dò biết, Pháp đem đại binh vây đồn ông. Lúc đó quân
trong đồn đang phân tán các nơi để cướp súng đạn.
Còn ở đồn chỉ hơn 10 người mà thôi. Địch nhiều mình

(1) Tô Tần lúc hàn vi về nhà chị dâu không nấu cơm cho
ăn. Sau mang tướng ấn lục quốc về, người chị dâu không
đám nhìn thẳng. Hỏi vì cớ gì? Chị dâu nói: « Vì chú em út
nhiều tiền ».

ít không thể chống nổi, lại không có lương ăn, nên bị địch cướp đồn, ông bị bắt. Giặc bắt được ông rồi, rất lấy làm mừng, mở tiệc ăn mừng như đã bình được một địch quốc. Hỡi ôi! Cái nỗi lo âu của người Toại diệt Tề ⁽¹⁾ rất là đáng sợ.

Ông tên chữ là Càn-Thái. Có thổ binh như Càn-Thái thì người Pháp có thể nô dịch được không? Lúc ông bị giết, có một người lính vệ tự tử theo. Cửa ông kiên tường không có người hèn thiết là như thế ⁽²⁾.

(1) Điền tích này chưa nghiên cứu được.

(2) Theo chỗ tôi biết, thì Đội Phấn vẫn trốn tránh mãi. Khoảng năm 1920 Pháp mới bắt được, chém ở quán Thầu đầu Vinh (người dịch).

PHẠM NGÔN

Trước tôi ở đất khách được tin từ Yên-kinh đến, đau lòng xót ruột, tôi khóc Phạm đương Nhân. Bỗng 2 năm nữa lại được người từ đảo Côn-lôn về, làm cho nước mắt khóc Đương Nhân lại tràn trề hơn xưa. Than ôi, người anh của ông cũng đã chôn ở đảo Côn-lôn rồi! Nhà ông 4 anh em, Phạm Ngôn là trưởng, Phạm Ngôn sinh ở xã Việt-yên, huyện La-sơn chính là quê của Phan đình Phùng, thống suất đảng cần vương sau khi nước ta mất. Lúc Phan chết vì nạn nước ông còn trẻ tuổi. Nhưng mỗi lúc nói chuyện tới Phan thì ông khảng khái thở than, khôn xiết cảm kích. Tấm lòng nghĩa liệt trời sinh rất là sâu sắc. Non sông đổi chủ, loài cáo loài chó kêu căng, trên đỉnh núi Linh-cảm lại có người dựng bia cho tên chó săn Pháp Nguyễn Thân. Nguyễn Thân là con chó săn đã đàn áp nghĩa đảng Nghệ-Tĩnh. Trần-bạch-Sa có nói: « Ghi công tạc đá Trương hoẵng Phạm, người Hán nào đâu có phải Hồ »⁽¹⁾. Thế đạo bị dày vò, còn gì hơn thế nữa. Lúc vừa lớn lên, hàng ngày ông bụi người đi lại ở vùng núi Linh-cảm sông Phổ-giang, lòng ông căm giận lại thêm ngứa đến trợn mắt đứng tóc lên, không thể ngăn ngứa được.

(1) 銘功勒石張弘範不是胡兒是漢兒
Minh công lặc thạch Trương hoẵng Phạm, bất thị Hồ nhi thị Hán nhi.

Lúc đó các ông Sào Nam, Ngự Hải tổ chức đảng mới, ông liền cho em là Dương Nhân xuất dương, còn ông thì ra Bắc-kỳ gặp tướng quân Hoàng hoa Thám kiểm một miếng đất xây một cái đồn, vừa để mở mang thế lực cho Hoàng lại để thu nạp các người vong mạng ở Trung-kỳ ra, vì thế Bắc-kỳ có cái tên đồn Tú-Nghệ. Các đồng chí Đàm kỳ Sinh và Nguyễn Tuyền đã có vào đồn ông cho nên thường nhắc đến lòng nhiệt thành và chí khắc khổ của ông; lại thở than công việc của ông không thành cho nên Hoàng thêm bị cô thế.

Trước đó ông ở đồn điền Yên-thế, công việc đã có manh mối, thì lên về Nghệ-Tĩnh, định thu góp một khoản tiền lớn để mở mang thêm vây cánh.

Chính lúc đó người Pháp tuyên chiến với Hoàng. Ông lập tức ra Bắc định vào đồn giúp Hoàng đánh giặc. Nhưng đồn đã bị bao vây bốn phía. Hoàng cũng giữ đồn chống giặc, trong ngoài không thông được tin tức với nhau. Ông mạo hiểm tìm đường mà tiến. Giặc thì đông, đường mắc nghẽn, ông bị vây đánh và bị bắt. Lúc giải về Nghệ-an, bọn chó săn theo chỉ thị Pháp dùng nhục hình tra tấn ông, hòng được chứng cứ của đảng. Ông kiên trì không nói gì về việc đảng nên bị đầy Côn-lôn. Bấy giờ là năm Canh-tuất niên hiệu Thành-thái⁽¹⁾. Người em út cũng tổ chức nghĩa đảng đánh quân Pháp, bị đạn mà chết. Than ôi! Hy sinh thân mình để thực hiện chí mình, hy sinh gia đình để cứu nạn nước, anh em ông Ngôn gồm có cả hai điều. Nước mất, nòi giống tiêu diệt có phải cái tội một mình một nhà đâu, mà chịu đau đớn như thế! Ông và gia đình ông thiệt là hùng tráng!

(1) 1910, là niên hiệu Duy-tân — trên bài tựa đã có giải thích.

Liên viếng của Đặng nguyên Cần

PHIÊN ÂN:

Huyền hoàng vị định, như thử thể tu tài, hữu kỳ phấn hĩ
nhĩ cánh quệ, hữu kỳ quệ hĩ nhĩ phục năng phấn dư, ngoạ
ngã ư cùng đảo hoang sơn, thi chúc vạn nhân tề cứu quốc.

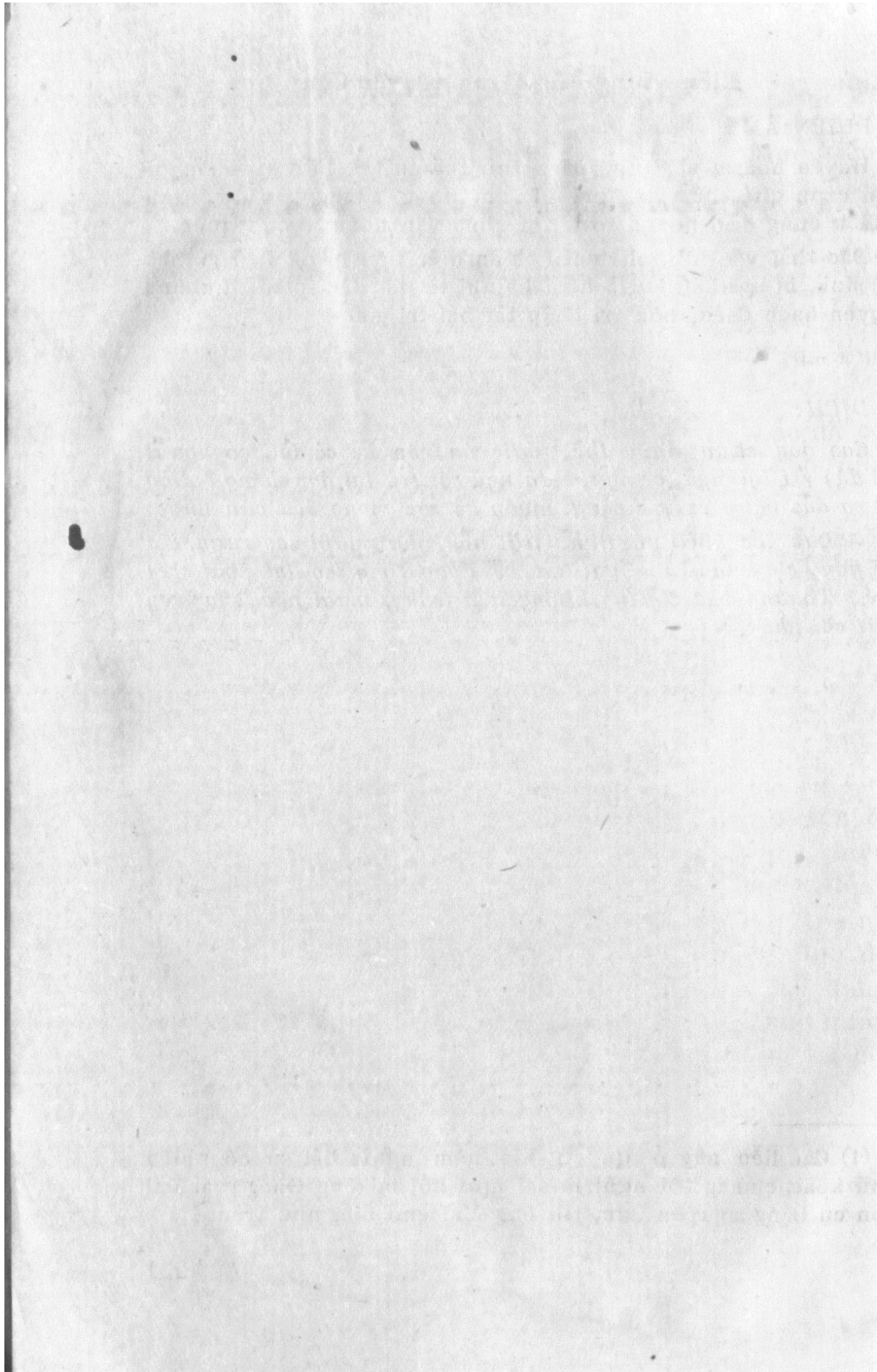
Đào thái vô tình, chỉ nghi thiên diệc tuy, bỉ nghi tử giả hà
dĩ sinh, bỉ nghi sinh giả hựu hà nhĩ tử dã, liên quân dĩ không
quyền bạch diện, hôn tri thập tải bất tri gia.

DỊCH:

Cao dày chưa định thể, đời còn cần kẻ có tài, có người
đã dậy rồi lại ngã, có người đã ngã rồi trở lại dậy chăng? Đây
ta ra đảo vắng rừng hoang, muôn kẻ ước mong đều cứu nước.

— Lừa lọc khéo vô tình, trời hằn như người say rượu, kìa
kẻ đáng chết sao lại sống, kìa kẻ đáng sống sao lại phải chết
thế? Thương bác chỉ tay không mặt trắng, mười năm chạy vạy
biết chi nhà⁽¹⁾.

(1) Câu liên này ở quyển Việt-nam nghĩa liệt sử có nhiều
chữ khác, chúng tôi nghi là sai mới hỏi lại ông Đặng thai Mai
con cụ Đặng nguyên Cần, thì ông Mai cho biết như trên.



LƯƠNG LẬP NHAM

Thân không đầy 7 thước mà lòng mạnh bằng muôn người, tuổi không quá bốn tuần mà tinh thần suốt muôn huở, người như thế ấy há lại không khó lắm ru! Lương lập Nham gần như thế đấy.

Thân sinh của ông là cụ Hiếu liêm⁽¹⁾ phẩm giá tài học nổi tiếng khắp Bắc-kỳ, học sinh Bắc-kỳ vui lòng theo học rất đông nhiều người hiền đạt, đến bọn tay sai của lịch quyền vị to mà cũng kính trọng ông. Nhưng trong trường nô lệ, tuyệt không có bước chân ông bước đến. Con trưởng ông là Đàm, thi hương đậu, cũng không xu hời, không vào hàng ngũ của bọn nô lệ. Lập Nham là con thứ của ông. Từ khi đến tuổi thành đồng thì đã có chí khí không chịu bó buộc. Gặp lúc nước mất, bọn triều nhân vô liêm sỉ bỏn xu chốn nô lệ, ông rất căm tức. Thấy ông rong chơi, bọn tầm thường có kẻ nói xấu ông. Ông không thêm để ý.

Lúc đó cuộc chiến tranh Nhật—Nga bùng nổ, Nhật lại hăng. Ông nghe tin phấn khởi mà nói: «Người Á có hua kém gì người Âu! Những bọn cứ nằm im khiếp sợ, chỉ chuốc lấy nhục mà thôi». Tức thì ông bỏ việc nhà mưu đi xa, cần những học thức mới để làm kẻ tự cường. Được tin Sào Nam qua Đông, ông một mình

(1) Tức là cụ Cử nhân Lương văn Can.

vượt bề vào tháng chín năm Ất-tỵ niên hiệu Thành-thái⁽¹⁾. Đến Hoàn-tân, ông ở với Sư triệu⁽²⁾ vài tháng. Năm sau ông vào Chấn-võ học hiệu Đông-kinh. Lúc đó ông mới 17 tuổi. Nhưng người có khí khái nên các bạn học Trung-hoa đều coi trọng ông. Đến lúc tốt nghiệp, Bộ tham mưu Nhật vì lý do ngoại giao không cho ông vào liên đội. Ông yêu cầu với Tham mưu trưởng Phúc Đảo mà cũng không được. Ông tức giận mà nói rằng «Chí của tôi là muốn học lục quân nay đã không được vào liên đội thì còn luyến tiếc nước này làm gì nữa?» Thế rồi ông bỏ nước Nhật trở về Quảng-đông xin vào trường Lục quân trắc hội⁽³⁾. Hai năm sau, vừa lúc cách mạng Trung-hoa lần thứ nhất nổi lên, nhà trường đóng cửa, ông đi Nam-kinh, bày tỏ ý nguyện của mình với lý trưởng Trần dự Thời, xin vào quân dinh luyện tập chiến thuật kỵ binh.

Không bao lâu, Nam-kinh lại có cuộc cách mạng lần thứ hai. Ông đi Thượng-hải mưu liên kết các đồng chí tổ chức một đội quân đánh Viên thế Khải. Đang còn sắp đặt công việc thì thời cuộc thay đổi, nên lại bỏ dở. Ông lại trở về Việt (Quảng-đông) rồi lên về nước, đưa một nhóm thiếu niên trong đó có Hoàng chấn Đông, độ hơn 10 người đồng thời xuất dương vào quân dinh Lưỡng-Việt (Quảng-đông, Quảng-tây), còn ông thì đi lên Bắc-kinh vào quan quân học hiệu. Chí ông là muốn được về Long-thành uống máu quân thù không thì da ngựa bọc thây cũng đành. Mỗi lúc nằm nghĩ không

(1) 1905

(2) Tên chữ Tăng bạt Hồ.

(3) Là đo và vẽ.

giây phút nào bỏ quên điều đó; vì thế cho nên ông đã tự mình đầu quân để cho những người được ông dìu dắt cũng đều theo ông muốn tập luyện cho thông thạo việc súng đạn. «Bàn công then kể số bắt sống, chém thằng Lâu-lan báo quốc ân» ⁽¹⁾. Cái chí nguyện và việc làm như thế há lại không vĩ đại ru? Tào vật ghét tài, anh hùng không vận, không những chí nguyện và việc làm không đạt mà lại rơi vào lưới giặc, thế thì đáng thương cho Lương biết bao! Mùa đông năm Quý-sửu, ông định lên về nước để làm mấy cuộc vận động. Đi đường qua Hương-cảng thì mật thám Pháp biết và ông bị bắt đem về Hà-nội. Chính phủ Pháp kết án ông 10 năm tù, đày đi tỉnh Thái-nguyên. Đến chỗ đày, hàng ngày ông cùng các bạn tù, nhỏ nước mắt nói chuyện nước mất, nòi giống bị diệt, lời lẽ đau đớn xót xa làm cho mọi người cảm động. Nhân đó mà tạo ra cái quái kịch các tù phá ngục. Ông ra khỏi ngục, lính khố xanh ở tỉnh cũng trở súng hướng ứng với ông, các tỉnh Yên-bái, Thái-nguyên kế nhau nổi dậy. Điện báo đến Hà-nội, toàn thành hoảng sợ. Lúc đó ông tự cho là chí mình tạm thỏa mãn dầu chết cũng vui lòng. Điều thoát lồng mà liếc, cộp sồ chuồng mà găm, việc tuy hiện ra chỉ chốc lát như đám mây, như không thể không gọi là cái kết quả của tráng sĩ! Tiếc rằng ngoài không có viện trợ, trong lại thiếu tiền của, mà toàn quốc dân ta trình độ đều quá thấp, không có ngàn vạn người như ông để làm hậu thuẫn, cho nên khi địch đem sức

(1) 論功耻計生於數直斬樓蘭報國恩

Luận công sỉ kế sinh cầm số, trực trăm Lâu-lan báo quốc ân.

mạnh đàn áp thì một mình ông chống sao được ngàn vạn giặc! Huyết chiến hơn vài tháng, ông bị trúng đạn mà chết. Lúc đó ông mới 28 tuổi. Ông có người em là Lương nghị Khanh cũng lưu học ở Nhật. Học sắp xong thì bị bệnh phổi về nước, rồi bị án đày như cụ Hiếu Liêm, phát vãng sang thành Nam-vang. Lúc đó cụ Hiếu-liêm đã hơn 70 tuổi. Nghị Khanh chết ở chỗ đi đày. Than ôi! Nạn nước chưa xong, thù nhà lại nặng. Lương ở dưới chín tuổi, đau lòng biết là chừng nào!

Mồng sáu tháng giêng năm Mậu-ngọ niên hiệu Thành-thái
in lần thứ nhất.

Hai mươi bốn tháng sáu năm Mậu-ngọ niên hiệu Thành-thái
in lần thứ hai.



Trước giả : ĐẶNG ĐOÀN BẰNG

Tu đính giả : PHAN THỊ HÂN

Nơi ấn loát : Chấn ở xã.

(Thượng-hải pháp giới đại mã lộ Trung thị).

...in the ...
...the ...
...the ...

THE ...
...
...
...
...

...
...
...
...

VIỆT-NAM NGHĨA LIỆT SỬ
(PHẦN CHỮ HÁN)

VIỆT NAM, NGHĨA LỊCH SỬ

AM TỊCH LỊCH

曾公拔虎

吊詩

新膽生涯三十年
神州莽莽窟蛇豕
憶公平生剛且健
弱齡壯志矢桑蓬
國運於今慨式微
奮臂狂呼斬仇虜
出奔耿耿依牆志
事竟違心可柰何
風塵困瘁經幾秋
屈蠅蟄蛇聊有待
去時路已披禾秀
一朝肝膽相與披
憑公鼎力導先河
學界新潮注腦海
船頭無賴秋風夜
淒涼日暮弔孤墳

傷心仇海石難填
柰何獄底埋龍淵
驥才俊逸追風電
投筆願師班定遠
江山猶故主人非
金戈怒指西山揮
單馬迂迴千萬里
秦庭空洒申胥淚
傷足迷陽飽遠遊
春京一夜穩歸舟
邂逅知音天所授
東向扶桑共攜手
一輩重洋來日多
誓挽清流淘濁波
哭君埋志泉臺下
遠鶴哀啼香水左

輓 聯

廿年史許身報國。何以家爲。何家非家。
亦何家是家。家國夢中。苦最苦。國破家
亡仇尚在。

一片心殉義捐生。欲得死所。欲死不死。
未欲死竟死。死生度外。悲奚悲。生雄死
烈志難埋。

附錄陳國維哀公詩並聯

艱關百戰劍光橫
歐亞乾坤雙眼潤
海翻欲把羣流盪
他日香江風雨夜

萬死生中惜此生
北南萍水一身輕
天墜寧辭隻手撐
怒濤猶作不平鳴

壯哉我公。戰壘殘魂。馳驅終不倦。尚留
東數閱月。導遊學先河。不虛憂患半生。
竟隨國殉。

嗟乎吾國。新潮初湧。進步未有窮。況同
志許多人。當復仇後勁。有日中原一捷。
願告公知。

Bài 5

附魚海弔曾公拔虎對聯

君豈其虛生作戲於世耶。提兵三稔。去國
 廿餘年。一泣於英。一泣於清。忽忽焉大泣
 於東。誰令思入秋風。向我神京埋古劍。
 我亦不知死之爲何物也。讀書五州。知交
 數十輩。或戰以舌。或戰以筆。端端的力戰
 以鐵。直使血塗溫帶。爲吾黃族豎紅旗。

NGHĨA DÂN CÁC TỈNH TRUNG KỲ
 CHỐNG SƯU THUẾ

Bài 1

抗租遇害諸義民

弔 詩

慾壑難將膏血填
 拚將性命爭公理
 鐵泣石啼如此日
 回頭南望無窮意

摧凶無計仗空拳
 誓與江山挽利權
 雲昏霧暗奈何天
 民氣新潮已沛然

Bài 2

附錄陳國維弔詩一律用前韻

義骨累累溝壑填
 強奴已了三生劫

傷心迎碑白雙拳
 厲鬼終伸寸舌權

禽忿未平寧有海
憑誰繪出遺黎慘

楚魂欲問柰無天
紅血江山黯黯然

CHU THU ĐỒNG

Bài 1

朱公書同

獄中詩

淚痕旁午獄中書
身不英雄生亦累
強權宇下無天日
撫劍願成千萬臂

慷慨臨風恨有餘
事非宇宙死徒虛
民族叢中儘肉魚
民間魔墮一時初

Bài 2

吊詩三絕

右一

種固非吾矧是仇
祇今沲海濤聲怒

先人排滿我排歐
想像當年罵賊囚

Bài 3

右二

平生豪氣吸三江
今日修公獄中吏

罵賊聲嘶忿未降
驚風怪雨襲寒窗

Bài 4

右三

惜公不及見誅仇
南盛從容公慷慨

氣到泉臺罵未休
英雄笑罵各千秋

TRẦN QUÝ CÁP

Bài 1

陳公季恰

弔詩

摩挲淚眼看東球
國種向榮還自播
雄魂擬把強權倒
南望江山斜照外

風雨年來欲捲歐
舌鋒到死不曾柔
碧血翻因正誼流
傷心七字竟千秋

Bài 2

附陳國維輓詩

鷄豚已謝舊生涯
獨立堂壇憑氣築
胸襟扱可全球小
此去化為潮陣陣

美雨歐風枕畔來
自由世界藉魂開
歌哭驚將萬夢回
南溟日夜浪如雷

LÊ KHIẾT

Bài 1

黎公潔

吊詩

迷途慣慣誤青年
藥石數言空夙病
波濤舌底真成海
畢竟人生都有死

夢裡遽然忽憬然
頭顱一擲補前愆
雲霧晴餘便見天
流芳遺臭看誰賢

Bài 2

附陳國維輓詩

孟浪生涯誤入奴
南天恥共諸仇戴
日月照公翻舊史
可憐一輩鳬蟬客

回頭今始認真吾
沱海期將萬浪驅
江山迎我洗前途
睡夢場中醒也無

NGUYỄN HÀM

Bài 1

阮公誠

吊詩

比肩南北擔乾坤
百敗殘生悲後死
殲仇鬱結廿年志
英氣欲將崑島撼

公去那堪我獨存
千秋大計痛前言
愛國淒涼萬里魂
狂濤怒湧萬峯奔

Bài 2

又一律合吊崑崙死義諸同志

碧天爲宅海爲家
風雨縱橫歸夢怯
殘魂照塚三更月
從此合稱忠烈島

回首滄茫柰爾何
雲烟黯黯哭聲多
壯氣吞山萬頃波
千秋香血染紅霞

Bài 3

附錄陳國維輓聯

崑崙島面積若幾。偏容許多人。奇絕奇。
 造設當初。寧問有期與無期。波中湧起孤
 峯。高高高。留個英雄萬古宅。
 大越國血購得來。所值只一死。怨何怨。
 流離此日。不以歌去以哭去。夢裡驚呼同
 志。戰戰戰。還我山河獨立天。

HÀ THÀNH LIỆT SĨ

Bài 1

河城殉義諸烈士

弔 詩

煮豆燃箕痛若曹
 策勲計乃遲三刻
 風雨聲中魂左袒
 同仇廿萬英雄在

倒戈今日拯吾胞
 殺賊心還快一刀
 硝烟陣上氣前矛
 請看當年膽獨豪

Bài 2

附陳國維弔詩

不為誅仇肯事仇
 寺前血滴鬼神哭
 恨到九泉仍罵賊
 珥河水赤西風黑

枕戈時蓄倒戈謀
 城北魂歸天地愁
 氣餘一劍尚橫秋
 獨立斜陽淚暗流

陳國維讀河城烈士傳題後

誰將鮮血染青編
拔劍手稜橫斫地
盟尋白馬鬼神哭
讀罷蕭蕭風雨起

午夜寒燈一泫然
倒戈心事直回天
劫換紅羊今古憐
驚聞左袒噪聲傳

DINH PHU NHÂN

女烈士丁夫人題壁詩三絕

右 一

血枯淚竭恨難銷
吾黨掃清仇虜日

腸斷香江日夜潮
墳前一紙爲儂燒

右 二

重泉掩淚見徵王
憑藉佛靈如再世

啼血雌鵲祇自傷
願身千臂臂千搶

右 三

淒涼獄室命終時
死國到儂偏有分

海濶沙空哭自知
傷心冠屨幾男兒

女烈士丁夫人

弔 詩

傲岸秋霜柳一枝
 江山仇是終身恥
 韁鎖場無真血性
 同胞一半已如此

人中翹楚女中奇
 風雨魂餘絕命詩
 裙釵隊有好鬚眉
 驚殺虬鬚碧眼兒

輓 聯

嗟嗟許大山河。徵王不作。趙姬安歸。翻
 教歷史數千年。多渠一死。
 咄咄成何世界。沱海漲蓋。屏山凝臭。忍
 看鬚眉幾百輩。與賊俱生。

附陳國維輓詩

身許江山矢靡他
 二徵肝胆寧知漢
 沱海濤聲兼怒湧
 自由花學羅蘭種

桑滄幾換志難磨
 大越基圖別有家
 屏山日影帶秋斜(1)
 遺筆千秋第一花

(1) 夫人死後一年成泰亦被廢

ĐẶNG THÁI THÂN

Bài 1

鄧君蔡坤

弔詩並聯

南望悠悠淚暗垂
寧先飲碑毋寧辱
一死豈惟朋輩惜
簷頭鮮血千秋在

聞君死耗重堪悲
敢自輕生是敢爲
寸心應有帝天知
夜夜青燐逐電飛

Bài 2

嗟我生無補於時，海外寄殘軀，風雨一天空
洒淚。

噫君死已得其所，簷頭留碧血，江山千古
有餘香。

Bài 3

附陳國維輓聯

邦傑沒兮百身終莫贖，好是文明初度，星火
燎原，誓當百鍊千磨，鑄時鑄勢鑄江山，
光前燦後。

國魂在否，一慟竟無聲，哀哉辛苦牧場仰
天吞碑，所望一心同德，有叔有弟有朋友，
雖死猶生。

ĐỖ TUYEN

Bài 1

汙耶杜公選

弔詩

風雨連年惡
討仇心匪石
詩酒愁餘聖
九泉誇故友

乾坤一老遺
憂國賢成絲
山中夢裡痴
薇蕨薄夷齊

Bài 2

附陳國維弔詩

謝跡簪纓自壯年
險夷一任眼前地
詩老數編陶甲子
哀公願作南飛鴈

憂時暫托醉鄉眠
成敗休提事後天
夢殘萬古鄭山川
月夜隨風到瘴邊

NGUYỄN BÁ TUYỀN

Bài 1

阮君伯選

弔詩

憑君家範鑄剛腸
忠孝雙肩懸日月
廿年風雨家何在
悲劇居然稱壯劇

寶劍縱橫幾雪霜
險夷一夢任桑倉
百戰關河未亡堂
真兒心事慰高堂

附陳國維輓詩

囚島歸來魄倍雄
氣凌濁海腥山外
能死不逃生不應
英魂未肯辭龍肚

獨將一臂袒黃公
身委槍林彈雨中
於家爲孝國爲忠
夜夜城西吼怒風

又黃玉龍輓聯

年少憶同遊，間嘗拔劍擊天，誓殲仇虜，
真個畧韜素蘊，大有乃父風，吾夫子席前
言志時，喟然心許。
時危誰爲拯，方欲揮戈挽日，遽失英雄，
獨憐忠孝兩全，留作吾儕鏡，老將軍海外
聞哀日，莞爾顏開。

NGUYỄN CƯỜNG

阮公綱

弔 詩

海天四望意何如
一慟江山魂欲斷

殺賊雄心日月居
百憂身世餘淚空

父兄仇負終慙我
何日一聲泉下笑

子姪才粗枉惜渠
吾家存楚有申胥

Bài 2

附陳國維輓聯

乾坤翻覆以來，間豈無轟轟烈烈好場，誰似君家三櫻虜刃再殉孤城，幾回看寶劍掌中，魂到九原猶殺賊。

身世浮沉至此，日常抱鬱鬱勃勃奇氣，欲揮吾手拔崑崙山，平片蔭海，一聲語姪兒海外，身先同志厲誅仇。

Bài 3

弔阮君功雲一聯

忠孝有真傳，念祖國念同胞，豈忍天涯遺老父。
英雄無印板，亦頑民亦義士，管教史筆屬名家。

NGUYỄN THẾ TRUNG

Bài 1

俠士阮君世忠

弔詩

歐美潮流海倒奔
冲霄劍氣寒仇胆

俠風震盪亞乾坤
動地雷聲醒國魂

安氏名留韓未滅
英雄血脉長無盡

溫生身殉漢方存
且種千秋義俠根

Bài 2

輓

聯

霹靂一聲羣奸胆散

江山千古大俠魂香

Bài 3

附陳國維詩聯

歎息江山久陸沉
三春欲起龍蛇蟄
不夜光隨予掌放
四千年史呈新彩

那堪鬼氣日陰森
一震光寒魍魎心
自由神已汝頭臨
鮮血煌煌照古今

Bài 4

讀四千年歷史，刺客傳俠客傳，乃君為開卷
第一人，固應日月星辰，高懸姓字。
語五千萬同胞，吾民仇吾國仇，矧汝亦亞黃
真貴種，好與江山城郭，洗淨腥羶。

NGUYỄN KHẮC CẦN

Bài 1

俠士阮君克勤

弔詩

英賢襟抱俠肝腸
豈為豹皮名可愛

成事歸人敗獨當
竟甘虎口毒先嘗

信貞金石心難死
奇氣已堪寒賊胆

碧染山河血有香
至今白日貫虹光

Bài 2

附陳國維輓詩三絕

右 一

歎息奇功竟不成
彈丸未擲頭先擲

悲歌聲咽短長亭
何日重泉笑一聲

右 二

奇功豈必自身成
一片誅仇心事在

同志猶存死亦生
將軍頭借與荊卿

右 三

脫却儒衣謝故山
片心已與長虹白

輕衫短袖出南關
不殺仇奴誓不還

Bài 3

讀二俠傳(阮世忠阮克勤)題後

醉迷場裏震雷驚
同志忍看君獨死
血鮮好洗山河濁
二傳讀完橫劍起

兩付頭顱一擲轟
此身羞與賊俱生
心赤長懸日月明
國魂已共俠魂醒

Bài 4

附陳國維詩

那堪一死一生存
豈爲勲名垂竹帛

兩俠相期種俠根
要將心血洗乾坤

警鐘已落寒人膽
二傳讀時聲帶淚

寶劍長鳴武士魂
驚風怒雨日黃昏

HOÀNG VĂN XA

Bài 1

黃烈士文車

弔詩

槍劍生涯十幾年
英雄用武苦無地
二德臺南蒸怒瘴
一呼倘遂平生志

誅仇心事老彌堅
國賊跳梁羞共天
三清洞裏咽忠泉
千古寧知餓死賢

Bài 2

附陳國維弔詩

九峯環抱七泉流
掌上刀光近閃電
哭歌身世聊燕市
身在餓鄉心在國

奇骨崢嶸到白頭
腰間寶劍鬱橫秋
俯仰乾坤剩楚囚
遺玉齋血到今留

Bài 3

又黃玉龍弔詩

十載相知老眼青
劍弓仍抱平生願

途分南北各零星
鉗鎖都忘苦肉刑

濁酒三杯曾血誓
國仇猶在空慙我

遺書一縷尚心銘
回首江山淚涕零

Bài 1

NGUYỄN THÀNH HIẾN

阮公誠憲

弔詩

芹海崑山事已非
傳家自信書能用
時勢悲同龍水失
傷心不忍讀遺句

單戈猶欲挽斜暉
報國寧知願竟違
夢魂怯逐鴈南飛
風雨樽前燈影微

Bài 2

附陳國維弔詩

石心不共富山頽
縱死定傳流血史
國魂連夜招天問
芹海潮聲爲誰咽

瘦骨稜稜健骨崖
此生須上斷頭臺
才俊何年捲土來
斜陽倚岸有餘哀

Bài 1

TRẦN PHÚC ĐỊNH

陳公福定

弔詩

芹海狂濤夜夜鳴
興亡未了匹夫債

江山流涕淚縱橫
艱險寧辭萬里征

擬把丹心回日照
真兒應解重泉意

敢將赤手向天擎
君國深於骨肉情

Bài 2

附陳國維吊詩

珠玉憐君委劫灰
憂天淚向三更落
道塋幾人悲正士
江山獨抱澄清志

平生壯志挾風雷
殉國身從萬里來
時危連歲失英才
坐我雲間望九垓

LÊ VĂN TẬP — NGUYỄN VĂN KHUYẾN

Bài 1

烈士黎君文集阮君文勸合傳

輓詞輓黎君文集

龍城朝朝慘雲布
極目腥臊無人除
憶昔五十萬吳兵
長驅疾捲數十省
藍山峒裏出神聖
掃蕩吳兵還故都
功德垂今五百年
一朝低頭事異種
我生幸旣越人稱

珥河夜夜濤聲怒
血戰山河痛黎祖
雷轟電馳趨越京
廣南以北無頑城
大呼一聲萬響應
越國越民普天慶
神苗聖裔綿綿傳
辱我山河羞我先
况復黎皇之雲仍

腰間寶刀寒如冰
 生不吮仇血
 精靈上下祖之旁
 我志已決奮戈前
 仰天大笑出國門
 到處山河染我淚
 我魂夜夜逐明月
 新潮澎湃誰爲迎
 蒼天墜久無人擎
 英雄苦無用武地
 吁嗟乎中原
 獨何面目

誓斟仇血奠高曾
 死必奪仇魄
 化爲四天雷赫赫
 區區微生復何惜
 齋風挾雨千里奔
 赤雲紅日棲我魂
 臨我城樓照京闕
 舊象淒涼不忍說
 力不如心空涕零
 一片淨土完吾生
 仇虜未殄滅
 江東重來見父兄

Bài 2

附錄黃玉龍弔黎君文集詩

萬里間關共策鞭
 鴻罹魚網初開夏
 雲樹感深如此日
 龍刀願斬仇人馘

誓偕北去又南旋
 鳳別雞棲近匝年
 江山情重柰何天
 血酒三杯奠墓前

Bài 3

又一律輓阮君文勸

身亦江山重
 縉紳慙腐老

心寧木石癡
 奴隸薄屠兒

國責匹夫有
義闢天下共
缺憾勞君補
誓仇戈當枕
氣與強權戰
他時弔奇烈

廈傾羣木支
利豈一身私
精肝許衆披
飲恨血和卮
魂終我黨隨
鴨水咽餘悲

ĐỒ CỜ QUANG

Bài 1

杜君基光

弔詩

君去於今六載餘
南馳北驟心終苦
慘月照殘街市塚
思君竟憶黃花句

江山慟哭爲誰渠
乾轉坤旋夢總虛
愁雲載滿越填車
慷慨當年染血書

Bài 2

弔同日殉義五十八君

淒切啼冤夾路蟲
行人淚落無頭鬼
泉下魂應貽寶劍
千秋國史登君輩

一城烈血碧痕封
強虜心寒有螫蜂
墓前氣欲吐長虹
神胃何曾愧貉龍

Bài 3

杜君基光弔黃花崗二篇

其一

黃花崗黃花崗
 無競神州惟鐵血
 舞臺青史快真快
 自由鐘撞

萬古黃花不可忘
 最靈俠氣定金湯
 新國人心強莫強
 獨立旗張

Bài 4

其二

黃花崗黃花崗
 中國黃花七十二
 我國黃花三十年
 種族競爭天演劇
 我越南亡不亡

旁人對此重淒涼
 同胞新繡像
 浩劫入紅羊
 英雄鐵血鎮桑滄
 黃花何愧此花香

Bài 5

又摘錄鼎南公南枚集內一篇

讀真鐵黃花崗詩感賦

長虹貫天妖霧起
 黃花崗頭白日曛
 萬方厭胡如厭羸
 羣戈從此殪奔鹿
 民國功勳輝簡冊

七十二人同日死
 蜀魄啼愁血痕紫
 壯夫赴義忘死生
 孰非一擊揚先聲
 偏我無成猶作客

冥冥雲極南
 夷梟聚臺東
 壯士上三頭
 虜強年世斷
 昏塵地三安
 勞馳萬聲戰
 沒竟里人聲
 恥仇萬使亡
 山河百盟坐
 貞忠戰當共
 水隔旬舉終
 萬羊越人萬

魄奇亦悲虎莽蒿曹爾史絃崢嶸
 與計天天敵委林蓬吾尚新八
 魂就天勇山長歸今壯聞俱
 忠弗灑之如山國罪人雲香氣
 無雖血夫如故此遜風流穀
 豈事碧百白骨傷吁才海俠千

NGUYỄN ĐỨC CÔNG — NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG

Bài 1

阮君德功阮君式唐合傳

弔阮君德功詩

漢厚套日翻急起
 獨俗難養雲袂
 鍾出多姑風奮
 凌華標家鴻陸然
 柱英丰國冥亞翻

濤豪騷拋遙潮郊
 稱入風閑道流邦
 卓賦等漫動辭
 魄利酒洋險
 魚山氣詞名詩出冒

東遊還北去
朝朝常學劍
心上藏經緯
馳驅許祖國
披星渡溪谷
鐵石素所貞
八載互魚水
每談仇恥事
境外提勁旅
手珍彼醜虜
蒼天何無知
偶此墜魚網
從容就若義
碧血草木染
嗟我諸同志
早早深仇報

磨折經幾遭
夜夜又焚膏
胸中抱畧韜
梯航忘苦勞
撥瘴穿林巢
風雨難爲搖
兩情俱漆膠
誓共揮寒刀
南天馳羽旄
力救吾同胞
濁泥困龍蛟
一死拚鴻毛
慘痛貽吾曹
烈芬山河高
快來策戰袍
無負我知交

Bai 2

輓 聯

自携手離東，忽七年間，風雨重洋，闔山萬里。每於艱險地，膽爲酒薪爲牀，時對心言。主斯世當雄之飛母雌之伏。
暨分襟而西，已一載半，雁音竟杳，鴻爪空

留，恍於夢寐中，聲如雷目如炬，來告予曰。
真男子寧玉而碎毋瓦而全。

Bài 3

附陳國維弔詩

斯人竟與國俱亡
徒負雄心驅萬里
龍城鮮碧流今古
快劍願將酬死友

虜喜翻教我輩傷
空餘奇氣薄三光
鴻嶺啼鵑咽海桑
酒和仇血奠梅庄

Bài 4

又鼎南公聞阮君德功死國以詩弔

天未淒風一鴈過
峻嶒氣骨如今少
一死光明同日月
他年信史修遺傳

驚聞寶劍已沉波
失敗英雄自古多
半生悲憤爲山河
奇士名高越石戈

Bài 5

附巢南公弔阮君式唐詩古風一篇

魚島之西鴻嶺南
銅筋鐵骨特立器
俠腰常佩少年刀
遊學風潮陡然起

靈秀鍾爲瑰奇男
氣魄昂然真不凡
孤張驚看刃出鞘
鳴鞭直指扶桑遙

馳驅許國豈知倦
 輜畧書曾夜夜攻
 七尺顧盼時自喜
 生須掃盡拳鬚兒
 全歐戰雲天地昏
 欲把旗義向南指
 仰天奮臂揮金戈
 斷頭臺上看君去
 惜君最是腰間劍
 惜君最是肩上槍
 悲君重爲江山悲
 痛君重爲吾儕痛
 吁嗟乎君魂倒
 山有時龍城搗
 我軍有時

北陸南洲走欲遍
 劍槍街又朝朝戰
 單刀匹馬快吾志
 不然死向沙場死
 乘時急向暹城奔
 殄滅仇虜蘇國魂
 時不我與天柰何
 十年懷抱空咨嗟
 未試仇頭鋒遽斂
 碑肉未許仇人嘗
 血戰關河失健兒
 風雨鷄鳴與誰共
 君心未死君長存
 海有時翻滿樽
 仇血爲君斟

Bai 6

又附陳國維弔詩

辜負平生蓋世雄
 一肩書劍埋城外
 已矣健兒稱有俠
 國魂渺渺兵魂寂

南天回首泣秋風
 幾輩孤張落掌中
 徒然吾輩嘆無戎
 射斗光餘萬丈紅

又巢南公聞杜君基光阮君德
功阮君式唐死國哀信同時至
得詩一律

碧天莽莽海茫茫
頭恨不先朋輩斷
江山剩我支殘劫
午夜燈前招影問

一紙書來萬淚行
心難併與國家亡
風雨隨君涉遠洋
百身何計贖三良

TRẦN VĂN BÌNH

陳君文秉

歌以弔

鴻嶺之西浦江之東
蠶絲如寸心
俯仰萬物隨所遇
歐人自謂巧
歐人何足奇
君才如此俊
屠龍技誠絕
知君即有人
哀哉君才竟弗用

有人挺出塵埃中
蛇珠似雙瞳
陶甄掌底呈天工
我遇歐人便壓倒
閉門神運有餘師
君數何乃奇
十年無人知
力薄才難施
四顧滄茫爲君慟

嶺樹年年滿地青
斯人一去嶺江空

江濤日日兼天湧
海月開雲寒舊夢

TRẦN ĐÔNG PHONG

陳 君 東 風

弔 詩

此身何以補涓埃
容易千金揮擲去
平生俠氣天終白
憑弔東峯山樹外

顧念家庭百感催
最難一死烈轟來
獨立雄心地忍埋
曇花雲影共徘徊

PHAN LẠI LƯƠNG

Bài 1

潘 君 賚 良

弔 詩

桑蓬誓了少年心
仇虜縱橫天暗暗
青山埋骨還乾土
夢裏尚疑君未死

風雨波濤柰至今
病魔顛倒夜陰陰
碧海沉精枉寶金
寒鴻帶月送佳音

Bài 2

附 陳 國 維 輓 聯

浮生何足悲，可憐國難家仇，壯志半生流水逝。
同黨依然在，會看乾旋坤轉，英魂萬里烈風來。

NGUYỄN QUỲNH LÂM

阮 君 瓊 林

輓 聯

噫天遽喪予耶，磊磊一生心，方將吞四海吸
三江，捲萬千怒浪愁濤，惟吾驅策。

使人儘如君者，茫茫全亞陸，奚至朝歐雲暮
美雨，把四百神州赤縣，任汝縱橫。

VÔ QUÁN

Bài 1

武 君 慣

輓 聯

一腔熱血竟付東流，成敗局人柰天何，千秋
洒淚珠江水。

十歲雄圖欲吞西海，感慨場今猶昨也，萬里
魂馳故國山。

Bài 2

附巢南子五言一絕聞武兄投
江感成

秦帝魯連懸	楚濁屈平憤
香骨投清流	江海無時盡

TRINH KHẮC CÔNG

鄭 君 克 功

輓 聯

會看戰馬南旋。殄仇虜慰壯心。寄語英靈。
有作九原應默護。
愁見征鴻北上，弔中原談舊事，幾經艱苦。無
情二豎忍相欺。

CAO TRÚC HẢI

高 君 竹 海

吊 詩

滿目瘡痍痛國民	不辭萬里瘁征輪
西醫淵邃曾窺奧	東海潮流欲問津
冶亞陶歐方著手	驚風怪雨忽傷神
刀圭誰爲蘇民瘼	南望滄茫淚洒頻

PHẠM CHẤN YÊM

范 君 振 淹

吊 詩

憐君淚洒海江秋	心事如君亦寡儔
已謝梟羣終學鳳	羞稱鷄口矧隨牛

病魔忍與青年戰
定有雄魂消不得

壯志空餘黃土留
啼鵲殘血滿南洲

LÊ CẦU TINH

黎 君 求 精

輓 聯

見君之去不見君之還，他年奏凱聲中，鴻嶺
魚峯。草木爲君齊墜淚。

與我同來寧與我同死，幾度飲愁杯裏。盤城
島國。風塵剩我最傷心。

NGUYỄN QUỐC THỤY — NGUYỄN DỤC TRÍ

阮國瑞阮育智二君合錄

輓 聯

心不能爲之哀。一夢太淒涼。六十年來，故
國江山甘我棄。

天竟何從而問。同胞都義烈。三千里外。他
邦瘴癘忍予仇。

ĐINH DOÃN TẾ

Bài 1

丁 君 允 濟

弔

詩

叱雨驅風壯此行

闔山千里強南征

馬纔立轡嗟何日
病到沉疴存熱血
九龍江上潮聲急

劍忽離韜慨半程，
人於生死見交情
一望迷離總不平

Bài 2

輓 聯

不能死又不能生，展轉病中魂。國難家仇，痛
史到君無底痛。

與俱出誰與俱入，蕭條亡後劫，天涯海角，
悲場任我自由悲。

PHẠM TỰ TỀ

范 君 思 齊

輓 聯

造少年國。先造少年人，填海補天，蓋世奇功
希汝翼。

與同志出，不與同志入，悲風慘雨，滿城芳草
爲誰蔓。

LÝ TỬ YÊN

李 君 子 安

輓 聯

旅況何足悲。請看水真腊舊與地圖，破碎山
河，幾百年來無淨土。

國性能不改，會修大越南新人物志，崢嶸姓
字，八千里外慰英魂。

ĐỖ HUY NAM

杜 君 輝 南

輓 聯

問汝漢姦，即今奴隸舞臺，閉幕後究竟何如，
夢裏昏昏偏怪汝。

哀君義種，從古英雄歷史，發軔初大都自此，
傭中佼佼最憐君。

DƯƠNG VĂN QUANH

楊 君 文 觥

弔 詩

關	山	纔	別	汝	風	雨	忍	拋	余
慘	淡	生	前	史	淒	涼	病	後	書
十	年	孤	寶	劍	萬	里	枉	征	車
憑	弔	明	江	月	乾	坤	恨	有	餘

NGUYỄN DUY CỬU

阮 君 惟 鳩

弔 詩

洒	淚	傷	如	我	傷	心	更	到	君
重	來	方	礪	刃	一	病	竟	離	羣

慘逐回營月
西風斜照外

愁生度嶺雲
忍使叔翁聞

PHẠM ĐƯƠNG NHÂN

范 君 當 仁

吊 詩

願翻南海洗腥風
竟向九原藏武庫
平生殉國心難白
極目神京餘萬里

一去寧知抱憾終
空憐萬敵負英雄
垂死憂天血尚紅
魂來魂返樹雲中

ĐẶNG HỮU QUÝ

Bài 1

巢南潘公聞范君當仁鄧君有達
凶耗有詩云

此生千苦萬辛餘
君豈忍拋吾輩去
斫天空擲樽前劍
此恨滄茫何處訴

一病×城竟喪予
我真欲伴鬼雄居
入地終埋腹裏書
楚魂日夜吊三閭

鄧 君 有 達

弔

詩

辭家先後出陽關
正爲屠龍磨白刃
一天風雨各辛苦
異日龍城把杯哭

往事回頭淚暗潸
豈期抱虎卧青山
兩地心腸俱赤丹
同遊今我一人還

ĐIỀU BA ÔNG VÀ ĐỒNG CHÍ CŨ

何子敬阮宗維黎清鄉三君並故
同志

弔

詩

千重雲樹萬重山
月暗燈微人影淡
夢中赤子啼聲苦
朋輩零星仇未報

四顧滄茫淚暗彈
風淒雨切劍光寒
局裏神州戰血殷
海天俯仰斷愁難

LÊ KHÁNH

黎君磐黨人稱之曰孝孫

哀孝孫詩三絕

其

一

四海萬濤湧
思君獨不見

千山一鴈征
南望哭吞聲

Bài 2

其
 吾黨前鋒失
 燈前風雨夜

二
 中原碧血餘
 不忍讀遺書

Bài 3

其
 天堂君已矣
 魂夢同歌哭

三
 海國我淒然
 徘徊星月邊

HOÀNG VĂN KÝ

黃君文紀

吊
 雨憾雲悲萬里昏
 寒風易水荆軻去
 北斗望時揮怨淚
 越南何日重恢復

詩
 書來一字淚千痕
 孤塚燕京杜宇存
 朔風吹到想忠魂
 應為招君喚九原

HỒ BÁ KIẾN

胡君伯捷

鼎岳輓聯

方將聯一氣為地球，無所謂合，並無所謂離，
 管教地下人間，總依然燈前劍影，枕畔雞聲，
 得意也都忘爾我。

且欲導衆生於天國，有爲之因必有爲之果，
憑伏天靈佛力，會須看塵裏歐雲，毫端美雨，
牧場那復計東西。

PHẠM NGÔN

鄧 元 謹

(由鄧台梅頂正)

玄黃未定，如此世須才，有其奮矣而更蹶，有
其蹶矣而復能奮歟，卧我於窮島荒山，尸祝
萬人齊救國。

淘汰無情，祇疑天亦醉，彼宜死者何以生，彼
宜生者又何而死也，憐君以空拳白面，奔馳
十載不知家。

L



Việt Nam Nghĩa Liệt Sử in 2550c.
Phần chữ Việt in tại nhà in Điển Bộ,
phần chữ Hán in tại nhà in Chisang
Số xuất bản 72 gửi lưu chiều tháng
6 năm 1959.

Bìa của họa sĩ Việt châu.